

# Mục Lục

## PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO • SỐ 7 - THÁNG 12 NĂM 2006

THƯ NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG | 2 – *Vĩnh Hảo* • NGƯỜI TẠI GIA TU PHẬT | 4 – *HT Thích Thiện Siêu* • ĐỘNG-TĨNH, CHÂN TU, ĐẠO VỐN KHÔNG LỜI, PHẬT TÁNH | 10 – thơ *Diệu Trân* • ỨNG DỤNG BÁT CHÁNH ĐẠO TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN ĐẠI | 11 – *Thích Trí Lộc* • KHÚC QUAN CHÂU II | 21 – thơ *Lâm Bích Nhý* • THIỀN HỌC TRONG NGHỆ THUẬT VÀ KIẾN TRÚC | 22 – *Thích Thái Không* • THIỀN NGÀ, CHÀNG TRUNG NIÊN | 24 – thơ *Đặng Thị Quế Phương* • NHẬN DIỆN TUỔI TRẺ VIỆT NAM | 25 – *Trần Kiên Đoàn* • HOÁT NHIÊN | 28 – thơ *Diệu Linh* • SỨ MỆNH CHUYỂN HÓA CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI CỦA ĐẠO PHẬT QUA NGƯỜI CƯ SĨ | 29 – *Huỳnh Kim Quang* • CŨNG ĐÀNH, NGỰ VỀ, GIÓ BAY TRÊN CẦU | 33 – thơ *Ngô Văn Quy* • NHÂN VẬT VÀ NGHỆ THUẬT TRONG CUNG OÁN NGÂM KHÚC | 34 – *Hạnh Cơ* • CẢM TRĂNG, LÀ AI? | 42 – thơ *Vành Khuyên* • THIỀN ĐỊNH PHẬT GIÁO VÀ KHOA HỌC HIỆN ĐẠI | 43 – *Trần Như Mai* dịch • TỬ TÂM, BIỆT KHÚC, ĐOẢN KHÚC, TẠ TỬ KHÚC | 47 – thơ *Phan Thị Ngôn Ngữ* • VÌ SAO PHẬT GIÁO SUY TÀN TẠI ẤN ĐỘ (KỶ II) | 48 – *Trần Đức Phi Bằng* dịch • HÀNH GIẢ, LẬT NGHIÊNG LUÂN HỒI, TỊCH NHIÊN | 54 – thơ *Phù Du* • SẦU VƯƠNG MỐ TÓC | 55 – truyện ngắn, *HT Thích Quảng Độ* dịch • GIỮA MUÔN TRÙNG NGÀN ĐỜI LÀ KHÔNG, GIẤC MỘNG ĐỜI, HÃY DỪNG BƯỚC CHÂN | 61 – thơ *Nghiêm Xuân Cường* • MỘT THUỞ GIÀ-LAM | 62 – đoạn văn *Toại Khanh* • VIỄN HÀNH | 65 – thơ *Vĩnh Hảo* • DANDELION | 66 – truyện ngắn *Hàn Tâm* • TRỞ VỀ, MÂY | 67 – thơ *Nguyễn Thị Thanh Bình* • NIỀM TIN | 68 – truyện ngắn *Vũ Đình Kh.* • CÒN NGUYÊN, NẮNG | 72 – thơ *Võ Quỳnh Uyển* • THÀ NHƯ LÀ MÂY | 73 – truyện ngắn *Diệu Nga* • TỬ TRONG! | 79 – thơ *Lê Đình Cát* • ĐÊM SÂU TUỆ SỸ | 80 – *Hoàng Quốc Bảo* • HY VỌNG | 83 – thơ *Mạc Phương Đình* • TRỞ LẠI BÊN THUY DƯƠNG | 84 – truyện dài *Hồ Trường An* • TIN TỨC PHẬT GIÁO | 92 • CÁC THÔNG BÁO... | 97



PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG • P.O. BOX 374, MIDWAY CITY, CA 92655 – USA

# PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

TẠP CHÍ VĂN HỌC PHẬT GIÁO  
PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

---

Chủ nhiệm / Chủ bút:  
VĨNH HẢO

Thư ký:  
QUẢNG PHÁP

Trị sự:  
NGUYỄN THANH HUY

Kỹ thuật:  
HOA ĐÀM GROUP

Địa chỉ liên lạc:  
P.O. Box 374  
Midway City, CA 92655 – USA  
Tel: (714) 623-4285  
(714) 878-9723  
E-mail:  
[vinhhao@vinhhao.net](mailto:vinhhao@vinhhao.net)  
[phuongtroicaorong@vinhhao.net](mailto:phuongtroicaorong@vinhhao.net)  
[www.vinhhao.net](http://www.vinhhao.net)

*Bài đăng trên Phương Trời Cao Rộng do văn thi hữu gửi đến bằng e-mail, đĩa (CD), hoặc viết tay trên một mặt giấy. Bài không đăng không gửi lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc nếu cần. Bài có nhuận bút xin ghi rõ “yêu cầu nhuận bút.”*

Phương Trời Cao Rộng là nơi tập đại thành những bài viết của Tăng Ni và văn thi sĩ Phật giáo khắp nơi, nhiều khuynh hướng, nhiều giáo hội, tông phái, do đó không nhất thiết phản ảnh quan điểm và chủ trương của tạp chí.

# THƯ SỐ 7 CỦA NGƯỜI CHỦ TRƯỞNG

---

## TÌM, NHÌN VÀ THẤY

Sáng nay trời lành lạnh. Mưa thu phơ phất bay. Chung trà, nóng. Hương trà, thơm. Một mình thanh thản, ngồi nhìn băng quơ ra cửa sổ. Có những lúc thật bận rộn, đến nỗi chỉ thấy công việc, không thấy mình. Cũng có những lúc thật vô vi nhàn rỗi, chỉ thấy mình với dòng suy tư lặng lẽ lững lờ, chẳng thấy công việc.

Còn mèo trên nóc nhà xe cũng đã phốc xuống tìm chỗ trú ẩn từ lâu, dưới mái hiên, bên những chậu lan đất. Có tiếng người vừa đi vừa nói chuyện, bước chân nhanh vội. Mưa vẫn lất phất bay. Mưa, cho phép nhàn rỗi mà cũng khiến cho vội vàng, thúc bách hơn.

Có gì phải vội vàng chứ, mà sao cứ vội vàng! Người trần vội vàng hoàn tất công việc để còn làm việc khác. Càng hoàn tất nhiều việc, càng thành công, có thể ổn định, hạnh phúc. Nhà đạo vội vàng thoát ly sinh tử bằng cách tu tập, thiền định. Càng vượt qua nhiều giai đoạn, càng gần với Phật quả. Có điều gì mâu thuẫn trong sự vội vàng tu tập với sự thúc bách của vô thường. Chính vì cuộc thế vô thường mà không thể sống lây lất qua ngày đoạn tháng. Phải nỗ lực, tinh tấn, không được chểnh mảng, bởi vì một khi quý dữ vô thường kéo đến, sẽ không kịp hoàn tất lộ trình giải thoát giác ngộ, sẽ không có cơ hội để tấn thủ đạo nghiệp. Nhưng làm thế nào mà sự nôn nả, háo hức, phấn khởi, vội vã có thể tìm thấy cho mình một cái gì vô hạn?

Tìm, có thể được thấy. Nhưng cái kết quả ‘thấy’ của sự tìm kiếm luôn luôn là một cái gì hữu hạn đã thấy, đã biết, đã nghe, đã ngửi, đã nếm, đã nhìn... trong quá khứ.

Cái vô hạn thì không thể tìm. Vì nó hiện hữu ở khắp nơi. Nhìn ở đâu cũng thấy nó thì không cần phải tìm, không phải nhọc công đi tìm.

Lý luận như thế không sai, nhưng nguy hiểm. Bởi vì, ở đời sống này, con người luôn có khuynh hướng tìm một cái gì cụ thể, có thể thấy được, nắm bắt được. Người ta thà đi tìm cái hữu hạn, có đó rồi mất đó, còn hơn không tìm gì cả, mà rồi cũng chẳng thấy đâu là cái vô hạn. Mà vô hạn để làm gì! Nói theo tâm lý thế tục thì, chẳng xài được chi trong cuộc sống hữu hạn vô thường! Con người thích được vài ba cái hữu hạn hơn là một cái vô biên vô lượng. Thứ gì mà tính được, đếm được, sẽ cho cảm giác hạnh phúc mạnh hơn, phấn khích hơn, chẳng hạn như đếm tiền đếm bạc. Còn cái vô hạn đó hả? Nếu ai cũng sẵn có, không bao giờ mất, thì cứ để yên đó đi, cần chi phải lôi ra mà lý luận, bàn bạc!

Thật là thâm sâu đến tội nghiệp.

Thế nên, từ việc đạo bắc qua việc đời, có khi chẳng ăn nhập. Không ăn nhập ở đây, chẳng phải đạo-đời không liên quan, mà chính là nhà đạo ly khai cuộc đời, và người đời không thêm nhập đạo.

Lại là một cái thâm sâu tội nghiệp khác.

Vậy thì, nói như Trịnh Công Sơn, “*sống trên đời này, cần phải có một tấm lòng.*” Một tấm lòng, chưa đủ. Phải tìm, phải thấy cái đã, thì mọi việc mới có thể được bắt đầu. Ở đời này, người ta phải bắt đầu bằng cuộc tìm và thấy.

Tìm gì, thấy gì hỏi những người bốn ba, chộn rộn trong giòng chảy xiết của cuộc tồn sinh huyền hóa?

Chẳng lẽ lại không thấy gì trong cuộc đời?

Chẳng lẽ chỉ thấy đời trong đời?

Chẳng lẽ lại không thấy gì trong đạo?

Chẳng lẽ chỉ thấy đạo trong đạo?

Chứ không phải rằng pháp Phật không là pháp thế gian?

Chứ không phải rằng mưa bay lất phất hôm nay cũng là pháp Phật?

Chứ không phải rằng lá thu rơi cũng thuyết giảng về vô thường hoại diệt?

Chứ không phải rằng một chung trà nóng cũng là pháp Phật, một bãi phân trâu cũng là pháp Phật?

Chứ không phải rằng những phóng ảnh của tình yêu, con người, từ bi và thù hận, bao dung và cố chấp, xả lợi và tham lam... đều không ngoài pháp Phật?

Đọc một đoạn văn, một bài thơ, để tìm gì, để thấy gì? Nếu tìm cái đã từng thấy, thì có cần phải tìm chăng? Nếu tìm cái chưa bao giờ thấy, làm sao biết được khi nào nó xuất hiện để nhận ra nó!

Như thế, người làm văn học và người thưởng thức văn học Phật giáo trước hết phải trang bị cho mình sự thấy, rồi từ đó, nhìn và quan sát tất cả. Không thể đi theo

cái vết muôn thuở của cuộc đời là ‘*phải đi tìm để thấy.*’

Ngược lại, phải thấy tất cả các pháp thế gian đều là pháp Phật. Từ cái thấy này, nhìn ở đâu cũng thấy đạo, nhìn ở đâu cũng thấy Phật. Không thấy pháp Phật trong pháp thế gian, không thấy thế gian trong pháp Phật, thì cần phải xét lại thái độ và sở tri Phật-học của mình.

Cánh cửa của văn học, báo chí Phật giáo cần phải khai thông, không thể ‘bê quan tòa cứng’ mãi được.

Đọc văn thơ Phật giáo mà cứ đòi hỏi lúc nào cũng phải trang nghiêm, đạo mạo, cân xứng, chuông bên phải, mõ bên trái, bát nhang ở giữa, chân đèn hai bên, đồng-bình tây-quả... thì thôi, tốt nhất lật Tam Tạng kinh điển ra đọc, cần gì phải đọc văn thơ!

Hãy đọc một đoạn trong kinh Hoa Nghiêm.

“*Ngày kia, Bồ tát Văn Thù bảo Thiện Tài đi hái thuốc, dặn:*

“*Cái gì không phải là thuốc, hái đem về đây.*”

*Thiện Tài tìm khắp không được, bèn trở về bạch:*

“*Không gì chẳng phải là thuốc cả.*”

*Văn Thù bảo:*

“*Cái gì là thuốc, hái đem về đây.*”

*Thiện Tài hái đem về dâng lên Văn Thù. Văn Thù cầm mở thuốc nói với đại chúng:*

“*Thuốc này cũng có thể giết người, cũng có thể cứu sống người.*”

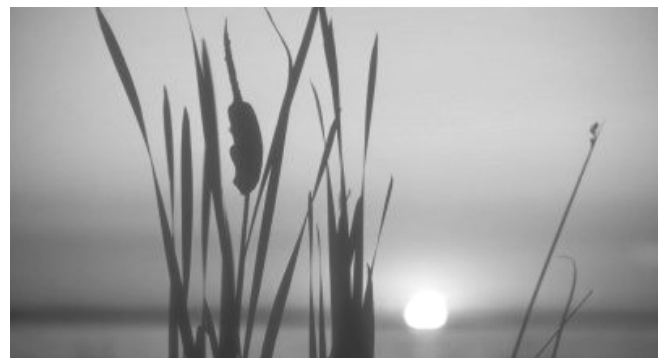
Dĩ nhiên cái gì cũng có điều thuận và nghịch, lợi và hại của nó. Giống như thuốc, có thể chữa bệnh, có thể gây bệnh. Nhưng không thể vì vậy mà không hái thuốc, nấu thuốc.

Nhìn đâu cũng thấy thuốc, là nền tảng của y học. Dùng thuốc một cách khéo léo và thích ứng, là dụng hạnh và tài năng của y sĩ.

Mưa bên ngoài đã tạnh và nắng đã lên cao. Có thể ngồi bên cửa sổ mà thấy cả bầu trời xanh ngắt của một ngày thu đẹp.

Midway City, ngày 01 tháng 12 năm 2006

**Vĩnh Hảo**



# NGƯỜI TẠI GIA TU PHẬT

*Ht. Thích Thiện Siêu*

Tu có nghĩa là sửa. Tu rất khó, khó nhất là tu tại gia, cho nên có câu: Thứ nhất tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa. Ở chùa có nhiều thiện duyên nên tương đối dễ tu; ở chợ lại khó tu hơn một chút vì phải giữ lòng ngay thẳng, không gian manh lường cân tráo đấu; ở nhà lại khó hơn nữa vì bạn ác rủ rê làm ta dễ bị sa đọa.

## **Quy y Tam Bảo**

Muốn tu tại gia trước tiên ta phải quy y "Tam Bảo", và khi ta quy y Tam Bảo thì vấn đề lễ bái đối với ta rất quan trọng. Điều thứ nhất trong hạnh nguyện của Phổ Hiền Bồ tát là: "Nhất giả, lễ kính chư Phật".

Có một lần ở thành Vương xá, đức Thế Tôn thấy con gia chủ là Thi-Ca-la-việt (Thiện Sanh) sáng nào cũng hướng 6 phương để đánh lễ trong lúc đầu tóc áo quần đang còn ướt sũng. Đức Thế Tôn hỏi Thi-Ca-la-việt lễ lạy như thế để làm gì? Thì y thưa rằng lễ lạy như vậy là chỉ để làm theo lời cha dặn trước lúc lâm chung.

Chúng ta đôi khi cũng lễ lạy như vậy, lễ lạy theo thói quen khi bước chân vào chùa, lễ lạy khi nghe tiếng chuông, nhưng chúng ta cũng không ý thức lễ lạy để làm gì, và vì sao phải phải lễ lạy? Hoặc giả chúng ta lễ lạy để cầu xin mua may bán đắt, cầu xin cho con cái thi đậu, cầu xin sức khỏe khi có người thân lâm bệnh. Chúng ta thường chỉ biết lễ lạy với tâm nguyện cầu như thế. Chúng ta đã quên mục đích cao cả khi chúng ta đã "quy y Tam Bảo" là chúng ta phải học đạo của đức Phật, hành đạo như đức Phật, mục đích là xoay đời sống hung ác của ta thành đời sống từ bi, xoay xấu xa trở thành tốt đẹp. Chúng ta thường hay bạ đâu tính đó, ham kinh doanh, ham làm tiền, ham danh vọng, nên đời sống của chúng ta do đó không an lạc, chúng ta không được giải thoát. Khi một đệ tử đến cầu xin đức Phật giải thoát cho y khỏi bao đau khổ, phiền não, thì đức Phật hỏi y: "Ai ràng buộc người? Ai không cho người được giải thoát?"

Quy y Tam Bảo là nương theo Tam Bảo để làm

như đức Phật, để tu như đức Phật cho đến khi được chánh đẳng chánh giác. Cho nên, khi chúng ta đã quy y Tam Bảo thì chúng ta không lạy gốc cây, không lạy bờ sông, không cúng ông Táo. Nếu chúng ta vẫn làm như vậy tức là chúng ta đã quên rằng chúng ta đã quy y Tam Bảo. Như vậy, chẳng khác nào anh làm ruộng gieo giống ngoài đồng rồi bỏ đó, không chăm sóc, không tưới bón, không vun quén, nếu chúng ta quy y Tam Bảo mà chúng ta không tu, không học đạo, không làm theo đạo Phật. Nếu chúng ta nhận định sai thì một ngày kia chúng ta phải thôi tâm và sa đọa.

Đức Phật dạy một bài học cho chúng ta là: của cải không đem lại chân hạnh phúc. Đức Phật một hôm ngồi trên một đám cỏ ướt mà không lạnh, không thấy khổ, vì nguyên nhân gây khổ đức Phật đã dứt từ lâu, nên đức Phật vẫn an nhiên tự tại. Đức Phật bảo rằng: nằm trong nệm ấm chăn êm mà lòng tham, sân, si không dứt, luôn luôn lo sợ mất của thì vẫn đau khổ như thường.

Chúng ta đôi khi quên mục đích quy y và lễ bái Tam Bảo của chúng ta, và nếu chúng ta chỉ lễ bái với mục đích thỏa mãn lòng ham muốn tầm thường bất chính, thì chúng ta không bao giờ đạt được mục đích cao cả kia. Ngày xưa có một anh thờ vị Thần Lã tổ và trú ngụ lúc thời anh ấy đều hương hoa lễ bái kính cẩn, chí thành. Ông Thần thấy anh kia tâm thành như vậy, rất cảm động, bèn hỏi anh ấy muốn cầu xin điều gì, thì y đáp là muốn xin Thần cho một chén vàng vì nhà y nghèo quá. Ông Thần liền đưa ngón tay hóa phép và một chén vàng hiện ra cho y. Anh ta mừng quá! Vài hôm sau anh ta lại tiếp tục hương hoa lễ bái thành khẩn như trước. Ông Thần lại hiện lên và lại hỏi anh ta muốn cầu điều gì? Anh ta liền thưa chén vàng nhỏ quá, không đủ để chi dùng, xin thần cho y một bình vàng. Ông Thần lại đưa ngón tay ra chỉ và một bình vàng đầy ắp hiện ra. Anh ta mừng quýnh. Nhưng chẳng bao lâu anh ta nghĩ rằng mình muốn nhiều thứ hơn nữa, mà mỗi lần cầu xin thì chỉ được một thứ

mắt công lễ bái. Lần này anh ta sắm nhiều hương hoa, lễ bái nhiều hơn trước và thành khẩn hơn trước. Ông Thần thắc mắc quá, chẳng biết anh ta còn muốn gì? Ông hỏi, con còn muốn cầu xin điều gì nữa? Có phải con muốn đạo không? Hỏi năm ba lần anh ta mới thưa rằng "Chỉ muốn xin ngón tay làm phép của Thần thôi." Ông Thần nổi giận đưa ngón tay chỉ một cái, tức thì nhà cửa, xe cộ, của cải gì của anh ta cũng sụp đổ tan tành.

Thế mới hay nếu chúng ta lễ bái với mục đích cầu lợi lạc thì không bao giờ được thỏa nguyện, bởi lòng tham của chúng ta vô bờ.

### Lễ bái đúng đắn

Nếu chúng ta không rõ ý nghĩa của lễ bái thì việc lễ bái trở thành vô ích. Vì sợ sệt mà lễ, vì lợi lộc mà lễ thì lễ Phật cũng như lễ gốc cây, bụi bờ không khác. Đấng này chúng ta lễ Phật vì kính trọng đức hạnh cao cả, vì phục sát đất tâm lượng đại từ đại bi của đức Phật, trí huệ rộng lớn bao la của đức Phật. Chúng ta đã quy y theo Phật thì tâm lượng ta cũng phải rộng rãi bao la, chúng ta cũng phải có trí tuệ sáng suốt, như đức Phật, chúng ta cố gắng bỏ tánh tham lam bòn xén nhỏ mọn hẹp hòi. Biết rằng đồng tiền không đem lại hạnh phúc tuyệt đối, nó là "một đầy tớ trung thành và đồng thời cũng là một người chủ khắc nghiệt" (ngạn ngữ Tây phương). Nếu chúng ta không để cho đồng tiền làm chủ thì đồng tiền mới đem lại hạnh phúc cho ta. (Xem câu chuyện anh chàng nghèo khổ nhưng đã phát tâm cúng dường tấm áo choàng duy nhất, rồi vừa la vừa chạy "được rồi, được rồi"; gặp lúc vua ngự ngang qua, cho đòi lại hỏi cơ sự. Sau khi biết chuyện, vua khen ngợi tấm lòng quảng đại của anh ấy và thưởng cho nhiều của cải).

Chúng ta lễ Phật là để cảm ân đức Phật đã giáo hóa chúng ta, đã bày chế ra bao nhiêu pháp môn phương tiện hầu dẫn dắt chúng ta đến Niết bàn, đến giải thoát. Phá trừ ngã chấp là giáo lý cao quý nhất mà đức Phật dạy cho chúng ta. Có người tu lâu năm, đạt được thần thông, bèn lên Thiên đường gõ cửa Thượng đế. Thượng đế hỏi "Ai đó?" Người kia đáp: "Tôi đây." Thượng đế hỏi: "Tôi là ai?" Người kia đáp: "Tôi là tôi." Thượng đế bảo: "Nếu tôi là tôi và ông là ông thì ở đây không có chỗ cho hai người cùng ở, hãy về đi." Người kia trở về tu nữa. Lần sau, khi gõ cửa Thiên đường và Thượng đế hỏi: "Ai đó?" "Tôi." "Tôi là ai?" thì người kia đáp: "Tôi là Ngài." Thượng đế mới bảo: "hãy vào". Cho nên khi chúng ta không phân biệt tôi, anh, khi chúng ta không chấp cái "ta" thì bao nhiêu người cũng như một, đều sống chung với nhau, hòa thuận vui vẻ.

Đứa bé mới ra đời chưa biết gì. Đến một tuổi cha mẹ mới đặt cho một cái tên, có khi một cái tên rất xấu xa, và dần dần nó chấp chặt cái tên đó là mình, một khi

có ai gọi cái tên ấy mà tán thán, khen ngợi thì nó lại thấy sung sướng, phấn khởi. Sau này khi lớn lên, khi nghe người khác xưng hô với mình thiếu lịch sự thì lại phiền muộn. Vì một cái tên bông lông, không đâu mà mình cứ đau khổ, sống chết luân hồi triền miên với nó? Nếu tin hiểu được lời Phật dạy: "Vạn pháp đều như hóa như huyễn" thì ta không bao giờ đau khổ nữa, không phiền muộn nữa. Cái danh xưng là giả tạm, cái thân là giả hợp, nếu chúng ta hiểu được như vậy, tất chúng ta an lạc, giải thoát (danh xưng như huyễn vô ngã).

Khi lễ Phật, chúng ta nguyện gì? Nguyện tiêu tam chương, trừ phiền não, nguyện trí huệ viên mãn, nghiệp chướng tiêu trừ, nguyện thường hành Bồ tát đạo. Đó là đem lại an lạc cho mình, cho nhân loại, cho chúng sanh. Cái an lạc này là an lạc từ trong tâm mà ra, từ trong lòng mình phát ra. đức Phật dạy chỉ cái an lạc phát ra từ trong lòng mình mới là cái an lạc chân thật, còn cái an lạc từ ngoài mà có thì cái an lạc ấy là giả tạo.

Ta lễ bái 10 phương để làm gì? và ta lễ ai? Tức là ta lễ tất cả biến pháp giới: "Nhất nhất biến lễ sát trần Phật." Tức ta cầu tất cả các đức Phật hộ trì để ta: a) diệt trừ được bốn nghiệp phiền não (sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối), b) diệt trừ bốn lý do làm ác (tham lam, sân hận, ngã mạn, ngu si), c) trừ bỏ sáu nguyên nhân phung phí tài sản (cờ bạc, rượu chè, giao du đường phố phi thời, la cà đình đám hí viện, giao du ác hữu, quen thói lười biếng). Như vậy vấn đề lễ bái mới chính đáng.



Kinh đức Phật dạy cho người tại gia. Nếu ai học được đúng đắn sẽ trở thành người tốt nhất. Ngài dạy rằng người tu tại gia cần biết tích lũy tài sản như con ong, như đụn mồi. Tiền của chia thành 4 phần: một để tiêu pha, hai phần làm vốn, một phần để dành khi gặp tai biến, khó khăn, làm việc từ thiện cúng dường. Chúng ta đã có nhiều công phu học Phật pháp nhưng ít khi nghe được một pháp vừa như ly sữa ngon ngọt cho trẻ thơ, như bữa ăn ngon cho người lớn, như bữa ăn bổ dưỡng cho người

già cả. Ngài dạy dỗ chúng sinh không phân biệt, lời dạy chung, không bỏ ai, không chọn lựa ai; ai cố gắng nghe, thì hành trì được giải thoát trọn vẹn. Mọi căn cơ đều có pháp môn thích hợp.

### Sáu nguyên nhân phung phí tài sản

Nhân một buổi sáng đức Phật đi khát thực, thấy chàng Thiện Sanh, con gia chủ, hướng sáu phương lễ bái, đức Phật liền dạy muốn cho việc lễ bái có ý nghĩa, trước tiên không làm 4 hạnh ác là tham, sân, si, mê; sau đó tránh xa 6 nguyên nhân phung phí tài sản mà ở đời ít ai tránh khỏi. Đó là:

1. đam mê rượu: có sáu điều bất lợi là tài sản bị hao tổn, ưa đấu tranh, tật bệnh dễ xâm nhập, thương tổn danh dự, để lộ thân tàng, trí huệ thương tổn, tâm trí không bình tĩnh (Câu chuyện một vị ưu bà tắc vô tình uống lầm rượu mà phạm mọi giới: ăn cắp gà, sát sanh, tà dâm, nói dối);

2. du hành đường phố phi thời: không ai che chở cho mình, không ai hộ trì gia đình, tài sản không ai trông nom, bị tình nghi tác giả các ác sự, nạn nhân các tin đồn thất thiệt, tự rước vào thân nhiều khổ não;

3. la cà đình đám hí viện: tâm mơ tưởng vui chơi, bỏ bê vợ con, xao lãng công ăn việc làm, hao tổn tiền bạc;

4. đam mê cờ bạc: nếu thắng thì gây thù oán, nếu thua thì tâm sanh phiền muộn, tài sản bị hao thất, gây ra tranh chấp đánh lộn, tại hội trường lời nói không ai tin, bạn hữu khinh khi, vấn đề cưới gả không được tín nhiệm;

5. thân cận ác hữu: đó là những bạn cờ bạc, bạn loạn hành, người nghiện rượu, kẻ bạo động, người lừa gạt;

6. quen thói lười biếng: luôn luôn kiếm cớ để từ chối làm việc (quá nóng, quá lạnh, quá trễ, quá đói, quá no).

### Chọn bạn lành mà chơi

Đức Phật dạy phải chọn bạn như thế nào? Chọn thiện hữu tri thức mà giao du, nghĩa là người bạn lành. Có nhiều loại bạn: bạn rượu, bạn cờ bạc, bạn cơ hội, bạn mồm. Bạn giúp mình lúc hữu sự mới đúng là bạn tốt. Ác hữu là bạn cờ bạc đam mê héo mòn như trăng khuyết, nợ nần như chìm trong bồn nước. Làm bạn thế nào cho xứng đáng mới đúng là tự giác giác tha.

Có bốn hạng người không phải là bạn: dụng vật gì cũng lấy, chỉ biết nói giỏi, khéo nịnh hót, tiêu pha xa xỉ, sợ thể lực, cho ít xin nhiều. Bạn vì mưu lợi, tỏ lộ thân tình trong việc đã qua, hoặc việc chưa đến, mua chuộc cảm tình bằng sáo ngữ; khi có công việc tự tỏ bất lực; đồng ý các việc ác, không đồng ý các việc thiện; trước

mặt thì tán thán, sau lưng lại chỉ trích. Tiêu pha xa xỉ, cờ bạc rượu chè, vui chơi bê tha, đình đám, du hành đường phố phi thời: người trí sẽ tránh.

Bạn nên có: người bạn giúp đỡ mình khi hữu sự, khuyên điều lợi ích, người bạn chung thủy, có lòng thương tưởng tới mình. Mình muốn làm bạn với ai mình cũng cần 4 điều tốt ấy: khuyên nhủ bạn khi bạn vô ý phóng dật, che chở cho bạn, làm chỗ nương tựa cho bạn khi bạn có điều sợ hãi, giúp thành hai lần khi bạn thiếu thốn (câu chuyện Lưu Bình Dương Lễ). Người bạn trong nạn khổ cũng như lúc vui, thổ lộ tâm tình, giữ gìn những điều bí mật của bạn hoặc tốt hoặc xấu, không bỏ bạn khi bạn gặp khó khăn, dám hy sinh thân mạng vì bạn. Có câu "Bần cư náo thị vô nhân vấn, Phú tại thâm sơn hữu khách tầm": có nghĩa là khi nghèo nếu ở ngoài chợ cũng không ai hỏi, lúc giàu nếu có ở núi sâu cũng lắm kẻ tìm đến. Đó cũng không phải là bạn.

Đức Phật là người bạn không mời: Ngài không chấp chứa tiền của, Ngài đã diệt trừ lòng kiêu mạn, đi làm bạn với tất cả mọi người. Trong sự không nói, Ngài nói rất nhiều. Ngài đã diệt trừ lòng tham, chỉ ăn một bữa ngô; khát thực buổi sáng (Ngài không khát thực buổi chiều), bình đẳng không lựa chọn. Có người chỉ trích Ngài chỉ đi khát thực, không làm lấy mà sống, Ngài đáp lại rằng Ngài cũng đang gieo trồng đây: Trong việc khát thực Ngài gieo hạt giống từ bi; Ngài cũng cây bừa: cái cày là tinh tấn, cái bừa là nhẫn nhục, con trâu là thiền định; Ngài cho bạn nghe những điều chưa được nghe, chỉ cho bạn biết con đường lên cõi chư Thiên.

Bạn tốt là người không hoan hỉ khi bạn mình gặp nạn, hoan hỉ khi bạn mình gặp may mắn, cản ngăn khi nghe người khác nói xấu bạn mình. Bạn như hoa, bạn như cân: không phải là bạn. Bạn như hoa là bạn vì danh vọng, vì giàu có, vì lợi lộc. Bạn như cân là bạn luôn luôn đòi hỏi sự cân xứng cả hai bên, cân qua cân lại, giúp qua giúp lại, mới làm bạn. Bạn như đất, mới đúng là bạn tốt: tâm thành thiết tha, giúp cho bạn mình được lợi ích, không ganh tị, mà hoan hỉ (như đám đất). Ngược lại, khi bạn sa cơ, nghèo khổ, mình vẫn như như, không bỏ bạn, đó là bạn chắc thật. Không nên gần gũi những người mà mình không coi như bạn thiết, để khỏi bị dẫn dắt vào đường hư hỏng, biếng nhác. Mình làm bạn với ai cũng vậy, thiết tâm giúp đỡ bạn. Khi bạn bị thất sủng, mình không bỏ. Đó là bắt đầu cơ bản để đi đến việc lễ bái sáu phương có ý nghĩa như sau đây.

### Sáu phương lễ bái

Đó là: Phương Đông chỉ cha mẹ, phương Nam chỉ sư trưởng, phương Tây chỉ vợ chồng, phương Trên chỉ tôn sư (Sa môn, Bà la môn), phương Bắc chỉ bạn bè và phương Dưới chỉ người giúp việc.

Chúng ta phải liên quan với sáu mặt mới sống được, sáu phương đó tương quan mật thiết với chúng ta. Nếu cắt đứt với sáu tương quan này thì chúng ta không thể sống được. Mình sống đây là sống tương quan với sáu hạng người, vậy ta cư xử thế nào cho đúng, theo lẽ phải, theo luật pháp?

1. *Phương Đông*: Làm con phải phụng dưỡng cha mẹ, có bốn phận hầu hạ sớm tối, bảo vệ tài sản của cha mẹ, lo lễ tang khi cha mẹ qua đời. Cha mẹ nuôi con với tình thương, con cũng phải phụng dưỡng cha mẹ với tình thương, sớm tối viếng thăm, cung kính giữ gìn truyền thống gia đình. Ngược lại, cha mẹ cũng có 5 bốn phận đối với con cái: cưới vợ gả chồng, lo nghề nghiệp cho con, ngăn ngừa không cho con giao du với bạn xấu, con hư là cha mẹ có một phần trách nhiệm, trao của cải sự nghiệp cho con khi đúng thời. Lòng thương không sáng suốt làm cho con hư hỏng. Chọn nơi xứng đáng làm vợ làm chồng cho con. Ngày xưa các bậc cha mẹ chọn nơi môn đăng hộ đối, để lại lời than trách của các con, xui con vào đường tì thiếp. Không nên vì tham lam mà đưa đẩy con vào đường xấu xa. Ăn và oán là do trong gia đình mà ra, khéo tu là hạnh phúc, không tu là dây oan. Như vậy là phương đông được che chở, không có chi sợ hãi.

2. *Phương Nam*: Ta phải phụng sự Sư trưởng như phụng sự cha mẹ "Tiên học lễ, hậu học văn", chào hỏi thăm viếng ân cần, hầu hạ Sư trưởng, hăng hái học tập. Ngược lại Sư trưởng có bốn phận huấn luyện đệ tử như mình đã được huấn luyện, thương đệ tử, khen đệ tử khi đệ tử học giỏi, đảm bảo nghề nghiệp cho đệ tử. Như vậy, phương Nam được che chở, không có chi sợ hãi.

3. *Phương Tây*: đối với vợ, người chồng phải kính trọng, thủy chung, giao quyền hành cho vợ, sắm đồ nữ trang cho vợ, khuyên răn giáo dục vợ khi vợ hỗn hào, như chuyện sau đây: Có một chàng kia gặp chị vợ hỗn hào quá, luôn luôn chửi mắng chồng, nguyên rửa chồng khi có điều gì không vừa ý. Chàng ta mới đi mua về một cái hòm để trong nhà. Chị vợ hỏi: Mua hòm để làm gì? Chàng ta đáp là mua về để chôn anh khi anh chết, vì có thể anh chết tình linh chưa biết khi nào. Và mỗi lần chị vợ chửi rửa chồng thì anh đánh tình thích trên quan tài và khóc rống lên: Chàng ơi, sao chàng chết đi, chàng bỏ thiếp bơ vơ một mình, không ai giúp đỡ, không ai trông nom, bảo vệ thiếp? Và chàng cứ khóc hoài thăm thiết cho đến khi chị vợ ngưng mắng mỏ, chàng mới thôi khóc. Và vài ba lần như vậy, chị vợ suy nghĩ lại, thấy mình hỗn hào với chồng thật là không nên, và từ đó, không bao giờ chị ta mắng mỏ chồng nữa. Đó là một cách giáo dục vợ, đem lại kết quả tốt đẹp. Người vợ đối với chồng cũng phải làm hết bốn phận: khéo đón tiếp bà con chồng, trung thành với chồng, giữ gìn của cải, khéo

léo làm mọi việc trong gia đình. Như vậy, phương Tây được an ổn, che chở, không chi sợ hãi.

4. *Phương Bắc*: Không lường gạt thì được bạn bè thương tưởng; che chở bạn, bảo vệ tài sản cho bạn, trở thành chỗ nương tựa cho bạn; không tránh xa khi bạn gặp khó khăn; kính trọng gia đình bạn. Như vậy, phương Bắc được che chở lẫn nhau, không ai sợ ai.

5. *Phương Dưới*: đối với người giúp việc, lo lắng ăn uống và tiền lương đầy đủ. Bất làm việc nhiều mà trả lương ít coi như mắc nợ người ta vậy; điều trị người giúp việc khi có bệnh hoạn, ốm đau; có miếng ăn ngon chia xẻ cho người giúp việc; thỉnh thoảng cho nghỉ phép. Như thế người giúp việc sẽ trở thành bạn với mình; nếu không đối xử đúng đắn, người giúp việc sẽ trở thành người thù đối với mình. Ngược lại, đối với chủ, người giúp việc phải thức khuya dậy sớm, thức trước khi chủ thức dậy và đi ngủ sau chủ, tự bằng lòng với các vật chủ cho, khéo đảm đang công việc, không phải làm cho lầy có; đem danh tiếng tốt về cho chủ. Như vậy, chủ xứng đáng mà tớ cũng xứng đáng, và phương Dưới được che chở, không có chi phải sợ hãi.

6. *Phương Trên*: đối với Sa môn, Bà la môn, chúng ta phải có lòng từ, hành động tốt về thân, khẩu và ý; mở rộng cửa để đón Sa môn và Bà la môn, cúng dường các vật dụng cần thiết. Sa môn và Bà la môn đối với chúng ta thì có lòng thương tưởng chúng ta, ngăn không cho làm điều ác, cảnh giác khuyên răn, khuyến khích làm điều thiện, làm cho thanh tịnh những điều đã nghe; thương xót chúng sanh với tâm từ bi; là thiện tri thức của chúng ta, dạy chúng ta những điều chưa nghe, chưa biết, làm cho rõ ràng để thực hiện cho được, đó là pháp thanh tịnh, làm cho chúng ta hoàn thành đạo Nhân thừa. Như vậy, phương Trên che chở, hai bên trở thành nơi nương tựa cho nhau, che chở cho nhau.

Trên đây là pháp Lễ bái đầy đủ sáu phương theo kinh Thiện Sanh và để kết luận, đức Phật nói bài kệ:

*Cha mẹ là phương đông  
Sư trưởng là phương Nam  
Vợ chồng là phương Tây  
Bạn bè là phương Bắc  
Nô bộc là phương Dưới  
Sa môn, Bà la môn  
Có nghĩa là phương Trên  
Cư sĩ và gia đình  
đánh lễ phương hướng áy  
Kế trí giữ giới luật  
Từ tốn và biện tài  
Khiêm nhường và nhu thuận  
Nhờ vậy được danh xưng.  
Dậy sớm không biếng nhác  
Bất động giữa hiểm nguy*

Người hiền không phạm giới  
 Nhờ vậy được danh xưng.  
 Nhiếp chúng tạo nên bạn  
 Từ ái tâm bao dung  
 Dẫn đạo khuyến hóa đạo  
 Nhờ vậy được danh xưng.  
 Bồ thí và ái ngữ  
 Lợi hành bất cứ ai  
 Đồng sự trong mọi việc  
 Theo trường hợp xử sự  
 Chính những nhiếp sự này  
 Khiến thế gian xoay quanh  
 Như bánh xe quay lăn  
 Vòng theo trục xe chính  
 Nhiếp sự này vắng mặt  
 Không có mẹ hướng thọ  
 Hay không cha hướng thọ  
 Sự hiểu kính của con  
 Do vậy bậc có trí  
 Đối với nhiếp pháp này  
 Như quan sát chấp trì  
 Nhờ vậy thành vĩ đại  
 Được tán thán danh xưng.



Tròn bốn phen đối với sáu phương hướng tức là lễ bái sáu phương, hợp với giáo lý đức Phật là từ tốn và biện tài.

Đức tính từ tốn là không tranh thắng với ai, không

vội vã. Biện tài là muốn lợi ích cho mình và cho người khác thì tìm lời nói năng khéo léo, dùng tài hùng biện để thuyết phục người, lời nói đủ ý nghĩa, trúng căn cơ để chuyển tâm người.

Căn bốn tâm chúng sanh là: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Mạn có bảy thứ:

1. Mạn: cứ đem tâm so sánh hơn thua trong ý nghĩ mình hơn người;
2. Ngã mạn: vì ý mình mà lấn lướt người;
3. Quá mạn: mình bằng người mà cho là hơn, người hơn mình mà cho là bằng;
4. Mạn quá mạn: người hơn mình nhiều, mà cho mình là hơn người;
5. Tăng thượng mạn: chưa chứng Thánh quả mà cho mình đã chứng;
6. Ty liệt mạn: mình thua người nhiều mà nói rằng thua ít;
7. Tà mạn: người tu về tà đạo được chút ít thần thông, hoặc hiểu biết đôi chút việc quá khứ vị lai, rồi khinh lướt người.

Do đó, muốn chuyển tâm phàm của chúng sanh thành Tâm thánh thì người ta phải tu học đức tính từ tốn và biện tài của đức Phật. Ta còn phải học tính "bất động trước hiểm nguy" của đức Phật nữa. Nếu ta phá được ngã chấp và ngã sở thì ta mới bất động trước hiểm nguy, và nếu còn chấp ngã và ngã sở thì cái khổ càng dày vì cứ sợ thiệt hại, mất mát. Vì sao nhà ta cháy ta đau đớn khổ sở, còn nhà người khác cháy ta vẫn an nhiên như không xảy ra việc gì?

Khi ta chấp một cái danh hư huyền làm cái ta, thì ta cứ đau khổ liên miên khi cái danh xưng ấy bị gièm xiêm. Xưa có một vị Thiền sư đang tụng kinh thì có tên trộm len vào dí dao vào lưng, hỏi: "Tiền để đâu?" Thiền sư: "đừng có lấy hết, hãy để lại một ít để đóng thuế." Tên trộm được tiền ra về. Thiền sư gọi giật lại, hỏi sao không cảm ơn khi người ta cho mình tiền của? Tên trộm liền cảm ơn... Vài hôm sau tên trộm bị bắt giải lên huyện; ông Huyện cho mời Thiền sư đến và hỏi Thiền sư bị mất trộm bao nhiêu? Thiền sư bảo không bị mất trộm. Ông Huyện bảo Thiền sư: Sao đã tu hành mà còn nói dối, vì tên trộm cung khai là đã lấy tiền của Thiền sư. Thiền sư đáp: "Tên trộm đã được tôi cho tiền và y đã cảm ơn, chớ không lấy trộm..." Do đó, tên trộm đã được tha về. Cho hay đối với của cải mà mình đã xả rồi thì mình không còn sợ hiểm nguy. Mình dùng cái ngã của mình để tu hành, nên gặp nguy hiểm mình không sợ; còn coi nặng cái ngã và ngã sở thì còn mang nhiều đau khổ. Việc này rất cao siêu và khó học tập, nhưng nếu ta cố gắng tinh tấn học tập thì thế nào cũng đạt được kết quả mong muốn.



Người giúp việc vấp té, lỡ tay làm bể bát cổ. Bà chủ hỏi: “Con té có đau không?” Như vậy là bà có đức độ bao dung, biết thương người mà không tiếc của. Xưa có một vị Lang y giỏi nổi tiếng, có một người kia có mẹ già bệnh nặng, cứ chầu chực mấy ngày liền mà không rước được thầy lang. Y bèn quý giữa đường và đón xe thầy ngang qua. Thầy lang buộc lòng phải đến chữa bệnh cho mẹ y. Thầy cho hai thang thuốc và bảo y ngày hôm sau cho thầy biết kết quả. Hôm sau y đến thưa rằng mẹ y đã bớt bệnh nhiều, nhưng chắc chết. Thầy ngạc nhiên hỏi: Sao bớt bệnh mà lại chắc chết, thuốc thầy chưa bao giờ làm cho ai chết cả. Y thưa: Mẹ y không phải chết vì bệnh mà chết vì mất của, tiếc của. Nguyên mẹ y đã để dưới gối một lượng vàng, mà nay không còn nữa. Nếu tìm lượng vàng không ra thì mẹ y chắc chết. Thầy lang liền mở tủ, lấy một lượng vàng, bảo y cầm về đưa cho mẹ. Hôm sau mẹ y lành bệnh rũ chiếu giường, thì tìm thấy lượng vàng, biết mẹ con y đã nghi oan cho thầy lang, liền đem vàng đến trả và tạ, xin sám hối tội lỗi. Như thế, thầy lang đã có đức đại lượng bao dung, chịu mang danh ăn cắp, chịu mất một lượng vàng, chỉ muốn cứu sống một mạng người. Cho nên muốn dẫn đạo, để khuyến hóa đạo, ta phải có lòng đại độ bao dung và muốn nhiếp phục chúng sanh quay về với Phật pháp, ta cần thực hành theo Tứ nhiếp pháp.

### **Tứ nhiếp pháp**

Tứ nhiếp pháp là những gì? ấy là: bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

**1. Bố thí nhiếp:** Có ba cách bố thí: tài thí, pháp thí, vô úy thí.

a) *Tài thí:* có nội tài (bố thí chính ngay thân mạng mình- cho máu để tiếp người bệnh nhân) và ngoại tài (cho tiền bạc của cải). Tài thí có nhiều cách: định kỳ thí, cấp thời bố thí (một miếng khi đói bằng một gói khi no), hợp lực bố thí (kêu gọi hợp lực cùng nhau làm, vì một mình không đủ phương tiện), kính cần bố thí (kính cần đối với người mình bố thí).

Bố thí thì cần xét đến: tâm bố thí, của đem bố thí và người mình bố thí. Tâm phải là tâm thanh tịnh nghĩa là trong sạch, không phải cầu danh, hoan hỷ khi đang bố thí và mừng rỡ sau khi bố thí. Của bố thí phải là của thanh tịnh, nếu là của không trong sạch (ví dụ của ăn cướp) thì không phước đức. Xung cảnh thí tức là người mình nên bố thí, cúng dường giống như ba thứ ruộng phước: kinh điền (người đáng tôn trọng), ân điền (người có ân với mình như cha mẹ, sư trưởng) và bi điền (người đáng thương xót).

Khó có người giàu có như ông Cấp cô độc đem vàng trải ở Kỳ viên, nhưng người nghèo cũng có thể bố thí được. Như anh kia thấy người ta cúng dường trai

tăng, anh chỉ kiếm ra được một ít đậu, bèn đứng vào một xô. Lúc người ta đang tác bạch, thì thấy đậu trải đầy bàn ăn, mọi người đang tìm hiểu, thì đức Phật trông thấy y đang đứng trong góc phòng; đức Phật gọi anh ta là "đại thí chủ". Mọi người liền mời y ra cùng dự chung. Anh ta chỉ bố thí với tâm thành khẩn, không kể mình thấp kém.

Có chị ở giúp việc cho người ta, rất muốn cúng dường đức Phật. Chị nghèo quá, chỉ kiếm được một miếng bột, bèn gói trong lá, đem nướng đi, và ước ao cúng dường đức Phật, chỉ sợ đức Phật không nhận. Không ngờ đức Phật nhận và bóc bánh ra, ăn liền trước mặt chị. Chị ta sung sướng hết sức.

b) *Pháp thí:* Trong khi tài thí giúp đỡ sắc thân thì pháp thí có công năng giúp đỡ cho pháp thân, huệ mạng. Nếu không có pháp nuôi dưỡng thì pháp thân héo mòn, trái lại thì pháp thân tăng trưởng. Việc pháp thí rất khó vì nếu ta không biết pháp, không học pháp thì lấy đâu để pháp thí? Cho nên đức Phật thường bảo đệ tử đem giáo lý của đức Phật phổ biến cùng khắp.

Đối với người đau khổ về tinh thần thì cần pháp thí. Có một chị đi lấy chồng, lâu lắm mới có một đứa con. Khi con mới lên ba thì chồng qua đời, và sau đó ít lâu, đứa con bỗng chốc bị trúng gió, chết mất. Chị ta đau đớn vô cùng và không tin là con mình đã chết. Chị bỗng con đi xin thuốc chữa. Với tâm sầu khổ, chị đến gặp đức Phật và xin đức Phật cứu sống con chị. Đức Phật bảo chị đi xin hột cải tại nhà nào chưa có người thân chết đem về để đức Phật cứu cho. Chị đến từng nhà xin hột cải, nhưng khi chị hỏi trong nhà đã có ai chết chưa, thì người nào cũng đáp là nhà đã có người chết. Và cuối cùng chị đến một nhà vừa có con nhỏ chết. Chị ta liền giác ngộ, bèn đem con về chôn cất. Hôm sau chị đến bạch Phật rằng việc Ngài dạy con đã làm xong, và xin đức Phật chứng minh cho.

Như vậy Ngài đã dạy pháp để chị ta tự tu, tự chứng; nếu lúc bấy giờ giảng lý thì không hợp, trong lúc chị ta đang đau khổ. Trong khi đi xin hột cải thì chị ta đã trực tiếp chứng được lý vô thường của vạn vật. Chúng ta học đạo là để chất chứa Phật pháp ngõ hầu khi gặp lại tai biến mà tiêu dùng, như chất chứa tiền của vậy.

c) *Vô úy thí:* Là đem cái không sợ ra thí cho chúng sanh. Ta không giết hại vật thì vật gần mình không sợ hãi, ta không trộm cắp thì người khác không sợ mình lấy cắp của người. Và lại còn biết hy sinh giúp người cứu vật trong lúc hoạn nạn tai biến.

**2. Ái ngữ nhiếp:** Tùy theo căn tánh chúng sanh mà khôn khéo nói năng, an ủi khuyến lơn nhân thể khiến cho họ sanh lòng thân mến, rồi từ đó họ mới theo ta mà học đạo; lời nói khéo léo, ôn tồn, nhẹ nhàng đem lại an lạc cho tâm ta và mọi người.

Có anh kia đi cà, ngủ trưa, quên cột trâu. Một con

hồ từ trên xuống núi đi xuống. Trâu đến đánh thức chủ dậy để báo động. Mất ngủ, anh kia bèn đánh đuổi trâu. Trâu kia sợ hổ ăn thịt chủ, bèn chồm lên mình chủ để đỡ cho chủ. Anh đi cày giậu quá, cho là trâu trở chứng, liền bỏ buổi cày, dẫn trâu về. Dọc đường gặp đức Phật, trâu khóc. Đức Phật vỗ về trâu, lấy lời dịu ngọt dỗ dành khiến trâu hết đau khổ và làm cho anh cày giậu ngộ. Ái ngữ, trong ái ngữ nhiếp không phải là lấy lời dịu ngọt để nịnh hót cốt làm lợi cho mình. Ái ngữ ở đây cốt lợi cho người khác.

**3. Lợi hành nhiếp:** Làm những việc có lợi cho người khác. Bất cứ việc nhỏ hay lớn, nếu biết làm thì mới có giá trị lớn. Kinh Lăng nghiêm có đoạn kể Ngài Trì địa Bồ tát chuyên đi sửa đường, sửa cầu, gánh đồ giùm cho mọi người. Có một vị hòa thượng kể câu chuyện đã có lần cùng với quý thầy đi ngang qua một cánh đồng. Nắng gắt và khát nước, mọi người dừng lại nghỉ chân ăn uống. Nhân ăn xoài, quý thầy ương những hột xoài tại chỗ. Mấy năm sau có việc, hòa thượng cùng quý thầy lại đi qua chỗ cũ, thấy mấy cây xoài đã bắt đầu có quả ăn. Đó cũng là một việc lợi hành mà ít ai để ý làm.

**4. Đồng sự nhiếp:** Cùng làm một việc với người khác. Tùy theo mỗi người làm một việc nhưng cùng nhắm một mục đích (ví dụ: xây dựng gia đình, cùng nhau đẩy một chiếc xe lên dốc, nếu không cùng đẩy là không cùng sự). Có đồng sự thì nói gì người ta cũng nghe mình.

Có bốn sự nhiếp này thì thế giới hòa bình, gia đình an lạc. Bốn sự nhiếp này vắng mặt thì con cái không hiếu kính cha mẹ, anh em không sống hòa hiệp với nhau. Làm được bốn nhiếp sự này thì được danh xưng, mọi người tán thán.



## ĐỘNG, TĨNH

*Ồn ào nhất lúc lặng thinh  
Niệm tương tục khởi, mê làm búa vây  
Xôn xao giữa chợ,  
Thông tay  
Tâm chánh định chẳng mảy may ưu phiền*

## CHÂN TU

*Giới tùy ta chọn, nhưng phải giữ  
Giữ giới trang nghiêm, người nhìn ngay ra  
Phong thái chân tu: Trí năng, đạo hạnh  
Hoa phải thơm hương  
Mới thực hoa.*

## ĐẠO VỐN KHÔNG LỜI

*Các pháp thế gian như giặc mộng  
Nương đò qua sông,  
Đạo vốn không lời  
Phút giác ngộ bừng soi ánh tuệ  
Cái ngờ tìm ra,  
Vẫn hằng hữu muôn đời!*

## PHẬT TÁNH

*Vô thi vô chung, sáng ngời Phật tánh  
Nhận biết muôn loài bản chất Như-Lai  
Vàng trắng soi bóng muôn sông biển  
Muôn bóng, cùng vàng trắng ấy,  
Không hai.*

## DIỆU TRÂN

# ỨNG DỤNG BÁT CHÁNH ĐẠO TRONG CUỘC SỐNG HIỆN ĐẠI

*Thích Trí Lộc*

Sự tuần hoàn của hoàn vũ cứ hết Xuân đến Hạ, rồi hết Thu sang Đông, mở đầu bằng mùa Xuân tươi đẹp nhưng lại kết thúc bằng mùa Đông giá lạnh. Sự vận hành của vũ trụ cũng trải qua bốn giai đoạn: thành, trụ, hoại và không; hai giai đoạn đầu là hình thành, thành tựu và lại kết thúc bằng hai giai đoạn hoại và không. Tiến trình của một con người nói riêng hay của một chúng sanh nói chung cũng không ra ngoài thông lệ ấy, cũng trải qua bốn giai đoạn: sanh, lão, bệnh và chết. Như vậy bản chất của cuộc đời, của hoàn vũ hay của một kiếp người cũng luôn mang những tính chất: vô thường, vô ngã, khổ và không.

Suốt bốn mươi chín năm hoằng pháp độ sanh không mỏi mệt, cuối cùng dưới cội Ta-la song thọ, đức Thế Tôn đã tuyên bố rằng: “Ta chỉ nói khổ và con đường diệt khổ”. Con đường diệt khổ ấy được ghi chép trong Tam tạng kinh điển của Phật giáo, toàn bộ hệ thống Tam tạng ấy được nhân loại khẳng định rằng: không có một hệ thống kinh điển, giáo lý của một tôn giáo nào, hay bất kỳ triết lý, học thuyết của một triết gia nào có thể so sánh được cả về nội dung lẫn hình thức, cả về số lượng lẫn chất lượng. Trong Tam tạng kinh điển ấy có nhiều pháp môn và chúng ta thường nghe nói là có đến tám vạn bốn ngàn pháp môn tu tập để diệt khổ, tám vạn bốn ngàn pháp môn ấy được khái quát, cô đọng qua phần Đạo đế, đó chính là Ba mươi bảy trợ đạo phẩm, và Bát chánh đạo lại chính là tinh hoa, là sự tóm thâu Ba mươi bảy trợ đạo phẩm. Như vậy Bát Chánh Đạo chính là nền tảng, là tinh hoa của toàn bộ hệ thống Tam tạng kinh điển của Phật giáo, là sự kết tinh, tóm thâu của tám vạn bốn ngàn pháp môn tu, cũng chính là phương pháp tốt nhất để diệt khổ. Chính vì thế nên Bát chánh đạo có một vị trí vô cùng quan trọng, lại là con đường chân chính tốt nhất của mọi tôn phái trong đạo Phật, là pháp môn tiêu biểu nhất cho

mọi người tu tập...

Đức Phật diệt độ cách đây đã gần ba ngàn năm, một khoảng thời gian rất dài, trải qua biết bao sự biến thiên đổi dời của nhiều thời đại, lịch sử đã nhiều lần sang trang, thế nhưng Bát chánh đạo vẫn không hề thay đổi hay lỗi thời, mà ngược lại Bát chánh đạo ngày càng thích hợp với chân lý của mọi thời đại, đây là tính kế thời và kế lý của pháp môn tu tập này. Chính vì thế mà mọi tông phái trong Phật giáo từ Nam tông đến Bắc tông, từ Tịnh Độ tông đến Hoa Nghiêm tông, từ Thiền tông đến Luật tông... đều áp dụng pháp môn này để tu tập, vì pháp môn này thích hợp với mọi trình độ, mọi căn cơ của chúng sanh, đây là tính kế cơ của pháp môn này.

Nhất là thời đại ngày nay - “Thời đại mới” - với sự phát triển vượt bậc của khoa học, kiến thức con người ngày một nâng cao, biết bao học thuyết, tôn giáo bị phá bỏ, chỉ trích... Nhưng các phương pháp tu tập của Phật giáo, đặc biệt là pháp môn này luôn thích ứng với mọi thời đại và mọi quốc gia, mọi xã hội, mọi con người, cho dù đó là con người hiện đại, hay thời đại khoa học hiện đại nhất. Chính vì thế mà nhà khoa học lừng danh nhất của thế kỉ XX, Albert Einstein đã khẳng định: “*Nếu có một tôn giáo thỏa mãn được những yêu cầu của khoa học hiện đại, thì tôn giáo đó là đạo Phật.*”

Thế giới ngày nay đang phát triển một cách chóng mặt, chỉ một vài thế kỉ qua, những phát minh về khoa học trên mọi lĩnh vực đã đẩy sản lượng vật chất tăng nhanh gấp trăm ngàn lần so với sản lượng của hàng triệu năm trước đó cộng lại. Dù sống trong một thế giới giàu sang, văn minh, đầy đủ mọi phương tiện vật chất hiện đại nhất, nhưng con người vẫn ngày một bận rộn hơn, đầu óc con người vẫn ngày càng căng thẳng hơn, nhiều bệnh tật mới phát sinh, lòng tham lam, ích kỉ của con người cũng tăng lên, người nghèo khổ, chết đói vẫn tồn

tại khắp nơi trên thế giới, nạn phạm pháp, giết người, khủng bố... cũng nhiều hơn. Phương tiện truyền thông vô cùng hiện đại, nhưng con người lại ít quan tâm với nhau hơn, chiến tranh trên thế giới diễn ra ngày càng qui mô và khủng khiếp hơn... Tất cả những điều ấy đòi hỏi một phương pháp hữu hiệu để mọi xã hội, mọi quốc gia áp dụng, để ngăn chặn và xóa bỏ những việc khó khăn, xóa bỏ những điều không tốt trên, góp phần dựng xây một thế giới hòa bình và hạnh phúc. Bát chánh đạo sẽ là một trong những phương pháp hữu hiệu nhất đóng góp vào việc dựng xây ấy.

Nếu như con người hiện đại là chánh báo cần áp dụng pháp môn Bát chánh đạo để dứt bỏ lòng tham lam, tính vị kỉ... hoàn thiện nhân cách của chính mình, thì trái đất, hành tinh xanh của chúng ta là y báo của vạn loại hữu tình cũng cần ứng dụng pháp môn Bát chánh đạo để xây dựng hành tinh xanh ngày một tốt đẹp và trong sạch hơn. Từ ngàn xưa đến nay, chưa bao giờ các nhà xã hội học, hay khoa học... kêu gọi mọi người hãy bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta một cách tha thiết như hôm nay. Môi trường đang ngày càng ô nhiễm, tài nguyên thiên nhiên ngày một cạn kiệt, tầng ozon bị chọc thủng, nhiệt độ trái đất đang tăng dần... hành tinh xanh của chúng ta đang đứng trước nguy cơ bị hủy diệt...

Trong bài này, người viết xin giới thiệu những công hiến của pháp môn Bát chánh đạo cho những vấn đề nan giải trong cuộc sống. Bài viết gồm hai phần: những vấn đề trong cuộc sống hiện đại và sự ứng dụng pháp môn Bát chánh đạo để giải quyết mọi vấn đề ấy.

## **Phần I: Những Vấn Đề Trong Cuộc Sống Hiện Đại**

Cuộc sống ngày nay, cuộc sống trong thời đại mới, nhân loại đã từng bước hoàn thiện đời sống chính mình. Kiến thức, trình độ của nhân loại đã đạt đến đỉnh cao, hàng ngàn phát minh khoa học đã ra đời đưa nền văn minh vật chất và kỹ thuật công nghệ phát triển đến mức độ chóng mặt. Con người ngày nay có thể ngồi một chỗ nhưng biết được mọi sự việc diễn ra trên thế giới, chỉ cần ngồi trong nhà nhưng có thể hưởng mọi thứ mà họ cần. Không những thế, con người còn khám phá ra những bí ẩn dưới lòng đại dương sâu hàng ngàn mét, hay có thể viếng thăm và khám phá những thiên hà cách xa trái đất hàng trăm năm ánh sáng, v.v... Tất cả những thành tựu khả quan ấy là điều không thể phủ nhận và kể hết được.

Thế nhưng bên cạnh những thành tựu khả quan ấy, bên cạnh sự phát triển vượt bậc ấy, ngay trong thời đại mới này, nhân loại đang phải đối diện với hàng trăm, hàng ngàn vấn đề nhức nhối, nan giải của thời đại, hàng loạt sự khủng hoảng đang làm đau đầu giới chức trách, làm sao tìm ra những phương pháp hữu hiệu nhất để bảo

vệ thế giới này. Những vấn đề ấy người viết xin trình bày tóm lược qua những điểm sau: Sự khủng hoảng tâm linh, khủng hoảng môi sinh, khủng hoảng xã hội và khủng hoảng văn hóa.

### **I. Tâm linh**

Tâm linh là lĩnh vực tiềm ẩn bên trong mọi người rất khó diễn đạt, nhưng lại là vấn đề vô cùng quan trọng. Mọi hành động của con người, mọi phát minh hay cống hiến của nhân loại đều xuất phát từ tư duy, nghiền ngẫm lâu dài của tâm trí. Lĩnh vực này thuộc về tâm linh, tôn giáo bao giờ cũng đề cao, chú trọng lĩnh vực này. Sự khủng hoảng tinh thần, khủng hoảng chiến tranh, xung đột... cũng bắt nguồn từ lĩnh vực tâm linh.

#### **1. Khủng hoảng tôn giáo**

Tôn giáo đã hình thành và phát triển từ rất lâu trong lòng xã hội, từ thời xa xưa ấy cho đến nay tôn giáo đã có một vị trí vô cùng quan trọng trong cuộc sống. Nhân loại ngày nay có khoảng 6 tỉ người, thì số lượng người theo tôn giáo, tín ngưỡng đã chiếm trên năm tỉ rồi, bởi sống giữa cuộc đời ai cũng cần có một chỗ dựa tâm linh để sống đẹp, sống có lý tưởng. Mỗi tôn giáo đều có lý tưởng riêng của mình, và cùng nhau hướng về lý tưởng, chân lý đó. Chân lý thì chỉ có một, nhưng chân lý có thể được phản ánh, diễn đạt dưới nhiều hình thức khác nhau, tùy theo văn hóa, dân tộc, tập quán của con người... đó chính là lý do có nhiều tôn giáo khác nhau trên thế giới. Cũng chính từ sự khác nhau ấy, cộng với tâm tham lam, lòng thù hận, tâm ích kỉ, sự chấp ngã... vốn có của con người nên có những tôn giáo đã lợi dụng lòng tin của con người, nhân danh Thượng đế, nhân danh Chân lý... để gây nên những cuộc chiến tranh làm kinh hoàng, khủng khiếp cho toàn thể nhân loại.

Lịch sử đã ghi lại những trang đen đẫm máu, khói lửa ngút trời của những đội quân Hồi giáo nhân danh Thánh Allah, nhân danh Thượng đế, Chân lý... đã tàn sát hàng ngàn, hàng triệu người không cùng tôn giáo, không cùng lý tưởng với họ hay không theo đạo họ. Nhân loại sẽ không sao quên được những cuộc Thập tự chinh đẫm máu, kinh khiếp ở châu Âu kéo dài gần hai thế kỉ do những người nhân danh Thiên chúa, nhân danh Thượng đế gây nên; mỗi một cuộc chiến là cả vạn người chết, thân người chết chất thành đống, máu người chảy thành suối v.v...

Những người thiếu hiểu biết, chưa có nhận định sâu sắc đều cho rằng “đạo nào cũng tốt” do đó họ rất dễ dàng chọn những tôn giáo không lành mạnh, những tín ngưỡng không tốt đẹp... từ đó họ vô tình lấy đó làm lý tưởng cao đẹp cho đời mình, họ có ngờ đâu chính những lý tưởng sai lầm ấy lại gây nên những nỗi kinh khiếp đau

thương cho toàn nhân loại. Các phương tiện truyền thông đã loan truyền không dứt những đau thương, chết chóc, những thảm hại của chiến tranh tôn giáo, sự phân biệt chủng tộc, sự truyền bá tôn giáo bằng đồng tiền, bằng gươm đao và súng đạn vẫn diễn ra khắp nơi trên thế giới: từ Kosovo đến miền Trung Đông; từ Tchecnia (Liên Bang Nga) đến Bắc Á Nhĩ Lan, từ Kashmia (Ấn Độ) đến Indonesia và Sri Lanka v.v... Nhất là sự kiện khủng bố hôm 11 tháng 9 năm 2001 của nhóm Hồi giáo cực đoan đã làm cả thế giới bàng hoàng kinh khiếp.

## 2. Chiến tranh và xung đột

Những người may mắn sống trong một thế giới thanh bình ít ai cảm nhận và thấy được giá trị của việc không có chiến tranh, chỉ những ai đã từng đi qua chiến tranh hay sống với chiến tranh thì mới thấy được hạnh phúc cao cả ấy. Lịch sử của loài người phần lớn đã hòa lẫn vào lịch sử của chiến tranh; đó là những trận đánh kinh khiếp, khói lửa ngập trời, đầu rơi máu chảy, nhà tan cửa nát, làng mạc biến thành bình địa, thành phố biến thành hầm hố, đại dương... con người sống trong lo âu sợ hãi, sống chết trong đói lạnh, trong kinh khiếp; vợ xa chồng, cha xa con, xa cả người yêu, xa quê hương đất nước; thân chết bỏ trên đất khách quê người, trên rừng thiêng nước độc, trong xứ lạnh băng giá hay trên những sa mạc hoang vu...



Lịch sử thế giới đã ghi nhận những cuộc thế chiến kinh khiếp lần I, cuộc chiến lần II... số lượng người chết không phải hàng vạn, hàng ngàn mà lên đến hàng chục triệu, trăm triệu người bị thương và chết chóc... sự tàn phá của chiến tranh cũng như hậu quả của chiến tranh không thể ước tính và tưởng tượng được.

Hai cuộc thế chiến kinh khiếp đã đi qua nhưng trên thế giới vẫn luôn diễn ra những cuộc chiến tranh và xung đột: cuộc chiến tranh giữa Iraq và Kuwait, cuộc chiến vùng vịnh và cuộc chiến Nam Tư cũ... Sau chiến tranh thế giới thứ hai đã không xảy ra chiến tranh thế giới thứ ba nhưng: “Trong thời kỳ này, người ta cũng thống kê

được 160 cuộc xung đột, làm 40 triệu người chết.”

Cuộc nội chiến ở châu Phi, hay chỉ riêng cuộc xung đột nội chiến ở Ruanda đã cho thấy số lượng người chết thật kinh khiếp: “Trong vài tháng, cuộc nội chiến ở Ruanda đã làm cho 500.000 đến 800.000 người chết, phần lớn bị giết bằng dao rựa.”

Chiến tranh vẫn luôn luôn đã và đang diễn ra khắp mọi nơi trên thế giới. Ước mơ được hòa bình, hạnh phúc vẫn là ước mơ muôn thuở của nhân loại, và giải pháp để chấm dứt chiến tranh, xung đột vẫn còn bí ẩn, chưa có một giải pháp hữu hiệu nhất.

## 3. Khủng hoảng tinh thần

Khủng hoảng tư duy là một trong những khủng hoảng thuộc về lĩnh vực khủng hoảng tâm linh. Khủng hoảng tư duy bao gồm nhiều loại khủng hoảng thuộc lĩnh vực đạo đức, tình cảm, tinh thần.

Thế giới chưa lúc nào như lúc này, người ta kêu gọi khắp mọi nơi báo động sự băng hoại đạo đức từ Đông sang Tây, từ Âu sang Á... Sự khủng hoảng đạo đức ở các nước Phương Tây đã đến mức báo động. Những tin tức đăng tải trên các báo đài đã cho biết cả đến môi trường giáo dục học đường, môi trường được xem là chiếc nôi đạo đức cho toàn xã hội, cũng đang diễn ra tình trạng thiếu đạo đức. Các em học sinh ở tuổi vị thành niên đã sử dụng dao găm, mã tấu đánh chém, giết hại lẫn nhau, và thậm chí sử dụng súng ống bắn chết cả những thầy cô giáo của mình... Đó là chưa kể những nơi khác thiếu sự giáo dục như: vũ trường, quán bar, rạp hát, đường phố... Sự xuống cấp về đạo đức hay sự khủng hoảng đạo đức của xã hội phương Tây không thể kể hết được.

Đông phương cũng đang trên đà khủng hoảng đạo đức theo xã hội Tây phương, nền đạo đức ở các nơi này cũng đang xuống cấp. Người xưa từng dạy: “Bản cùng sanh đạo tặc”, điều này rất đúng. Nhưng những người bản cùng băng hoại đạo đức không đáng sợ bằng những kẻ giàu sang, trí thức mà băng hoại đạo đức, những hạng người này một khi họ băng hoại đạo đức: như những cán bộ có chức vị cao, những tay đại gia tham gia vào các tổ chức buôn lậu, tham nhũng hối lộ... thì hậu quả để lại tai hại vô cùng, không chỉ ảnh hưởng đến một vài người, mà ảnh hưởng đến cả xã hội, cả quốc gia. Đau lòng thay, xã hội hiện đại lại đang xảy ra rất nhiều sự xuống cấp đạo đức của những người như thế.

Đời sống hiện đại, con người phải đối diện với trăm ngàn sự việc, cho dù khoa học kỹ thuật đã cung cấp mọi thứ nhu cầu cho cuộc sống một cách hiện đại nhất. Nhưng con người không vì thế mà có thêm sự thanh thản, an lạc. Trái lại, họ càng lo âu sợ sệt, và ngày càng bận rộn hơn. Chưa lúc nào con người dễ kiếm được việc

làm và dễ mất việc làm như thời bây giờ. Sự sợ hãi vì lo mất công ăn việc làm, sợ hãi vì sự thay đổi của con người, của hoàn cảnh, của thế sự; sợ đông người, sợ cướp bóc, sợ tật bệnh... muôn vàn nỗi sợ hãi xảy ra, và đó chính là những nguyên nhân gây cơn sốt cho các bệnh về tâm thần, stress... Bên cạnh ấy còn cộng thêm những nỗi lo âu vì tật bệnh, nỗi buồn vì mất người thân, lo sức khỏe, lo mất địa vị.... Thỏa mãn tất cả những tư tưởng, ước vọng, sự việc ấy là điều không đơn giản, đôi khi thỏa mãn điều này thì điều khác phát sinh. Công việc xô bồ của cuộc sống giống như những làn sóng trên đại dương bao la, hết lớp này đến lớp khác không bao giờ cùng tận. Chính vì thế mà những bệnh stress, tâm thần đã tăng cao trong xã hội hiện đại hơn bất cứ lúc nào.

## II. Môi sinh

Danh từ môi sinh là thuật ngữ chỉ cho môi trường sống của con người và muôn loài sinh vật trên trái đất này. Môi trường bao gồm các yếu tố như rừng, nước, không khí, ánh sáng, nhiệt độ v.v...

Trái đất là một hành tinh xanh rất đẹp, là nơi lý tưởng nhất để con người và muôn loài hữu tình cùng sinh sống và phát triển. Trên hành tinh xanh ấy, rừng là một yếu tố vô cùng quan trọng. Rừng có khả năng điều hòa nhiệt độ, điều hòa không khí, cân bằng mạch nước ngầm trong lòng đất, giữ độ phì nhiêu của đất, chống xói mòn đất,.. đồng thời rừng còn là nơi sinh sống của hàng triệu sinh vật. Rừng cung cấp cho con người gỗ quý, thức ăn động vật v.v... Lợi ích của rừng thật không thể kể hết. Thế mà con người vì lòng tham lam, thiếu hiểu biết đã nhẫn tâm tàn phá rừng, tàn phá tài nguyên vô giá ấy. Các nhà thống kê cho biết, ở châu Phi nửa số rừng xanh bị tàn phá, ở Mỹ châu mất 1/3 rừng, ở châu Á các khu rừng cũng bị tàn phá vô cùng nghiêm trọng, ở Nam Mỹ, rừng bị tàn phá thảm hại bằng cách đốt để lấy đất trồng cỏ... Tất cả những sự tàn phá ấy đã làm đảo lộn thiên nhiên, môi trường bị ô nhiễm, lũ lụt ngày càng nhiều, nhiệt độ trái đất tăng cao, đất đai ngày càng bị xói mòn, trở nên khô cằn sỏi đá v.v...

Con người tự cho mình là thông minh đã sản xuất ra hàng loạt vũ khí, như vũ khí hạt nhân, vũ khí chiến tranh, bom nguyên tử, vũ khí độc hại... những thứ đã góp phần tàn phá môi trường, hủy diệt sự sống. Một chiến tranh Vùng Vịnh đã làm hàng triệu tấn dầu tràn ra biển, hủy hoại không biết bao nhiêu loài sinh vật biển, gây ô nhiễm trầm trọng hàng trăm hải lý. Một sự rò rỉ nhà máy hạt nhân ở Liên Xô đã tàn phá và gây độc hại cho nhân dân quanh vùng phải tha phương cầu thực. Những chất độc màu da cam đã hủy hoại sự sống đến từng nhánh cây, cọng cỏ, gây chết chóc và dị tật cho con người và muôn vật, hậu quả để lại đến hàng trăm năm...

Đó chỉ mới nêu ra một vài chi tiết nhỏ, chưa kể đến những vụ thử bom nguyên tử, sự tàn phá của các vũ khí độc hại khác trong chiến tranh đã phá hủy môi trường ở mức độ kinh khiếp như thế nào.

Theo thống kê năm 1989, chỉ riêng ở Hoa Kỳ, mỗi năm có khoảng một triệu tấn độc tố hóa học tống lên bầu khí quyển từ các xưởng kỹ nghệ. Nếu kể đến toàn thế giới thì số lượng sẽ như thế nào. Các khí thải của nhà máy, khói từ các xí nghiệp, động cơ xe cộ... đã làm cho không khí bị nhiễm độc, nhiệt độ trái đất tăng cao, hiệu ứng nhà kính xảy ra, tầng ozon bảo vệ trái đất bị thủng, lượng mưa acid độc hại ngày càng nhiều, vô số căn bệnh hiểm nghèo phát sinh, sự tan băng của Bắc và Nam cực đang diễn ra... khiến con người đang đứng trước nguy cơ bị hủy diệt.

Thích Trí Siêu, tác giả cuốn sách *Xin Cứu Độ Mẹ Đất* đã lên lời than rằng: “Con người thường tự hào rằng mình là giống sinh vật khôn lớn hơn các loài khác, có trí khôn biết phải biết trái, biết luân thường đạo lý, biết tiến bộ văn minh, biết điều khiển khai thác thiên nhiên, biết thám hiểm không gian, biết đủ các thứ khoa học kỹ nghệ, không như các loài trâu bò, heo ngựa. Nhưng có một điều mà con người không biết, đó là con người rất tham lam, độc ác, u mê. Cũng vì tham lam, độc ác, u mê mà con người trở thành vong ân bội nghĩa. Hiện nay con người đang tàn phá các loài khác và cũng tàn phá luôn cả Mẹ Đất. Chúng ta sống nhờ Mẹ Đất, ăn uống mỗi mỗi đều rút tía từ Mẹ Đất, vậy mà không biết ơn lại phá hoại. Ôi! Còn gì điên rồ ngu xuẩn và vô ơn bạc nghĩa hơn? Nếu Mẹ Đất bị tàn phá và chết thì thử hỏi chúng ta có tiếp tục sống được không? Tiếp tục ăn chơi, hưởng thụ, phung phí được không?”

## III. Xã hội

Xã hội càng phát triển, thế giới ngày càng hiện đại thì càng nhiều vấn đề trong xã hội nảy sinh, do đó những vấn đề nan giải xuất hiện ngày càng nhiều, và hiện tượng khủng hoảng là điều tất yếu. Sự khủng hoảng xã hội bao gồm các vấn đề kinh tế, chính trị, dân số, tật bệnh, đói nghèo v.v...

Trong các mối quan hệ giữa các quốc gia nói riêng hay các mối quan hệ trên thế giới nói chung, quan hệ kinh tế là một trong những mối quan hệ quan trọng nhất. Một đất nước muốn phát triển giàu mạnh thì phải có nền kinh tế phát triển cao. Thế giới hiện đại có sự phát triển kinh tế một cách chóng mặt. Chỉ một vài thế kỉ qua, sản lượng kinh tế phát triển gấp trăm ngàn lần so với sản lượng kinh tế của hàng triệu năm trước đó cộng lại. Sự phát triển kinh tế ở các quốc gia diễn ra không đồng đều, có nước phát triển nhanh như các nước phương Tây, có nước phát triển chậm như các nước Châu Á, có nước

phát triển vượt bậc như nước Nhật, có nơi gần như không phát triển như một số nước ở châu Phi... từ đó đã diễn ra những cuộc cạnh tranh, chạy đua về kinh tế, tạo ra sự khủng hoảng làm cho cả thế giới kinh khiếp, quay cuồng. Cuộc chiến tranh lạnh, cuộc chiến chạy đua về vũ khí và kinh tế giữa Mỹ và Liên Xô đã làm cục diện thế giới thay đổi và hoang mang. Sự khủng hoảng về kinh tế được Pascal Boniface mô tả cả một chương dưới tựa đề là “Những Cuộc Chiến Tranh Kinh Tế”.

Bên cạnh sự khủng hoảng về kinh tế thì những khủng hoảng về chính trị càng diễn ra gay gắt và khốc liệt hơn. Khủng hoảng chính trị phát sinh từ những bất đồng giữa các phe phái, đảng phái, các chủ nghĩa đối đầu... từ đó hình thành nên những cuộc xung đột, những cuộc chiến tàn khốc thanh trừng lẫn nhau, tranh giành lẫn nhau.

Việc đô thị hóa trong thế giới hiện đại diễn ra ngày càng nhiều, việc ấy đã kéo theo các vấn đề nhức nhối về sự phân bố dân cư, nhà ở, vệ sinh, tật bệnh v.v...

Dân số phát triển nhanh ở khắp mọi quốc gia, đặc biệt là Ấn Độ, Indonesia, Trung Quốc... từ đó kéo theo không biết bao nỗi khó khăn khắp mọi mặt trong đời sống xã hội như nhà ở, môi trường, vệ sinh, thực phẩm, văn hóa giáo dục...

Vấn đề phạm pháp trong xã hội mới diễn ra ngày càng nhiều và càng tinh vi hơn. Việc buôn lậu các mặt hàng trên thế giới diễn ra ngày càng nhiều, nhất là vấn đề buôn lậu ma túy, đã tạo cho xã hội một thảm cảnh lo sợ và kinh hoàng. Việc ly dị trong xã hội mới tăng cao hơn bất kì lúc nào hết... Đây là những vấn đề vô cùng bức thiết và làm đau đầu các nhà lãnh đạo.

Ngành khoa học và y học trong xã hội hiện đại đã phát triển cao, đã cống hiến nhiều phát minh trong lĩnh vực ngăn ngừa bệnh tật. Nhưng điều đó cũng không làm yên lòng loài người trên trái đất, vì ngày càng nhiều tật bệnh mới phát sinh, mà toàn là những bệnh nan y làm ngành khoa học cũng phải bó tay vì chưa tìm ra thuốc điều trị thích hợp, chỉ cần một vài thập niên qua đã có hàng trăm bệnh nan y mới xuất hiện, đây là một trong những nỗi lo sợ nhất cho nhân loại hiện nay.

Tất cả những vấn đề trên đã tạo cho xã hội một khủng hoảng lớn, và phương pháp hữu hiệu để giải quyết vấn đề trên vẫn còn là những bí ẩn của mọi người, mọi quốc gia.

#### **IV. Văn hóa**

Lĩnh vực văn hóa là lĩnh vực rất rộng lớn, đa dạng và phong phú, nó bao hàm mọi khía cạnh trong cuộc sống, và nó diễn ra khắp mọi nơi từ địa phương, quốc gia, cho đến toàn thế giới. Văn hóa thì đa dạng và phong phú, ở đây chúng ta thử tìm hiểu về khủng hoảng văn hóa ở các

mặt sau: sách báo, phim ảnh, giáo dục...

Trong các phương tiện truyền thông đại chúng thuộc về văn hóa thì sách báo là một trong những phương tiện hữu hiệu nhất. Sách báo ngày nay được in ấn với số lượng khá lớn, đa dạng và phong phú cả nội dung lẫn hình thức. Trong ấy có rất nhiều sách báo mang nội dung không thanh cao, chuyển tải những ý niệm thấp hèn. Nhiều tác giả khi viết sách, làm báo, soạn nhạc họ không minh định được cái thiện, cái ác. Do đó họ không đề cao cái đẹp, cái thiện, cái mỹ, sự thanh khiết cao cả của con người, sự an tịnh của tâm hồn... Ngược lại họ viết những trang mang những nội dung thấp hèn, kích động dục tính, viết lên sự thù hận tham lam... tạo sự chia rẽ kích động, làm ô nhiễm hàng vạn tâm hồn con người. Hơn nữa, nhiều nhà viết sách, báo ngày nay, vì bị mua chuộc bởi tình, tiền và danh vọng đã viết lên những trang sách mang nội dung không tốt, tạo những tư tưởng sai lầm cho nhiều thế hệ mai sau.

Song song với lĩnh vực sách báo là lĩnh vực phim ảnh, nếu như sách báo ảnh hưởng ở mức độ nhẹ, thì phim ảnh ảnh hưởng ở độ rộng hơn. Nhưng phim ảnh kích động về chiến tranh, bạo lực, kinh dị, đặc biệt là những phim ảnh đồi trụy đã tạo nhiều stress cho khán giả, làm tha hóa mọi tầng lớp, nhất là tầng lớp trẻ. Xã hội hiện đại với nhiều loại phương tiện như VCD, DVD, computer... đặc biệt là internet, đã góp phần tạo nên sự băng hoại đạo đức ở giới trẻ, đưa đến nạn phá thai ở tuổi vị thành niên, khủng hoảng về sự ly dị ở những cặp vợ chồng trẻ...



Ở lĩnh vực giáo dục cũng chưa được quan tâm đúng mức. Các bậc cha mẹ ngày nay lo quá nhiều công việc nên không có nhiều thời gian quan tâm, dạy dỗ con cái mình đúng mức. Nhà trường thì không dạy nhiều hay quan tâm nhiều về các môn đạo đức... từ đó đã xuất hiện trong xã hội rất nhiều trẻ em ở tuổi vị thành niên đã sử dụng thuốc lá, rượu chè, cờ bạc, chơi bời quan hệ... rồi rơi vào con đường nghiện ngập, ma túy.

Thích Chân Quang, tác giả bộ sách về Tâm Lý Đạo Đức đã nhận xét: “Khi mà khoa học đã vươn đến đỉnh cao tốt độ như hiện nay thì nhân loại bắt đầu hoảng sợ. Hành tinh con người bỗng trở nên mong manh, dễ vỡ vì những trái bom hạt nhân đang nằm sẵn trên giàn. Một số nước Âu Mỹ cho phép mua bán súng đạn tự do khiến mạng sống con người trở nên hồi hộp lo âu. Phim ảnh khiêu dâm, bạo lực lan tràn trong mọi ngõ ngách của cuộc sống và tâm hồn con người đã trở nên băng hoại.”

## **Phần II: Ứng Dụng Bát Chánh Đạo Cho Những Vấn Đề Thời Đại**

Với những khủng hoảng trong thời đại mới vừa trình bày ở trên: khủng hoảng tâm linh, khủng hoảng môi sinh, khủng hoảng xã hội, khủng hoảng văn hóa... đòi hỏi những nhà lãnh đạo cần có nhiều phương pháp giải quyết để tái thiết lại một thế giới hòa bình, thanh cao, trong sạch, tốt đẹp... Ở đây, người viết xin giới thiệu một phương pháp hữu hiệu góp phần vào việc dựng xây một thế giới tốt đẹp như thế. Phương pháp đó chính là áp dụng Bát chánh đạo vào cuộc sống để giải quyết những vấn đề trên.

### ***1. Ứng dụng ở lãnh vực tâm linh***

Khủng hoảng thuộc lãnh vực này được khái quát qua ba phần: khủng hoảng tôn giáo, khủng hoảng chiến tranh xung đột, và khủng hoảng tư duy. Tám phương pháp chân chánh sẽ lần lượt đưa ra hướng giải quyết cho những khó khăn này.

#### ***1. Khủng hoảng tôn giáo***

Mục đích của tôn giáo là hướng dẫn nhân loại tìm về chân-thiện-mỹ, tạo sự đoàn kết giữa mọi người với nhau, tạo một cuộc sống hòa hợp, trau dồi đức tính và tinh thần thanh tịnh và cùng nhau hướng về chân lý. Chân lý thì chỉ có một, nhưng chân lý có thể và phải được phản ánh dưới nhiều hình thức khác nhau tùy theo văn hóa, dân tộc của từng vùng.

Nguyên nhân gây ra sự khủng hoảng tôn giáo hay chiến tranh tôn giáo là do sự hiểu biết sai lầm, sự nhận thức lệch lạc, vì tự ki, dục vọng và danh vọng, chấp chặt vào giáo điều... của những nhà tôn giáo, từ đó họ mang

danh Thượng đế, nhân danh chân lý để tạo sự hận thù và đánh giết những người không cùng quan điểm, không cùng tôn giáo với mình, tạo nên những cuộc chiến tranh kinh khiếp cho nhân loại.

Muốn chấm dứt tình trạng ấy, những nhà tôn giáo phải thực hiện Chánh kiến để có cái nhìn đúng đắn như thật, phải thực tập Chánh tư duy để có những suy tư chân chánh, nhờ thế họ sẽ thấy được chân lý chính là tình thương, là sự cảm thông và hiểu biết, là hạnh phúc của con người. Thực tập được điều đó, nhà tôn giáo sẽ có được sự cảm thông và hiểu biết, tư tưởng chân chánh ấy sẽ phát sinh những hành động tốt đẹp, họ sẽ không bao giờ gây bất cứ điều gì tổn hại cho con người mà chỉ đem lại sự lợi lạc, an bình thật sự cho nhân loại như mục đích tốt đẹp của tôn giáo đã nêu ra. Những nhà lãnh đạo tôn giáo cũng phải thực hiện Chánh niệm và Chánh định để thanh lọc thân tâm, loại trừ tất cả những tư duy hữu ngã, những bản chất xấu xa, vị kỷ, dục vọng, danh vọng, giáo điều... khi thân tâm được thanh tịnh thì họ làm bất cứ điều gì cũng mang lại an lạc và hạnh phúc cho nhân loại, khi ấy nhà tôn giáo mới thực sự hướng dẫn nhân loại đến chân-thiện-mỹ, và dĩ nhiên lúc ấy sẽ không bao giờ xảy ra khủng hoảng tôn giáo nữa. Chính nhờ thực tập được điều này mà sự truyền bá của Phật giáo không bao giờ mang đến sự khủng hoảng cho nhân loại như một vài tôn giáo khác đã làm.

Phải chăng nhà khoa học lừng danh nhất của nhân loại trong thế kỉ XX, Albert Einstein đã nghiên cứu qua những phương pháp nhiệm màu này trong Phật giáo nên đã khẳng định: “*Tôn giáo trong tương lai sẽ là một tôn giáo vũ trụ, nó phải siêu việt lên một Thượng đế cá nhân, tránh giáo điều thần học, bao quát cả hai mặt tự nhiên và tâm linh, nó phải dựa trên một ý thức tôn giáo nảy sinh từ sự thực nghiệm của mọi sự vật tự nhiên và tâm linh, được quan niệm như một thể thống nhất có ý nghĩa. Phật giáo đáp ứng một mô tả như vậy. Nếu có một tôn giáo thỏa mãn những yêu cầu của khoa học hiện đại thì tôn giáo đó là Phật giáo.*”

#### ***2. Chiến tranh và xung đột***

Nếu chiến tranh và xung đột là tội ác, là khổ đau làm cho nhân loại kinh khiếp bao nhiêu thì hòa bình và hạnh phúc là ước mơ của hàng triệu người bấy nhiêu. Triết gia Benjamin Franklin nhận định: “Không bao giờ có một chiến tranh tốt hay một hòa bình xấu”. Chiến tranh và xung đột không phải ngẫu nhiên mà có, nó bắt nguồn từ những tư tưởng tham lam tranh giành của cái, tài nguyên, thuộc địa. Chiến tranh còn bắt nguồn từ những tư tưởng, ý niệm chia rẽ, hận thù và gian ác. Lời mở đầu bản hiến chương của Tổ chức văn hóa giáo dục Liên Hợp Quốc (Unesco) đã khẳng định: “Chiến tranh do tâm



phát khởi thì hòa bình cũng do tâm xây dựng.” Lời mở đầu bản hiến chương này nhắc nhở chúng ta rằng: công cuộc xây dựng hòa bình phải được xây dựng ngay chính tâm con người.

Tiền trình tu tập Bát chánh đạo chính là tiền trình thanh lọc tư tưởng, thanh lọc tâm. Mỗi khi con người áp dụng pháp môn này để quay về với chính mình để thanh lọc thân tâm thì chiến tranh và sự xung đột sẽ được tiêu diệt tận gốc rễ. Con người cần tu tập Chánh kiến để thấy được giá trị của hòa bình và an lạc, thấy được tội ác và khổ đau kinh khiếp của chiến tranh, xung đột. Từ đó, qua Chánh tinh tấn, con người nỗ lực thực tập Chánh niệm và Chánh định để thanh lọc tâm, loại trừ những tư tưởng tham lam tranh giành của cải, tài nguyên, thuộc địa, dứt bỏ những ý niệm chia rẽ, hận thù và gian ác. Thực tập được điều này thì chiến tranh và xung đột sẽ không bao giờ phát sanh, đồng thời tâm ý cũng được định tĩnh và an lạc, và đó cũng chính là hạnh phúc tối thượng mà đức Phật thường dạy trong các kinh điển: “Không có hạnh phúc nào có thể sánh với sự an bình của tâm trí.”

Thiền sư Thích Nhất Hạnh (Trần Thạc Đức), bậc thầy về phong trào hòa bình thế giới đã nói: “Con người cần thấy rằng dục vọng, tham sân đã gây loạn cho thiên hạ, phải quay về tự thân để mở một cuộc thanh trừng vĩ đại bên trong nội giới. Phải ý thức rằng bản thân mình chứa đựng những yếu tố trí huệ và tình thương, mà cũng chứa đựng yếu tố si mê và dục vọng. Dục vọng si mê đã che lấp tình thương và trí huệ. Con người cần phải tranh đấu để diệt trừ chúng, để nuôi dưỡng trí tuệ và tình thương thì con người mới có thể đoàn kết sâu rộng, để tạo một đời sống chung cùng tươi đẹp.”

### 3. Khủng hoảng tinh thần

Khủng hoảng tinh thần được phân tích ở chương 2, đó chính là sự khủng hoảng của khối óc và con tim, sự lo sợ mọi vấn đề trong cuộc sống cũng như sự xuống cấp về đạo đức của con người hiện đại. Sở dĩ có những việc ấy là do sự tât bật của xã hội hiện đại, con người sống hối hả, thiếu chánh niệm, tinh thần lúc nào cũng bị dao động, biến đổi theo hoàn cảnh, theo công việc, theo vật chất, danh vọng... để rồi chấp chặt, bám víu vào đó, chưa bao giờ có một chút thanh thản để quay về nội tâm, quán chiếu chính mình, thực hiện từng bước đi an lạc, từng hơi thở thánh thoi. Muốn chấm dứt tình trạng ấy, con người cần thực tập Chánh kiến để thấy đúng, hiểu rõ về bản chất của cuộc đời vốn là vô thường, giả tạm; ngay cả tâm ý cũng thay đổi không ngừng, khi thấy được bản chất ấy ta sẽ không quá bám víu, chấp chặt vào mọi sự việc, cứ bình tĩnh, vui tươi và thoải mái giải quyết mọi công việc... có như thế thì tinh thần sẽ được quân bình, giảm bớt những sự lo âu, căng thẳng. Đồng thời áp dụng

và thực hành phương pháp Chánh tư duy, Chánh niệm, Chánh định để có được những suy tư, nhớ nghĩ một cách đúng đắn, chân chính, thân tâm được định tĩnh sáng suốt. Được như thế thì hiệu quả công việc sẽ tăng cao, thân tâm không còn dao động, lo âu, stress... Như thế thì khủng hoảng về tư duy sẽ không còn tồn tại nữa.

Đối với vấn đề đạo đức đang băng hoại, xuống cấp trong xã hội hiện đại, con người cần thực tập Chánh ngữ để thiết lập sự cảm thông, ý thức trong từng lời nói của mình, lúc nào cũng nói lời hay, lẽ thật mang tính chất xây dựng đoàn kết và thương yêu... Áp dụng Chánh nghiệp để ý thức trong từng hành động của mình lúc nào cũng mang lại sự tốt đẹp cho mình, cho người... Tu tập Chánh mạng, chọn cho mình những nghề nghiệp chân chánh, không chọn những nghề nghiệp gây tai hại cho người khác, như buôn lậu vũ khí, độc dược, đâm thuê giết mướn... Thực tập được những việc như trên thì chắc chắn xã hội thanh bình sẽ được thiết lập, những khủng hoảng về đạo đức, tư duy sẽ không còn là nỗi lo cho nhân loại nữa.

## II. Ứng dụng ở lãnh vực môi sinh

Môi sinh hay môi trường sống là điều kiện vô cùng cần thiết đối với con người. Công việc xây dựng làm sạch môi trường, tái thiết lại hành tinh xanh của trái đất ngày càng tươi đẹp để con người sinh sống là điều phải làm ngay trước mắt. Yếu tố căn bản nhất là bản thân mọi người phải có Chánh kiến để thấy được sự thật đó; phải thấy được rừng và cây xanh là yếu tố cần thiết nhất để tạo một môi trường đẹp và trong sạch. Cây xanh và rừng mang lại dưỡng khí cho con người và hàng triệu loài sinh vật; rừng điều hòa không khí, giảm lũ lụt và hạn hán, giữ độ phì nhiêu của đất, giữ mạch nước ngầm trong lòng đất... Cây xanh và rừng là người bạn thân tình nhất, tốt nhất của chúng ta; bảo vệ cây xanh, bảo vệ rừng chính là bảo vệ chính mình và bảo vệ trái đất. Nhờ có hiểu biết đúng đắn qua Chánh kiến, ta thực tập Chánh tư duy để có những suy nghĩ đúng đắn về bảo vệ rừng, xây dựng rừng; thực tập Chánh nghiệp để tạo những thiện nghiệp, những hành động tốt, như trồng cây gây rừng, kiến thiết lại những vùng thiên nhiên bị tàn phá, đồng thời phải biết lên án và ngăn chặn những hành vi phá hoại rừng...

Con người cần thực tập Chánh mạng, chọn cho mình những nghề nghiệp sinh sống thích hợp, chân chính, không vì tư lợi, vị kỷ bản thân mà chọn những nghề nghiệp chỉ lợi mình mà gây hại cho người khác và tàn phá thiên nhiên. Như tránh những nghề tàn phá cây xanh, núi rừng, buôn bán các hóa chất độc hại gây ra sự tàn phá thiên nhiên, môi trường... Phải ý thức khi xây dựng xí nghiệp, nhà máy; hạn chế tối đa việc thải những

khí độc, khói vào không trung, phải có những giải pháp tối ưu để xử lý các chất thải độc hại mà không được thải vào sông hồ, biển cả...

Các nhà bảo vệ môi sinh trên thế giới cũng có những giải pháp cứu vãn tình hình khủng hoảng môi sinh như hạn chế sự khai thác tài nguyên thiên nhiên, tái thiết và sửa sang lại các môi trường bị tàn phá, phế bỏ dần những sinh hoạt gây tổn hại thiên nhiên và cùng lúc khuyến khích các kỹ thuật sản xuất tiết yêu thương trái đất. Chuyển hóa dần xã hội tiêu thụ phung phí thành một xã hội biết tiết kiệm nhiên liệu hữu hạn và giảm thiểu sự phế thải để bớt ô nhiễm môi sinh... Tất cả những dự án này đều hay và rất đúng. Nhưng nếu nhìn kỹ một chút, ta sẽ thấy những phương pháp ấy vẫn chưa giải quyết được tận gốc của vấn đề. Bởi vì, nguyên nhân hay thủ phạm của sự tàn phá, gây ô nhiễm môi sinh chính là con người chứ không phải hoàn toàn ở khoa học hay kỹ thuật. Nếu tâm con người còn nhiều tham lam, sân hận và si mê... thì mọi hành động của con người vẫn luôn mang bản chất tàn phá và hủy diệt, gây ô nhiễm cho môi trường... Do đó muốn xây dựng một môi trường sống trong sạch, muốn thanh tịnh thiên nhiên thì điều trước tiên là phải thanh tịnh hóa thân tâm của mỗi người, việc thanh tịnh hóa thân tâm không gì tốt đẹp hơn là áp dụng Bát chánh đạo vào cuộc sống hằng ngày của mình. Được như thế thì con người luôn luôn được sống trong một thế giới hoàn mỹ nhất.



### **III. Ứng dụng ở lãnh vực xã hội**

Những khó khăn về mặt xã hội hay những khủng hoảng của xã hội đã được trình bày vắn tắt ở chương 2. Thứ nhất là những khủng hoảng về kinh tế, sự khủng hoảng này phát sinh là do sự phát triển kinh tế không đồng đều, và hướng đi của những nhà làm kinh tế không đúng, nếu không muốn nói là sai lầm. Nguyên nhân chính là do những nhận định sai lệch, xuất phát từ những

tư tưởng hơn thua tranh giành, tham lam đầy danh vọng... Do đó vấn đề đầu tiên đòi hỏi những nhà làm kinh tế phải có những nhận thức đúng đắn (chánh kiến), một cái nhìn xuyên suốt về tình hình xã hội, quốc gia, nguồn nhân lực, tài nguyên thiên nhiên, khí hậu, địa hình của quốc gia mình... từ đó họ nghiền ngẫm, suy tư một hướng đi đúng đắn (chánh tư duy), áp dụng vào hành động phù hợp (chánh nghiệp), và nỗ lực siêng năng (chánh tinh tấn), thực hiện những biện pháp hợp lý, đưa nền kinh tế phát triển đúng hướng, làm giàu đẹp quốc gia mình. Một khi đã có những nhận định, những suy tư đúng đắn qua Chánh kiến và Chánh tư duy, thì kinh tế sẽ không vì hơn thua, danh vọng, tham tài mà chạy đua kinh tế như Mỹ và Liên Xô trong thời chiến tranh lạnh để rơi vào khủng hoảng. Nhờ phương pháp Bát chánh đạo, nhà kinh tế lúc nào thân tâm cũng an lạc, sáng suốt, luôn có những nhận định đúng đắn để đưa nền kinh tế quốc gia phát triển hợp lý, không bao giờ rơi vào tình trạng khủng hoảng.

Vấn đề mâu thuẫn trong chính trị cũng thế. Các nhà chính trị cần thực hiện con đường Bát chánh để làm cho tư tưởng, lời nói và việc làm đúng đắn, mang lợi ích thật sự cho con người, loại bỏ những tư tưởng thù hận, kích bác chống trái lẫn nhau mà dẫn đến sự khủng hoảng, chiến tranh và giết hại. Nhờ thực hiện tám phương pháp đúng đắn mà các nhà chính trị có tâm từ ái, có hiểu biết, có cái nhìn xuyên suốt, biết thông cảm cho nhau, biết quan tâm lẫn nhau; dùng Chánh ngữ để giải quyết mọi vấn đề trong êm đẹp, hòa ái, mang lại đoàn kết, thiết lập một thế giới đại đồng, hòa bình và thịnh trị ở khắp mọi nơi.

Những khó khăn trong việc đô thị hóa cũng vậy. Việc đô thị hóa hình thành từ sự phát triển nhanh trong công nghiệp. Nếu những người quản lý đô thị áp dụng phương pháp Bát chánh trong cuộc sống hằng ngày thì thân tâm họ được thanh tịnh hóa, tinh thần minh mẫn, thân thể tráng kiện; họ có được cái nhìn cảm thông và xuyên suốt, không vì tư lợi mà bóc lột công nhân, không giận dữ mà ngược đãi người làm,... đồng thời họ biết xây dựng những công xưởng, nhà máy hay xí nghiệp với đầy đủ tiện nghi, bảo đảm những điều kiện sống tốt đẹp cho công nhân, từ phòng nghỉ, đến chế độ ăn uống, vệ sinh, các phương tiện về y tế, các vấn đề trật tự... bảo đảm quyền lợi và hạnh phúc của mọi người. Được như thế thì sự khủng hoảng, khó khăn trong việc đô thị sẽ được giải quyết một cách tốt đẹp nhất.

### **IV. Ứng dụng ở lãnh vực văn hóa**

Ngày nay, việc ứng dụng Bát chánh đạo để giải quyết nền văn hóa có vấn đề khủng hoảng như được nêu ở trên là điều có thể thực hiện được. Về phương diện

sách báo, nguyên nhân của sự khủng hoảng là do người cầm bút có những tư tưởng không trong sạch, họ không minh định được vấn đề thiện ác, hoặc tâm hồn họ còn nhiều nhiễm ô của tham sân, của tình tiền, danh vọng chi phối, do vậy họ mới viết lên những trang sách gây ô nhiễm, tai hại cho cả nhiều thế hệ mai sau. Do đó người cầm bút cần áp dụng Bát chánh đạo để thanh lọc thân tâm, làm tâm hồn mình được trong sáng, thanh cao trở lại. Khi đó, họ sẽ không viết lên những trang sách mang nội dung thấp hèn, không ca ngợi dục vọng dâm dục, không vướng vào lợi danh, tình tiền, không viết lên những trang mang nội dung khát máu, kích động lòng người, gây chia rẽ hận thù... Ngược lại, họ sẽ biết nâng niu trân trọng những trang viết của mình, sẽ viết lên những điều tốt giúp ích cho toàn xã hội, viết lên những lời hay ý đẹp, ca ngợi sự thật, ca ngợi sự thanh khiết cao cả của tâm hồn con người; mỗi trang, mỗi dòng đều mang nội dung lành mạnh, xây dựng đoàn kết, thấp lên tình thương... chuyển hóa tâm hồn con người ngày một thanh khiết tốt đẹp hơn.

Nhà làm phim cũng phải áp dụng phương pháp Bát chánh để tu tập, để có Chánh kiến thấy rõ rằng những phim mình sáng tác sẽ ảnh hưởng đến rất nhiều người. Nếu nhà làm phim với tâm hồn không trong sạch còn nhiều giận hờn, si mê và tham sân... thì thể hiện ra những phim ảnh với nội dung không lành mạnh, mang nội dung bạo động, kích dục, hận thù... Một khi con đường Bát chánh được thực hiện thì nhà làm phim sẽ có Chánh kiến, có tư duy đúng đắn... biết thanh lọc tâm mình qua Chánh niệm, Chánh định, thì họ sẽ sản xuất ra những phim ảnh với nội dung thanh cao, ca ngợi đức hy sinh, ca ngợi cái đẹp, cái tốt trong cuộc sống, phát triển những đức tánh cao cả trong mọi người, lên án cái xấu, cái ác trong xã hội... tạo những tư tưởng thuần lương, thanh khiết cho mọi người.

Ở lĩnh vực giáo dục của gia đình, học đường hay trong xã hội, những bậc cha mẹ, thầy cô giáo phải áp dụng Bát chánh đạo để có được sự hiểu biết chân chánh, có được những tư duy đúng đắn, có được những hành động tốt đẹp, một nghề nghiệp thuần lương, có được tâm hồn luôn thanh cao và trong sáng để tạo nên một đời sống tốt đẹp cho chính mình và dựng xây xã hội ngày một tốt đẹp hơn. Làm được như vậy thì chính họ là những tấm gương tốt nhất cho hàng con cháu, học sinh họ noi theo. Nhờ thực tập con đường Bát chánh mà họ còn có được sự cảm thông, biết quan tâm chia sẻ, chăm sóc con cái, học sinh nhiều hơn; đưa các em vào những nề nếp, những sinh hoạt lành mạnh, thân thể tráng kiện, tinh thần minh mẫn... Như thế thì vấn đề xuống cấp về đạo đức ở các em ở tuổi vị thành niên nói riêng hay mọi

người nói chung sẽ không còn là nỗi lo ngại nữa, ngược lại một xã hội tốt đẹp, lành mạnh văn minh sẽ hiện hữu khắp mọi nơi.

\*\*\*

Dòng đời nói chung hay một kiếp người nói riêng luôn tiềm ẩn trong đó những nỗi vui buồn, được mất, thanh suy, vô thường biến động. Đã là một con người thì cũng luôn ẩn chứa trong mình những niềm vui, nỗi buồn hay hạnh phúc và đau khổ. Từ lúc cất tiếng khóc chào đời trong nôi đến lúc già, bệnh, chết nằm trong lòng đất quạnh hiu, giá lạnh. Cả một chuỗi thời gian dài sinh sống con người chợt nhận ra rằng vui thì ít nhưng những nỗi khổ, niềm đau thì hình như không kể hết được. Bản chất cuộc đời luôn là khổ không, vô ngã. Đức Phật ra đời với những thông điệp diệt khổ, để làm vui bớt những nỗi khổ, niềm đau của nhân thế. Qua thời gian nghiên cứu mọi lý thuyết về triết học và tôn giáo, Tổng thống Nehru tuyên bố rằng: “Đức Phật vĩ đại hơn tất cả các lý thuyết và tín điều, thông điệp bất diệt của Ngài làm rung động nhân loại qua nhiều thời đại. Có lẽ không một thời điểm nào trong lịch sử quá khứ mà thông điệp hòa bình của Ngài lại cần thiết hơn cho nhân loại đang đau khổ và cuồng loạn như hôm nay.”

Thông điệp vĩ đại ấy chính là vô lượng pháp môn tu học thể hiện qua Tam tạng kinh điển mà một đời người bỏ công ra đọc (chưa cần hiểu nghĩa) cũng chưa chắc là đọc hết, nhưng Tam tạng kinh điển ấy được đúc kết và cô đọng qua Tám con đường chân chánh, dù là Nam truyền hay Bắc truyền; dù là Tịnh độ tông hay Hoa nghiêm tông, dù là Luật tông hay Pháp tướng tông... Tất cả đều lấy con đường Bát chánh làm nền tảng; bởi vì đó là con đường chân chánh, con đường Trung đạo.

Đã qua rồi một thời có những những nhận định phiến diện: “Tôn giáo là liều thuốc phiện” tạo hiểu lầm cho nhân loại. Cũng đã qua rồi một thời cho đạo Phật là bi quan, yếm thế... Những gì mà Phật giáo đã thể hiện, đã cống hiến cho nhân loại trong hàng chục thế kỷ qua đủ thấy rằng Phật giáo là một tôn giáo vô cùng lạc quan và thực tế. Điều này đã được tiến sĩ W. Rahula nhận định: “Phật giáo rất thực tế, vì Phật giáo lấy quan điểm thực tế đối với cuộc đời và thế giới. Phật giáo không sai lầm lôi kéo chúng ta đến sống trong một thiên đường rồ dại, Phật giáo cũng không đe dọa và hành hạ chúng ta bằng tất cả những sợ hãi giả tưởng và các mặc cảm tội lỗi. Phật giáo kêu gọi chúng ta nên chính xác và khách quan những gì thế giới chung quanh chúng ta và chỉ cho chúng ta con đường đi đến tự do toàn hảo, hòa bình và hạnh phúc.”

Quả thật, suốt quá trình hiện diện trên cõi đời hơn 25 thế kỷ, Phật giáo đã thể hiện tất cả những yếu tố lạc quan, cống hiến những phương pháp tích cực. Đặc biệt với Bát chánh đạo, đây không những là một pháp môn căn bản và hữu hiệu nhất cho hành giả tu tập hướng về an lạc, chầy về suối Thánh, đạt được Niết-bàn cao cả, mà Bát chánh đạo còn là một phương pháp hữu hiệu nhất để ứng dụng vào cuộc sống mới, xây dựng cuộc đời, giải quyết những vấn đề mới, giải quyết những khủng hoảng đang hiện diện gây khó khăn cho nhân loại như khủng hoảng tâm linh, khủng hoảng môi sinh, khủng hoảng xã hội, khủng hoảng văn hóa... mang lại một cuộc sống thật sự hạnh phúc và an lạc cho cả thế giới này.



Tranh Minh Chiếu

Thế giới ngày nay, nhân loại đang từng bước hoàn thiện đời sống con người và xã hội; lãnh vực giáo dục cũng đang từng bước được cải thiện nâng cao dần lên. Thế nhưng, thế giới ngày nay phát triển nhanh đến mức độ kinh khiếp trên mọi lãnh vực, từ đó kéo theo những khó khăn trong xã hội, những phương pháp của xã hội cũng như những cải thiện trong mặt giáo dục không theo kịp để tạo sự cân bằng xã hội. Nguyên nhân của sự không theo kịp ấy là vì những phương pháp ấy chỉ cố gắng giải quyết sự việc ở mức độ xã hội, có quan tâm đến con người nhưng chỉ quan tâm ở mặt hình thức, có tính chất tạm thời. Muốn giải quyết mọi vấn đề một cách hoàn hảo nhất, đúng đắn nhất là phải giải quyết ở

ngay bản tâm con người; chừng nào con người còn tham lam, sân hận, ích kỉ và thù nghịch lẫn nhau, thì chừng ấy xã hội vẫn còn những vấn đề rắc rối và những sự khủng hoảng vẫn tiếp tục xảy ra. Do đó con người cần phải can đảm, quay về chính bản tâm mình để làm một cuộc “thanh trừng” vĩ đại, loại trừ tất cả những bản tánh xấu ác. “Tâm bình thì thế giới bình”, một khi trong tâm con người không còn những sự tham lam, ích kỉ... biết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau, biết phát triển trí tuệ thật sự... thì chừng ấy thế giới sẽ hòa bình, an lạc và phát triển theo hướng tốt đẹp nhất. Để có được điều này không gì tốt đẹp hơn là phải đưa Bát chánh đạo vào ứng dụng trong cuộc đời để thanh lọc thân, tâm con người, làm giàu đẹp, an bình và hạnh phúc cho cuộc sống.

Đã đến lúc mọi người trên thế giới cần quay về Phật giáo để tìm lại sự an lạc đích thực của tâm hồn mình và làm giàu đẹp thế giới. Đã đến lúc các nhà lãnh đạo trên thế giới, lãnh đạo quốc gia phải nhìn lại vấn đề, để đủ can đảm đem phương pháp Bát chánh đạo nhiệm mầu này dựng xây cuộc sống, đưa Bát chánh đạo vào chương trình giáo dục xã hội, giáo dục học đường, giáo dục gia đình và giáo dục cho từng cá nhân. Được như thế thì con người sẽ không còn tham, sân, si, hận thù và ích kỉ... Xã hội sẽ không còn những lo âu sợ sệt về những sự khủng hoảng. Nhân loại sẽ sống trong một thế giới đại đồng, bình yên, hạnh phúc và giàu đẹp.

Phật giáo vô cùng thực tế, rất tích cực cho cuộc sống và con người, cho dù đó là con người trong lịch sử hay con người trong thế giới hiện đại. Chính vì thế, ta thấy rất nhiều bậc vĩ nhân trên thế giới đều áp dụng Phật giáo để làm kim chỉ nam hướng về chân-thiện-mỹ, áp dụng cho đời sống bản thân, cho quốc gia, cho con người và cho xứ sở họ: từ Đại đế Asoka (A-đục) vĩ đại trong lịch sử cho đến Tổng thống Nehru của xứ Ấn; từ vua Lý Thái Tổ làm vang danh đất Việt cho đến tướng quân Lý Thường Kiệt anh hùng; từ nhà khoa học lừng danh nhất thế giới Albert Einstein đến tiến sĩ W. Rahula học giả trừ danh trong thời hiện tại v.v...

Để kết thúc bài viết này, người viết xin mượn lời của giáo sư Rhys Davids, Chủ tịch hội Pali Text Society, như là một lời nhắn gửi đến tất cả mọi người hãy ứng dụng Bát chánh đạo để làm đẹp và thăng hoa cho cuộc sống của mình: “Là Phật tử hay không phải là Phật tử, tôi đã quan sát mọi hệ thống các tôn giáo trên thế giới, tôi đã khám phá ra không một tôn giáo nào có thể vượt qua được về phương diện về đẹp và sự quán triệt của Bát chánh đạo và Tứ diệu đế của đức Phật. Tôi rất mãn nguyện đem ứng dụng cuộc đời tôi theo con đường đó.”

## khúc quan châu 2

(trên cõi đời có được bao nhiêu người vượt qua  
được chuyện tình cảm...giả sử một tiểu ni cô trong tiền kiếp như em cũng chẳng vượt qua nổi thì sao nhỉ...?)

### (lạc)

em đi ở ẩn áo nâu  
bao lần bỏ phố để khâu vết trần  
chỉ kim lạc nét hoa vân  
thêu đời lạ lắm chữ bản thân yêu

### (thuyền)

thuyền vừa xa bến sông chiều  
em đem Kinh kệ câu yêu đặt gần  
ôi duyên nặng nghiệp với trần  
sóng khua bên mạn ngại ngăn đường tu

### (chuông)

chuông xa đổ tiếng phù du  
nhân sinh duyên khởi thực hư bông bèo  
đưa mây tìm chốn yên bình  
mà tim thiếu nữ rạn nghìn vết đau



### (vọng)

tình em khoác chiếc áo sầu  
nên hồn vẫn mặc áo nhàu kiếp xưa  
đàn thu vọng khúc gió thưa  
cung chưa trầm bậc cho vừa thoát mê

### (tiếng)

em như cũng muốn trở về  
cùng ai se kết lời thề trăm năm  
trối nhau trong kén tơ tằm  
để nghe bướm đục vỡ âm tiếng lòng

### (không)

nửa phần đạo gọi ở trong  
phân vân cùng với mộng không nửa ngoài  
nhện giăng gùi Phạn thư rồi  
thôi em sám hối cho môi phai hồng

(lạc thuyền chuông vọng tiếng không  
ngân câu bát nhã trên giòng châu\* roi...)

\* = trắng

LÂM BÍCH NHY

25112006

# THIÊN HỌC TRONG NGHỆ THUẬT VÀ KIẾN TRÚC

## *Thích Thái Không*

Nghệ thuật và kiến trúc thể hiện nếp sống và hệ thống tư tưởng của từng thời đại. Bởi vậy, muốn tìm hiểu về các nền văn hóa, tôn giáo và phong tục trong nhân gian thì nghệ thuật và kiến trúc đóng vai trò rất quan trọng.

Nghệ thuật gồm có những lĩnh vực như thơ, họa, âm nhạc, kiến trúc... Nghệ thuật hòa điệu với tâm hồn của con người. Nếu cuộc sống không có nghệ thuật thì tất cả đều khô cứng như gỗ đá. Nghệ thuật thể hiện cảm hứng của tâm hồn. Cánh đào rơi trước ngọn gió xuân sẽ trở thành một bức tranh dưới cái nhìn của một họa sĩ... Đối với Thiền, nghệ thuật là phương tiện để nói lên những sự hiện hữu mâu thuẫn và những pháp hành siêu việt. Những bài thơ Thiền làm thức tỉnh lòng người đang mê muội. Những bức tranh Thiền đưa con người trở về với cội nguồn tâm linh trong hiện tại. Lối kiến trúc trong Thiền môn làm cho con người có cảm giác thanh thoát nhẹ nhàng hơn sau những ngày bôn ba giữa phố thị. Mỗi bức tranh Thiền có mỗi ý nghĩa rất sâu sắc, trong đó có thể là một nhân vật như hình ảnh của Ngài Đạt Ma Tổ Sư, Ngài Huệ Năng, hoặc là một cảnh tượng đơn giản, hoặc chỉ là một vài chữ... nhưng nét bút đã thể hiện tính cách, tư tưởng và hành động của đối tượng và chủ ý tác giả.

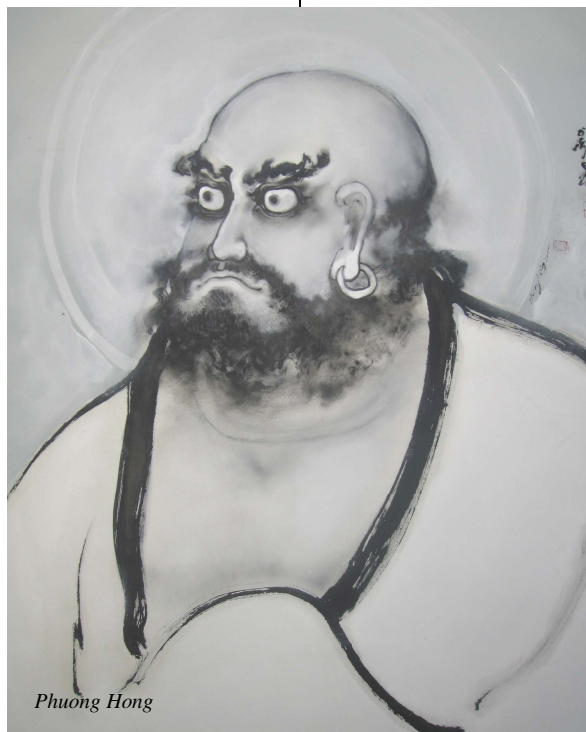
Bất cứ ai trong giới Thiền gia đều xem hình Bồ Đề Đạt Ma là một biểu tượng hùng

tráng, với đôi mắt trợn trừng nhìn thế sự, hàm én kiêu hãnh thể hiện nét phong trần, đôi chân không đạp trên sóng đời cuộn cuộn chảy. Hoặc là bức tranh Cửu niên diện bích là một bài học lớn về pháp Thiền Đại Thừa Bích Quán. Nghĩa là Bích Quán là thế giới tuyệt đối của tâm, tất cả đã để lại sau lưng để trở về với thế giới tĩnh mặc. Bên bức tranh đề bốn chữ Đại Thừa Bích Quán không phải là điều đơn giản mà ai cũng có thể lãnh hội được. Đây là một Thiền án cho tất cả các hành giả đang thực tập Thiền. Nếu hiểu bức tranh Bích Quán là ngó vào vách thì thật là vô nghĩa. Qua bức tranh đã nói lên một pháp hành, Bích Quán là Tâm Quán, không phải nhìn vào vách như những người thường nhìn mà chính là nhìn vào tâm để thấy được điểm tận cùng của tâm, đó là lối về bất nhị. Ngài Đạt Ma đã dạy Nhị Tổ Huệ Khả về phép Bích Quán như sau:

*Ngoài dứt chur duyên  
Trong không toan tính  
Tâm như tường vách  
Mới là nhập đạo*

Pháp hành Thiền quán được thể hiện qua bức tranh. Tất cả yếu chỉ của Thiền được cô đọng trên từng nét chấm phá, như hình ảnh Ngài Huệ Năng đốt sách là những lời nhắc nhở cho những ai ôm lấy kiến thức để nhốt mình trong chấp ngã.

Trong Thiền tông còn có bộ tranh Thập Mục Nguu Đồ được phổ biến rộng rãi qua các Thiền viện và cũng là kim chỉ



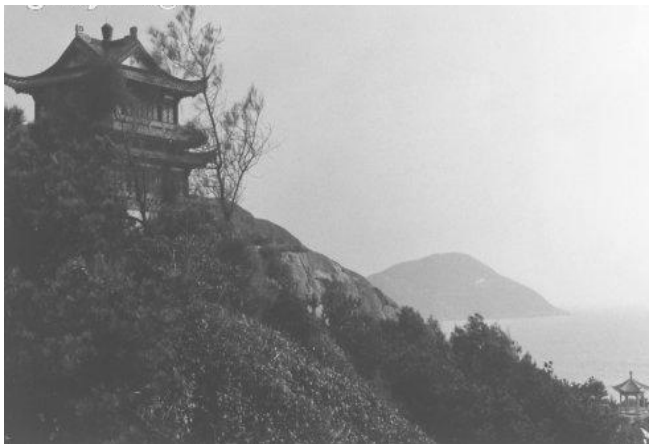
nam cho những hành giả đang thực hành Thiền quán.

Thiền học còn có mặt trong lãnh vực kiến trúc Á Đông. Mỗi Thiền viện đều có một lối kiến trúc ôn hòa, khác hẳn với lối kiến trúc La Hy của các Nhà thờ Thiên Chúa Giáo hay lối kiến trúc Trung Đông của các nhà thờ Hồi Giáo. Kiến trúc của các Thiền viện thể hiện nếp sống trầm tĩnh thanh u nhưng vẫn mang dáng vẻ oai nghiêm của các nơi thờ tự và mang đậm màu sắc tôn giáo.

Khi bước vào Thiền viện Phật giáo, đầu tiên chúng ta phải vào cổng Tam Quan. Không phải ngẫu nhiên mà làm cổng Tam Quan, ngoài nghệ thuật kiến trúc còn có ý nghĩa triết lý rất lớn trong Thiền học, Tam Quan là Tam Giải Thoát Môn, là Tam Pháp Ấn, là “Không”, “Vô Tướng” và “Vô Tác”.

Trong Thiền Viện Phật Giáo, kiến trúc và thiên nhiên hòa điệu với nhau bởi vậy khi bước vào Thiền viện chúng ta có cảm giác thi vị và thanh thoát. Vì có một cuộc sống ôn ào náo nhiệt như ở phồn hoa phố thị, mà phải là một đời sống thanh đạm về vật chất và có một tâm hồn thanh thoát.

Các Thiền viện ở Á Đông từ xưa đã được vua quan xây dựng nên phảng phất đường nét của kiến trúc cung đình, sự trình bày trang trí nội thất cũng tương tự như các phủ đệ, nhưng bên cạnh đó Thiền viện vẫn mang tính cách kiến trúc của nhân gian tương tự như đình làng miếu vũ cho nên không phải là xa lạ đối với dân chúng. Từ đó, kiến trúc của Thiền viện mang nét ôn hòa, khiêm tốn ẩn hiện dưới những vườn đồi... Trải qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử nhưng những nét tiêu sơ của Thiền viện vẫn giữ nguyên như cũ. Ở Trung Hoa, thời đại lục quốc qua phân đã biến Trung Hoa thành nhiều mảnh, đất nước này phải chịu ảnh hưởng của nhiều nền văn minh trên thế giới như Nga, Anh, Pháp, Bồ Đào Nha, Nhật, Mỹ và có thay đổi rất nhiều trong kiến trúc, nhưng các Thiền viện ở đây vẫn tồn tại và giữ được



Thiền phong. Ở Việt Nam cũng vậy, trải qua những thời kỳ chiến tranh và trở thành thuộc địa của nhiều nước nhưng những Thiền viện ở đây vẫn còn nét cổ kính và mang phong thái của Thiền.

Chùa chiền, Thiền viện mang tính nghệ thuật kiến trúc và tính văn hóa Phật Giáo và văn hóa dân gian. Ở Á Châu, đặc biệt là Trung Hoa và Việt Nam, luôn luôn lấy tứ linh là long, lân, quy, phụng để trang trí ở các nơi tôn nghiêm như cung đình, đền thờ miếu vũ và các Thiền viện... Về mặt kiến trúc, khi gắn những hình rồng, phượng... trên mái nhà là để cho cân đối nghệ thuật, về mặt triết lý thì những hình tượng này còn có những ý nghĩa tùy theo bối cảnh. Hình ảnh con Rồng làm đề tượng trưng cho sự hưng thịnh, thăng hóa và bền vững. Lân tượng trưng cho sự hùng mạnh, uy vũ. Phụng tượng trưng cho người quân tử, có dáng tao nhã, đời sống thanh cao. Quy tượng trưng cho đức nhẫn nhục, nhu hòa và sự trường cửu. Từ văn hóa nhân gian, những biểu tượng này cũng được các Thiền viện sử dụng để trang trí đồng thời cũng có những ý nghĩa tôn giáo riêng, thể hiện những đức tính trong sự tu tập như tinh tấn, vô úy, thanh tịnh, nhẫn nhục...

Lại nữa, có một hình ảnh trong kiến trúc rất đặc biệt ở Á Đông mà chúng ta thường thấy ở các nơi mang màu sắc văn hóa như cung đình, miếu thờ, hoặc chùa chiền, đó là hình Long Mã. Ở trường Quốc Học - Huế, có bình phong Long Mã, đó là tượng trưng cho sự phát triển một nền văn hóa của đất nước. Chúng ta cũng thấy hình Long Mã trên bức phù điêu của Tổ Đình Từ Hiếu - Huế, nhưng hình ảnh Long Mã ở đây, ngoài nét nghệ thuật tiêu biểu cho thời đại còn có ý nghĩa rất lớn, đó là sự tu tập, đầu rồng tượng trưng cho trí tuệ, đôi chân tuần mã tượng trưng cho sự tinh tấn, trên lưng tuần mã chở một hòm thư, đó là tượng trưng cho những pháp hành. Một người tu tập phải như con long mã, phải có sự suy xét đúng đắn theo Chánh đạo, phải có sự kiên trì bền chí như đôi chân tuần mã và phải có một pháp hành nhất định và xem pháp hành đó là tính mệnh của mình.

Kiến trúc Phật giáo cũng như các công trình kiến trúc ở Trung Hoa hay Việt Nam từ thế kỷ 20 trở về đều mang màu sắc tương tự. Nền kiến trúc này hoàn toàn mang tính độc lập, không ảnh hưởng kiến trúc ngoại lai, đến bây giờ vẫn còn gần như nguyên vẹn. Hình hoa sen được dùng để trang trí trong các chùa chiền và cung đình. Các biểu tượng và cách xây dựng cũng theo quy luật âm dương, các cổng chùa bên ngoài thường là có hình vuông góc tượng trưng cho tách âm, nhưng vòm cổng bên trong lại có hình tròn móng ngựa tượng trưng

cho tánh dương. Các cột trụ trong cung, hoặc trong chùa chiền và các lăng tẩm đều được trang trí hoa sen nở phía dưới và búp sen ở phía trên tượng trưng cho sự thanh cao.

Các mái chùa cong vút ẩn mình dưới những tàng cây, tiếng chuông chùa u trầm vọng lên làm thanh thản lòng người. Kiến trúc các Thiền viện mang tính cách oai hùng của cung đình làm nơi nương tựa tinh thần cho những người dân Á Đông, đồng thời cũng có nét dân dã để hòa mình với quần chúng. Cho nên, hình ảnh chùa làng, đình miếu đã dễ dàng đi sâu vào lòng của người dân.

Trong nền kiến trúc Á Đông có một điều đáng chú ý nhất là kiến trúc lăng tẩm và tháp. Đối với quan niệm lão - Nho, cho rằng 'Sanh viết ký nhi tử viết quy,' cuộc sống này là giả tạm, chỉ có chết mới thực sự là trở về. Từ quan niệm đó cho nên, lăng tẩm của những người quyền quý ở Á Đông là những công trình kiến trúc lớn và mang tính văn hóa.

Trong Phật giáo, khác với quan niệm trên, các tháp thờ tượng Phật hoặc xá lợi của Phật, là để cho các Phật tử đến chiêm bái. Hoặc khi các vị tổ sư viên tịch, các đệ tử và tín đồ xây dựng tháp là để thể hiện lòng tôn kính và tưởng nhớ công đức của vị đó. Cho nên, các tháp thờ Phật và tháp Tổ trong Phật giáo đều có một ý nghĩa riêng. Các tháp thờ Phật đa số đều được xây bảy tầng, trong đó tôn trí bảy tượng Phật, tượng trưng cho bảy đời các Đức Phật, và số bảy trong Phật giáo là tượng trưng cho trung đạo, một ngôi tháp xây bảy tầng không cao cũng không thấp. Các tháp Tổ, thường được xây ngay trên mộ phần của các vị Tổ. Hoặc có những nơi xây những tháp vọng, do những vùng có vị Tổ đó đến giáo hóa, nhưng khi viên tịch thì ở chỗ khác và hài cốt được tôn trí ở một nơi khác, nên các đệ tử và tín đồ đã ghi nhớ công đức và xây dựng tháp thờ vọng. Tháp các vị Tổ thường là năm tầng, tượng trưng cho Ngũ đức sư, đó là năm phẩm tính tạo nên một vị Hòa Thượng: Không thiên ái; Không sợ hãi; Không sân si; Giáo hóa đúng thời, đúng nơi và đúng đối tượng; Dùng Pháp thích hợp để giáo hóa. Tháp những vị A Xà Lê thường được xây ba tầng, tượng trưng cho Tam vô lậu học, là Văn - Tư - Tu. Trên đỉnh tháp có hoa sen hoặc bầu hồ lô, hoa sen tượng trưng cho sự thanh tịnh, hồ lô tượng trưng cho sự hòa hợp âm dương và kết tinh của trời đất.

Trong kiến trúc thể hiện tâm hồn của những người dân Á Đông, những tâm hồn trầm tĩnh và sâu lắng là nền tảng của những đường nét kiến trúc nhu hòa nhưng rất trang nghiêm.

*Thơ*

## ĐẶNG THỊ QUẾ PHƯƠNG



### *Thiên Nga*

*Tụng vơi mồn mấy tang kinh  
vẫn không thoát được bể tình lao xao  
thiên nga bay lạc phương nào  
tiếng sâu vang động ngàn sao trên trời.*

### *Chàng Trung Niên*

*Cái thời sủng đạn gương đao  
tắm thân nam tử ra vào tình bơ  
bây giờ tuyết lạnh sương mờ  
cái hồn viễn xứ vẫn mơ ngang tàng.*



# NHẬN DIỆN TUỔI TRẺ VIỆT NAM

*Trần Kiêm Đoàn*

Thế nào là khái niệm về tuổi trẻ trong văn hóa Việt Nam?

Trong một khái niệm xã hội truyền thống và phổ biến thì một đời người được chia ra làm 4 giai đoạn: Tuổi ấu, tuổi thơ, tuổi xanh, tuổi đá và tuổi vàng; hay là tuổi ấu niên, tuổi thiếu niên, tuổi thanh niên, tuổi trung niên và tuổi lão niên. Khi nói đến tuổi trẻ, người ta thường đề cập đến tuổi thiếu niên và thanh niên. Hình ảnh "thanh thiếu niên" tượng trưng cho mầm non tươi mát, sức sống tràn đầy và sự kế thừa đầy hy vọng. Trong hoàn cảnh thực tế của Việt Nam sau chiến tranh, cuộc chiến 30 năm (1945-1975) là cái mốc lịch sử tiêu biểu để những nhà xã hội học và tâm lý học phân chia thế hệ. Có thể nói những người Việt Nam đang sống có 3 thế hệ: Thế hệ trước Chiến Tranh Việt Nam (Pre-Vietnam War generation), thế hệ CTVN (Vietnam War generation) và thế hệ sau CTVN (Post-Vietnam War generation).

Thế hệ sau CTVN là một thế hệ điển hình cho tuổi trẻ Việt Nam hiện đại. Đó là tầng lớp thanh thiếu niên Nam Nữ sinh ra sau 1975. Tuổi trung bình từ 10 cho đến 30.

## **Tuổi trẻ Việt Nam nghĩ gì về vấn đề tôn giáo?**

Cuộc chiến Việt Nam đã chấm dứt từ năm 1975. Đối với tuổi trẻ măng non thì chiến tranh Việt Nam đã trở thành lịch sử. Các em học lịch sử và nghe thế hệ cha ông kể chuyện lịch sử cuộc chiến Việt Nam dù mang vẻ hào hùng, oanh liệt của phía chiến thắng; hay bi thảm xót xa qua mắt nhìn của phía thua trận, nhưng sự cảm nhận của thế hệ măng non cũng giống như thế hệ đàn anh khi học về lịch sử thời Quang Trung, Trịnh Nguyễn, Bãi Sậy, Ba Đình... nghĩa là sự cố đã thành cố sự; nhân vật đã thành

tượng đài, diễn biến đã thành lịch sử. Thế hệ thanh niên có thể chia sẻ với thế hệ cha anh nhiều hơn, nhưng tựu trung cũng là sự chia sẻ bằng tri thức, bằng cảm thông và bằng cảm tính chứ không thể nào chia sẻ bằng "mặt phong trần nắng râm mày râu..." được.

Theo ước lượng, có khoảng gần 2 triệu rưỡi người Việt đang sống ở hải ngoại mà nơi tập trung đông đảo nhất là Hoa Kỳ. Theo Thống Kê của Cục Thống Kê Hoa Kỳ (Census Bureau) năm 2004 thì có 1.422.528 người Việt sống tại Mỹ. Trong số đó có 49% dân số qua Mỹ sau năm 1980. Tuổi trung bình là 25. Có đến 67% dân số tuổi dưới 30, nghĩa là thuộc về thế hệ tuổi trẻ sinh sau 1975. Với độ tuổi đó, cộng đồng người Việt hải ngoại được xem là một trong những sắc dân "trẻ trung" nhất trong số những nhóm nhân chủng được xem là "trẻ" tại Hoa Kỳ hiện nay.

Với tỷ số tuổi trẻ rất cao trong cộng đồng người Việt hải ngoại, chắc mọi người quan tâm đến đời sống tâm linh, tôn giáo sẽ băn khoăn tự hỏi là không rõ tỷ số lớp tuổi trẻ Việt Nam tại hải ngoại quan tâm đến vấn đề tôn giáo là bao nhiêu? Theo sự quan sát sinh hoạt thực tế thì sự hiện diện của tuổi trẻ trong các sinh hoạt chùa chiền thật sự quá mỏng, quá ít ỏi so với thế hệ đàn anh. Theo thống kê của Bùi Nhân Huân trong luận án tiến sĩ tâm lý học của ông nghiên cứu năm 2000 thì chỉ có 19% tuổi trẻ dưới 30 trả lời là "có quan tâm" đến tôn giáo và chỉ có một nửa trong số ít ỏi đó trả lời là có tham gia thường xuyên sinh hoạt tôn giáo.

Câu hỏi đang được đặt ra là nguyên nhân và hoàn cảnh nào đã đưa đến sự hững hờ của của tuổi trẻ đối với sinh hoạt tôn giáo nói chung và Phật giáo nói riêng?

Với tuổi trẻ Việt Nam tại Hải ngoại thì có 5 nguồn ảnh hưởng chính:

1. Hoàn cảnh lịch sử ở quê nhà: Sau năm 1975, sự

thống nhất đất nước đã mang hai miền Nam Bắc có nền tảng tư duy khác biệt lại với nhau. Miền Bắc, đa số người dân được trang bị hay tiếp cận với hệ thống triết học Mác-Lênin. Cái nhìn về tôn giáo thay đổi. Do đó tuổi trẻ ít có cơ hội gần gũi với các sinh hoạt tôn giáo và càng ngày càng ít có cơ hội làm quen với những sinh hoạt liên quan với đời sống tâm linh. Phần đông, tuổi trẻ lớn lên trong không khí xa lạ với những hình thức lý thuyết và lễ nghi tôn giáo.

2. Hoàn cảnh xã hội tại hải ngoại: Hầu hết các quốc gia cư mang người Việt di dân, mà Hoa Kỳ đứng đầu, là những quốc gia có truyền thống sâu đậm về đạo Chúa như đạo Tin Lành, đạo Thiên Chúa, đạo Chính Thống... Đạo Phật chỉ có ảnh hưởng giới hạn trong những cộng đồng sắc tộc, nhất là sắc tộc Á Châu. Bên cạnh đó, đời sống vật chất, kỹ nghệ, khoa học kỹ thuật đã giáo dục, đào tạo tuổi trẻ thành những con người chuộng thực dụng, phấn đấu nhằm đạt tới những giá trị vật chất cụ thể, phục vụ trực tiếp các tiện nghi đời sống có thể nắm bắt và cân đo đong đếm được.

3. Vai trò tự tại và tự giác của đạo Phật: Trái hẳn với phương thức truyền đạo và hành đạo xông xáo, năng nổ và có khi áp đặt của một số tôn giáo truyền thống Tây Phương, đạo Phật tuyệt đối tôn trọng tự do, phát huy tinh thần tự nguyện và nêu cao tinh thần tự giác của tín đồ. Hay nói một cách gợi hình hơn thì trong lúc các tôn giáo khác tất bật xuôi ngược trên xa lộ thì Phật giáo vẫn lặng lẽ bước đi trên con đường... mây trắng. Do đó, tuổi trẻ ít có cơ hội tiếp cận với Phật giáo mà Phật giáo thì chỉ nghiễm nhiên tự tại không tự mình tìm đến với tuổi trẻ.

4. Tâm lý sở đắc: Đây là tâm lý con đẻ của đời sống kỹ nghệ và tham vọng chinh phục để sở đắc và sống còn. "Chinh phục hay bị chinh phục" (conquer or to be conquered) là triết lý sống tích cực và thực dụng của Tây Phương. Bởi vậy trong đời sống tâm linh, thế giới phương Tây cần một thế lực để quy phục hay chinh phục. Đấy chính là khái niệm nền tảng về một đấng Thượng Đế toàn năng để cầu xin thắng trận lúc xuất quân (God Bless America) hay để xin ban ơn cứu rỗi (God Bless You) cho từng thân phận yếu đuối của mỗi con người. Trong cuộc chiến tranh với Iraq, cả hai tay thống lĩnh hai lực lượng thù địch đều cầu xin Thượng Đế toàn năng—Mighty God—ra tay phù hộ cho phe mình thắng trận. Trong lúc đó, đạo Phật lại dựa trên cái chân tâm, Phật tánh, sức mạnh nội tại của mỗi con người để "tự thắng mình là chiến công oanh liệt nhất". Hào khí và tinh thần bão nổi của tuổi trẻ đang trên đường tìm tòi và khai phá tương lai, có được mấy người dừng lại truy tìm bản lai diện mục của chính mình?

5. Những lý do nội bộ: Có thể nói là những người Phật tử thuần thành trong thế hệ chiến tranh và thế hệ

hậu chiến tranh Việt Nam đã sống trên chuyên dò dục chao đảo của hoàn cảnh đất nước chiến tranh kéo dài bên cạnh sự bất an của Đạo Pháp. Phật giáo thường xuyên bị đặt ngay giữa gọng kềm của lịch sử. Hết kháng chiến, đến lãnh thổ chia đôi. Bị áp bức và chống áp bức; bị đàn áp và chống đàn áp. Thế nhưng pháp nạn lại kéo dài bởi sự phân hóa ngay chính trong nội bộ như lời đức Phật đã lưu tâm từ hơn 2500 năm trước: "Su từ trùng thực sư từ nhục." (Chỉ có loài sâu sinh ra từ trong thân xác sư tử mới ăn thịt được sư tử mà thôi!) Tuổi trẻ Việt Nam hải ngoại cũng giống như tuổi trẻ phương Tây nói chung, rất có dị ứng về sự xung đột do sự mập mờ giữa hai biên giới tôn giáo và chính trị. Tuổi trẻ thường lánh xa với thái độ "đường ai nấy đi" khi phải đối diện với sự xung đột của các thế lực lãnh đạo thiếu một lộ trình rõ rệt, hay nói theo ngôn ngữ thời thượng của tuổi trẻ là thiếu mất cái "Agenda" cho hành động.

Phải chăng vì những lý do nội bộ này mà cho đến nay, sau 30 năm lịch sử của người Việt định cư ở nước ngoài và cùng dài bằng lịch sử sinh hoạt của Gia Đình Phật Tử Việt Nam tại Hải ngoại đã không thống nhất thành một khối như ước vọng của hàng Phật tử xuất gia cũng như tại gia. Chỉ riêng tại Hoa Kỳ, GDPTVN đã có tổ chức sinh hoạt trên 19 tiểu bang, gồm 58 đơn vị, với 6500 đoàn sinh và 350 huynh trưởng, chia làm 4 khu vực:

- Miền Tịnh Khiết: Đông Hoa Kỳ
- Miền Thiện Hoa: Bắc Hoa Kỳ
- Miền Quảng Đức: Nam Cali
- Miền Thiện Minh: Bắc Cali

Tuy nhiên sự phân hóa giữa các đơn vị và các miền vẫn còn là một vấn đề tồn tại cho đến hôm nay.

### Nhận định về một hướng đi

Thử tưởng tượng trong vòng 20 năm trở lại, thế hệ trước chiến tranh VN và thế hệ sinh ra, trưởng thành trong chiến tranh Việt Nam sẽ đưa nhau về đất; sẽ thành người quá khứ. Thế hệ tuổi trẻ sinh ra và lớn lên sau chiến tranh VN hôm nay sẽ là thế hệ xương sống, chủ lực ngày mai. Liệu sẽ có bao nhiêu "người Mỹ gốc Việt" còn nói được tiếng Việt; bao nhiêu người còn tha thiết đến chùa tu học, tìm hiểu văn hóa Việt Nam và hành thiện theo tinh thần Phật giáo Việt Nam? Người lạc quan tiên đoán "trời sinh trâu sinh cỏ"; kẻ bi quan cho rằng hiện tượng "hụt hậu" vì không có một thế hệ kế thừa là điều khó tránh khỏi nếu không có một hướng đi cho tuổi trẻ ngay từ bây giờ.

Khi nghiên cứu về sự tương quan giữa tuổi trẻ, tuổi già và tôn giáo, viện nghiên cứu Tâm Lý Xã Hội

Bahama Research ở Ventura, California đã xác định kết quả thăm dò năm 2004 của họ rằng: 91% những người già có một đời sống đạo hạnh và năng nổ tham gia sinh hoạt tôn giáo hằng tuần là những người có quan tâm đến tôn giáo trong thời tuổi trẻ của họ.

Đạo Phật và tuổi trẻ Việt Nam tại hải ngoại cũng không hẳn vượt ra ngoài những quy lệ và khuynh hướng chung của xã hội đương thời. Tuy nhiên, Phật giáo vẫn có những mặt thuận lợi và trở ngại tạo nên sự thăng tiến gắn bó hay thoái bước xa rời trong tương quan sinh hoạt giữa tuổi trẻ và Đạo Pháp:

### **Thuận lợi:**

- Đạo Phật có đầy đủ một hệ thống lý thuyết xã hội, tâm lý, triết lý và đạo lý cao sâu. Đồng thời những nguyên tắc tinh yếu đề tu đạo và hành đạo của Phật giáo cũng thể hiện tính khoa học ứng dụng hợp thời vào đời sống thực dụng trong nhiều mặt, đủ sức làm thỏa mãn những đầu óc đang truy tìm tri thức đích thực. Càng ngày, lối sinh hoạt từ bi, trí tuệ, không bao giờ chủ trương bạo động hay mua chuộc kẻ khác của Phật giáo càng có ưu thế và được ưa chuộng trong xã hội phương Tây năng động đến mức vọng động.

- Đạo Phật không đặt cơ bản trên sức mạnh của thân quyền, thế quyền và giáo quyền mà dựa trên tinh thần nhân bản. Đạo Phật lấy con người và sức mạnh nội tại, tinh thần tự giác làm phương tiện; lấy cái lõi tinh hoa từ chính con người là chân tâm, là Phật tánh làm gốc nên rất phù hợp với trào lưu tiến hóa của một thế giới đang hướng về công bằng, tự do, dân chủ. Và đây cũng chính là lý tưởng của tuổi trẻ Việt Nam tại hải ngoại.

- Thông qua kinh tạng, Phật giáo lý giải và tiến đến chỗ hoá giải được sự xung đột của tâm linh và sự bức xúc nội tại của một đời sống bị tha hoá giữa giây chuyên máy móc. Thông qua quá trình tu học và thiền định, Phật giáo đã giúp con người tìm được sự an lạc ngay chính giữa giòng đời quay cuồng với hiện thực này. Đây chính là nét hành trì nổi bật nhất trong quá trình tu học của Đạo Phật mang tính thuyết phục và lôi cuốn mạnh mẽ tuổi trẻ phương Tây nói chung và tuổi trẻ VN tại hải ngoại nói riêng.

### **Trở ngại:**

- Phần đông, tuổi trẻ VN hải ngoại rất vô tư và vô tình với tôn giáo nói chung và đạo Phật nói riêng. Trong khi các tôn giáo bản xứ khác tìm đủ mọi hình thức và phương tiện để hấp dẫn và lôi cuốn tuổi trẻ, thậm chí, có

nơi còn làm "cách mạng" thay đổi luôn cả giai điệu trầm của âm nhạc tôn giáo để thay vào đó những bài ca, những âm điệu mạnh mẽ hợp với tuổi trẻ hơn thì Phật giáo vẫn theo nếp cũ "xưa bầy nay làm". Trên xứ người, sinh hoạt Phật giáo vẫn tiếp tục duy trì các hình thức lễ nghi, sinh hoạt, chẳng có gì thay đổi lớn hay chuyển mình theo hoàn cảnh mới. Tuy hoàn cảnh xã hội nơi xứ người đổi khác, phương tiện và điều kiện phục vụ sự tu học đa dạng và phức tạp hơn, nhưng các hoạt động của chùa chiền, tu viện vẫn mang đậm sắc thái cũ như khi còn ở quê nhà. Bởi vậy, hiện trạng những đôi mắt thờ ơ của tuổi trẻ trước tôn giáo nói chung thì đạo Phật nói riêng vẫn chưa có biện pháp thay đổi và hội nhập một cách có hiệu quả trong hoàn cảnh mới. Thế hệ trẻ thiếu mất sự gắn bó và cảm nhận sâu xa trước những nghi lễ rườm rà; cảm thấy hoài nghi và gần như lạc lõng với những bài pháp thoại dài lê thê, đây những danh từ cao siêu kinh điển nhưng lại thiếu tác dụng thực tiễn đối với cuộc sống đầy tranh đua trước mắt.

Về kinh điển nhật tụng, nếu so với các quốc gia có sự hiện hữu của Phật Giáo lâu đời như Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, Thái, Lào... thì chỉ có nội dung kinh sách tiếng Việt là thiếu sự thống nhất, thiếu tính nhất quán trầm trọng nhất giữa hai hệ thống ngôn ngữ Hán Việt và Thuần Việt. Trong cùng một nghi thức tụng niệm thường lệ như tịnh độ, cầu an, cầu siêu... mà từ phần Niêm Hương cho đến phần Hồi Hương có đoạn thì thuần Việt, đoạn thì Hán Việt và lắm lúc cả "Hán Nôm hòa điệu". Hiện tượng thiếu thống nhất đó quá phổ biến trong nhiều buổi lễ tụng niệm của hầu hết các đạo tràng, có quý cao tăng đại đức chủ lễ ở chùa chiền và tu viện. Tại sao những Trường Bộ Kinh, những tạng kinh điển đồ sộ vẫn có nhiều cao tăng dịch mà các nghi thức thường lệ lại lâm vào cảnh "Hán Việt bất nhất". Chẳng lẽ Phật Giáo chỉ quan tâm đến những vấn đề cao siêu triết lý mà thôi hay sao?

Nói tóm lại là khi nhìn về một hướng đi cho thế trẻ Việt Nam tại Hải Ngoại trong vấn đề tiếp cận với Phật giáo, chúng ta đã và đang thiếu một cách trầm trọng ba sức mạnh làm nhân tố cho bất cứ sinh hoạt tập thể nào. Đó là nhân lực, trí lực và tài lực.

Nhân lực nói chung không thiếu, nhưng thiếu công sức đầu tư cho tuổi trẻ. Những người đến sinh hoạt thường xuyên với chùa chiền và tu viện hầu hết là những bậc phụ huynh tuổi tác, kinh nghiệm và sự hiểu biết về văn hóa nước người vốn đã giới hạn, kinh nghiệm về tâm lý và đời sống của giới trẻ trong xã hội mới của nước người lại càng giới hạn hơn nên thực tế hầu như đang

văng bóng những "chiếc cầu thế hệ" bắc qua hai bờ thế hệ trẻ và già.

Trí lực nói chung của thế hệ cha anh về mặt gia đình tôn giáo khá phong phú. Nhưng đây là trí lực "tĩnh" chứ không phải lực "động", nghĩa là trí lực chỉ để dùng suy nghĩ và lý luận chứ không có tác dụng thực tế để áp dụng vào đời sống nhằm hướng dẫn, giáo dục và tạo những tổ chức hay phong trào hành động thực tiễn cho tuổi trẻ. Vì vậy, có thể nói rằng đây là khối trí lực thiếu sự kế thừa và tụt hậu.

Tài lực cho thế hệ trẻ, cho con cái là ưu tiên hàng đầu trong mỗi gia đình Việt Nam. Nhưng trong các sinh hoạt của chùa chiền và tu viện người Việt, trừ những nơi có tổ chức đoàn thể thanh thiếu niên tôn giáo hay các lớp dạy tiếng Việt, vấn đề tài lực để chỉ cho thế hệ trẻ rất hiếm khi trở thành mối quan tâm được ghi nhận một cách chính thức trong các chương trình hay dự án hoạt động dài hạn thuần túy cho tuổi trẻ.

Thế hệ trẻ Việt Nam tại hải ngoại là những con tàu đã rời bến Mẹ để đi đến những phương trời mới lạ. Cùng một lúc tuổi trẻ Việt trên xứ người bị tác động bởi 3 sự đập vùi và níu kéo: Văn hóa mới, môi trường tương quan xã hội mới và ngôn ngữ mới. Nhiều thanh niên, học sinh và sinh viên Việt bị lâm vào tình trạng "khủng hoảng bản sắc" (identity crisis). Đây là lúc mà người tuổi trẻ cảm thấy mình bị đứng bên lề cuộc sống, mất đi một cảm giác thuộc về (a sense of belonging), không thể nào điều chỉnh cho vừa vừa hay được chấp nhận một cách tự nhiên vào môi trường Xã Hội Mới ở xứ người mà cũng chẳng còn hòa hợp và thích nghi trọn vẹn vào môi trường Xã Hội Việt. Trong trường hợp đó, nếu thiếu mất luôn một niềm tin tôn giáo, một chỗ dựa tinh thần, một nếp sống tâm linh, một sự hướng dẫn và nuôi dưỡng tình cảm của thế hệ đàn anh, người tuổi trẻ sẽ trở thành một kẻ lưu vong trong chính tâm hồn của mình hiện tại và kẻ chối bỏ nguồn gốc, khước từ niềm tin tôn giáo trong tương lai.

Thế hệ trẻ Việt Nam trên quê người là một đề tài lớn, liên quan trực tiếp đến tương lai của cộng đồng người Việt tại hải ngoại cần được phân tích và thảo luận một cách rộng rãi giữa 3 thế hệ: Thế hệ cha anh, thế hệ con em và thế hệ bắc cầu.

Bài tham luận này chỉ mong làm nhiệm vụ đặt vấn đề, nhận diện và phân tích vấn đề thế hệ trẻ Việt Nam và Đạo Phật ở hải ngoại. Rất mong chư tôn đức và quý thiện hữu tri thức quan tâm và thường xuyên nhìn về tương lai, một tương lai không xa mà chính thế hệ trẻ hôm nay sẽ ở vào vị thế của chư vị ngày mai.



*thơ*

## DIÊU LINH

### *Hoát nhiên*

*Gùi kinh bỏ lại trên ngàn*

*Mai về viễn phố rộn ràng cuộc chơi*

*Bao năm biệt mộng bên trời*

*Lên non diện bích học đòi hoát nhiên*

*Một hôm chợt tỉnh cơn thiền*

*Ngó ta, ta vẫn cuồng điên thừa nào*

*Phạn thư xếp lại non cao*

*Làm thân tục khách ra vào tử sinh*

*Ô hay, ta vẫn phàm tình*

*Nơi Tam Thế Mộng, một mình...chiêm bao...*

*Sáng đi khát thực trên cầu*

*Hoá duyên cơm áo (và câu thơ tình)*

*Khuya, nghe trăng rụng xuống đình*

*Xoè tay bắt được ngõ mình hoát nhiên.*

16/11/06

# SỨ MỆNH CHUYỂN HÓA CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI CỦA ĐẠO PHẬT QUA NGƯỜI CƯ SĨ

*Huỳnh Kim Quang*

Cho đến hôm nay, có lẽ vẫn không ít người còn quan niệm rằng Đạo Phật chỉ là một tôn giáo đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng thần quyền và lễ nghi tế tự như cầu an cầu siêu không hơn không kém. Đối với một số người khác, Đạo Phật dù mang trong nó giải pháp toàn hảo cho việc cứu tế con người vẫn chỉ hạn cục trong lãnh vực tâm linh và cá nhân mà không có đáp án cho những vấn đề nhiều khe mang tính vĩ mô của xã hội. Họ viện chứng rằng tại các nước mà Đạo Phật chiếm đa số ở khu vực Đông Nam Á Châu như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Cam Bốt, Lào, Việt Nam, v.v..., xã hội vẫn còn bị chìm trong bất an, khủng hoảng, bế tắc, khổ não và nghèo đói. Nhận định ấy, trong một chừng mức nào đó, không phải là điều hoàn toàn không thực tế, hơn nữa nó thật đáng để cho những người Phật tử quan tâm và suy nghiệm nghiêm túc về sứ mệnh chuyển hóa con người và xã hội của đạo Phật trong bối cảnh của thời đại hôm nay.

Tuy nhiên, có điều cần nhấn mạnh ngay ở đây rằng, chúng ta không thể tìm đâu ra trên thế giới này một nơi chốn nào đó hoàn toàn không có những bất an, khủng hoảng, bế tắc, khổ lụy và nghèo đói. Bởi vì bất an là bản chất không thể tách ly khỏi thế giới của chúng sinh còn vô minh và phiền não. Nơi nào mà chúng sinh còn vô minh và phiền não thì nơi đó nhất định còn bất an và đau khổ. Lý do là vì vô minh và phiền não chính là căn nguyên của mọi bất an và khổ lụy. Ngược lại, chính vì còn bất an và khổ não cho nên người Phật tử cần phải thi thiết hạnh nguyện chuyển hóa để giải khổ và mang lại sự an lạc cho mình và tất cả chúng sinh.

Vậy sứ mệnh chuyển hóa của đạo Phật là gì? Trái

qua quá trình tu chứng giác ngộ nơi tự thân, đức Phật đã nhìn thấy một cách chân xác rằng thực trạng muôn đời của chúng sanh là chìm ngập trong vòng sanh tử khổ đau mà nguyên nhân chính là do vô minh và các phiền não. Chỉ cần chúng sinh nỗ lực tu tập để đốn phá vô minh và tận trừ phiền não thì có thể giải thoát mọi khổ đau và đạt được sự an lạc trường cửu. Khi một chúng sinh bắt đầu vén màn vô minh và diệt trừ các phiền não thì cũng chính là lúc chúng sinh ấy đang chuyển hóa cuộc đời của họ. Chuyển hóa từ cuộc đời chìm ngập trong tối tăm khổ não sang cuộc đời giải thoát và an lạc. Công cuộc chuyển hóa ấy ảnh hưởng một cách trực tiếp và tận gốc rễ đến chánh báo và y báo của một chúng sinh. Điều này có nghĩa là nhờ tu tập vén màn vô minh và diệt trừ phiền não mà một chúng sinh làm thay đổi hoàn toàn đời sống và môi trường sống của chính họ.

Ở đây, chúng ta thấy tác dụng của sự chuyển hóa xảy ra trên cả hai bình diện: cá nhân và xã hội. Trong thực tế, khi chúng sinh thật sự vén màn vô minh và giải trừ các phiền não thì trí tuệ hiện bày nên có thể nhận thức được mọi điều một cách sáng suốt, và tâm tánh khai mở nên có thể giải thoát được những trói buộc của tham, sân, si để không phải tạo nghiệp bất thiện, gieo nhân đau khổ. Một chúng sinh đã tự chuyển hóa để trở thành người hoàn thiện thì sự hoàn thiện của họ cũng sẽ tạo ra những tác hưởng tốt cho tập thể, cho xã hội mà họ đang sống. Thí dụ, một người giữ gìn nghiêm túc giới không uống rượu thì sẽ không những có được một đời sống cá nhân an lành mà còn khiến cho xã hội bớt được những thảm trạng như nạn hành hung trong gia đình, tai nạn lưu

thông vì uống rượu lái xe, v.v...

Nhưng vô minh và phiền não trú ngụ ở đâu? Trong tổng thể xã hội hay trong từng cá nhân mỗi người? Tổng thể xã hội chỉ là tên gọi cho một tập thể những cá nhân quần tụ. Không có sự hiện hữu đích thực của từng cá nhân thì tổng thể xã hội chỉ còn là cái tên giả. Tất nhiên, khi nói đến sự hiện hữu của từng cá nhân chúng ta cũng chỉ đứng ở bình diện thế giới tất đàn, bởi vì nếu nghiêm xét đến kỳ cùng theo lý duyên sinh vô tánh thì sự hiện hữu của từng cá nhân đó cũng là giả danh mà thôi. Cùng kỳ lý, vô minh và phiền não thật sự trú ngụ trong tâm thức của từng cá nhân. Nhưng mỗi cá nhân ấy không thể sống độc lập hoàn toàn mà phải có những tương quan tương duyên với tập thể, với xã hội. Chính vì thế, trên bình diện nào đó, xã hội cũng là nơi trú ngụ của vô minh và phiền não xét như là những nan đề của tập thể. Điều này giống trường hợp khi một người vì lòng tham chưa dứt, nên thường nhận tiền của hối lộ của người khác để biến thành cơn bệnh tham nhũng. Nhưng đó chỉ là bệnh của một người. Nếu trường hợp tham nhũng lan truyền ra nhiều người thành một tệ nạn chung của tập thể thì nó là bệnh của xã hội. Khi tham nhũng trở thành tệ nạn xã hội thì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến mọi người trong xã hội ấy ở mức độ xấu nhất của nó, nghĩa là chứng bệnh tham nhũng sẽ giống như cơn bệnh lây lan đến những người khác chung quanh dù họ trước đó chưa từng phạm vào.

Để hiểu một cách tường tận hơn về ý nghĩa toàn diện của sự chuyển hóa, chúng ta cũng nên suy nghiệm về giáo nghĩa duyên khởi, một giáo nghĩa cột trụ của tòa nhà Phật Pháp.

Giáo nghĩa duyên khởi minh thị rằng tất cả các pháp, không một ngoại lệ nào, đều do duyên mà sinh khởi, do duyên mà tồn tại và do duyên mà hoại diệt. Trong ý nghĩa đó, các pháp do duyên tụ lại mà sinh thành và duyên ly tán mà hoại diệt. Các pháp, từ sắc đến tâm, từ nhỏ như hạt bụi đến lớn như sơn hà đại địa, đều do duyên mà có. Sự hiện hữu nhờ vào các duyên như vậy là sự hiện hữu trong mối tương quan, tương duyên, tương sinh, tương diệt, nghĩa là không một pháp nào có mặt trong sự độc lập riêng biệt, mà chúng đều có mặt trong

mối liên hệ hỗ tương tạo thành những mắc xích nối kết vô cùng vô tận gọi là trùng trùng duyên khởi. Trong mối liên hệ hỗ tương ấy, các pháp đều đóng vai trò như nhau nên không một pháp nào là tác nhân ông, là chủ tử của những pháp khác.

Dem giáo nghĩa duyên khởi này để quán chiếu vào bình diện nhân sinh, chúng ta thấy rằng sự hiện hữu của một con người tuyệt đối không là sự hiện hữu độc lập với tập thể người, với xã hội, với thế giới. Mỗi người là

một tác duyên bình đẳng trong vai trò hình thành xã hội. Như vậy không ai có thể sống tách rời xã hội. Xét trên ý nghĩa đó, sự an lạc và đau khổ của một cá nhân này tất yếu phải có mối liên hệ chặt chẽ với sự an lạc và khổ đau của cá nhân khác, của xã hội. Ngược lại, sự thịnh suy của xã hội cố nhiên phải có tác hưởng thật sự đến từng cá nhân sống trong xã hội ấy. Đặc biệt trong thời đại hôm nay, với sự văn minh và tiến bộ vượt bậc của khoa học kỹ thuật, nhất là ngành tin học, làm cho thế giới lớn rộng bao la thuở nào trở thành nhỏ bé thu hẹp. Những tin tức bằng radio, television, internet, báo chí cập nhật mỗi giây phút, ghi nhận và phát đi mỗi sự kiện đang xảy ra, dù ở châu lục nào trên thế giới cũng trở thành gần gũi, nhanh chóng và hiện thực đối với

mọi người. Quan niệm về một "làng thế giới" quả thật không còn là ảo tưởng nữa. Trong chiều hướng này, tất cả nhân loại đều chịu sự tác động và ảnh hưởng lẫn nhau không chỉ trên lãnh vực thông tin, thương mại mà cả về mặt văn hóa, giáo dục, đạo đức, tôn giáo, v.v... Đời sống của từng cá nhân đã gắn liền với những sinh hoạt và biến động của thế giới.

Như vậy, mỗi cá nhân giờ đây không thể tìm kiếm và thành đạt sự an lạc và giải thoát cho riêng mình nếu không thật sự tham gia vào công cuộc kiến tạo an lạc và giải thoát cho tập thể người, cho xã hội. Ngược lại, xã hội cũng không thể có được sự bình an và thịnh trị nếu mỗi cá nhân vẫn còn bị trói buộc trong vô minh và các phiền não. Giải pháp thích ứng nhất chính là mỗi cá nhân phải nỗ lực đốn phá vô minh và tận diệt phiền não cho chính mình, đồng thời cũng phải tích cực dẫn thân góp phần vào việc giải cứu xã hội thoát khỏi cộng nghiệp bởi những thế lực của vô minh và phiền não. Chính trong ý



nghĩa này mà hạnh nguyện cao cả của Bồ tát đạo đã được tuyên dương và thừa truyền. Qua đó, người cầu thành tựu Phật đạo tối thượng lấy sự nghiệp cứu độ cho chúng sinh được giác ngộ và giải thoát làm tiêu đích cho tiến trình thực nghiệm giác ngộ và giải thoát của chính mình.

Nhưng như thế, tự thân người cư sĩ có thể tham dự được gì trong sứ mệnh chuyển hóa này? Phải chăng sứ mệnh chuyển hóa con người và xã hội là sứ mệnh riêng của hàng "tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự", hay hàng ngũ những vị xuất gia? Tất nhiên, không ai có thể phủ nhận vai trò "trưởng tử của Như Lai" của hàng ngũ xuất gia, bởi lẽ, hàng ngũ xuất gia là biểu tượng thiêng liêng của đạo đức xuất thế siêu việt, là hình ảnh sinh động nhất minh thị hiệu năng giải thoát và giác ngộ, từ bi và trí tuệ của giáo pháp Phật đà trên thế gian này. Biểu tượng đó không gì có thể thay thế được. Song, tòa nhà uy nghiêm tráng lệ của Phật Pháp cũng mở rộng cửa cho hàng cư sĩ, cũng dành cho người cư sĩ những vị thế xứng đáng mà lịch sử truyền bá Phật giáo thế giới trên hai mươi lăm thế kỷ qua đã minh xác. Người cư sĩ có thể tự hào về những tấm gương sáng ngời trong công cuộc chuyển hóa con người và xã hội của đạo Phật qua hình ảnh của Bồ tát cư sĩ Duy Ma Cát, của cư sĩ Thắng Man, của Thiện Tài Đồng tử, của trưởng giả Cấp Cô Độc, của vua Tần Bà Sa La, của đại đế A Dục, của hoàng đế Ca Nị Sắc Ca ở Ấn Độ; hình ảnh của vua Lương Võ Đế, của cư sĩ Bàn Ưần ở Trung Hoa; hình ảnh của vua Lý Công Uẩn, vua Trần Nhân Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Nguyễn Trãi, v.v... ở Việt Nam. Còn nhiều và rất nhiều vị cư sĩ đã, đang và sẽ dần thân vào sứ mệnh chuyển hóa con người và xã hội mà chúng ta không thể biết hết. Bởi vì mục đích có mặt của đạo Phật là chuyển hóa con người và xã hội mà người cư sĩ là thành phần tiếp cận trực tiếp nhất, sâu rộng nhất trong cộng đồng người và xã hội ấy, cho nên, vai trò của người cư sĩ thật quan trọng và kiến hiệu cho sứ mệnh chuyển hóa của đạo Phật.

Đối với việc chuyển hóa tự thân, người cư sĩ có đủ cơ hội và khả năng để thực hiện và đạt đến mục đích tối thượng. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta không nhận thức được những chướng duyên to lớn mà đời sống thế tục của người cư sĩ phải đối mặt. Nhưng, nếu người cư sĩ luôn luôn ý thức được điều đó để gia công và nỗ lực vượt bực và liên tục thì sẽ có thể vượt qua được mọi chướng duyên. Điều tối khẩn thiết và trọng đại là người cư sĩ phải ý thức một cách thường trực, mãnh liệt và sâu sắc rằng đời sống này thật vô thường ngắn ngủi và đầy đầy khổ não, rằng chúng ta sanh ra trong đời này gặp được chánh pháp của Phật-đà là điều vô cùng quý giá và sẽ không dễ có cơ hội ấy lần thứ hai, cho nên, phải hạ quyết tâm phát đại thệ nguyện tu tập để giác ngộ vô

minh và giải thoát phiền não ngay trong đời này mà không thể trì hoãn thêm nữa. Người cư sĩ cũng nên nhận chân được sự thật rằng mọi nỗ lực chuyển hóa tha nhân và xã hội đều phải khởi đi từ việc chuyển hóa chính tự thân của mỗi người. Bởi vì, khi chưa thật sự chuyển hóa được tự thân mà lặn xả vào việc chuyển hóa tha nhân và xã hội thì giống như trường hợp một người không biết bơi mà nhảy xuống biển để cứu người, cuối cùng cả hai đều chết đuối.

Đối với sứ mệnh chuyển hóa con người và xã hội, người cư sĩ lại càng không thể bỏ quên, vì khi những người chung quanh, khi xã hội mà chúng ta đang sống chưa được chuyển hóa, chưa được an lạc, thì chính chúng ta cũng sẽ không thể sống an lạc, không thể thành tựu việc chuyển hóa tự thân và mục đích cứu cánh giải thoát, giác ngộ. Chính vì vậy, song song với việc chuyển hóa tự thân, người cư sĩ phải nỗ lực vào việc chuyển hóa tha nhân và xã hội mà đối tượng trước nhất và gần nhất là gia đình và thân bằng quyến thuộc. Chuyển hóa bằng cách nào? Trước tiên, chính đời sống với thành quả của sự chuyển hóa tự thân, như cách ứng xử bằng trí tuệ và lòng thương yêu chân thật là sức mạnh cảm hóa những người thân thuộc. Thứ đến, uyển chuyển tùy duyên để đưa người thân thuộc của mình đến với đức Phật và giáo pháp của ngài khi có cơ hội. Sau đó, phải thường xuyên sách tấn người thân thuộc thực nghiệm giáo pháp giải khổ cho người và mình trong đời sống hằng ngày. Cơ hội ấy ở đâu và khi nào? Câu trả lời phải dành cho mỗi người cư sĩ, bởi vì chỉ có chính mỗi người khi tiếp xúc với hoàn cảnh thực tế riêng biệt mới biết chính xác rằng cơ hội là lúc nào và ở đâu. Điều này có nghĩa là gì? Đó chính là trong mỗi phút giây, trong từng hoàn cảnh của đời sống sinh hoạt gia đình, người cư sĩ phải tỉnh giác và bén nhạy để biết rằng đây chính là lúc, là chỗ, là cơ hội mà mình cần phải thi thiết sứ mệnh chuyển hóa thân nhân.

Có một số người nhận định rằng, người cư sĩ Phật giáo thường ít tích cực trong những sứ mệnh chuyển hóa và xây dựng xã hội. Nhận định này không phải là không có cơ sở. Bởi vì có hai lý do khiến cho người cư sĩ không tích cực dần thân chuyển hóa xã hội. Thứ nhất, khi quán chiếu cuộc đời dưới ánh sáng của chánh pháp, người cư sĩ thấy rằng các pháp đều vô thường giả tạm, đều khổ não triền miên cho nên khởi tâm yếm ly đối với các pháp, không thích tham dự vào những sinh hoạt có tính cách thế tục, muốn có thì giờ để thanh tịnh ba nghiệp, để tự chuyển hóa. Thứ hai, vì chưa tự tin vào đạo lực của mình có thể vượt qua được những chướng duyên, sợ bị sa ngã trong tham dục, trong hình danh sắc tướng, vì vậy không dám dần thân. Thật ra, khi khai thị bộ mặt thật của thế giới tục đế là vô thường, khổ, không và vô ngã, đức

Phật không chú ý khuyên chúng ta chối bỏ cuộc đời, xa lánh thế giới, mà ngài chỉ muốn nhắc nhở chúng ta rằng phải tự giải thoát khỏi những cố chấp vào thật ngã, thật pháp để không bị trói buộc trong vô minh và phiền não. Vì chúng sanh không có pháp nhãn để thấy rõ thật tướng của các pháp nên vọng tâm chấp trước các pháp sinh diệt vô thường cho đó là thật. Vạn pháp tuy là huyền hóa không thực, song hề còn là chúng sanh thì còn tạo nghiệp và thọ khổ, chính vì vậy, đức Phật đã tận tụy hoằng dương chánh pháp để giáo hóa quần sanh, chuyển hóa xã hội chứ không an trú trong niết bàn tịch diệt. Trên thực tế, con người làm sao có thể cắt đứt những mối liên hệ với tha nhân, với xã hội, nhất là người cư sĩ có gia đình, vợ chồng con cái, cha mẹ anh em, bà con thân tộc? Khi con người chưa thể xả ly tất cả liên hệ với người khác, với xã hội thì làm sao có thể tránh được những giao động, trói buộc, chướng duyên, và phiền não? Hơn nữa, là người con Phật, làm sao chúng ta có thể ngoảnh mặt làm ngơ trước những khổ đau của đồng loại, những bất an, bế tắc và thống hận của xã hội, của cuộc đời? Do vậy, là một cư sĩ, chúng ta phải tinh tấn không ngừng góp phần vào việc giải khổ cho đồng loại và chuyển hóa xã hội, đây cũng chính là phương cách cụ thể nhất để tự chuyển hóa mình.

Chuyển hóa xã hội bằng cách nào? Trước hết chúng ta phải xác định vị thế mà người cư sĩ đứng để từ đó thực hiện việc chuyển hóa. Có hai vị thế mà người cư sĩ có thể đứng để thực hiện việc chuyển hóa xã hội. Đó là vị thế cá nhân và vị thế lãnh đạo quần chúng. Ở vị thế cá nhân, người cư sĩ tùy theo chức nghiệp của mình như nhà giáo, thương gia, kinh tế gia, bác sĩ, kỹ sư, nhà văn, nhà báo, họa sĩ, nhạc sĩ, công nhân thợ thuyền, nông dân, v.v... mà thực hiện sứ mệnh chuyển hóa. Thí dụ, là một nhà giáo, người cư sĩ có thể quan tâm nhiều hơn đến phương cách giáo dục chú trọng vào việc hướng dẫn cho học sinh tự triển khai tinh thần tự giác để mở mang trí tuệ nhận thức một cách khách quan và sáng suốt, cũng như hun đúc cho con em thứ tình thương vị tha cao cả, hướng đạo cho tuổi trẻ biết nhận chân được giá trị làm người và mục tiêu chí thượng của đời sống. Là một nhạc sĩ, người cư sĩ có thể soạn, trình bày và phổ biến những bản nhạc đánh thức con người trước ý nghĩa của đời sống, trường dưỡng lòng thương yêu chân thật và cao thượng giữa người với người, làm cho người nghe rũ bỏ những triền phược và khổ não để thể nhập vào cảnh giới siêu thoát. Trong vị thế này, người cư sĩ có thể ứng dụng bốn phương pháp chuyển hóa tha nhân mà đức Phật đã dạy trong bốn nhiếp pháp. Đó là đem tài sản, của cải vật chất ra ban bố cho mọi người nghèo khó, đem chánh pháp giải thoát ban bố cho chúng sanh đang khổ não,

đem oai đức và uy dũng để che chở cho người thế cô sức yếu trước sự đe dọa của bạo lực; dùng lời từ hòa thân thiện, thành thật để cảm hóa người; cùng chia sẻ với tha nhân những việc làm ích lợi chung; tham dự vào dòng sinh hoạt chức nghiệp của người khác để có cơ hội thuận tiện mà chuyển hóa họ.

Mặc dù phương thức chuyển hóa xã hội ở vị thế cá nhân rất cụ thể, tiện ích và dễ thực hiện, nhưng vẫn còn hạn cục trong lãnh vực cá nhân và với một tâm hoạt động nhỏ hẹp, cho nên, thành tựu đương nhiên có giới hạn. Đối với xã hội rộng lớn về không gian và bao quát về hành hoạt thì sự chuyển hóa, nếu thực hiện được ở tầm mức xã hội sẽ mang lại thành quả to lớn và sâu rộng hơn. Muốn chuyển hóa xã hội ở tầm mức rộng lớn thì người cư sĩ cần phải ở vị thế lãnh đạo quần chúng. Hay nói một cách cụ thể hơn, để đạt vị thế lãnh đạo này hầu thực hiện phương thức chuyển hóa, người cư sĩ phải dấn thân vào nhiều môi trường hoạt động xã hội đóng vai trò lãnh đạo để thi thiết hạnh nguyện độ sanh. Tùy theo địa vị cao thấp của nhà lãnh đạo, người cư sĩ vốn mang trong mình lý tưởng chuyển hóa xã hội sẽ có cơ hội để thực hiện những kế hoạch ổn định xã tắc, cải thiện dân sinh, phát huy dân trí, xây dựng dân chủ, kiến tạo tự do, phục hoạt nhân và dân quyền, phát triển đất nước, làm cho dân giàu nước mạnh, làm sạch xã hội không còn những tệ trạng như tham nhũng, mãi dâm, ma túy, băng đảng, v.v...

Lẽ tất nhiên, đó chỉ là tâm nguyện, còn trên thực tế,





người cư sĩ khi ở địa vị lãnh đạo làm sao và lấy phương thức nào để vừa làm tròn vai trò lãnh đạo quần chúng vừa thực hiện được thành tựu sứ mệnh chuyển hóa xã hội? Hay một cách trực tiếp hơn, đạo Phật có giải pháp nào hữu hiệu cho việc chuyển hóa xã hội? Hiện nhiên là có, như trong *Lý Hoặc Luận* của Mâu Tử có nói: "Con đường đó (đạo Phật) ở nhà thì có thể thờ cha mẹ, làm chủ nước thì có thể trị dân, ở một mình thì có thể trị thân." (1). Xưa ở Ấn Độ có vua A Dục, ở Trung Hoa có vua Lương Võ Đế, ở Việt Nam có các minh quân thời Lý, Trần đều lấy tinh thần của đạo Phật ra mà trị dân, cho nên các thời kỳ ấy xã hội được thăng tiến, đất nước được hưng thịnh, toàn dân được an cư lạc nghiệp.

Vậy tinh thần của đạo Phật đó là gì? Đó là nhà lãnh đạo, trước hết, phải tu thân bằng giáo pháp thâm diệu của đạo Phật để có thể khai mở trí tuệ và phát triển lòng từ bi. Nhờ có trí tuệ và từ bi, nhà lãnh đạo có đủ tài năng và tâm lượng để gánh vác việc lớn, có đủ bản lĩnh vượt lên trên để điều phối thành phần nhân sự đa năng đa dạng trong việc điều hành các công tác tập thể. Thứ đến, tinh thần đặc thù và nền tảng của Ngũ giới, Thập thiện, Lục độ, lý tưởng Bồ tát đạo, Duyên khởi, v.v... là những kim chỉ nam, những phương thức kiến hiệu có thể ứng dụng trong việc chuyển hóa xã hội.

Là một người Việt Nam sống trong một đất nước trải dài qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử hiện đại với biết bao khổ nhục, đau thương, mất mát, khủng hoảng và tăm tối mà cho đến hôm nay dân tộc vẫn chưa thoát khỏi, là một con người sống trong cộng đồng nhân loại đang đối diện với vô vàn những bất an và biến động, mỗi người trong chúng ta với lương tri của một con người, với thức giác của một cư sĩ Phật tử, phải làm gì nhiều hơn và dũng mãnh hơn để góp phần vào việc chuyển hóa con người, đất nước và xã hội!

Trật tự của thế giới đang thay đổi tận gốc rễ với viễn tượng chưa mấy sáng sủa, những khuynh hướng cuồng tín, bạo lực của cá nhân và tập thể đang đối diện trước thử thách sống còn, nhân loại trong những lo sợ thường trực vì nạn khủng bố, bạo động và chiến tranh đang dò tìm con đường đến trú xứ của ổn định, hòa bình và an lạc. Đạo Phật chắc chắn giúp ích được rất nhiều cho con người trong hoàn cảnh bất an hiện nay. Vấn đề còn lại là ở nơi hạnh nguyện của người con Phật trong sứ mệnh chuyển hóa mà hàng cư sĩ là lực lượng tiên phong. Kính xin kết thúc bài tham luận này ở đây với niềm tin sắt đá vào việc hoàn thành thế nguyện và vai trò của người cư sĩ trong sứ mệnh chuyển hóa con người và xã hội giữa thời đại hôm nay.

## NGÔ VĂN QUY

### *Cũng đàn*

*Mong em  
nhận lấy tốt lành  
để riêng tôi nhận  
những đàn đao đau  
Từ vô lượng  
đến nghìn sau  
nghiệp gieo  
trao trả  
qua cầu từ sinh*

### *Ngự về*

*Trở lại  
Phú Xuân  
thành quách cũ  
nghe hồn  
danh tướng  
ngập triều cương  
một tiếng gươm vang  
dài sông nước  
núi Ngự  
nhìn xuyên  
mấy chuỗi buồn.*

### *Gió bay trên cầu*

*Đạp xe  
trong gió qua cầu  
bánh lăn lăn bánh  
buổi đầu hẹn ai  
Áo em bay trắng gót hài  
cầu bao nhiêu nhịp  
trang dài như em*

# NHÂN VẬT và NGHỆ THUẬT

## trong CUNG OÁN NGÂM KHÚC

### Hạnh Cơ

(Tiếp theo và hết)

## II. NGHỆ THUẬT trong CUNG OÁN NGÂM KHÚC

Phần “Nhân Vật” vừa được trình bày ở trên, được coi như là phần **nội dung** của khúc ngâm *Cung Oán*. Sau đây xin đề cập tiếp về phần “Nghệ Thuật”, được coi như là phần **hình thức** của khúc ngâm.

### 1. Kết Cấu

Trong khi xét về tâm lí nàng cung phi, chúng ta đã thấy *Cung Oán Ngâm Khúc* diễn tả một trạng thái tâm lí hết sức phức tạp, lộn xộn của nàng cung phi. Tình trạng tâm lí lộn xộn và nhiều khi rất bất ngờ đó đã khiến cho kết cấu của khúc ngâm có nhiều đoạn mạch mất tính liên tục. Dù vậy, một cách tổng quát, chúng ta có thể tạm coi là khúc ngâm gồm có ba phần chính:

A) Người con gái trước khi được tuyển làm cung phi (từ câu 1 đến câu 132).

B) Cảnh đắc sủng và thất sủng của người cung phi (từ câu 133 đến câu 232).

C) Tâm sự sâu não của người cung phi sau khi bị thất sủng (câu 233 - câu 356).

Và những đoạn mạch chi tiết có thể phân ra như sau:

**A) Người con gái trước khi được tuyển làm cung phi.**

1) Từ câu 1 đến câu 12: Nàng cung phi giới thiệu cho chúng ta biết tình cảnh hiện tại của nàng là một cung phi bị thất sủng.

2) Từ câu 13 đến câu 32: Nàng cung phi tự diễn tả nhan sắc và tài nghệ của mình.

3) Từ câu 33 đến câu 44: Nét hạnh và niềm kiêu hãnh của nàng cung phi.

4) Từ câu 45 đến câu 132: Nàng cung phi tỏ tư

tưởng bi quan về cuộc đời, và vì chán đời nên muốn thoát tục mà không được; đành phó mặc số phận cho tạo hóa.

**B) Cảnh đắc sủng và thất sủng của nàng cung phi.**

1) Từ câu 133 đến câu 140: Niềm vui hớn hở của cô gái khi được tuyển làm cung phi.

2) Từ câu 141 đến câu 172: Cảnh nàng cung phi được vua yêu quý, chiều chuộng.

3) Từ câu 173 đến câu 192: Lòng thỏa mãn của nàng cung phi vì được vua yêu quý.

4) Từ câu 193 đến câu 204: Đến lúc bắt đầu bị vua bỏ rơi.

5) Từ câu 205 đến câu 232: Cảnh cô quạnh của nàng cung phi.

**C) Tâm sự sâu não của nàng cung phi sau khi bị thất sủng.**

1) Từ câu 233 đến câu 244: Nàng cung phi buồn rầu hóa ra bực dọc.

2) Từ câu 245 đến câu 260: Nàng cung phi so sánh tình cảnh lúc đắc sủng và lúc thất sủng.

3) Từ câu 261 đến câu 268: Nỗi niềm đau xót của nàng cung phi.

4) Từ câu 269 đến câu 284: Sự mơ tưởng hão huyền (nhà vua trở lại).

5) Từ câu 285 đến câu 308: Vì gặp cảnh oái oăm, nàng hối tiếc việc đã vào làm cung phi (để bây giờ phải buồn rầu khổ sở).

6) Từ câu 309 đến câu 344: Nàng cung phi oán trách nhiều người: nhà vua (bỏ rơi), nguyệt lão (độc ác), bố già (không đem sự việc tâu vua).

7) Từ câu 345 đến câu 356: Đêm buồn trong

cung với tâm trạng buồn rầu của nàng cung phi.

Cứ theo bố cục này, chúng ta thấy khúc ngâm đã không có sự cân đối hợp lí trong cách kết cấu. Đề tài của khúc ngâm là “*Cung Oán*”, vậy mà, phần thứ ba là phần chính diễn tả tâm trạng oán than của nàng cung phi, chỉ chiếm 124 câu thơ (từ câu 233 đến câu 356); trong khi phần đầu là phần tả tài sắc và tư tưởng về cuộc đời của nàng cung phi, thì chiếm đến 132 câu thơ (câu 1 – 132); nhất là đoạn diễn tả tư tưởng đã chiếm quá dài, gồm đến 88 câu (câu 45 – 132), tức là ¼ của toàn tác phẩm – mà xét kĩ thì đoạn này ít dính líu đến đề tài “*Cung Oán*” nhất. Điều đó đã cho chúng ta có cảm nghĩ rằng, nàng cung phi đã quá quan trọng hóa phần tư tưởng mang tính triết lí của mình; và nhân cơ hội oán than về việc mình bị vua bỏ rơi mà bộc lộ tư tưởng ấy, đến nỗi say mê, quên mất cái mục đích chính của mình muốn bày tỏ.

Từ phần thứ hai sang phần thứ ba đã có sự diễn tiến mạch lạc, hợp lí, nhưng đến phần kết luận (4 câu chót) thì phải nói là quá vội vàng:

*Buồn này mới gọi buồn sao?  
Một đêm nhớ cảnh biết bao nhiêu tình!  
Bóng câu thoáng bên màn mây nổi,  
Những hương sâu phấn tui sao xong!  
Phòng khi động đến cửu trùng,  
Giữ sao cho được má hồng như xưa.*  
(câu 351 – 356/hết)

Nàng cung phi cứ mãi mê kể lể tâm sự mà đem hết lúc nào không hay. Đến chừng nhìn thấy ánh nắng (bóng câu) sắp dọi vào phòng thì vội vàng chầm dứt ngay câu chuyện. Hóa cho nên, kết cấu của *Cung Oán Ngâm Khúc* là một cái kết cấu đầu voi đuôi chuột. Nhưng chính vì cái kết cấu không cân đối, bất hợp lí, lộn xộn đó mà *Cung*



*Oán Ngâm Khúc* mới đúng là một KHÚC NGÂM; nếu không, nó đã là một TRUYỆN.

## 2. Văn Thể

Lối văn được dùng trong *Cung Oán Ngâm Khúc* là lối văn vần song thất lục bát; đó là một thể thơ thuần túy Việt-nam.

Nhiều người cho rằng, hai câu “*song thất*” trong thể thơ này đã được vay mượn từ thể thơ “*thất ngôn Đường luật*” của Trung-hoa; nhưng nếu phân tích kĩ về nhịp, thanh và vần giữa hai câu *song thất Việt-nam* và những câu 7 chữ trong một bài *thất ngôn Đường luật*, thì chẳng có điểm nào giống nhau để bảo rằng cái này đã vay mượn từ cái kia. Ví dụ:

a) Một đàng (song thất lục bát Việt-nam) là:

*Trái vách quế / gió vàng / hiu hắt* (vần T1)

*Mảnh vũ y / lạnh ngắt* (vần T1) / *như đồng* (vần B1)

*Oán chi những khách tiêu phòng* (vần B1)

*Mà xui phận bạc nằm trong* (vần B1) *má đào* (vần

B2)

*Duyên đã may / cờ sao* (vần B2) / *lại rui* (vần T2)

(câu 1 – 5)

- **Nhịp:** lẻ (3 – 2 – 2)

- **Thanh:** không có luật chính thức, nhưng đại khái, những chữ thứ 3, 5, 7 ở câu **thất trên** phải theo thứ tự các thanh *trắc (T)*, *bằng (B)*, *trắc (T)*; và những chữ thứ 3, 5, 7 ở câu **thất dưới** là *B*, *T*, *B*.

- **Vần:** Trong đoạn thơ song thất lục bát trên đây, câu *thất số 1* vì là câu **đầu tiên** của khúc ngâm, nên chỉ có *một vần cuối ở chữ thứ 7*; từ đó trở đi, tất cả những câu *thất (thất trên và thất dưới)*, đều có hai vần: *một vần lưng (yêu vận) ở chữ thứ 5*, và *một vần cuối (cước vận) ở chữ thứ 7*. Như vậy, hai câu song thất trong thể thơ song thất lục bát Việt-nam, mỗi câu đều có hai vần – một vần lưng và một vần cuối; và vần cứ thay đổi thường xuyên trong suốt bài (khúc ngâm).

b) và một đàng (thất ngôn Đường luật) là:

*Bức sột / nhưng mình / cứ áo bông* (vần B1)

*Tương rằng / ôm dậy / hóa ra không* (vần B1)

*Một tuồng / rách rưới / con như bố*

*Ba chữ / nghêu ngao / vợ chán chồng* (vần B1)

(Tú Xương)

- **Nhịp:** chẵn (2 – 2 – 3)

- **Thanh:**

- Các chữ 1, 3, 5 không có luật.

- Các chữ 2, 4, 6 và 7 phải theo luật:

- \* Câu 1: – T – B – T B (vần B1)
- \* Câu 2: – B – T – B B (vần B1)
- \* Câu 3: – B – T – B T
- \* Câu 4: – T – B – T B (vần B1)

- **Vần:** Trong 4 câu thất ngôn Đường luật như trên, chỉ có 3 chữ mang vần, toàn là vần cuối (cước vận), và chỉ có một vần.

Chỉ một chứng minh giản dị như trên cũng đủ chứng tỏ, thể thơ “*song thất lục bát*” là một thể thơ thuần túy Việt-nam, không có chút vay mượn nào từ các thể thơ Trung-quốc. Nó là một loại văn vần từng được các thi nhân Việt-nam đặc biệt dùng để viết những khúc ngâm, những bài ai điệu; cho nên, tác phẩm *Cung Oán Ngâm Khúc* đã được dùng trường thiên lối văn vần này, cũng là điều hợp lí.

### 3. Cách Hành Vần

“Vần” tức là dùng chữ làm thành câu như thế nào để diễn tả đúng ý mình định nói. Như thế có nghĩa là cách dùng chữ và cách xếp câu phải theo một số phương pháp nào đó, được mọi người cùng chấp nhận, để ai đọc cũng hiểu ý mình muốn nói gì. Tuy nhiên, những phương pháp này dù vẫn có một số qui định chung chung, nhưng lại không cố định, cứng ngắt, mà rất uyển chuyển, do chính mỗi nhà văn tự do sáng tạo. Họ có thể bắt chước những cái hay của người khác (nếu họ thấy là hay theo ý họ), hoặc họ tự sáng tạo nét độc đáo cho riêng họ. Công việc của người nghiên cứu là tìm ra và trình bày những phương pháp này của tác phẩm này, từ chính tác phẩm này; hoặc những phương pháp kia của tác phẩm kia, từ chính tác phẩm kia. – Chứ không phải đem một số phương pháp cố sẵn nào đó làm mẫu mực để so sánh với tác phẩm mình đang nghiên cứu, rồi khen đúng, chê sai... Ở đây, chúng tôi nghiên cứu cách hành văn trong tác phẩm *Cung Oán Ngâm Khúc* cũng theo quan niệm đó.

#### a) Cú pháp

Về phương diện cú pháp, tác phẩm *Cung Oán Ngâm Khúc* đã có một lối đặt câu đặc biệt làm nổi bật tác phẩm mà không ai phủ nhận được; đó là lối đặt câu “**đối xứng**” – đối nhau về ý lẫn về lời.

Sự đối xứng ấy có thể chỉ nằm trong một câu:

*Có âm dương // có vợ chồng*  
(câu 127)

hoặc:

*Nước kia muốn đổ // thành này muốn long*  
(câu 168)

cũng có thể là giữa hai câu liền nhau:

*Cuộc thành bại hầu cần mái tóc, //*  
*Lớp cùng thông như đốt buồng gan.*  
(câu 61 – 62)

hoặc:

*Gót danh lợi bùn pha sắc xám, //*  
*Mặt phong trần nắng nám mùi dâu.*  
(câu 65 – 66)

và có khi còn đối xứng giữa hai đoạn liền nhau, ví dụ như đoạn:

*Nào lối dạo vườn hoa năm ngoái,*  
*Đóa hồng đào hái buổi còn xanh,*  
*Trên gác phượng, dưới lầu oanh,*  
*Gói du tiên hãy rành rành song song.*  
*Bây giờ đã ra lòng rẻ rúng,*  
*Để thân này có ứng tơ mảnh!*  
*Đông quân sao khéo bắt tình,*  
*Cành hoa tàn nguyệt bực mình hoài xuân.//*  
(câu 245 – 252)

và đoạn kế tiếp:

*Nào lúc tựa lầu Tần hôm nọ,*  
*Cành liễu mảnh bẻ thuở đương tơ,*  
*Khi trường ngọc, lúc rèm ngà,*  
*Mảnh xuân y hãy sờ sờ dấu phong.*  
*Bây giờ đã ra lòng ruồng rẫy,*  
*Để thân này nước chảy hoa trôi!*  
*Hóa công sao khéo trên người,*  
*Bóng đèn tà nguyệt như mùi kí sinh.*  
(câu 253 – 260)

Những câu hoặc đoạn thơ đối nhau như vậy đã có một tác dụng đặc biệt làm nổi bật ý tứ của nhân vật, khiến người đọc phải chú ý. Đang đọc một cách êm xuôi những câu bình thường, đến khi gặp những câu đối xứng, chúng ta liền có cảm giác như cái gì vừa đập vào trí óc, bắt chúng ta phải chú ý tức thời.

Ngoài cách đặt câu đối xứng, chúng ta còn tìm ra ở *Cung Oán Ngâm Khúc* cách đặt câu “**đảo nghịch**”. Chính cái tính cách đảo nghịch này đã giúp cho ý thơ mạnh mẽ thêm, được chú ý thêm:

*Mùi tục vị, lưỡi tê tân khổ,*  
*Đường thế đồ, gót rỏ khi khu.*  
(câu 69 – 70)

Nếu được viết xuôi thuận, hai câu trên sẽ là:

“Lưỡi tê tân khổ (vì) mùi tục vị,  
Gót rỏ khi khu (vì) đường thế đồ.”

Hoặc như hai câu:

*Đền vũ tạ, nhện giăng cửa mốc,  
Thú ca lâu, để khóc canh dài.*

(câu 77 – 78)

Nếu được viết xuôi thuận, hai câu trên sẽ là:

“Nhện giăng cửa mốc (ờ) đền vũ tạ,  
Để khóc canh dài (ờ) thú ca lâu.”

(chữ “*thú*” ở đây nghĩa là chỗ, chốn)

Một đặc điểm khác trong lối đặt câu của *Cung Oán Ngâm Khúc*, là có rất nhiều những “*câu bị giấu chủ từ*”. Sự vất bỏ chủ từ đã làm cho câu thơ trở nên mông lung, mơ hồ, bắt buộc người đọc phải tự tìm hiểu, phải tự đặt câu hỏi và tự trả lời. Và như thế tức là người đọc đã dự phần sáng tạo cùng với tác giả. Chúng ta hãy đọc ngay những câu đầu tiên của tác phẩm:

*Trái vách quế gió vàng hiu hắt,  
Mảnh vũ y lạnh ngắt như đồng.  
Oán chi những khách tiêu phòng,  
Mà xui phận bạc nằm trong má đào!*

(câu 1 – 4)

Cả 4 câu mà không có một chủ từ chính thức nào, cho nên đã trở nên thật mơ hồ! Nếu đem 4 câu trên viết lại thành văn xuôi, tất sẽ có nhiều người sẽ diễn giải bằng nhiều cách khen nhau, tùy theo sự cảm thông, sự hiểu biết của họ. Riêng chúng tôi xin diễn giải rằng: *Nàng cung phi đã đã sống âm thầm nơi cung cấm (vách quế) trải một mùa thu no (gió vàng); và đời sống của nàng cô quạnh đến nỗi, dù có sẵn áo lông chim cũng chỉ được cất kỹ một nơi (vì chẳng bao giờ còn có dịp mặc đến). Ông trời kia kia oán ghét làm chi những nàng cung nữ, mà bắt họ phải mang lấy mệnh bạc như thế!*

Đến như hai câu:

*Nghĩ thân phù thế mà đau,  
Bọt trong bể khổ, bèo dâu bến mê.*

(câu 67 – 68)

thì mới thật là mông lung. Nó mông lung ở chỗ, tất cả mọi người, không riêng gì nàng cung phi, hẳn cứ cảm thấy đau khổ là nghĩ đến cái “*thân phù thế*”; mà hẳn nghĩ đến cái thân phù thế đang trôi nổi bập bềnh nơi “*bể khổ*”, “*bến mê*”, thì lại càng cảm thấy đắng cay, chua xót...

### **b) Ngữ pháp**

Xét về cách **dùng chữ** trong *Cung Oán Ngâm Khúc*, chúng ta phải công nhận, tác phẩm quả thực đã thành công nhờ ở công phu chọn chữ của tác giả.

Trước hết, cách dùng chữ trong tác phẩm này rất là **chính xác**. “**Chính xác**” tức là chọn lựa chữ thể nào để diễn tả thật đúng cái ý tác giả muốn nói lên; nếu dùng

một chữ nào khác (mặc dù có ý nghĩa tương tự) thì ý nghĩa câu thơ sẽ bị lệch. Sau đây là những trường hợp điển hình:

- *Hình thì còn, bụng chết đòi nau!*

(câu 54)

Chữ “*chết*” trong câu này nói lên cái tâm trạng chán đời cùng cực, không còn biết ham muốn bất cứ một thứ gì; tuy thân còn sống mà thần hồn như đã chết.

- *Thôi thôi ngánh mặt làm thinh,*

(câu 131)

Cả 6 chữ đứng với nhau và dính nhau thật chặt chẽ, để nói lên cái tâm trạng nàng cung phi đã quá chán chường, vì biết rằng mình hoàn toàn bất lực trước hóa công, không còn muốn phấn đấu; mà dù có muốn phấn đấu cũng không thể phấn đấu được.

- *Tay nguyệt lão khờ sao có một,*

(câu 133)

Chữ “*khờ*” thật đã diễn tả đúng với cái tâm lí của một cô gái bỗng dưng lại được hưởng một hạnh phúc bất ngờ; trong lòng thì khắp khởi mừng thầm mà ngoài mặt thì lại làm bộ như không muốn, như thể là mình bị ép buộc phải nhận. Tuy có ý trách, mà lại là “*trách yêu*” vậy.

- *Mặt phàm kia dễ đến Thiên-thai?*

*Hương trời sá động trần ai,*

*Dầu vàng nghìn lạng dễ cười một khi.*

(câu 42-44)

Những chữ “*mặt phàm kia*”, “*sá*”, “*dễ cười*”, đã nói lên trọn vẹn lòng kiêu hãnh của người con gái tự cho mình là kẻ sắc tài có một trong đời.

- *Đóa lê ngon mắt cứu trùng,*

(câu 163)

Hai chữ “*ngon mắt*” dùng thật là lí thú, để diễn tả cái nhìn đầy dục vọng của một người đàn ông háo sắc, trước một cô gái đẹp; cái nhìn thật là phàm tục! Cũng như hai chữ “*đùng đùng*” trong câu “*Bệnh Tề Tuyên đã nói lên đùng đùng*” (câu 32) đã nói lên một cách táo bạo cái vẻ si mê cuồng dại của những kẻ đầy dâm tính, vừa nghe nói đến (chứ chưa thấy mặt) gái đẹp thì lòng dục đã nổi lên một cách đột ngột, mạnh mẽ.

Những trường hợp dùng chữ như trên, có thể nói là tràn ngập trong tác phẩm. Rồi cách sử dụng “**điệp ngữ**” trong câu thơ *Cung Oán* cũng là một nét đặc biệt, nhằm làm cho mạch văn thêm mạnh, ý thơ thêm rõ:

- *Nghĩ mình, mình lại thêm thương nỗi mình.*

(câu 8)

- *Càng đàn, càng địch, càng mê,  
Càng gay gắt điệu, càng tê tái lòng.*  
(câu 151 – 152)

- *Cái buồn này ai dễ giết nhau?  
Giết nhau chẳng cái Lưu-cầu,  
Giết nhau bằng cái ưu sầu, độc chưa?*  
(câu 238 – 240)

- *Lửa hoàng hôn như cháy tám son,  
Hoàng hôn thôi lại hôn hoàng,  
Nguyệt hoa thôi lại thêm buồn nguyệt hoa.*  
(câu 262 – 264)

### c) Giọng văn

Vội sự xếp đặt các câu thơ khi xuôi thuận, khi nghịch đảo, thỉnh thoảng lại xen vào các câu, đoạn đối nhau, đã làm cho khúc ngâm Cung Oán có một giọng văn khi êm đềm, khi gay gắt; lúc thì nhẹ nhàng như ru ngủ người đọc, lúc khác lại trở nên nặng trĩu, nghe u uất làm sao! Như khi đọc 4 câu:

*Khi trận gió lung lay cành bích,  
Nghe rì rào tiếng mách ngoài xa,  
Mơ hồ nghĩ tiếng xe ra,  
Đốt phong hương hã mà hơ áo tàn.*  
(câu 269 – 272)

chúng ta cảm thấy có một cái gì bồn chồn, hồi hộp trong lòng vì sự trông đợi đã lâu ngày của nàng cung phi, nay nghe có tiếng động thì liền tưởng ngay đến nhà vua đang đi đến với mình. Giọng văn đang háo hức như thế, thì:

*Ai ngờ tiếng đế ran ri ri,  
Giọng bi thu gọi kẻ cô phòng,  
Vắng tanh nào thấy vân mòng,  
Hơi thê lương lạnh ngắt song phi huỳnh.*  
(câu 273 -376)

giọng văn liền trở nên áo nã, cái háo hức lúc nãy đã vụt tiêu tan. Khi nàng cung phi nghe kĩ lại thì tiếng động kia chỉ là tiếng đế kêu buồn thảm, như mĩa mai nàng vẫn cô quạnh trong phòng. Có lúc khác, giọng văn lại trở nên mạnh mẽ, thật phù hợp với lòng phẫn uất đang dâng lên cao tột:

*Tay tạo hóa có sao mà độc?  
Buộc người vào kim ốc mà chơi!  
Chống tay ngồi ngấm sự đời,  
Muốn kêu một tiếng cho dài, kéo cãm!*  
(câu 329 -332)

rồi trở lại hiền hòa hơn:

*Nơi lạnh lẽo, nơi xem gần gần,  
Há phai son nhạt phấn ru mà!*  
(câu 333 – 334)

rồi lại quay sang bức tức:  
*Trêu người chi bấy trắng già?  
Sao cho chỉ thắm mà ra tơ mảnh?*  
(câu 335 – 336)

### d) Nét cổ kính trong văn chương Cung Oán

Văn chương Cung Oán có một nét đặc thù, mà bằng trực giác, chúng ta có thể cảm thấy được ngay khi lần đầu tiên đọc tác phẩm: đó là cái bầu trời, cái không khí cổ kính chứa đựng trong tác phẩm. Không phải chúng ta đọc lên tựa đề “Cung Oán” mà đoán biết được cái tính chất cổ kính đó, mà chính nó bằng bạc khắp tác phẩm, chính nó đã được hàm chứa trong kho tàng từ ngữ đầy hình ảnh và màu sắc, vừa cổ điển, vừa quý phái trong khắp tác phẩm.. Chúng ta hãy nhặt ra một ít từ ngữ như: *vách quế, mãnh vũ y, khách tiêu phòng, gấm nàng Ban, áng Đào Kiển, nghe thường, làng cung kiếm, khách công hầu, đèn vũ tạ, thú ca lâu, xiêm nghệ, đệm hồng thúy, bóng bội hoàn, cửu trùng, lầu đãi nguyệt, gác thừa lương, ngọn đèn phòng động, chòm hoa tịnh đế, v.v...* Những từ ngữ đó luôn lôi cuốn chúng ta hướng về dĩ vãng, nhiều khi say mê mà quên mất hiện tại. Cái tính cách cổ kính đó không phải chỉ nằm yên thụ động trong những từ ngữ, mà đã được làm cho trở nên rất linh động:

*Xiêm nghệ nọ tả toi trước gió,  
Áo vũ kia lấp ló trong trăng,*  
(câu 141 -142)

hoặc đầy vẻ tang thương:

*Đèn vũ tạ nhện giăng cửa mốc,  
Thú ca lâu để khóc đêm dài,*  
(câu 77 – 78)

hay nhớ nhung, tiếc nuối:

*Ngọn đèn phòng động năm xưa,  
Chòm hoa tịnh đế tro tro chưa tàn.*  
(câu 339 – 340)

Chính cái tài nghệ của tác giả là đã làm cho những từ ngữ mang vẻ cổ điển ấy kết hợp với nhau, quện lầy



nhau, khiến cho cái tính cách cổ kính không nằm chết trong cái vỏ từ ngữ, mà lúc nào cũng có một sức sống, một sức thu hút người đọc, làm cho người đọc luôn luôn bị chìm trong cái không gian và thời gian ở một thời dĩ vãng xa xôi nào đó.

#### 4) Nghệ Thuật Diễn Tả trong Cung Oán Ngâm Khúc

Nét đặc sắc của Cung Oán Ngâm Khúc không những chỉ ở nghệ thuật chọn chữ, xếp câu, mà còn ở nghệ thuật diễn tả nữa; đó là những cách tả người, tả tâm lí nhân vật, và tả cảnh.

##### a) Tả người

Nhân vật được diễn tả rõ ràng và duy nhất trong Cung Oán Ngâm Khúc là nàng cung phi. Nàng được diễn tả bằng cách so sánh với những nhân vật tài sắc tuyệt thế cô kim. Nhưng nếu chỉ so sánh không thôi thì, thì có vẻ “tĩnh” lắm; đằng này, cái tài sắc ấy lại được tác giả làm cho rất “động”. Và chính cái kĩ thuật đặc biệt này mà tài sắc nàng cung phi đã trở nên nổi bật, rực rỡ, thu hút.

Trước hết, về **sắc đẹp**, nàng được sánh với đệ nhất phu nhân của vua Thuận đế nhà Nguyên (Trung-hoa), là nàng Đào Kiển. Nàng này, theo sử chép, là một cô gái có thể chất rất lạ lùng: da trắng mà lại ứng màu hồng, mỗi khi rửa mặt hoặc ra mồ hôi ướt da thì lại có vẻ tươi như hoa đào có đượm ít sương mai:

*Áng Đào Kiển đậm bông nào chúng,  
Khóe thu ba dợn sóng khuynh thành,*

(câu 13 – 14)

Nàng cung phi ở đây cũng đẹp như Đào Kiển phu nhân vậy, nhưng sự diễn tả đã linh động hơn nhờ ở những chữ “đậm bông nào chúng”, “dợn sóng khuynh thành”. Nàng không phải chỉ đẹp như hoa đào, mà có thể nói, chính nàng đã là một đóa hoa đào; đào đã trở hoa ngay trên thân thể nàng, làm cho mọi người phải diên đầu vì sắc đẹp đó của nàng. Riêng cặp mắt của nàng thì không phải chỉ đẹp như nước mùa thu, mà chính cặp mắt đó đã là nước mùa thu; và khi liếc, khi nhìn, chính là khi nước thu dợn sóng để làm nghiêng đổ cả thành lũy.

Nhan sắc của nàng lại cũng có thể làm cho:

*Chìm đáy nước, cá lờ dờ lặn,  
Lừng da trời, nhận ngân ngơ sa,*

(câu 17 – 18)

nghĩa là sắc đẹp của nàng cung phi đã được làm cho linh động hóa một cách thần tình!

Đoạn thơ diễn tả nhân vật này gồm 8 câu tả sắc đẹp (câu 13 – 20), 8 câu tả tài nghệ (câu 21 – 28), và 4 câu

tổng kết (câu 29 – 32) cả sắc lẫn tài của nàng cung phi:

*Áng Đào Kiển đậm bông nào chúng,  
Khóe thu ba dợn sóng khuynh thành,  
Bóng gương lấp lánh dưới màn,  
Cỏ cây cũng muốn nói tình mây mưa!  
Chìm đáy nước, cá lờ dờ lặn,  
Lừng da trời, nhận ngân ngơ sa,  
Hương trời đắm nguyệt say hoa,  
Tây Thi mất vía, Hằng Nga giết mình!  
Câu cảm tú đàn anh họ Lí,  
Nét đan thanh bạc chị chàng Vương,  
Cờ tiên rượu thánh ai đang,  
Lưu Linh, Đế Thích là làng tri âm.  
Cằm điểm nguyệt phỏng tâm Tư-mã,  
Địch lâu thu đợ gã Tiêu lang,  
Dẫu mà tay múa miêng xang,  
Thiên tiên cũng ngành nghề thường trong trắng.  
Tài sắc đã vang lừng trong nước,  
Bướm ong càng xao xác ngoài hiên,  
Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn,  
Bệnh Tê Tuyên đã nổi lên đùng đùng!*

(câu 13 – 32)

thật trang nhã, thật gọn gàng, nhưng lại quá ước lệ, quá cổ điển, làm cho nàng cung phi trở thành giả tạo. Cái sắc đẹp “chim sa, cá lặn”, và tài nghệ đủ cả “cằm, kì, thi, họa”, đến như cờ cao bằng như Đế Thích, uống rượu sánh với Lưu Linh, thì quả thực là một lối ví von quá đáng. Nhưng, suy nghĩ kĩ, chúng ta cũng có thể hiểu được rằng, tác giả của khúc ngâm, khi diễn tả tài sắc của nàng cung phi bằng những hình ảnh ước lệ, những khuôn sáo cổ điển, là chỉ có ý muốn mượn những hình ảnh lí tưởng đó để nói lên cái tài sắc vẹn toàn của người con gái, để làm nổi bật cái phận bạc đắng cay mà nàng sẽ gánh chịu về sau: càng tài sắc bao nhiêu thì càng khổ sở chua xót bấy nhiêu!

##### b) Tả tâm lí nhân vật

Có tài sắc hơn người dĩ nhiên là sinh lòng kiêu hãnh. Tài sắc càng toàn vẹn thì lòng kiêu hãnh càng dâng cao. Đó là tâm lí của nàng cung phi – mà cũng là tâm lí chung của người đời. Lòng kiêu hãnh đang dâng cao, nàng cung phi lại chán đời một cách đột ngột; và những ý nghĩ về cuộc đời của nàng đã mang màu sắc triết lí, nỗi chán chường của nàng là nỗi chán chường của một con người già giãn, đã từng trải việc đời, bao nhiêu vinh nhục, thị phi, thành bại đã dày vò tâm trí nàng, khiến cho nàng:

*Hình thì còn, bụng chết đời nau!*

(câu 54)

để rồi:

*Thà mượn thú tiêu dao cửa Phật,*

*Mối thất tình quyết dứt cho xong.*  
(câu 109 – 110)

Tâm lí kẻ chán đời đã được diễn tả một cách tỉ mỉ, có thể nói là quá đầy đủ, và xét ra cũng là quá đáng đối với một nàng cung phi. Nàng mang cái tâm trạng ấy quả là có một sự gương ép. Nhưng chúng ta cũng có thể hiểu rằng, hình như tác giả khúc ngâm chỉ muốn lấy trường hợp của nàng cung phi làm cơ hội để nói lên cái quan điểm triết lí của mình về cuộc đời. Tâm lí nàng cung phi chỉ là một thứ tâm lí được gửi gắm, chỉ vì sự diễn tả đã quá sâu sắc, quá già dặn, có tính cách chuyên môn.

Người con gái đang chán đời lại lọt ngay vào chôn để vương; và nàng vui sướng xiết bao với cái hạnh phúc trần trụi của một cung phi đặc sủng. Ngòi bút của tác giả khi diễn tả sự hờn hờ, đắc ý của nàng cung phi đã thật tuyệt diệu:

*Đêm hồng thúy thơm tho mùi xạ,  
Bóng bội hoàn lấp ló trăng thanh,  
Mây mưa mấy giọt chung tình,  
Đình trầm hương khóa một cành mẫu đơn.*  
(câu 145 – 148)

“*Khóa một cành mẫu đơn*”, nghe ra như là nàng bị giam nhốt, bị mất tự do, nhưng thật ra là nàng đã quá thỏa mãn về việc “bị” khóa ấy. Nhà vua đã quá yêu nàng, mới phải giữ gìn nàng một cách cẩn thận, đâu dám để cho nàng sẩy mất! Cũng như khi nàng nói:

*Tay nguyệt lão khờ sao có một,  
Bổn tơ tình vương gót cung phi!*  
(câu 133 – 134)

mới nghe ra như là nàng trách người ta sao vô cớ đem nàng bỏ vào cung vua, nhưng kì thật đó là niềm sung sướng như khi chúng ta tự dung được trúng số độc đắc! Câu “*khờ sao có một*” chẳng qua chỉ là một lời trách yêu có ngụ ý cảm ơn người đã làm “được việc” cho mình. Đó là những nét tâm lí thật tế nhị mà cũng thật thú vị, đã được diễn tả một cách tuyệt khéo vậy.

Lúc đặc sủng, nàng cung phi tự cho rằng, nàng và nhà vua chắc chắn phải có nhân duyên với nhau mới được gặp nhau, còn bao nhiêu cung nữ khác, dù thỉnh thoảng có được gần vua cũng chỉ là sự may rủi mà thôi:

*Phái duyên hương lửa cùng nhau,  
Xe dê lọ rắc lá dâu mới vào...*  
(câu 159 – 160)

chứ nhà vua là đáng chí tôn, khó được gần lắm, dù cho bỏ ra nghìn vàng cũng không dễ gì mua được điểm phúc ấy:

*Trên trướng gắm chí tôn vôi vọi,  
Những khi nào gần gũi quân vương,  
Dẫu mà ai có nghìn vàng,*

*Đố ai mua được một tràng mộng xuân!*  
(câu 173 -176)

Nhưng đến khi đã bị bỏ rơi, nàng lại oán trách nhà vua, sao cung nữ thì nhiều mà nhà vua chỉ yêu riêng vài người, thật là bất công:

*Đuốc vương giả chí công là thế,  
Chẳng soi cho đến khốe âm nhai,  
Muôn hồng nghìn tía đua tươi,  
Chúa xuân nhìn hái một hai bông gài.*  
(câu 197 – 200)

rồi sự oán trách ấy lại càng gay gắt hơn:

*Khoảnh làm chi, bầy chúa xuân,  
Chơi hoa cho rũ nhụy dần lại thôi!*  
(câu 211 – 212)

Nhưng trách rồi lại bồn chồn ngóng trông:

*Lâu đài nguyệt đứng ngời dạ vũ,  
Gác thừa lương thức ngủ thu phong,*  
(câu 213 – 214)

để rồi càng nhìn thấy rõ nỗi cô đơn của mình:

*Ngày sáu khắc tin mong nhận vắng,  
Đêm năm canh tiếng lắng chuông rền,  
Lạnh lùng thay giấc cô miên,  
Mùi hương tịch mịch, bóng đèn thâm u.*  
(câu 225 – 228)

và tâm trạng cứ tiếp tục như thế, khi oán trách, lúc hờn ghen, khi lại ước mơ vô vọng... Những trạng thái tâm lí phức tạp mà sâu sắc, đôi khi lại rất tế nhị, đã được diễn tả một cách linh động, khéo léo, làm cho chúng ta càng đọc càng say mê, càng đào sâu càng thấy thú vị.

### c) *Tả cảnh*

Cảnh ở trong *Cung Oán Ngâm Khúc* chỉ là cái bối cảnh mà nàng cung phi đã và đang sống, cũng như những hình ảnh tang thương của cuộc đời. Cảnh ở đây chỉ được nêu lên bằng những hình ảnh rải rác, những nét chấm phá đơn sơ, cốt nói lên cái tâm trạng vui sướng hay buồn khổ, chán đời của nàng cung phi. Nói cách khác, cảnh được diễn tả trong khúc ngâm này là ***cảnh ngụ tình*** hơn là cảnh thuần túy:

*Sóng cồn cửa bể nhấp nhô,  
Chiếc thuyền bào ảnh lô xô mặt ghềnh.*  
(câu 71 72)

Đây là nơi cửa bể đầy sóng nước, và một chiếc thuyền bập bênh trên mặt bể nhấp nhô đó; nhưng kì thật thì đây chỉ là cái ý nghĩa huyền hóa của cuộc đời vô thường. Và đây là hình ảnh tang thương của thế sự:

*Đền vũ tạ nhện giăng cửa mốc,  
Thú ca lâu để khóc canh dài,*  
(câu 77 – 78)



hay:

*Cầu thế thủy ngồi trơ cổ độ,  
Quán thu phong đứng rũ tà huy,*  
(câu 97 – 98)

Đây là cuộc vui náo nhiệt trong cung vua, và cũng đồng thời ngụ ý nói lên sự đắc ý, lòng thỏa mãn của nàng cung phi:

*Xiêm nghề nọ tả tôi trước gió,  
Áo vũ kia lấp ló trong trăng,  
Sanh ca mấy khúc vang lừng,  
Cái thân Tây Tử lên chùng điện Tô.*  
(câu 141 – 144)

Và đây là cảnh cô đơn cùng cực của nàng cung phi:

*Đêm phong vũ lạnh lòng có một,  
Giọt ba tiêu thánh thốt cầm canh,  
Bên tường thấp thoáng bóng quỳnh,  
Vách sương nghi ngút, đèn xanh lò mờ.*  
(câu 345 – 348)

Cho nên, bàn về nghệ thuật tả cảnh trong *Cung Oán Ngâm Khúc* chỉ là một việc làm có vẻ gượng gạo, vì tác giả không bao giờ tả cảnh với mục đích tả cảnh thuần túy, mà tả cảnh chỉ là gợi lên một hình ảnh đơn sơ với mục đích diễn tả một tâm sự, một trạng thái tâm lí của nàng cung phi vậy.

### III. KẾT LUẬN

Các đặc điểm về nội dung cũng như về hình thức của tác phẩm *Cung Oán Ngâm Khúc* vừa được phân tích và trình bày ở trên, có thể được tóm tắt với một vài nhận xét như sau:

1. Trước hết, về nội dung, *Cung Oán Ngâm Khúc* đã đưa ra một câu chuyện lòng, một lời oán than về số phận chua cay của một nàng cung phi – nhất là một nàng cung phi có tài sắc vẹn toàn. Cái tâm sự buồn đau, chán chường này có thể là cái tâm sự của riêng một người cung phi nào đó, mà cũng có thể là của chung hàng ngàn cung nữ từ mấy ngàn năm trước ở trong các triều đình vua chúa, khi mà các quốc gia còn theo chế độ quân chủ; và rộng hơn nữa, cũng có thể là tâm sự của bất cứ một người đàn bà nào trong xã hội thời xưa, cũng như bây giờ, gặp phải hoàn cảnh bất công tương tự.

2. Trong phần nhận xét về nhân vật, chúng ta đã tìm thấy có 3 nhân vật trong *Cung Oán Ngâm Khúc*: **nàng cung phi** hiện diện tự kể chuyện mình; và **nhà vua** cùng **hóa công** là hai nhân vật vắng mặt được nàng cung phi luôn luôn nhắc nhở tới. Đồng thời chúng ta cũng khám

phá ra thêm nhân vật thứ tư là **bổ già**, xuất hiện ở phần cuối tác phẩm. Chính sự xuất hiện của nhân vật bổ già này đã đưa đến một hệ quả quan trọng là, đáng lẽ nàng cung phi chỉ *độc thoại*, thì lại hóa ra *đối thoại* – mặc dù sự đối thoại này không có sự đối đáp giữa hai nhân vật. Sự kiện “đối thoại” ấy đã làm cho cái tính cách “ngâm khúc” của tác phẩm bị lệch đi phần nào – vì đặc tính của một khúc ngâm là “độc thoại”. Cái “tính cách ngâm khúc” bị lệch, nhưng không có nghĩa là mất hẳn; bởi vì, sự đối thoại kia chỉ được hiểu là nàng cung phi không phải nói chuyện một mình, mà đang nói chuyện với một người đang có mặt bên cạnh; và người ấy chỉ yên lặng lắng nghe, không đối đáp – chứ nếu đối đáp thì cái “tính cách ngâm khúc” của tác phẩm đã bị mất hẳn. Cho nên, dù cho tính cách ngâm khúc của tác phẩm có bị lệch, *Cung Oán* vẫn là một *khúc ngâm*.

3. Tâm sự của nàng cung phi là thứ tâm sự đã chín muồi. Ngang đã từng hưởng hạnh phúc tuyệt vời, đến khi bị đau khổ cũng đau khổ cũng cực. Bao nhiêu uất ức, bao nhiêu giận hờn, bao nhiêu cay đắng, đã dẹt nên cái tâm sự bi đát của nàng. Và đến lúc phải thốt ra lời thì kể lẽ miên man, nhớ đâu kể đấy, không đầu đuôi, không mạch lạc. Cho nên cái tâm lí được trình bày là cả một tâm lí phức tạp, lộn xộn; và chính sự lộn xộn, phức tạp đó của tác phẩm đã rất phù hợp với tính cách của một khúc ngâm.

4. Tư tưởng của nàng cung phi về cuộc đời đã được trình bày như một hệ thống triết lí Phật giáo; tuy nhiên nó đã được lọc đi cái ý nghĩa cao siêu để trở nên bình dị, dễ hiểu. Mặc dù vậy, chúng ta vẫn nhận rằng, trong khi nàng cung phi không có gì để chứng tỏ là một người từng thâm hiểu Phật giáo, bản tính của nàng lại rất tầm thường (quá kiêu căng về tài sắc, quá hờn hờ, tự mãn khi được vua yêu, khi bị bỏ rơi thì chán đời, oán hận, thống trách v.v...), mà lại có được những tư tưởng sâu sắc đầy về triết lí về cuộc đời, thì là một sự quá gò ép, gượng gạo. Thành thử, có thể nói, nàng cung phi trong *Cung Oán Ngâm Khúc* chẳng qua chỉ là một cơ hội mà tác giả mượn để bày tỏ tư tưởng của mình về cuộc đời thăng trầm, mộng huyễn, khổ đau.

5. Tính cách một khúc ngâm đã không bắt buộc người viết phải sắp xếp câu chuyện, diễn tả tâm lí nhân vật theo một trật tự hợp lí, thì cũng không bắt buộc phải có một kết cấu hợp lí. Thật vậy, *Cung Oán Ngâm Khúc* đã cho ta thấy rõ điều đó khi nhìn vào những đoạn mạch không cân xứng nhau, lúc xuôi, lúc ngược, lại có khi sự nối tiếp giữa hai đoạn mạch đã không có một chút liên lạc nào cả.

6. Nói đến văn chương *Cung Oán* thì phải công nhận đó là một tác phẩm văn chương tuyệt hảo. Lời văn thật đẹp, thật trang nhã. Giọng văn luôn luôn thay đổi, khi

hùng hồn khi buồn thảm; lúc như tức tưởi, lúc thật nhẹ nhàng; làm cho người đọc lúc nào cũng bị thu hút, lúc nào cũng phải chú ý vào tác phẩm.

7. Điển cố đã được dùng rất nhiều trong tác phẩm, có thể làm khó khăn cho những người đọc chưa thông thạo điển cố, nhưng khi đã thấu suốt thì cảm thấy thú vị vô cùng. Và chính sự dùng điển cố đó mà lời thơ được súc tích, cô đọng, đẹp một cách trang nhã, cổ kính, thể hiện đúng cái tính chất của một tác phẩm thơ cổ điển.

8. Câu văn được xếp đặt khi thuận, khi nghịch, khi đối xứng; chữ dùng thì lúc nào cũng được chọn lựa công phu, đầy đặn hình ảnh, màu sắc, âm thanh, đã làm cho tác phẩm luôn luôn sống động, linh hoạt. Đó cũng là một đặc điểm thu hút của tác phẩm.

9. Đến cách diễn tả, mặc dù khi tả về tài sắc nàng cung phi có phần ước lệ, giả tạo, nhưng chẳng qua đó là chủ ý của tác giả muốn nêu lên một nhân vật toàn bích, đề rồi làm nổi bật cái oái oăm, cay đắng cùng cực về sau. Riêng tâm lí nhân vật thì đã được diễn tả một cách sống thực, trọn vẹn là cái tâm lí của một con người phạm tục với đầy đủ thất tình, khiến cho người ngoài cuộc đọc đến còn cảm thông được, hướng chi người trong cuộc, cùng trong hoàn cảnh, thì sự cảm thông còn sâu xa biết chừng nào!

Tóm lại, *Cung Oán Ngâm Khúc* càng đọc càng muốn khám phá, càng khám phá càng thấy say mê, thú vị. Và khi đã khám phá ra một điều thì lại muốn đọc lại tác phẩm để có thể khám phá ra một điều khác. Chúng tôi nghĩ rằng, chính sự bất hủ của một tác phẩm là ở điểm này.

**Ghi chú:** Tất cả các câu thơ dẫn chứng trên đây, đều được trích từ sách *Cung Oán Ngâm Khúc* của Ôn Như Hầu, do Văn Bình TÔN THẮT LƯƠNG dẫn giải và chú thích, nhà Tân Việt xuất bản tại Sài-gòn năm 1950; cơ sở Zieleks tái bản tại Hoa-kì năm 1980.



thơ

## VÀNH KHUYÊN

### *Cảm Trăng*

*Trăng cứ ngoài kia như chờ ai  
Sáng dậy trời tối vẫn sớm mai  
Trăng ơi trăng thức chờ ai đó  
Chạnh lòng tôi ghê, sau giấc dài  
Trăng tròn như trái bóng trên cao  
Trăng sáng màu bạc đẹp làm sao  
Giang tay tôi với như muốn hái  
Ôm trăng vào mộng, cảm xông xao...  
Nhìn trăng đẹp thế gần sao nổi  
Tôi cảm lòng tôi một chút tình  
Trăng ơi em là của tôi đó  
Một tình yêu đẹp mới vừa sinh.*

### *Là Ai*

*Không gian với tôi như gần lại  
Khi đắng cay, gian dối dày vò  
Ngày mờ ảo, đêm trần trọc không ngủ  
Tôi trở mình với những nỗi âu lo...*

*Trong tiếc nuối của những gì đã mất  
Mừng vui riêng tất cả đã đi qua  
Tôi với ngược nhìn những thăng trầm mới  
Cũng phải mau không thôi lại khóc òa*

*Đời là thế, đời có chi ngoài thế  
Buồn hay vui tôi cứ đóng trọn vai  
Múa may, quay cuồng mình tôi, vở diễn  
Hài hay bi, cũng tạm tháng ngày dài...*

*Cuối cùng cũng chẳng biết mình là ai!*

# THIÊN ĐỊNH PHẬT GIÁO và KHOA HỌC HIỆN ĐẠI (SCIENCE AT THE CROSSROADS)

Nguyên tác: **TENZIN GYATSO, THE DALAI LAMA**

Viết dịch: *Trần Như Mai*

*Bài báo này dựa vào bài nói chuyện của Đức Đạt Lai Lạt Ma tại phiên họp thường niên của Hội Khoa Học Thần Kinh ngày 12- 11- 2005 ở Washington D.C.*

Trong một vài thập niên vừa qua, chúng ta đã chứng kiến nhiều tiến bộ lớn lao trong việc tìm hiểu một cách khoa học về não bộ và cơ thể con người nói chung. Hơn nữa, với sự xuất hiện của ngành Di truyền học hiện đại, kiến thức của khoa Thần kinh học về hoạt động của những cơ cấu sinh học giờ đây đã đạt đến mức độ vi tế nhất của các di truyền tử riêng biệt. Điều này đã mang lại kết quả trong những khả năng kỹ thuật chưa từng thấy dùng để vận dụng những mã số của sự sống, từ đó phát sinh tiềm năng sáng tạo ra những thực thể hoàn toàn mới mẻ cho nhân loại nói chung. Ngày nay, vấn đề tương giao giữa khoa học với toàn thể nhân loại không còn là chuyện được giới hạn lâm chú ý mà thôi, vấn đề phải được coi là khẩn cấp đối với những ai quan tâm đến số phận của hiện hữu con người. Vì thế tôi cảm thấy một cuộc đối thoại giữa khoa Thần kinh học và xã hội có thể mang lại những lợi ích sâu xa ở chỗ nó có thể giúp chúng ta đào sâu những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa của hiện hữu con người và trách nhiệm của chúng ta đối với thế giới tự nhiên mà chúng ta chia sẻ với những loài hữu tình khác. Như một phần của mối tương giao rộng lớn này, tôi rất vui mừng ghi nhận rằng hiện nay các nhà Thần kinh học ngày càng quan tâm đến việc tham gia đối thoại sâu sắc hơn với ngành Thiên học của Phật giáo.

Mặc dù sở thích về khoa học của tôi bắt đầu bằng tính tò mò của một cậu bé hiếu động lớn lên từ Tây Tạng, dần dần tôi đã nhận ra tầm quan trọng lớn lao của khoa học và kỹ thuật trong việc tìm hiểu thế giới hiện

đại. Không những tôi tìm cách nắm được những tư tưởng khoa học đặc biệt mà tôi còn cố gắng khám phá ra những hàm ý rộng lớn hơn của những tiến bộ mới trong kiến thức nhân loại và sức mạnh của kỹ thuật do khoa học đem lại. Những lãnh vực khoa học đặc biệt mà tôi đã tìm hiểu nhiều nhất trong những năm qua là ngành Vật lý hạ-nguyên-tử, Vũ trụ học, Sinh học và Tâm lý học. Đối với những hiểu biết giới hạn của tôi về những lãnh vực đó, tôi rất biết ơn các nhà khoa học Carl Von Weizacker và cố giáo sư David Bolm đã dành thời giờ quý báu để chia sẻ với tôi. Tôi xem hai vị này là bậc thầy của tôi về ngành Cơ học lượng tử; và trong lãnh vực sinh học, nhất là khoa Thần kinh học thì có cố giáo sư Robert Livingstone và Francis Varela. Tôi cũng rất biết ơn nhiều nhà khoa học xuất chúng mà tôi có được đặc ân tham gia những cuộc đối thoại với họ dưới sự bảo trợ của Viện Nghiên Cứu Tâm Thức và Đời Sống, nơi đã khởi xướng các cuộc hội nghị về Tâm Thức và Đời Sống bắt đầu từ năm 1987 tại trú xứ của tôi tại Dharamsala ở Ấn Độ. Những cuộc đối thoại này vẫn còn tiếp diễn trong nhiều năm, và thật ra cuộc đối thoại mới nhất của Viện Nghiên Cứu Tâm Thức và Đời Sống vừa mới kết thúc tại đây ở Washington ngay trong tuần này.

Có lẽ một số người tự hỏi “Nhà sư Phật giáo này làm gì mà lại quan tâm đến khoa học như thế? Có thể có



liên hệ nào giữa Phật giáo, một truyền thống tâm linh và triết lý của Ấn độ cổ đại, với khoa học hiện đại? Có thể có lợi ích gì cho một ngành khoa học như là khoa Thần kinh học trong việc tham gia đối thoại với Phật giáo?"

Mặc dù truyền thống Thiền định Phật giáo và khoa học hiện đại đã xuất phát từ nhiều nguồn gốc văn hóa, nhận thức và lịch sử khác nhau, tôi tin rằng trong cốt lõi, cả hai đều chia sẻ những điểm giống nhau đáng kể, nhất là trong quan điểm triết học cơ bản và phương pháp học.

Về phương diện triết học, cả Phật giáo lẫn khoa học hiện đại đều chia sẻ mỗi nghi ngờ sâu xa đối với bất cứ một ý niệm nào về sự tuyệt đối, dù được khái niệm hóa như một thực thể siêu nhiên, một nguyên lý bất biến vĩnh cửu như linh hồn, hoặc như một nền tảng cơ bản của thực tại. Cả Phật giáo lẫn khoa học đều muốn giải thích sự tiến hóa và xuất hiện của vũ trụ và đời sống theo mối tương quan phức tạp của các định luật nhân quả tự nhiên. Từ góc độ phương pháp nghiên cứu, cả hai truyền thống đều nhấn mạnh đến vai trò của chủ nghĩa thực nghiệm. Ví dụ, trong truyền thống nghiên cứu của Phật giáo, giữa ba nguồn kiến thức được công nhận—kinh nghiệm, lý luận và bằng chứng—thì kinh nghiệm thực tại đứng hàng đầu, kế đến là lý luận và cuối cùng là bằng chứng. Điều này có nghĩa là trong cuộc khảo cứu thực tại của Phật giáo, ít nhất là trên nguyên tắc, kinh nghiệm thực tại phải vượt trên lý thuyết kinh điển, cho dù kinh điển được sùng kính đến đâu đi nữa. Ngay cả trong trường hợp kiến thức xuất phát từ lý luận hay suy diễn, cuối cùng giá trị của nó phải được rút ra từ những thực chứng kinh nghiệm đã được quan sát. Vì lập trường phương pháp nghiên cứu này, tôi thường lưu ý các đồng nghiệp Phật giáo của tôi rằng những kiến thức đã được minh chứng trong thực tế về Vũ trụ học và Thiên văn học hiện đại bắt buộc chúng ta bây giờ phải điều chỉnh, hoặc trong một vài trường hợp, phải bác bỏ nhiều phương diện của khoa Vũ trụ học như đã được tìm thấy trong văn bản kinh điển Phật giáo.

Bởi vì động lực trước tiên thúc đẩy việc khảo sát thực tại của Phật giáo là cuộc tìm kiếm cơ bản để vượt thoát khổ đau và toàn thiện điều kiện sống của con người, cho nên định hướng sơ khởi của truyền thống nghiên cứu Phật giáo là hướng đến sự hiểu biết về tâm thức con người và các chức năng của nó. Ở đây, chúng tôi nhận định rằng, bằng cách đạt được những hiểu biết sâu sắc về tâm lý con người, chúng ta có thể tìm ra những phương cách để chuyển hóa tư tưởng, tình cảm và những khuynh hướng tiềm ẩn để có thể tìm ra một lối sống toàn thiện và trọn vẹn hơn. Chính trong bối cảnh này mà truyền thống Phật giáo đã đặt ra một bảng phân loại phong phú về các trạng thái tinh thần cũng như các kỹ thuật Thiền định để rèn luyện những phẩm chất tinh

thần đặc biệt. Vì thế một cuộc trao đổi đích thực những kiến thức và kinh nghiệm đã được tích lũy giữa Phật giáo và khoa học hiện đại về một số vấn đề rộng lớn liên hệ đến tâm thức con người, từ tri thức và tình cảm đến sự hiểu biết khả năng chuyển hóa bẩm sinh nơi não bộ con người, sẽ vô cùng hấp dẫn và có tiềm năng mang lại nhiều lợi ích lớn lao. Theo kinh nghiệm của riêng tôi, tôi cảm thấy kiến thức mình phong phú hơn rất nhiều nhờ những cuộc đàm thoại với các nhà Thần kinh học và Tâm lý học về một số vấn đề như là bản chất và vai trò của những tình cảm tích cực và tiêu cực, sự chú ý, khả năng tượng hình, cũng như tính nhu nhuyễn của não bộ. Bằng chứng có sức thuyết phục cao từ khoa Thần kinh học và Y khoa về vai trò then chốt của sự xúc chạm thể chất đơn giản đối với việc phát triển sinh lý của não bộ thai nhi trong vài tuần đầu tiên đã minh chứng hùng hồn cho sự liên quan mật thiết giữa lòng từ bi và hạnh phúc con người.

Từ lâu Phật giáo đã tranh luận về tiềm năng chuyển hóa lớn lao hiện hữu tự nhiên nơi tâm thức con người. Với cứu cánh này, truyền thống Phật giáo đã phát triển một loạt những kỹ thuật hành thiền, hay Thiền tập, đặc biệt nhắm đến hai mục tiêu – nuôi dưỡng lòng từ bi và tu tập khả năng quán chiếu sâu xa vào bản chất của thực tại, thường được đề cập đến như là sự kết hợp của từ bi và trí tuệ. Trọng tâm của các phương pháp thiền tập có hai kỹ thuật chính yếu, một mặt là tinh luyện sức chú ý và duy trì nó trong một thời gian dài, mặt khác là việc điều hành và chuyển hóa tình cảm. Trong cả hai trường hợp, tôi cảm thấy có thể có tiềm năng lớn lao để hợp tác nghiên cứu giữa truyền thống Thiền định Phật giáo và khoa Thần kinh học. Ví dụ, khoa Thần kinh học hiện đại đã phát triển sự hiểu biết phong phú về cơ cấu não bộ liên kết với sự chú ý và tình cảm. Mặt khác, nếu xét đến lịch sử lâu dài chú trọng đến việc rèn luyện tâm linh thì truyền thống Thiền định Phật giáo cung cấp những kỹ thuật thực tiễn để tinh luyện sự chú ý và điều hành và chuyển hóa tình cảm. Vì vậy, cuộc gặp gỡ của khoa Thần kinh học và ngành Thiền học Phật giáo có thể đưa đến khả năng nghiên cứu tác động của các sinh hoạt tinh thần có chủ đích trên các kinh mạch của não bộ vốn đã được nhận diện là rất thiết yếu cho các tiến trình hoạt động tinh thần đặc biệt. Ít nhất thì cuộc gặp gỡ liên ngành như vậy có thể giúp nêu lên những vấn đề quan trọng trong nhiều lãnh vực chủ yếu. Ví dụ, có phải mỗi cá nhân có khả năng cố định để điều hành tình cảm và sự chú ý, hoặc, như truyền thống Phật giáo tranh luận, khả năng điều hành những tiến trình tinh thần đó có thể dễ dàng thay đổi, như vậy sẽ đưa đến gợi ý là có thể có một mức độ thay đổi tương tự trong hệ thống não bộ và cách ứng xử liên kết với các chức năng đó? Một lãnh vực mà

truyền thống Thiền định Phật giáo có thể có sự đóng góp quan trọng là những kỹ thuật thực tiễn mà họ đã phát triển để rèn luyện lòng từ bi. Đối với việc rèn luyện tâm thức và điều hành sự chú ý và tình cảm, tôi thấy cũng rất quan trọng khi đặt vấn đề không biết có những kỹ thuật đặc biệt nào mà hiệu năng của nó mang tính nhạy cảm với thời gian, để người ta có thể thiết kế những phương pháp điều chỉnh thích hợp với nhu cầu tuổi tác, sức khỏe, và các yếu tố đổi thay khác.

Tuy nhiên, có một điều cần phải lưu ý. Khi hai truyền thống nghiên cứu cực kỳ khác nhau như Phật giáo và khoa Tthần kinh học ngồi lại với nhau trong một cuộc đối thoại liên ngành, điều này sẽ liên hệ đến những vấn đề thường hay gặp phải do việc trao đổi xuyên biên giới văn hóa và chuyên ngành. Ví dụ, khi chúng ta nói về “khoa học Thiền định” chúng ta cần phải nhạy cảm đối với ý nghĩa đích thực của từ ngữ này. Về phía các nhà khoa học, tôi cảm thấy cần phải nhạy cảm trước những ý nghĩa khác nhau của một từ quan trọng như là “Thiền định” trong bối cảnh truyền thống của nó.

Ví dụ, trong bối cảnh truyền thống, thì từ ‘Thiền’ theo tiếng Phạn (Sancrit) là ‘bhavana’ hoặc là ‘gom’ theo tiếng Tây tạng. Tiếng Phạn mang ý nghĩa về sự tu tập, như là tu tập một thói quen hay một cách thể hiện hữu đặc biệt nào đó, trong lúc từ ‘gom’ của Tây tạng mang ý nghĩa tu tập sự quen thuộc với một đối tượng. Vì vậy, nói một cách ngắn gọn, trong bối cảnh truyền thống của Phật giáo, Thiền định có nghĩa là một hoạt động tinh thần có chủ đích, liên quan đến việc tu tập sự quen thuộc với một đối tượng, dù đó là một đối tượng được lựa chọn, một sự kiện, một chủ đề, một thói quen, một quan điểm hay một cách thể hiện hữu. Nói rộng ra, có hai kiểu Thiền tập - một kiểu tập trung vào việc làm tĩnh lặng tâm, và kiểu kia tập trung vào các phương pháp quán chiếu để hiểu biết sâu xa về một đối tượng. Cả hai được đề cập đến như là (i) thiền chỉ và (ii) thiền quán. Trong cả hai trường hợp, thiền tập có thể có nhiều hình thái khác nhau. Ví dụ, Thiền có thể mang hình thái là dùng một cái gì đó như là một đối tượng để hành giả quán chiếu, như là thiền về tính hay thay đổi của chính mình. Hay Thiền có thể mang hình thái tu tập một trạng thái tinh thần đặc biệt, như là lòng từ bi, bằng cách làm phát triển lòng vị tha, thành tâm ước mong loại trừ khổ đau cho kẻ khác. Hoặc, thiền có thể mang hình thái tưởng tượng, để khám phá tiềm năng con người trong việc làm phát sinh những ảnh tượng tinh thần có thể được dùng



bằng nhiều cách khác nhau để nuôi dưỡng niềm an lạc tinh thần. Vì vậy, tôi thấy rất cần biết rõ những hình thái Thiền định đặc biệt nào mà con người có thể khảo sát khi tham gia vào việc hợp tác nghiên cứu, để cho các hình thái Thiền tập phức tạp được sử dụng trong nghiên cứu phù hợp với tính chất tinh tế của công trình nghiên cứu khoa học.

Một lĩnh vực khác đòi hỏi các nhà khoa học phải nhìn vấn đề từ một góc độ rất quan trọng, đó là

khả năng phân biệt những khía cạnh thực nghiệm của của tư tưởng Phật giáo và Thiền tập và những nhận định siêu hình và triết lý liên kết với những phương pháp Thiền tập đó. Nói cách khác, trong phương pháp khoa học, chúng ta phải phân biệt giữa những giả định lý thuyết, những quan sát thực tại dựa trên thí nghiệm và các diễn giải sau đó; cũng quan trọng như vậy trong việc phân biệt những nhận định lý thuyết, những biểu hiện của trạng thái tinh thần có thể xác minh bằng thực nghiệm, và những diễn dịch mang tính triết lý trong Phật giáo. Bằng cách này, cả hai phía trong cuộc đối thoại có thể tìm thấy điểm chung đối với các sự kiện về tâm thức con người có thể quan sát thực nghiệm, mà không bị lôi cuốn vào việc rút gọn khuôn khổ của ngành này vào ngành kia. Mặc dù có thể có sự khác nhau giữa hai truyền thống nghiên cứu về những tiền đề triết lý và cách diễn dịch những khái niệm ấy, đối với vấn đề liên quan đến sự kiện thực tại, thì thực tại bao giờ cũng là thực tại, cho dù người ta có chọn chúng để mô tả bằng cách nào đi nữa. Cho dù sự thật về bản chất chung cuộc của ý thức là gì đi nữa – cho dù cuối cùng bản chất ấy có thể được giảm thiểu thành những tiến trình vật lý hay không – tôi tin rằng có thể chia sẻ những hiểu biết về thực tại kinh nghiệm đối với nhiều khía cạnh khác nhau của tri giác, tư tưởng và tình cảm của chúng ta.

Với những suy xét thận trọng này, tôi tin rằng một sự hợp tác chặt chẽ giữa hai truyền thống nghiên cứu có thể thực sự đóng góp vào việc mở rộng hiểu biết của con người về thế giới phức tạp của kinh nghiệm chủ quan nội tại mà chúng ta gọi là tâm thức. Những lợi ích của sự hợp tác như vậy đang bắt đầu được thể hiện. Theo các phúc trình sơ khởi, kết quả của việc rèn luyện tâm thức, như là việc thực tập đều đặn phép tinh thức đơn giản, hay là việc cố gắng tu tập lòng từ bi như đã được triển khai trong Phật giáo, đang đem lại những thay đổi có thể quan sát được trên não bộ con người, tương ứng với những trạng thái tinh thần tích cực có thể đo lường được.

Những khám phá gần đây của khoa Thần kinh học đã chứng tỏ tính nhu nhược bẩm sinh của não bộ, gồm cả việc nối kết giữa các tế bào thần kinh lẫn việc sản sinh những tế bào thần kinh mới, như là kết quả của sự tiếp nhận những kích thích bên ngoài, chẳng hạn tự nguyện luyện tập thể dục và được sống trong một môi trường phong phú hơn. Truyền thống Thiền định Phật giáo có thể giúp mở rộng lãnh vực nghiên cứu khoa học này bằng cách đề nghị những kiểu rèn luyện tâm thức có thể liên hệ đến tính nhu nhược của não bộ. Như truyền thống Phật giáo đã gợi ý rằng việc rèn luyện tinh thần ảnh hưởng đến những đổi thay của tế bào thần kinh có thể quan sát được ở não bộ, điều này có thể mang nhiều hàm ý rộng lớn. Kết quả của những công trình nghiên cứu này sẽ không chỉ giới hạn vào việc mở rộng hiểu biết của chúng ta về tâm thức con người, mà có lẽ quan trọng hơn là chúng có thể mang ý nghĩa lớn lao đối với hiểu biết của chúng ta về vấn đề giáo dục và sức khỏe tinh thần. Cũng vậy, như truyền thống Phật giáo đã tuyên bố, nếu việc tu tập lòng từ bi có thể dẫn đến sự thay đổi lớn lao trong quan điểm của mỗi người, đưa đến việc mở rộng lòng xót thương đồng cảm đối với người khác, thì điều này có ý nghĩa rộng lớn đối với xã hội nói chung.

Cuối cùng, tôi tin rằng sự hợp tác giữa khoa Thần kinh học và truyền thống Thiền định Phật giáo có thể làm sáng tỏ vấn đề rất quan trọng về mối tương giao giữa đạo đức và khoa Thần kinh học. Không kể đến bất cứ khái niệm nào con người có thể có về mối quan hệ giữa đạo đức và khoa học, trong thực tế, trước tiên khoa học đã phát triển như một ngành học thực nghiệm với lập trường trung lập, không chịu ảnh hưởng của các giá trị đạo đức. Bản chất của khoa học đã được xem như là một phương pháp tìm tòi nghiên cứu để đạt được những hiểu biết chi tiết về thế giới thực tại và những định luật cơ bản của thiên nhiên. Trên quan điểm khoa học thuần túy, việc phát minh vũ khí nguyên tử là một thành quả đáng kinh ngạc. Tuy nhiên, vì việc phát minh này có tiềm năng tạo nên nhiều khổ đau với sự chết chóc và tàn phá không thể tưởng tượng được, chúng tôi xem đó là thứ vũ khí hủy diệt. Chính sự đánh giá về đạo đức sẽ quyết định cái gì là tích cực và cái gì là tiêu cực. Mãi cho đến gần đây, phương pháp tách rời đạo đức và khoa học hình như đã thành công khi cho rằng khả năng con người suy nghĩ về đạo đức phát triển song song với kiến thức của nhân loại.

Ngày nay, tôi tin rằng nhân loại đang đứng trước một khúc quanh quan trọng. Những tiến bộ lớn lao trong khoa thần kinh học và đặc biệt là ngành di truyền học vào cuối thế kỷ thứ 20 đã dẫn đến một kỷ nguyên mới trong lịch sử nhân loại. Kiến thức của chúng ta về não bộ và cơ thể con người xét ở mức độ tế bào và di truyền từ,

cùng với việc cung cấp những khả năng kỹ thuật tương ứng để vận dụng các tế bào, đã đạt đến một giai đoạn làm nảy sinh những thách thức đạo đức nghiêm trọng đối với những tiến bộ khoa học ấy. Rõ ràng là những suy nghĩ về đạo đức của chúng ta không thể nào bắt kịp với những tiến bộ nhanh chóng trong việc tiếp thu kiến thức và sức mạnh kỹ thuật. Tuy nhiên hậu quả của những khám phá mới và việc áp dụng chúng đã quá rộng lớn đến nỗi chúng liên hệ đến chính cái khái niệm về bản chất con người và việc bảo tồn chủng loại con người. Vì thế, chúng ta thấy không còn thích hợp khi chấp nhận quan điểm cho rằng trách nhiệm của chúng ta như một xã hội chỉ là cứ tiến xa hơn trong lãnh vực kiến thức khoa học và nâng cao sức mạnh của kỹ thuật, còn việc lựa chọn phải làm gì với kiến thức và sức mạnh này nên đặt vào tay của từng cá nhân. Chúng ta phải tìm ra một phương cách để đưa những suy xét cơ bản về đạo đức và nhân đạo vào hướng phát triển khoa học, nhất là trong các ngành khoa học về đời sống. Bằng cách viện dẫn những nguyên tắc đạo đức cơ bản, tôi không cổ xúy cho việc sáp nhập đạo đức tôn giáo vào việc nghiên cứu khoa học. Đúng hơn là tôi đang nói về cái mà tôi gọi là “đạo đức thế gian”, bao gồm những nguyên tắc đạo đức cơ bản, như là lòng từ bi và bao dung, một thái độ ân cần, biết quan tâm đến kẻ khác, và việc sử dụng kiến thức và sức mạnh với tinh thần trách nhiệm—những nguyên tắc vượt qua ranh giới của những người có đức tin và những người không có đức tin, tín đồ của tôn giáo này hay tôn giáo khác.

Riêng cá nhân tôi, tôi thích tưởng tượng tất cả sinh hoạt của con người, kể cả khoa học, giống như những ngón tay của cả bàn tay. Bao lâu mà mỗi ngón tay vẫn còn được nối kết với lòng bàn tay của vị tha và bác ái căn bản của con người, chúng sẽ tiếp tục phục vụ cho lợi ích của nhân loại. Thật sự chúng ta đang sống trong cùng một thế giới. Kinh tế, truyền thông điện tử, du lịch quốc tế, cũng như những vấn đề môi sinh hiện đại, tất cả nhắc nhở chúng ta hằng ngày rằng thế giới ngày nay đã tương quan mật thiết với nhau như thế nào. Các cộng đồng khoa học đóng một vai trò quan trọng trong thế giới tương quan này. Cho dù vì bất cứ lý do lịch sử nào đi nữa, ngày nay các khoa học gia được hưởng sự kính trọng và tín nhiệm lớn lao trong xã hội, lớn hơn nhiều so với ngành triết lý và tôn giáo của chúng tôi. Tôi kêu gọi các khoa học gia đưa vào công tác chuyên môn của họ những mệnh lệnh của các nguyên tắc đạo đức cơ bản mà tất cả mọi người chúng ta đều cùng nhau chia sẻ.

*Source: Society for Neuroscience 35<sup>th</sup> Annual Meeting, Nov. 12. 2005 – Mind & Life Institute USA.*

*Thơ*  
**PHAN THỊ  
NGÔN NGỮ**



*Từ Tâm*

Nắng lố chỗ lưng đời  
Muôn màng hoa khế trở  
Em qua hiên chùa cổ  
Sầu đọng mái thêm rêu  
Sầu vương ngọn đèn trêu  
Đôi giong kinh mờ tỏ  
Cõi trăm luân ta khổ  
Kiếp phù sinh ai vui  
Chút từ tâm em hỡi  
Cho ta vay nụ cười!

*Biệt Khúc*

Tiếng mưa gõ điệu sầu thiên cổ  
Ta về đứng lặng bến sông sâu  
Đoái trông thăm thăm đâu bờ mộng  
Gãy giữa dòng châu-mây nhịp cầu

Thuyền chở người đi-sông nước lạnh  
Nghìn trùng chia cách-sống lao xao  
Khói sương mờ tỏ-hồn lưu lạc  
Biệt khúc trường giang vọng phương nào?

Vẳng tiếng muôn trùng theo gió đưa  
Ta về đứng lặng bến sông xưa  
Linh đình chiếc bóng đời dung rui  
Đắm giữa giong sầu những ngậm ngùi.

*Đoản Khúc*

Ngoảnh mặt nhìn sau trước  
Buồn cố hương thì bước  
Sầu cố quốc thì bay  
Rượu không uống lòng say  
Lửng lơ bờ mộng thực.  
Con sâu nằm đáy vực  
Đợi tiền kiếp hóa thân  
Ta đi giữa đường trần  
Lắt lay dòng sinh tử.

*Tạ Từ Khúc*

Mai rồi nhắm mắt xuôi tay  
Chút tình riêng cũng theo ngày nắng phai  
Mộng xưa thảng rộng năm dài  
Chôn sâu tác đất tay ai lấp đầy?

Mai rồi nhắm mắt buông tay  
Ơn kia thôi trả nợ vay từ người  
Huyết sâu khép lại môi cười  
Đã pha nước mắt một đời nhân gian

Mai rồi nén thấp hai hàng  
Khăn tang ai quán-chiên đàn ai khua?  
Chút ân tình cũng sang mùa  
Trăng tà-nguyệt tận theo mưa về trời  
Mai rồi cũng bấy nhiêu thôi  
Cứ quên như thừa vào đời đã quên.

# VÌ SAO PHẬT GIÁO SUY TÀN TẠI ẤN ĐỘ

By *D.C. Ahir*

TRẦN ĐỨC PHI BĂNG dịch

## Kỳ II

*Vì có nhiều người thắc mắc việc Đạo Phật biến mất trên đất Ấn Độ, nơi nó đã ra đời và lớn mạnh đến tuyệt đỉnh, do đó, chúng tôi xin dịch bài này của tác giả là một người Ấn Độ, cũng là một người trưởng thành trong xã hội Ấn Độ Giáo, dưới quan điểm của một học giả hiện đại để công hiến quý vị.*  
(Lời người dịch)

\*\*\*

*(tiếp theo kỳ trước)*

### SỰ NGƯỢC ĐÃI

Một trong những nguyên nhân chính làm cho Phật Giáo suy tàn và sụp đổ nhanh chóng ở Ấn Độ là sự đàn áp của những nhà cầm quyền cũng như những người cuồng tín.

Bồ Sa Mật Đa La (Pushyamitra), một tướng lãnh Bà La Môn dưới triều Brihadratha, vua cuối cùng của vương triều Không Tước (Maurya), là người đầu tiên ngược đãi Phật Giáo. Ông ám sát nhà vua vào năm 185 trước tây lịch; soán lấy ngôi vua nước Ma Kiệt Đà (Magadha), cai trị bằng sự khủng bố. Một ông vua Ấn Độ Giáo khác đàn áp Phật Giáo là Sasanka, vua nước Gauda (Bengal), hành động phản bội đầu tiên của ông là giết Rajyavardhana vào năm 605 sau tây lịch, anh của Harsha, vị hoàng đế Phật Giáo cuối cùng. Sasanka là một người thuộc giai cấp Bà La Môn và tín ngưỡng thần Shiva. Ông cuồng tín đến nỗi trong cơn giận dữ ông đã phá hủy cây Bồ Đề. Ngài Huyền Trang ghé Bồ Đề Đạo Tràng vào năm 637 sau tây lịch, vào khoảng ba thế hệ sau biến cố trên, ghi lại như sau:

- Trong thời gian sau Sasanka-rajya, một tín đồ dị giáo, phỉ báng Đạo Phật, và vì ganh ghét đã phá hủy những tu viện và chặt cây Bồ Đề, đào đến tận mạch nước

dưới đất, nhưng ông không thể đào đến chỗ rễ tận cùng của nó. Sau đó ông dùng lửa đốt và tưới nước mía lên, với ý muốn tiêu diệt nó hoàn toàn, và không để lại một vết tích nào về sau. Ông cũng đã dời tượng Phật từ ngôi chùa gần cây Bồ Đề và thay vào bằng thần Shiva. Ông cũng đã liệng vào sông Hằng tảng đá thiêng liêng có dấu bàn chân của Đức Phật ở thành Hoa Thị (Pataliputra). Và để làm tròn những kế hoạch tội lỗi của ông, Sasanka được cho biết là đã tiêu diệt tăng sĩ trong khu vực Câu Thi La (Kushinagar).

Một trong những người đàn áp Phật Giáo lớn lao nhất là thủ lãnh Hung Nô, Mihirakula, đã làm thiệt hại lớn lao cho những chùa Phật Giáo ở Gandhara, Punjab, và Kashmir. Mihirakula là một người thờ Shiva và là một nhà bảo hộ lớn cho Bà La Môn giáo. Trong cơn điên rồ của ông, ông đã san bằng 1,600 tu viện, tháp, và chùa, và giết hại hằng trăm tín đồ Phật Giáo tại gia. Toramana, một ông vua cũng của vương triều tàn bạo đó, được cho biết là đã tiêu hủy chùa Ghostarama ở Kiều Thương Di (Kausambi).

Về việc đàn áp Phật Giáo ở Kashmir, F.M. Hussnain viết:

- Chính Nara, người đã khởi sự tiến hành việc tiêu diệt Phật Giáo ở Kashmir. Ông cho thiêu hủy những tu viện Phật Giáo ở Kashmir và trừ diệt quần chúng Phật tử bằng cách tịch thu đất đai của họ để ban cho những người Bà La Môn. Những gì xảy ra ở Kashmir là một phần trong cùng tiến trình tiêu diệt Phật Giáo trong nước. Trong cuộc đấu tranh giữa Phật Giáo và Bà La Môn Giáo, Bà La Môn giáo đã chiến thắng, trong những hoàn cảnh đó, sự tiêu diệt của Phật Giáo ở Kashmir chỉ là vấn đề thời gian.

Hussnain nói thêm:

- Pravarasena nắm quyền vào khoảng cuối thế kỷ thứ sáu. Ông ta phải đánh lui những cuộc tấn công của Mummuni, một thủ lãnh Hồi Giáo đến từ Trung Á. Ông



xây dựng thành phố Pravarasenanager với những ngôi đền nằm vị Nữ Thần. Chú ông là Jayendra xây một tu viện nổi tiếng là Jayendravihara, thờ một tượng Phật lớn nhất. Ngài Huyền Trang đã viếng tu viện này trong thời gian ở tại Kashmir. Tu viện này đã bị Ksemagupta thiêu hủy; ông nấu chảy bức tượng khổng lồ để dùng cho đền thờ thần Shiva của ông.

Một người khác được coi như đối thủ của Phật Giáo, người đã tuyên bố ‘Giáo lý của Phật là thứ vô dụng giống như chất mù chảy ra từ da chó’ là Kumarila Bhatt, một người Bà La Môn. Ông sống vào thế kỷ thứ bảy sau tây lịch. Theo đề nghị của ông, Suddhanvan, vua nước Ujjain, được nói là đã tiêu diệt những tín đồ Phật Giáo. Sự đàn áp tàn nhẫn tín đồ Phật Giáo của Suddhanvan, dưới sự xúi dục của Kumarila Bhatt, được ghi lại trong hai tài liệu về tiểu sử của Sankaracarya, đó là tác phẩm Sankaravijaya do Anandagiri, đệ tử trực tiếp của Sankaracarya viết, và tác phẩm Sankara-digvijayam do Madhava (thế kỷ mười bốn) viết. Thực vậy, Madhava Acharya xác nhận rằng, với sự xúi dục của Kumarila Bhatt, Suddhanvan ra lệnh giết chết tất cả tín đồ Phật Giáo từ Ramesvaram đến vùng Hy mã Lạp sơn. Ông còn ra lệnh nếu ai không giết tín đồ Phật Giáo sẽ bị xử tử.

Sankaracarya, một vị thầy Vedanta, cũng chịu trách nhiệm trong việc đàn áp Phật Giáo. Thật vậy, ông đã gieo sự khủng bố trong tâm tín đồ Phật Giáo. Theo truyền thống Tây Tạng, khi ông đến, tín đồ Phật Giáo trong các chùa bắt đầu phân tán tứ tung. Chính ông đã có lần viết trong Bhashya của kinh Phạm Thiên rằng: Phật Đà là một kẻ thù của quần chúng và đã dạy những điều mâu thuẫn và lộn xộn.

Cách thức người Ấn Độ Giáo xử dụng để đẩy Phật Giáo ra khỏi nơi sinh sản ra nó được soi sáng trong câu chuyện thần thoại Gaya Asura ghi trong Gaya Mahatmya, một phần trong Thánh thư Vaya. Theo huyền thoại này, Gaya Asura (con quỉ) đạt được quả vị thần thánh đến mức độ bất cứ ai thấy hay chạm được nó là sanh về cõi trời. Yama, vua Diêm Vương, nổi lòng đố kỵ, cầu chư thần giảm bớt năng lực của Gaya Asura. Các vị thần đợi Gaya và xin nó bố thí sự trong sạch và thân thể thánh thiện của nó để tế lễ. Đáp ứng lại điều đó, Gaya đến và nằm xuống, cái đầu đặt tại vị trí xưa là Gaya. Các thần đặt một tảng đá trên đầu nó. Nhưng điều đó chưa đủ chứng minh nó có thể nằm yên. Cuối cùng Gaya Asura trở nên bất động khi thần Vishnu ngồi trên

tảng đá để giữ không cho nó cử động, và hứa rằng tảng đá trên đầu nó sẽ được tuyên dương, là nơi linh thiêng nhất trên trái đất; chư thiên sẽ nghỉ trên tảng đá đó; chỗ đó sẽ được đặt tên là Gaya-Kashetra; và rằng ai cúng dường bánh trong tang lễ và thực hành tang lễ ở đó thì chính mình được phước và làm cho tổ tiên được sinh lên trời, nơi của Phạm Thiên.

Câu chuyện về Gaya Asura xưa đến độ nào chúng ta khó biết. Dù luận điệu của những người Ấn Độ Giáo chính thống về sự cổ xưa của Gaya như thế nào, chúng ta thấy rõ rằng thành phố Gaya đã được nâng lên địa vị như ngày nay trong thế giới Ấn Độ Giáo chỉ sau khi Phật Giáo suy sụp ở Ấn Độ.

Theo quan điểm của tiến sĩ Rajindralah Mitra, một học giả với tầm nhìn về lịch sử có một không hai, câu chuyện thần thoại khó tin trong Thánh thư Vayu hàm chứa một biểu tượng về sự chiến thắng cuối cùng của Bà La Môn giáo đối với Phật Giáo, tôn giáo đã từng nảy nở

manh mẽ trong và quanh Gaya suốt nhiều thế kỷ. Xin trích một đoạn của ông:

“Những người Ấn Độ Giáo tin rằng câu chuyện này là có thật theo nghĩa đen, nhưng tiến sĩ Buchanan gọi đó là một chuyện thần thoại quái đản và có thể là vậy. Thoạt nhìn qua không có gì có thể hồ đồ và ngu xuẩn hơn câu chuyện này; nó vi phạm mọi ý nghĩa khuôn phép, và

ngay cả giá trị về tính chân thật trong sự kể chuyện của nó cũng không có. Đồi Brahmayoni, cũng là núi Kalahala, dài ba dặm, và tưởng tượng đặt trên đó một người 125 yojan (do tuần) hay 576 dặm bề cao, và 268 dặm chu vi không thể nào làm được, cho dù là người có đầu óc nghèo nàn nhất cũng nhận được. Một chiếc đầu một dặm chu vi trên một cơ thể 576 dặm cao, cũng giống như cây kim nằm trên cơ thể của một người bình thường. Sự vô dụng của các thần để giữ một con ma đang nằm và những cố gắng vô ích của họ để giữ con ma không cựa quậy, quả thật trẻ con. Và trong trường hợp này, một vấn đề được đặt ra: Làm thế nào tác giả của thánh thư Vayu trong đó Gaya Mahatmya là một bộ phận, tạo ra một câu chuyện quá trẻ con để bảo đảm sự tôn kính và sùng bái của số đông quần chúng đối với địa danh này? Ông không thiếu sự thông minh, vì ông đã thảo luận những vấn đề triết học khó hiểu với tài xử trí và khéo léo đáng lưu ý. Cũng vô lý và không thật khi nói rằng ông không thể phân biệt sự hợp lý với tính trẻ con và hàm hồ. Vì vậy, coi câu chuyện này như là một thứ hồ đồ, theo ý tôi,



là một kết luận vội vàng, và là dấu hiệu của sự thiếu kiên nhẫn. Chúng tôi cần đứng trên quan điểm của một sử gia triết học để giả thiết rằng có một cái gì đó bí mật dấu sau lớp vỏ bên ngoài của câu chuyện; với một ý nghĩa bí mật. Tôi tin tưởng, điều này dễ nhận thấy, câu chuyện này là một phúng dụ về sự thành công của Bà la môn giáo đối với Phật Giáo:

- Gaya được gọi là một Asura, thông thường có nghĩa là người không lồ, một ma quỷ, một con ma dụ dỗ, một người chửi rủa các thần và tôn giáo; nhưng nó không được vẽ ra như vậy. Nó không ham mê trong tội lỗi, không làm thương tổn ai, và không chống lại các thần cũng như tôn giáo bằng lời nói hay hành động. Ngược lại, nó được diễn tả là một người sùng kính Vishnu, hiến mình cho sự sám hối nghiêm ngặt, và những cuộc thiền định kéo dài, và cho những yêu cầu làm trong sạch tội cùng thể xác và tâm hồn; một người mà chỉ chạm đến là có thể rửa sạch những tội lỗi lớn nhất của con người và được sinh vào cõi trời. Sự buộc tội nghiêm trọng nhất đối với y là đã làm sự cứu rỗi quá đơn giản và ngắn gọn. Trong trường hợp của y, vì vậy, sự việc chỉ có nghĩa là y đã không theo tín ngưỡng của người Bà la môn, cũng không theo đường hướng của họ, tóm lại y là một người dị giáo. Tính chất này đã luôn luôn được gán cho những người lãnh đạo trong khối Phật Giáo. Họ sùng tín, họ biết sống khổ hạnh, họ hết lòng dấn thân vào sự sám hối và thiền định; nhưng họ tránh xa sự tế tự và những cuộc lễ của người Bà La Môn, và vì vậy Gaya có thể được coi như sự nhân cách hóa Phật Giáo. Thân thể của nó đo được 576 x 268 dặm, và khu vực từ Kalinga đến Hy mã Lạp Sơn, và từ Trung Ấn đến Bengal, khu vực mà Phật Giáo đã lan tràn trong thời gian câu chuyện được viết ra bao trùm khắp không gian đó, và còn hơn nữa. Tổng hành dinh của Phật Giáo là Gaya; và thị trấn Gaya, ngay cả ngày nay, có bề rộng vừa một dặm. Cố gắng của các thần để đặt xuống chiếc đầu của con ma là một điển hình cho cố gắng của người Ấn Độ Giáo tấn công Phật Giáo ở trung tâm gây cảm hứng cho nó, trung tâm đầu não, và đòn gậy của Vishnu chỉ cho phương sách đã dùng để tấn công khi sự thuyết dụ không đạt được kết quả cuối cùng. Tầng đá tôn giáo được đặt lên đầu của kẻ không theo đạo, sức mạnh của các thần giữ nó cố định và không thể lay chuyển. Cũng chính là phúc lành của chư thần đã thánh hóa cái nôi của Phật Giáo trở thành một nơi tôn nghiêm của tín ngưỡng Ấn Độ Giáo. Chúng ta biết quá rõ về những phương tiện được dùng đến ở Puri, Bhuvnesvana, và những nơi khác để biểu hiện những biểu tượng Phật Giáo. Những nơi thiêng liêng của Phật Giáo, và ngay cả những tượng Phật Giáo có ích cho sự lễ bái của Ấn Độ Giáo, và không vô lý một chút nào khi giả thuyết cùng một tiến trình đã

được xử dụng tại Gaya.”

Ngoài sự đàn áp của vua chúa và tôn giáo, Phật Giáo còn là đối tượng đàn áp và tẩy chay của xã hội. Chúng ta thấy rõ rằng khi Phật Giáo bắt đầu suy tàn, người Ấn Độ Giáo đã lợi dụng sự nghèo khổ của tín đồ Phật Giáo, cho phép họ vào lại cộng đồng Ấn Độ Giáo nhưng lên án họ là những người Không Thể Chạm Đến, ghép vào giai tầng thấp nhất, ở ngoài bốn giai cấp của Ấn Độ Giáo. Họ hoàn toàn bị rút phép thông công với xã hội, và bị gán cho danh hiệu là Pariah, Pamchama, Avarna, Ati-Shudra là những người mà chỉ chạm vào hay chạm vào bóng là có thể làm ô uế giai cấp Ấn Độ Giáo. Họ bị buộc phải sống ở bên ngoài làng và đã là mục tiêu cho nhiều chứng bệnh xã hội. Họ bị từ chối khả năng học hành, và chỉ có thể làm những nghề nghiệp thấp thời hèn hạ. Không những họ bị cấm không được xử dụng nước giếng, hồ chứa nước, và những nơi công cộng, họ còn không có quyền có sở hữu. Tóm lại, họ bị coi là những người nô lệ, họ không có chọn lựa nào khác hơn là phục dịch cho những cái gọi là giai cấp cao hơn mà không có một phần thưởng nào. Chúng ta không nghi ngờ, khi bị đè dưới gánh nặng của nghèo nàn, cộng với sự đàn áp và bóc lột của xã hội, những đệ tử của Đức Phật đã quên đi sản huy hoàng của họ và cam chịu số phận đau thương. Sự đối xử lỗ mãng đối với người Không Thể Chạm Đến, ngày nay là những giai cấp phụ bởi giai cấp Ấn Độ Giáo chỉ có thể được giải thích, đó là kết quả của thành kiến và thù ghét của họ đối với Phật Giáo. Bằng không, tại sao một khối người lớn lao lại bị tước đoạt phương tiện và bị nguyện rửa là Không Thể Đến Gần, Không Thể Nói Chuyện, và Không Thể Va Chạm.

Việc những Người Không Thể Chạm Đến, hay là những Giai Cấp Phụ ở Ấn Độ ngày nay là những tín đồ Phật Giáo ngày xưa có thể được chứng minh:

- Đầu tiên, hầu hết những phong tục và tính chất của họ nền tảng là Phật Giáo.

- Thứ hai, họ không quan tâm nhiều đến những thần linh Ấn Độ Giáo. Giống như tín đồ Phật Giáo, họ thờ phụng Đức Phật, vị Thầy vĩ đại nhất của họ và họ tôn thờ những vị Thầy như Ravidas, Chokhamela, Kabir, v.v... Như vậy, giống như tín đồ Phật Giáo, họ là những người Gu-bhaju, những người tôn thờ Thầy, chứ không phải là những Dev-bhaju, những người thờ phụng thần linh như trong trường hợp những người Ấn Độ Giáo.

- Thứ ba, một vài giai cấp phụ ở Punjab, Himachal Pradesh, Delhi, và Rajasthan tự xưng là Ad-Dharmi hay Adi-Dharmi. Chữ Ad có nghĩa là cổ, xưa hay nguyên thủy và người Ad-Dharmi tin tưởng rằng họ là tín đồ của một tín ngưỡng cổ xưa. Không nghi ngờ rằng những từ như Ad-Dharmi hay Adi-Dharmi có mầm giống Phật Giáo vì chúng tương tự những thành ngữ Phật Giáo như

Adi-Buddha và Adi-Dharma mà theo truyền thống Đại thừa, chúng biểu thị cho trí tuệ hay Tâm và Vật. Hơn nữa, những tín đồ Phật Giáo từ lâu đời đã gọi tôn giáo của họ là Dharma hay Saddharma, và những tín đồ Phật Giáo ở Orissa gọi họ là Mahima Dharmi (những tín đồ của Giáo Pháp đáng tán dương).

Thật vậy những người này đã là những tín đồ Phật Giáo trong quá khứ. Điều xảy ra sau này dường như là do sự đàn áp và không được học hành, họ đã quên tên Phật Đà hay có thể họ từ bỏ tên của Đấng Pháp Vương để không còn chịu gian khổ như Achyutananda một thi sĩ ở Orissa vào thế kỷ thứ mười sáu, an ủi họ bằng cách nói rằng: vì sự đáng ao ước trong Kaliyuga mà những tín đồ Phật Giáo phải cải trang.

Sự xâm nhập của người Hồi Giáo đẩy mạnh sự điêu tàn của Phật Giáo trên đất Ấn. Khi người Hồi Giáo đến, họ có hai đối tượng trước mắt:

- Thứ nhất là nắm quyền chính trị,
- Thứ hai là truyền bá Hồi Giáo.

Để đạt được mục đích thứ hai, họ có kế hoạch khừ trừ những đền chùa Phật Giáo và Ấn Độ Giáo, các tăng sĩ và thầy tế của Bà La Môn, vì chúng là những kho tàng tư tưởng tôn giáo. Họ có khuynh hướng chống những tu sĩ Phật Giáo, những người đã truyền bá thông điệp bình đẳng do Đức Như Lai dạy. Khuynh hướng này được trừ hoạch vì người Hồi Giáo, thấy rằng họ gặp khó khăn trong việc truyền dạy thông điệp tiên tri của họ về bình đẳng dưới quan điểm của những giáo lý tương tự như của Đức Phật. Do đó, những người Hồi Giáo cuồng tín san bằng các tu viện, và thủ tiêu hầu hết các tăng sĩ trong tu viện đó. Thiều số may mắn thoát khỏi lưới gươm của Hồi Giáo, họ phải chạy trốn để giữ mạng và tìm nơi ẩn náu ở những nước láng giềng. Hai ông vua Hồi Giáo đáng chú ý đã tàn phá những nơi thiêng liêng của Phật Giáo là Mahmud Gazinavi và Bakhtiaruddin Khilji. Ông vua trước đã cướp bóc những chùa chiền ở Kot Kangra (Mimachal Pradesh) vào thế kỷ thứ mười, và ông vua sau đã phá hủy những tu viện Nalanda, Vikramasla, và Odantapuri là những trụ sở sống động cho đến thế kỷ thứ mười hai. Nói về sự xâm lăng của Hồi Giáo, tiến sĩ Ambedkar nói:

“Những người xâm lăng Hồi Giáo cướp phá những Đại Học kể ra một số ít là Nalanda, Vikramasila, Jagaddala, Odantapuri. Họ nhổ tận nền những tu viện Phật Giáo rải khắp nơi trong nước. Tăng sĩ hàng ngàn người chạy trốn qua nước Nepal, Tây Tạng, và những xứ ngoài Ấn Độ. Một số rất lớn bị giết bởi những người lính Hồi giáo. Tu sĩ Phật Giáo bị tàn hại dưới lưới gươm của những người xâm lăng Hồi giáo như thế nào đã được các sử gia Hồi Giáo ghi lại. Tóm tắt tài liệu liên quan đến sự tàn sát tu sĩ Phật Giáo của tướng Hồi Giáo gây ra ở Bihar

khi ông đem quân xâm lăng vào năm 1197 sau tây lịch, Ông Vincent Smith viết:

“Tướng Hồi Giáo đã làm cho mọi người biết tên ông trong lúc khủng bố bằng những cuộc viễn chinh cướp bóc nhiều lần ở Bihar, chiếm đoạt kinh đô bằng những trận đánh táo bạo. Sử gia đương thời, gặp một trong những người sống sót trong toán tấn công vào năm 1243 sau tây lịch, và được cho biết là pháo đài của Bihar bị chiếm lấy do một nhóm quân chỉ gồm hai trăm kỵ binh, họ lao vào cửa Đông một cách dũng cảm và chiếm lấy vị trí. Một số lượng lớn đồ cướp bóc được thu thập và sự tàn sát những ‘Người Bà La Môn Đầu Trọc’, chỉ những tu sĩ Phật Giáo, hoàn toàn hoàn tất, và khi người chiến thắng tìm một người có thể giải thích được những sách trong thư viện các chùa, thì không còn tìm được một người nào còn sống để có thể đọc những sách đó. Chúng tôi được cho biết rằng: ‘Người ta khám phá ra rằng toàn bộ pháo đài ở thành phố đó là một trường cao đẳng, và theo cách nói của người Ấn Độ Giáo thì họ gọi là trường Bihar’.”

Sự tàn sát giới tu sĩ Phật Giáo do những người Hồi giáo xâm lăng gây ra là như vậy. Vì muốn tiêu diệt Phật Giáo, nên Hồi Giáo giết giới tu sĩ Phật Giáo. Đó là cuộc khủng bố lớn lao nhất làm cho tôn giáo của Phật Đà suy tàn ở Ấn Độ. Tôn giáo cũng giống như ý thức hệ khác, có thể được duy trì chỉ bằng sự truyền bá. Nếu sự truyền bá thất bại, tôn giáo phải biến mất. Lưới gươm của Hồi Giáo gieo mạnh xuống giới tu sĩ. Họ bị tiêu diệt hay trốn thoát ra nước ngoài. Không còn ai ở lại để thắp sáng ngọn lửa Phật Giáo.

Một số hành giả Ấn Độ Giáo lợi dụng tình trạng người Hồi Giáo gây ra trong việc xâm chiếm những nơi thờ phụng của Phật Giáo ở Bihar—được Dharmasvamim, một người hành hương Tây Tạng viếng Bihar khoảng ba thế hệ sau cuộc tai biến, diễn tả một cách sống động. Theo ông Ratnabodhi, thư viện lớn nhất ở Nalanda, thoát khỏi sự tàn phá dưới bàn tay người Hồi Giáo, đã bị những khát sĩ Ấn Độ Giáo đốt cháy. Ông nói:

“Họ (những người Ấn Độ giáo) thực hiện một Yana, lễ tế lửa, và liệng những than hồng và tro lấy từ hàm tế vào những ngôi chùa Phật Giáo, v.v... Điều này gây nên một đám cháy lớn thiêu rụi Ratnabodhi, thư viện chín tầng của Đại Học Nalanda.”

Việc những kẻ đối lập Phật Giáo trong hàng ngũ Ấn Độ Giáo đã không lùi bước trong việc tàn phá những nơi thiêng liêng của Phật Giáo, ở những nơi khác cũng được thấy rõ từ những đồng tro tàn, những hình ảnh bị đốt cháy, và xương của những tăng sĩ được các nhà khảo cổ tìm thấy ở Sarnath và vùng phụ cận. Rõ ràng, các chùa bị thiêu hủy do những người cuồng tín và việc này dường

như đã xảy ra nhiều lần, như thiếu tá Kittoe, người tiến hành công việc khai quật ở Sarnath vào năm 1851 đã nói:

“Tất cả mọi thứ đều bị cướp phá và thiêu hủy, tu sĩ, chùa, tượng, tất cả cùng với nhau, vì ở một số nơi, xương, sắt, gỗ, và đá được tìm thấy từng khối lớn, và việc này xảy ra nhiều lần.”

Sự suy tàn của những trung tâm Phật Giáo thời đến một ngọn gió định mệnh cho tín đồ Phật Giáo, họ không thể phục hồi trở lại nền tảng đã mất. Vì vậy, trải qua những thế kỷ kế tiếp, Phật Giáo một mặt bị chính những người hâm mộ nó thờ ơ, và mặt khác, hàng ngàn chùa chiền của nó bị những kẻ đối lập hủy diệt, cướp bóc hay chiếm đoạt. Những công trình Phật Giáo tiếp tục bị tiêu hủy, cướp bóc trong nhiều thế kỷ chỉ vì vật chất, sẽ được cho thấy rõ ràng với một vài trích dẫn sau đây:

1- Ngôi tháp tráng lệ Bharut ở Madhya Pradesh, từ đó nó được gọi tên và nổi tiếng khắp thế giới về những mẫu tinh vi nhất của Nghệ Thuật và Điêu Khắc Ấn Độ vào thế kỷ thứ hai sau tây lịch, đã bị những người địa phương ngu dốt kéo sập chỉ để lấy gạch làm nhà riêng của họ. Cunningham, người đã khám phá và khai quật ngôi tháp này vào năm 1873-74, nói rằng làng ngày nay là Bharhut gồm đến hai trăm ngôi nhà đều hoàn toàn được xây bằng gạch lấy từ ngôi tháp này. Việc làm của dân làng Bharhut làm cho những làng lân cận bắt chước. Họ tháo dỡ một số lớn những cột trụ và chấn song mang về dựng nhà của họ. Cunningham đã khám phá ra sáu cây trụ ở làng kế bên là Batanmara và tám trụ ở Pathora. Ông cũng khám phá ra một số những tảng đá điêu khắc từng các chấn song của tháp trong hầu hết các làng rộng lớn xung quanh Bharhut, đặc biệt là ở Uchahara, Batamara, Pathora, và Madhogarh (hay Patharhat).

2- Tháp Dharmarajika ở Sarnath bị Jagat Singh tháo dỡ vào năm 1794 chỉ để lấy gạch xây chợ ở Varanasi. Chợ này ngày nay được biết đến với tên là Jagatganj. Trụ của vua A-Dục cũng bị đập vỡ.

3- Về ngôi tháp danh tiếng Amaravati ở Andhra Pradesh, V.R. Narla, một người có thẩm quyền về nghệ thuật Phật Giáo ở Andhra, nói:

“Hầu hết những tàn tích ngày nay đều rui ro không còn. Ngay cả vào thời Đại tá Colin Mackenzie người đã thấy tháp Amaravati vào cuối thế kỷ thứ mười tám, nhiều tảng đá hoa điêu khắc đã bị tiêu hủy. Chúng bị đào lên và đốt thành vôi do người cầm đầu ở nơi đây, người này vào năm 1797 đã dời tổng hành dinh về Amaravati, đám tro tàn của nó mang nhiều tính chất lịch sử và được truyền thống thánh hóa, và làm một sự cố gắng yếu ớt để dựng một thành phố mới gần chùa Amaresvara. Và ngay cả những tác phẩm điêu khắc thoát khỏi sự phá hoại văn

hóa này, ngày nay cũng bị phân rải nhiều nơi.”

4- Vào năm 1840, ngôi tháp Phật Giáo ở Gudivada trong xứ Andhra Pradesh bị phá hủy để lấy vật liệu sửa sang con đường giữa Bezwada và Bandar. Đề cập đến sự phá hoại văn hoá này, ông Rea nói:

“Thật là hối tiếc, tất cả những công trình này đã phải chịu hủy hoại bởi những bàn tay của những người cầm vật liệu để xây dựng đường và những công việc tương tự. Mặc dù những công trình kiến trúc cổ xưa nhất còn tồn tại một nền văn minh cổ, tính chất thái cổ của chúng không có sự bảo vệ cho chúng khỏi những bàn tay tước đoạt.”

## PHẬT GIÁO BỊ ĐỒNG HÓA

Đề đối đầu tương xứng với Phật Giáo, Ấn Độ Giáo đã sớm tiến hành việc sửa đổi và tự biến dạng. Về việc này họ đã vũ trang hệ thống của họ bằng những tính chất tốt đẹp của Phật Giáo cả trong lý thuyết và thực hành. Trong tiến trình cải cách này, người Ấn Độ Giáo tiếp nhận lý tưởng Bất Sát (Ahimsa) và từ bỏ việc tế súc vật; và cũng bắt đầu tổ chức theo cách thức trong các tu viện Phật Giáo. Xa hơn, để chấm dứt việc đấu khẩu lâu dài và khó khăn để giành phần thắng của những tín đồ của hai tôn giáo, Đức Thích Tôn được họ đặt vào trong các thần Ấn Độ Giáo, như là một Hóa Thân (Avatara) của thần Vishnu. Và điều này được công bố trong quảng đại quần chúng do các tác giả Purana. Bên cạnh thánh thư Varaha, nói rằng nhờ tuân theo lời nguyện của Buddhavadasi, vua Tịnh Phạn (Suddhodana) đã được thần Vishnu xuống làm con dưới hình tướng Phật Đà. Đức Phật đã bị coi là một Avatara của Vishnu trong Matsya, Bhagavata, Garuda, và Linga Purana. Không chỉ vậy, những người thờ thần Shiva tiếp thu những yếu tố tu viện và chiêm nghiệm của Phật Giáo, và những người thờ thần Vishnu tiếp thu những yếu tố sùng bái và nhân đạo của Phật Giáo để bảo đảm tính phổ biến trong quần chúng. Những người thờ thần Vishnu còn sửa đổi thái độ của họ về vấn đề hệ thống giai cấp. Họ chấp nhận nó như là một thể chế xã hội, không chuyên chở một sự theo đuổi tôn giáo hay tâm linh nào. Như tiến sĩ Radhakrishnan nói:

“Một tiến trình thâm nhập và sửa đổi từ từ đã phát triển, như việc ủng hộ thuyết cho rằng Đại Thừa Giáo chỉ là một giai đoạn phân phái trong trào lưu lớn những người thờ thần Vishnu, Tiểu Thừa Giáo, với tính chất khổ hạnh nhiều hơn, được coi như một phái của người thờ thần Shiva. Khi tín ngưỡng Bà La Môn khắc sâu tình thương mọi loài và sùng bái thần linh và tuyên bố rằng Đức Phật là hóa thân của Vishnu, hồi chuông báo tử của Phật Giáo ở Ấn Độ đã vang lên.”

## NHỮNG NGUYÊN NHÂN BÊN TRONG

Bên cạnh những nguyên nhân bên ngoài, chắc chắn là những nguyên nhân chính cho sự thoái hóa và biến mất của Phật Giáo, còn có một số ít những hạn chế và lầm lỗi bên trong cũng đã làm cho sự biến mất cuối cùng của Phật Giáo trên quê hương nó xảy ra một cách nhanh chóng.

Chúng ta phải thừa nhận rằng chính những tín đồ Phật Giáo lãnh phần trách nhiệm lớn cho số phận đáng buồn của tôn giáo của họ. Đức Phật đã vạch ra con đường cho các vị Tỳ kheo không những là người đi tìm sự giác ngộ bằng thực hành những giới luật đạo đức và tâm linh, nhưng cũng là người phụng sự xã hội hay là người bạn, triết gia và người hướng đạo cho quần chúng. Đức Phật là một vị thầy tôn giáo đầu tiên ở Ấn Độ, hay nói đúng hơn là toàn thế giới, cổ vũ những đệ tử của mình đi và đi khắp nơi vì hạnh phúc và lợi ích của nhiều người. Thêm nữa, Ngài là người đầu tiên đưa ra lý tưởng hy sinh, quên mình và phục vụ cho kẻ khác. Ngài nói rằng một Tỳ kheo phải xin ăn, phải sống bằng vật bố thí, phải hạn chế chỉ ăn ngày một bữa. Theo những lời dạy của Thầy, những vị Tỳ Kheo đầu tiên đã đạt đến những tiêu chuẩn cao nhất của lòng kính tín, hy sinh và phụng sự. Điều này đã thành tựu rực rỡ và làm cho Phật Pháp trở thành một tôn giáo phổ biến và được tôn kính nhất ở Ấn Độ. Nhưng bất hạnh thay, các tăng sĩ về sau đã không giữ những tiêu chuẩn dành cho họ. Khi các tu viện trở nên giàu có, thì hoạt động chính của họ được coi là đào sâu việc nghiên cứu từ chương thay vì truyền bá Giáo Pháp, tăng sĩ đánh mất sự giao hảo gần gũi với quần chúng, và tương quan giữa tăng sĩ và cư sĩ bị thụt lùi. Các vị Tỳ Kheo trở nên xao lãng và thụ động đối với những mục đích thực tiễn. Điều này làm cho Phật Giáo suy yếu. Tình trạng Tăng Già trong những năm chầm dứt thời kỳ vinh quang của Phật Giáo tại Ấn Độ có thể được đánh giá từ những điều mà Cunningham, một nhà khảo cổ, thám hiểm, và học giả vĩ đại nhất nói vấn đề này. Ông nói:

“Phật Giáo đã thật sự trở nên một tín ngưỡng già nua và kiệt lực. Những vị khất sĩ không còn đi khất thực, nhưng từ lâu đã được hỗ trợ bằng đất đai dành riêng cho các tu viện. Các vị Sa Môn và Tỳ Kheo không giống như những người của thời xưa, những người uyên bác và trí tuệ, sự tiết độ về thân xác và sự nhứt tâm thiên quán cộng với những chủ trương thực tiễn và gương mẫu trong sạch, đã kích thích lòng sùng kính của quần chúng. Những tín đồ Phật Giáo hiện đại rơi vào tình trạng mục nát, họ bằng lòng sống một đời sống thụ động trong những công việc tẻ nhạt hằng ngày của đời sống tu viện, nơi đó còn một vài dấu hiệu tôn giáo bề ngoài; nhưng

không còn sự tha thiết nồng nhiệt trong sinh hoạt thiếu sinh khí của những công việc tẻ nhạt hằng ngày đó, và lòng hăng say đã có thời đốt cháy trong tim của mỗi người tu sĩ Phật Giáo trong việc truyền bá tôn giáo của họ đã dập tắt từ lâu.”

Trong những ngày xa xưa, tăng sĩ và tu viện là huyết mạch của Phật Giáo. Nó nảy nở, bao giờ những tu viện còn, các tăng sĩ còn cần trọng. Một khi các tăng sĩ trở nên thờ ơ và đánh mất cái tâm nhìn vào sứ mệnh của họ, Phật Giáo suy tàn. Và khi các tu viện làm môi cho sự phá hoại văn hoá, Phật Giáo đi đến chỗ sụp đổ hoàn toàn. Rất nhiều sách vở Phật Giáo, hầu hết được cất giữ trong các tu viện, cũng hoàn toàn biến mất ở Ấn Độ do sự phá hủy các tu viện. Lý do là những tín đồ Phật Giáo không có tổ chức cư sĩ để giảng dạy, truyền bá, và bảo vệ tôn giáo của họ. Với sự thiếu vắng những tổ chức như vậy, họ chỉ đứng nhìn mà không giúp được gì khi các tu viện bị cướp phá, xúc phạm và các tăng sĩ bị trục xuất hay giết hại.

Sự thiếu vắng những tập quán và nghi thức cho những cuộc lễ lộc trong xã hội như đám cưới, v.v... của Phật Giáo cũng là một trong những yếu tố làm cho Phật Giáo suy tàn ở Ấn Độ. Đức Phật chống lại chủ nghĩa nghi thức, cũng như độc quyền của những người Bà La Môn là giai cấp thầy tế, không cho phép những tăng sĩ hành động như những thầy tế trong những cuộc lễ có tính cách xã hội. Cũng không có những cuộc lễ đặc biệt về sinh nhật, cưới hỏi, v.v... được đề ra. Như vậy giới cư sĩ tiếp tục thực hành theo những phong tục và lễ lộc đang lưu hành, phần lớn do những người Bà La Môn đề ra. Thái độ không xen vào của Phật Giáo, như tiến sĩ Joshi nói:

“Mặc dù giúp cho sự truyền bá tôn giáo được trôi chảy, đã đem đến kết quả trên chặng đường dài làm suy giảm ảnh hưởng của nó trong xã hội.”

Một nguyên nhân bên trong khác, lót đường cho sự suy tàn của Phật Giáo, là sự chiều chuộng quá đáng của những tín đồ đại thừa nhiệt tình đối với những sự mê tín của Ấn Độ giáo. Để truyền bá rộng tín ngưỡng của họ, không những họ đã nhân lên và thần thánh hóa Đức Phật, lại còn đưa một số thần và nữ thần Ấn Độ Giáo vào làm các vị thần Phật Giáo, dưới dạng những Bồ Tát để nhân cách hóa những năng lực của Phật Đà. Việc này làm cho Phật Giáo không còn khác biệt, ngoại trừ tên gọi, với các thần thánh Ấn Độ Giáo, sự khác biệt giữa hai tôn giáo bị xóa bỏ. Và khi Ấn Độ Giáo đưa Đức Phật vào danh sách các thần của họ để chứng minh rằng Phật Giáo là một phái của họ, Phật Giáo đánh mất tính riêng biệt.

## KẾT LUẬN

Mất sự bảo trợ của giới vua chúa có thể được coi là một nguyên nhân khác làm sự suy tàn của Phật Giáo mau chóng. Ví dụ, phải trên hai trăm năm để Phật Giáo mọc những chiếc rễ vững chãi và có được hình thái của một trào lưu giải phóng xã hội lớn trên quê hương của nó. Việc này xảy ra với sự ra đời của vua A Dục (Ashoka) vào thế kỷ thứ ba trước tây lịch. Tuy nhiên trong vòng năm mươi năm vua A Dục qua đời vào năm 232 trước Tây lịch, Đế quốc Khổng Tước (Maurya) sụp đổ và Phật Giáo mất sự bảo trợ của giới vua chúa chỉ trở lại 300 năm sau với sự ra đời của Ca Nhị Sắc Ca (Kanishka) vào năm 78 sau Tây lịch. Với sự sụp đổ của vương triều Quý Sương (Kushana) vào thế kỷ thứ hai sau Tây lịch, Phật Giáo lại mất sự bảo trợ của giới vương giả. Giai đoạn sau Quý Sương là một giai đoạn rối ren chính trị, cuối cùng đã đưa đến sự nổi lên của vương triều Cấp Đa (Gupta) ở nước Ma Kiệt Đà (Magadha). Những vị vua của vương triều Cấp Đa là những người theo Bà La Môn giáo và triều đại của họ được đánh dấu là đã làm phục hồi Bà La Môn giáo. Người bảo trợ có quyền hành cuối cùng cho Phật Giáo là vua Giới Nhật (Harsha) nắm quyền vào năm 606 sau Tây lịch, có nghĩa là năm trăm năm sau vua Ca Nhị Sắc Ca. Sau khi vua Giới Nhật mất vào năm 647, Phật Giáo lại mất sự bảo trợ của giới vương giả, và không bao giờ có lại được sự bảo trợ trên một phạm vi rộng lớn. Một khi sự bảo trợ của giới vua chúa không còn, và bị thay thế bằng sự đàn áp của giới vua chúa và tôn giáo, thành lũy cuối cùng của Phật Giáo sụp đổ nhanh chóng hơn có thể tưởng. Những gì còn lại chưa bị những người phản động Ấn Độ Giáo phá hủy hết lại bị dẹp sạch bởi những người cuồng tín Hồi Giáo. Như một nhà văn đã viết:

“Màn cuối cùng trong vở kịch Phật Giáo trên sân khấu đất mẹ của nó, bắt đầu bị khủng bố, và chấm dứt trong câm lặng, một sự câm lặng lãng quên. Những nơi thiêng liêng đồ nát, bị rừng rậm che khuất, chùa chiền của nó chuyển sang tôn giáo khác. Đức Phật biến mất trong đám đông các thần Ấn Độ Giáo và ra khỏi ký ức của con người.”

Dù lý do nào đưa đến sự suy tàn và biến mất của Phật Giáo khỏi đất nước Ấn Độ đi nữa, một việc chắc chắn đó là điều bất hạnh nhất khi tôn giáo của Đức Phật, một tôn giáo hoàn cầu đầu tiên, đánh mất ảnh hưởng trên đất tổ của nó. Sự việc này xảy ra, Ấn Độ đã phải trả một giá rất đắt, đó là sự thật lịch sử. Nước Ấn Độ sung mãn cho đến khi Phật Giáo vẫn còn là một tôn giáo sống động, và khi Phật Giáo suy tàn, Ấn Độ đã mất đi tinh thần tự do, danh tiếng giảm sút, và sự tiến bộ bị ngăn trở.

*thơ*

## PHÙ DU

### Hành giả

*Chào từng trận lửa vô thường  
Từng đường thăm thẳm con đường bản lai  
Từng cơn bụi đổ lên vai  
Huyền sinh đã mấy lần phai sắc vàng  
Trên đầu gậy  
Ánh dương quang  
Vừa rơi lấp lóa  
Thời gian vô cùng.*

### Lật nghiêng luân hồi

*Con mưa nẩy hạt bụi hồng  
Về trong tinh ý tâm lòng hương hoa  
Xuất trần nhang khói la đà  
Vàng trắng gieo ngân hăng hà vẩy tơ  
Ngõ vào vừa động ý thơ  
Cõi đời lộng lẫy sang mùa tịch nhiên  
Nụ cười gieo  
Chạm bóng thiền  
Bàn tay bát ngát lật nghiêng luân hồi.*

### Tịch nhiên

*Đầu sông cuối bãi rụng về  
Bóng mây thiên cổ đã chia mấy mùa?  
Nghìn trùng ngun ngút ban sơ  
Đất trời hai nẻo, cơ đồ một bên  
Khói sương u mặc xây nền  
Mặt trời đỏ ối giọng rền nhân gian  
Ai ngồi trên đỉnh cô hoang  
Thành thơ khấy một cung đàn tịch nhiên.*

# SÀU VƯƠNG MÓ TÓC

*HT. Thích Quảng Độ dịch*

Mưa thu rả rích, trời thu âm đạm một màu, thỉnh thoảng một trận gió ào ào lùa qua khóm lá. Con đường mòn dẫn đến đỉnh núi gập ghềnh, khúc khuỷu, nằm im lìm giữa những lùm cây rậm rạp. Một người lữ hành, đầu đội chiếc nón lá, đang lúi thủi bước những bước nặng nề đi lên. Bốn bề vắng lặng, những hạt mưa đập vào nón chàng, phát ra những tiếng lộp độp buồn tẻ.

Vóc người chàng cao và gầy, chiếc nón trùm lên đầu chàng và che luôn cả tuổi tác, nên người ta không nhận ra chàng là một ông già hay một người trẻ tuổi. Người ta chỉ biết chàng đang dầm mưa nhấm thẳm ngôi chùa trên đỉnh núi tiến lên. Ròng rã hai mươi năm qua, chàng đã đặt chân đến nhiều cảnh chùa, ai ngờ một người kếp hát lại có thể là một tín đồ Phật giáo kiên thành, song vẫn chưa ai hiểu được nguyên nhân thâm kín khác.

Chàng bỏ chiếc nón xuống, để lộ ra một mái tóc ngắn, mượt và đã gần trở thành màu hoa râm. Chàng kính cẩn đến quỳ trước Phật đài, chấp tay nhìn lên Đức Từ Tôn và đôi môi chàng khẽ rung rung.

Khoảng năm phút sau, chàng từ từ đứng dậy, đi đến chỗ để quyển sổ ghi công đức và nâng cây bút lên, chàng đề tên mình vào cuốn sổ. Buông cây bút xuống, chàng đưa mắt nhìn lơ đãng, cặp mắt sáng đẹp như có sức thu hút người ta, nhưng cũng chứa đựng một nỗi u buồn khó tả.

Rồi như không để ý đến mưa gió, chàng nhấc chiếc nón lên, nhưng bỗng mắt chàng dừng lại trên hình tượng Đức Phật một lần nữa. Chàng tiến đến Ngài, dăm dăm nhìn Ngài và đưa ngón tay dài nhỏ sờ vào bàn tay của Ngài. Một lát sau, chàng từ từ rút tay ra. Khi quay lại, chàng thấy một ni cô đang đứng sau chờ chàng lui ra để vào thắp hương. Chàng vừa đi được mấy bước thì bỗng nhiên như có sức gì lôi chàng ngoảnh lại: Hai cặp mắt nhìn nhau kinh ngạc, chiếc nón rơi khỏi tay chàng; chàng xăm xăm bước tới quỳ xuống bên chân ni cô:

“Lan Hương! Lan Hương! Đã hai mươi năm rồi, bây giờ anh mới tìm thấy em.”

Ni cô lùi lại mấy bước, cau mặt nhú mày và cổ trần tĩnh. Một hồi lâu, với giọng chìm và nặng, ni cô khẽ nói: “Con người tất cả đều do duyên nghiệp định đoạt, chúng ta hãy vui vẻ nhận lấy. Anh ... đi mau đi!”

“Không! Không! Sao em tàn nhẫn thế? Em có thể đuổi anh đi? Anh tìm em đã hai mươi năm trời, thời gian hai mươi năm ngắn ngủi lắm sao? Lan Hương, em còn nhớ rặng tre năm xưa không? Em quên phiến đá ấy rồi à? Không biết bao nhiêu lần chúng ta đã ngồi và nô đùa trên phiến đá ấy. Và cũng bên cạnh phiến đá ấy, chúng ta đã nguyện ước trăm năm...”

“Tôi đã hiến thân cho Phật pháp, đã hiểu rõ lý duyên sinh. Tôi đã phát nguyện noi theo tinh thần đại từ đại bi của Đức Phật, làm việc cứu độ mọi người, mở rộng lòng thương yêu tất cả... Hai mươi năm qua, tôi vẫn còn cất giữ một vật nhỏ, hôm nay có thể đưa cho anh mang về và coi như mối trăn duyên của chúng ta đến đây là chấm dứt!”

Nói xong, ni cô phủi áo và nhẹ nhàng lướt vào hậu cung. Chừng mười phút sau, ni cô trở ra, tay cầm một gói giấy, phía ngoài buộc bằng một sợi băng lụa màu lam. Ni cô trao cho chàng:

“Đây là vật ngày trước anh muốn và tôi cũng đã bằng lòng cho anh. Bao nhiêu năm qua, tôi vẫn giữ bên mình. Hôm nay, điều ước mong duy nhất của tôi đã đến, đó cũng là nhờ sức giúp đỡ của các vị bồ tát. Song tôi xin anh về đến chỗ trọ hãy mở ra xem. Anh có bằng lòng thế không?”

Giọng ni cô bình tĩnh và nghiêm trang. Chàng gật đầu và run rẩy, lòng chàng se lại. Chàng đưa tay ra đỡ lấy gói giấy:

“Lan Hương, hãy về với anh! Chúng ta không nên chối bỏ hạnh phúc để rước lấy khổ đau. Chúng ta còn có hy vọng, có tình yêu và tương lai của chúng ta còn dài. Em đừng vội chán nản cuộc đời.”

“Tôi đã tin chư Phật và Bồ tát, tin luật nhân quả. Tôi sẽ vui lòng nhận tất cả những gì rủi ro và đau khổ. Trước kia, tôi cũng như anh, thường phán đoán một cách nông

nổi và chủ quan. Tôi cũng đã cho rằng những người “đem mình gói chôn am mây” là những người ru hồn trong cõi mộng, là những kẻ chán đời và trốn tránh thực tế. Nhưng nhờ sự học hỏi, tìm hiểu và sống theo giáo lý trong hai mươi năm qua, tôi thấy rằng đạo Phật không phải là đạo chán đời như người ta thường lầm tưởng, mà trái lại những người tu theo Phật giáo Đại Thừa là những người yêu đời vô cùng! Nếu nói đạo Phật chán đời thì chưa đủ. Phải nói rằng đạo Phật chán cuộc đời nhơ nhớp xấu xa, cuộc đời ích kỷ đê hèn và tham lam ngu dại; song đối với cuộc đời trong sạch sáng suốt, cuộc đời vị tha cao cả thì đạo Phật rất thiết tha yêu mến. Thôi đến giờ rồi, xin phép anh tôi đi vào.

Dứt lời, ni cô chấp tay chào chàng, rồi cúi đầu đi vào phía sau Phật điện. Chàng bước theo:

“Đừng! Lan Hương! Anh van em, hãy về với anh!”

“Tuần Khanh! Tôi đã nói duyên phận của chúng ta đã hết, tất cả đều qua rồi!”

“Không thể qua được! Em hãy nghe anh nói đây...”

“Nói gì? Thôi, sáng mai anh trở lại vậy, lúc đó hãy nói!” Giọng ni cô lạnh nhạt.

“Anh không thể đợi đến ngày mai, anh đã sống trong đau khổ và sầu muộn qua bao nhiêu cái ngày mai rồi! Lan Hương!” Giọng chàng cảm động. “Ròng rã hai mươi năm trời, có lúc nào em nghĩ đến cuộc sống của anh ra sao không? Anh cũng chỉ tin tưởng ở Phật và Bồ tát, tin ở nghiệp duyên. Anh đã theo gánh hát đi khắp các thành thị. Anh chú ý đến từng người qua lại, song không có em, lúc đó em ở đâu? Lan Hương, cuối cùng anh chỉ còn biết đến các chùa lễ bái, xin chur Phật và Bồ tát chứng giám tấm lòng thành khẩn của anh. Giờ đây, anh đã tìm được em, sao emỡ hắt hủi anh như thế?”

Ni cô mím chặt đôi môi khô héo và đứng lặng người dưới bóng hình tượng Đức Phật.

“Lan Hương, hãy theo anh về, anh chỉ muốn lúc nào cũng được sống bên em, thế là đủ rồi! Hiện giờ, không còn ai ngăn trở chúng ta nữa. Anh sẽ đưa em đi lễ Phật, đi du ngoạn các nơi. Chúng ta sẽ ngồi trên phiến đá nhìn bóng ấy để nói chuyện và cười đùa như những năm xưa. Lan Hương, hãy nói đi, tại sao em cứ yên lặng?”

Đứng trước mặt người yêu đã xa cách hai mươi năm trường, tình cảm trong lòng chàng dào dạt như sóng biển.

Cõi lòng của ni cô như một quả núi, không một sức gì của người đời có thể làm rung động. Ni cô khẽ đáp:

“Độ mười giờ sáng mai, anh trở lên đây, chúng ta sẽ nói chuyện nhiều. Giờ xin lỗi anh cho tôi đi vào.”

Dứt lời, ni cô chuyển bước, lách mình qua cửa nách phía sau Phật điện để xuống nhà dưới. Chàng vội đi theo, nhưng vừa đến cửa thì một vị sư ni già bỗng xuất hiện.

“Đàng sau không tiện vào, xin ông đừng lại!” Giọng

vị ni già nghiêm nghị và như ra lệnh.

“Tôi vào tìm Lan Hương. Lan Hương là em họ của tôi.”

“Người tu hành có bốn phận riêng. Mời ông hãy ra ngồi phía ngoài uống nước.”

Vị sư già gầy guộc đứng chắn ngang lối đi của chàng như một bức tường sắt. Chàng đành nén tình cảm xúc động và ôm niềm hy vọng chờ đến ngày mai. Chàng nắm chặt lấy gói giấy, lặng lẽ bước ra khỏi Phật điện và thất thểu đi xuống núi. Chàng quên cả chiếc nón, quên cả mưa dầm. Tâm hồn chàng lúc ấy đã hoàn toàn bị hình ảnh của người mặc chiếc áo màu khói hương ngự trị, hình ảnh trang nghiêm và lãnh đạm làm sao!

Về đến nhà trọ, chàng vào thẳng phòng, đóng chặt cửa lại rồi hồi hộp cởi dải băng lụa buộc ngoài gói giấy. Chàng dần dần nhận ra đó là vật mà hai mươi năm về trước chàng đã tặng nàng nhân dịp sinh nhật mười tám tuổi. Tim chàng bắt đầu đập mạnh, bàn tay chàng run rẩy mở từng vòng băng lụa màu lam cũ kỹ, những vòng lụa xoắn ra đến đâu thì chàng có cảm tưởng như từng khúc ruột của chàng cũng đang đứt theo. Cuối cùng, gói giấy được mở tung ra, trong đó có một lọn tóc dài cuộn tròn kèm theo một hàng chữ nhỏ: “Đây là mái tóc của em, nếu có ngày nào được giao đến tận tay anh thì coi đó là chút duyên phận cuối cùng của chúng ta.” Chàng bùi ngùi đau đớn nhìn lọn tóc và hàng chữ. Những việc quá khứ lại lần lượt diễn ra trong ký ức của chàng.

Hồi ấy, chàng mới mười hai tuổi và vẫn còn học tiểu học. Một lần hết niên học, nhà trường tổ chức một buổi kịch nghệ. Lan Hương, bạn cùng lớp và cũng là em con cô con cậu của chàng, kéo chàng đi để cùng đóng vai tiên nữ với nàng, vì đến giờ trình diễn thì trong số nữ diễn viên thiếu một người bạn gái của nàng. Song một việc không ngờ đã xảy ra là chàng cải trang trông rất đẹp. Trên sân khấu, chàng nhảy múa mềm mại, uyển chuyển giống hệt như một cô con gái. Từ thầy giáo và phụ huynh cho đến các học sinh trong trường đều vỗ tay hoan hô khen ngợi chàng, chàng cảm thấy niềm sung sướng tràn ngập lòng. Từ đó, đối với những động tác và phục sức của phái đẹp, chàng càng ngày càng có hứng thú. Ai có ngờ đâu buổi biểu diễn tình cờ ấy đã quyết định lẽ sống và nghề nghiệp của đời chàng. Hai năm sau, cha mẹ chàng kể tiếp nhau qua đời. Một mình cô cút, không nơi nương tựa, chàng được đưa đến một đoàn hát lưu động để chính thức xin học nghề. Nhờ thông minh và có biệt tài, thêm vào đó là nhờ có cảm hứng và sức cố gắng nên chỉ trong vòng năm năm, chàng đã trở thành một nghệ sĩ rường cột của đoàn và đi trình diễn khắp nơi.

Song tính tình chàng trở nên trầm mặc. Mỗi khi tan buổi hát, chàng thường ngồi một mình suy nghĩ đăm



chiều như thả hồn vào cõi mộng. Trong những giờ phút ấy, cõi lòng chàng là một bãi sa mạc hoang vu trống lạnh. Người duy nhất có thể mang sinh thú đến cho chàng là Lan Hương. Nàng yêu chàng, hiểu chàng, an ủi chàng và sẵn sàng trở thành người bạn đồng hành trên con đường đời của chàng sau này, nhưng liệu chàng có xứng đáng không? Một anh kếp hát có thể nào kết hôn với một nữ sinh trung học con nhà giàu có? Tuy cha mẹ Lan Hương là cậu mợ của chàng, song từ khi chàng gia nhập đoàn hát để kiếm miếng ăn, họ đã khinh rẻ chàng, thậm chí còn tỏ ra không muốn cho chàng đi lại với Lan Hương, nhưng chàng và nàng không thể chịu đựng được! Trái lại, nếu có cơ hội gặp gỡ, họ không bao giờ bỏ qua. Do đó, họ càng lén lút hẹn hò nhau. Nỗi khổ tâm của họ càng sâu xa thắm thía, càng đau khổ bao nhiêu thì tình cảm của họ càng trở nên chân thành bấy nhiêu! Họ yêu đương trong một hoàn cảnh cực kỳ tàn ác.

Một buổi chiều mùa hạ, chàng vừa vượt qua hai trăm cây số từ một thành thị nọ trở về. Chàng không đi đâu, chỉ đến thẳng rừng tre xanh bên bờ sông, ngồi trên phiến đá để đợi chờ. Chàng không dám về nhà cậu mợ. “Con gái tôi đâu có thể lấy một thằng kếp hát,” câu nói ấy đã như một mũi kim xuyên vào trái tim chàng từ lâu và hiện giờ vẫn còn đau nhói. Chàng ngồi trên phiến đá, hy vọng được gặp Lan Hương để trao tận tay nàng một vật mà chàng mang về tặng nàng nhân dịp sinh nhật, rồi lại lên đường trở về đoàn hát, trở về với ánh đèn màu trên sân khấu.

Chàng hồi hộp phóng tầm mắt nhìn đám nữ sinh đang từ xa tiến tới. Chàng thấy Lan Hương khoác tay bạn nàng, nói cười vui vẻ. Ánh chiều tà còn rớt lại rọi vào mặt nàng, làm cho cặp má tròn trĩnh của nàng ửng hồng như trái dâu mộng đỏ; mái tóc dài, óng mượt, đen huyền chảy xuống hai bờ vai; chiếc mũi cao, thẳng; đôi mắt trong sáng và thân hình uyển chuyển. Tất cả đã tạo nên cho nàng một vẻ đẹp dịu dàng và quyến rũ. Chàng nhìn Lan Hương chăm chập, nhìn ý trung nhân của nàng; chàng có cảm tưởng như tình yêu và hạnh phúc đã tuột khỏi tay chàng, đã rời xa chàng và người nắm bắt được Lan Hương, hình ảnh của hạnh phúc, nhất định sẽ không phải là chàng. Chàng, một anh kếp hát chỉ mơ ước viên vòng mà thôi!

Tà áo thướt tha và cặp mắt đen láy đã hiện ra gần trước mặt chàng, lòng chàng rạo rục, không che dấu được niềm hân hoan vui sướng, chàng khẽ cất tiếng gọi

một cách bẽn lẽn:

“Lan Hương!”

“Ai gọi? A, Tuấn Khanh!” Lan Hương buông tay bạn ra, rồi vừa ngạc nhiên vừa sung sướng, chạy đến trước chàng: “Sao anh lại về vào giờ này? Sao không viết thơ cho em biết trước?”

“Anh không kịp viết thơ, nhưng thế này không thích hơn à?”

Chàng nhoen miệng cười, duyên dáng như một cô con gái. Song khi chàng vừa ngẩng đầu nhìn lên thì vẻ tươi vui trên khuôn mặt chàng vụt biến mất. Chàng thấy các bạn của Lan Hương đứng xa xa cười cợt và chế giễu. Chàng nghe thấy tiếng họ văng vẳng:

“Anh kếp hát, bạn trai thân nhất của con Lan Hương đó!”

“Nghe đâu tụi nó có họ hàng với nhau mà! Từ nhỏ đến lớn, hai đứa vẫn sống chung với nhau thôi!”

“Con Lan Hương thật vớ vẩn! Sao lại đi làm bạn với một anh kếp hát thế không biết, hay là mê anh ta rồi?”

“Anh sao vậy, Tuấn Khanh?”

Lan Hương thấy vẻ buồn hiện lên nét mặt chàng, nhưng khi nàng quay lại nhìn về phía các bạn, nàng mới hiểu rõ nguyên nhân, liền mỉm cười âu yếm:

“Đi, chúng ta đến ngồi trên phiến đá!”

“Lan Hương, anh thấy khó chịu lắm!” Chàng có ý đi

sau nàng mấy bước, chứ không dám đi song song với nàng.

“Sao mà khó chịu? Chúng nó nói đùa cho vui đấy mà! Em vẫn thường chẳng nói đùa với chúng nó là gì?”

“Anh phải về ngay tối nay.”

Lan Hương trở mắt nhìn chàng:

“Chiều nay anh về gặp em với mục đích là báo

cho em biết anh phải trở về ngay tối nay?”

Chàng ấp úng đáp:

“Anh ... anh ... Lan Hương, em hiểu cho lòng anh là đủ rồi!”

Nàng cười:

“Vậy anh không hiểu lòng em à? Thôi đi! Đến ngồi trên phiến đá nói chuyện cho mát.”

Nàng cầm lấy tay chàng kéo đi.

Chẳng ai biết là người nào đã đưa phiến đá ấy đặt bên rừng tre xanh, mà cũng không biết nó đã nằm đây từ đời kiếp nào. Nó đã sáng bóng và nhẵn thín vì bao nhiêu người qua lại đều ngồi trên phiến đá ấy để nghỉ chân.



Nhất là bọn trẻ con, lúc thì chúng ngồi, lúc chúng nằm, có lúc chúng lại lấy nó làm nơi ẩn nấp trong khi chơi trò “ẩn bắt.” Bọn trẻ ấy đều lớn khôn cả rồi, nhưng phiến đá thì vẫn thế, cứ nằm trơ ở chỗ cũ, không hề xê dịch. Tuấn Khanh và Lan Hương cũng đã từng qua những ngày ấu thơ bên cạnh phiến đá ấy, họ ngồi trên phiến đá nô đùa vui vẻ; cũng có khi họ hờn dỗi, giận dữ; lại có lúc họ mơ màng tưởng tượng họ đang ngồi trên một con thuyền nhỏ, lặng lẽ theo dòng nước biếc đi đến một cõi thần tiên nào... Nhưng thời gian qua, họ đã lớn khôn, họ không còn mơ tưởng thế nữa mà mơ ước một cảnh giới yêu đương, trong đó họ sẽ hoạch định cuộc sống tương lai.



“Bây giờ em hỏi anh, anh có thể ở lại đây được mấy ngày?”

Lan Hương ngồi xuống phiến đá trước, đặt chiếc cặp sách một bên, đó là cử động quen thuộc của nàng đã bao năm qua.

Tuấn Khanh cũng ngồi theo nàng:

“Có thể ở lại ba ngày, nhưng...”

Lan Hương sung sướng nắm lấy tay chàng:

“Thế thì được rồi, ngày mai là thứ bảy, chỉ học có nửa buổi; ngày kia là chủ nhật, thứ hai em xin nghỉ, thế là được chơi với anh ba hôm, có được không nào?”

“Anh rất tiếc vì hoàn cảnh mà phải bỏ học để đi làm cái nghề hát xướng này, không được mở mặt với đời!”

“Cần gì phải mở mặt với đời? Hãy mở mặt với chính mình đi, mở mặt với em mà không đủ à?” Nàng siết chặt tay chàng, tỏ dấu hiệu an ủi, khích lệ và cũng để bày tỏ lòng nàng.

“Còn cậu mợ...”

Nói đến cậu mợ, chàng phát run.

“Cậu mợ cũng sẽ bằng lòng, vì người thương em lắm! Chỉ cần...”

Nàng nhìn chàng bằng cặp mắt tràn đầy tình cảm và bỏ lửng câu nói.

“Chỉ cần sao? Em nói đi!”

Tay chàng cũng nắm chặt trong tay nàng và chàng có cảm giác hồi hộp.

“Chỉ cần anh cố gắng hơn nữa trong nghề nghiệp, đừng tưởng thế đã là hoàn toàn rồi!”

Chàng trút một hơi thở nhẹ nhõm:

“Chỉ cần có em, anh sẽ hết sức cố gắng là một ngôi sao chói rạng nhất trong đám tài tử. Hát xướng không

phải là một nghề hèn hạ!”

“Tôi nay, anh về nhà em ngủ?”

“Không được! Anh đã có chỗ ngủ. Ngày mai, anh sẽ đến chúc mừng em.”

“Chúc mừng?” Lan Hương mở to cặp mắt, hỏi.

“Mai là sinh nhật của em, em quên à?”

“À,” nàng cười, “thế mà chẳng thấy má nhắc gì cả!”

“Nhất định mợ đã sắp đặt rồi. Sinh nhật thứ mười tám của em mà mợ quên sao được?”

Vừa nói, chàng vừa móc trong túi ra một cái hộp nhỏ bằng nhung trông rất xinh xắn và trao cho nàng:

“Anh tặng em cái này!”

“Ái chà! Anh còn mang quà về cho em kia à? Cái gì đây?” Nàng hớn hờ đỡ lấy cái hộp.

“Em mở ra coi!”

Nàng sung sướng mở chiếc hộp ra, thấy trong đựng một chiếc nhẫn và một dải băng lụa màu lam để buộc tóc.

“A, chiếc nhẫn đẹp quá!” Nàng thích thú ướm chiếc nhẫn vào ngón tay.

“Em hãy buộc thử dải băng xem nào!”

“Được!”

Rồi như một cô bé, nàng xoa mái tóc xuống và cầm lấy dải băng.

“Thong thả.” Chàng không thể tự nén được tình cảm, đưa tay vuốt mái tóc đen dài và mềm mại như nhung tơ của nàng. “Để tóc dài xuống trông thướt tha và mơ mộng lắm!”

“Anh thích để dài xuống?” Nàng ngả đầu vào chàng.

Chàng đưa tay véo yêu trên má nàng:

“Lan Hương, anh xin em đừng bao giờ uốn tóc cả.”

Nàng cười:

“Không uốn để nó dài quét đất thì sao?”

“Quét đất trông càng đẹp. Em cứ để dài đi!”

“Được rồi! Nhưng giả sử có ngày em cắt đi thì sao?”

“Thì cắt để dành cho anh.”

“Thế hả? Cho anh, song em nhất định cứ nuôi cho thật dài, dài đến chừng nào anh ghét thì thôi!”

Nàng nũng nịu ngả đầu sát vào má chàng. Mùi thơm phưng phức từ mái tóc nàng toát ra. Chàng thì thâm bên tai nàng:

“Với em, không bao giờ anh biết ghét là cái gì! Anh chỉ tự ghét cái phận nghèo của anh.”

“Anh biết em ghét ai nhất không?”

“Ghét anh?”

“Đúng rồi, em ghét anh lắm! Ghét người hay có tính tự ti mặc cảm, không dám ngẩng đầu nhìn thẳng vào mặt ai.”

“Lan Hương!” Chàng cúi đầu.

Nàng quay đi và hạ giọng nói:

“Ghét anh, nhưng em vẫn cứ yêu anh.”

Chàng ngẩng đầu lên và mắt rướm lệ:

“Em cứ yêu anh?”

Nàng gật đầu.

“Cậu vợ không cho thì sao?”

“Thì em đi!”

“Đi theo anh?”

“Không! Em muốn sống cuộc đời tự lập, làm bất cứ việc gì cũng được và sẽ không bao giờ trở về.”

“Em nhẫn tâm bỏ cậu vợ?”

“Trừ khi nào ba má bằng lòng thì lúc đó em mới về.”

“Em cũng không cho anh biết?”

“Không! Em không muốn người ta cho là em đi theo trai. Em muốn anh không mang tiếng và em cũng không mang tiếng.”

“Thế em sẽ không nghĩ gì đến anh?” Tay chàng lại siết chặt lấy tay nàng.

“Mà sao cứ nói những chuyện hão huyền vậy? Em biết ba má thương em lắm mà!”

Nàng nhướn miệng cười, rồi đưa tay lên tết nút băng lụa trên đầu thành hình con bướm. Dải băng màu lam càng làm cho mái tóc mềm mại và óng ả của nàng thêm vẻ khả ái. Nàng hỏi:



“Thế nào?”

“Trông thật thướt tha và đẹp lắm!” Chàng ngây ngất nhìn nàng và suối tóc mơ mộng của nàng.

“Ai mượn anh khen?” Nàng nở một nụ cười duyên rũ.

“Lan Hương, thật em có định...?”

“Định gì?”

“Kết hôn với anh?”

“Trừ khi em đi tu thì thôi!”

“Lan Hương, thật anh cảm động vô cùng!”

Nàng rũ tóc một cái rồi cầm lấy cặp sách đứng dậy:

“Thôi, ta đi về đi!”

Chàng cũng đứng dậy theo:

“Anh đưa em đến gốc cây kia.”

“Thật anh không về nhà em à?”

Chàng đau khổ lắc đầu:

“Em vẫn chưa hiểu rõ hoàn cảnh? Ngày mai, anh đến mừng em.”

“Thôi được, mai em đợi anh, nhưng phải đến sớm kia đây!”

Lan Hương sửa lại mái tóc, vuốt lại tà áo, rồi xua tay cười:

“Vậy khỏi phải tiễn chân em nữa!”

Chàng đứng nhìn theo cho đến khi hình ảnh lả lướt của nàng đã khuất sau lũy tre trong ngõ vắng ngập bóng hoàng hôn, lúc ấy chàng mới thở thẩn ra về.

Thật ra, cha mẹ Lan Hương đã ngầm chuẩn bị bữa tiệc sinh nhật của nàng rất lớn. Tại sao lại làm lớn? Chắc cũng có lý do gì trong đó! Thôi thì mua thứ này, sắm thứ nọ và cho phép Lan Hương được tự do mời các bạn bè đến dự tiệc.

Cặp mắt nàng sáng lên:

“Má cho phép con được tự do mời các bạn con, hả má?”

Mẹ nàng cười:

“Ai nói dối con?”

“Vậy con sẽ mời Phương Thảo và Tuyết Anh, có được không ạ?”

“Dĩ nhiên!”

“Lại còn anh Phác và ... và ...”

Nàng ngần ngừ một lát rồi nói:

“Và anh Tuấn Khanh...”

Đôi má của mẹ nàng xị xuống, song bà vẫn mỉm cười:

“Những người kếp hát nay đây mai đó, biết đâu mà tìm mà bảo?”

Lan Hương dò xét:

“Nếu anh ấy về kịp?”

“Thì cũng được chứ sao! Nhưng chắc nó không muốn đến đâu. Thôi, con vào mặc thử bộ đồ mới xem, má còn nhiều việc khác.”

Mẹ nàng dắt nàng đến cửa phòng, bà nở một nụ cười bí ẩn:

“Lan Hương, hôm nay là ngày tốt lành của con, hãy vào trang điểm đi!”

Lan Hương bắt đầu lục soát trong ký ức của nàng, nàng nhận thấy chưa có sinh nhật nào mẹ nàng đã nói với nàng câu ấy. Bởi thế, nàng ngạc nhiên hỏi:

“Năm nào cũng có sinh nhật, chứ có gì mà là ngày tốt lành ạ?”

“Lát nữa, tự nhiên con sẽ rõ!”

Mẹ nàng nói xong, liền quay trở ra. Lan Hương vẫn cứ thắc mắc, song nàng cũng vào phòng mặc thử áo mới.

Đặc biệt năm nay khách đến dự lễ sinh nhật của nàng đông hơn mọi năm. Điều đó làm nàng cảm thấy thích thú và hãnh diện.

Nàng mặc bộ đồ mới, màu hồng nhạt, rồi đeo chiếc nhẫn của Tuấn Khanh tặng và buộc dải lụa màu lam trên đầu. Nàng cười tươi tắn, nhìn những quà tặng và đi cảm ơn từng người. Nhưng người khách mà nàng trông mong nhất vẫn chưa thấy đến, điều đó khiến nàng có cảm giác ray rứt. Chốc chốc nàng lại ngó ra ngoài cửa sổ để lắng nghe bước đi quen thuộc và tiếng gọi hiền dịu ấy. Song đến đúng giờ bữa tiệc được bắt đầu, nàng vẫn chưa thấy chàng tới. Nàng thấy nóng ruột, bồn chồn và hồi hộp; nhưng nàng cố che giấu để tiếp đãi bè bạn niềm nở.

Sau mấy tuần rượu, thực khách nói cười vui vẻ, cha nàng coi bộ cũng đã ngà ngà, ông ngỏ lời cảm tạ mọi người, rồi ông vui miệng tuyên bố luôn:

“Hôm nay cũng là ngày đại sự trăm năm của con cháu bé...”

Đôi đũa rơi khỏi tay Lan Hương, nàng hoàn toàn kinh ngạc.

Ông thân nàng lại nói tiếp:

“Ba thay con chọn ngày hôm nay làm ngày vui mừng nhất trong đời con. Như thế, ba cũng được trọn bốn phần làm cha.”

“Thưa ba, con còn ít tuổi, hơn nữa học hành còn dở dang. Việc đính hôn, xin ba hãy để một vài năm nữa cũng được!”

Lan Hương rung rung ngấn lệ và dùng hết sức can đảm để khấn cầu cha nàng.

Cha nàng mỉm cười:

“Ba nghĩ trước thế cho chu đáo thôi! Còn việc cưới xin thì dĩ nhiên là phải đợi sau khi con học hết trung học.”

Khách khứa đều hoan hô:

“Hai tin mừng đến một lúc! Xin mời các ngài cạn ly.”

Lan Hương đứng dậy giữa những tiếng hoan hô, nàng nghẹn ngào van xin cha nàng một lần nữa:

“Thưa ba, vậy xin ba để con học xong trung học, rồi

đính hôn cũng chưa muộn.”

Mặt cha nàng bỗng biến sắc:

“Con phải vâng lời cha mẹ. Cha mẹ đặt đâu thì phải ngồi đấy, không được lòi thoi chi hết!”

“Song đây là việc của con kia mà!”

“Mày dám bảo là việc của mày hả? Mỗi đốt xương, mỗi sợi tóc của mày đều là của cha mẹ. Mày dám chống lời cha mẹ hả?”

Cha nàng bất chấp cả bạn bè thân hữu, ông hầm hầm nổi nóng:

“Tất cả các việc khác, con xin vâng theo lời ba má. Nhưng việc này...”

“Việc này lại càng phải vâng lời ba má mới được. Con hãy xin lỗi ba con đi!”

Mẹ nàng thấy tình hình bất ổn, liền vội dàn xếp. Bà không muốn chồng bà nóng giận trước mặt tân khách và cũng không muốn con gái bị mắng trước nhiều người.

Lan Hương đỏ mặt và tức khí bốc lên trong lòng nàng:

“Con không thể chịu được việc đó!”

“Không chịu thì rút đi! Đồ bất hiếu!” Cha nàng hét lên.

Thế là như một trận gió, Lan Hương lướt ra khỏi cửa và chạy mất hút.

Mẹ nàng kinh hãi, gọi giạt lại:

“Lan Hương! Lan Hương! Con điên à?”

Lan Hương vừa mở cánh cổng thì thấy Tuấn Khanh đang đứng phía ngoài, chàng dang tay cản nàng lại.

“Anh...”

Nàng chỉ thốt được có thế! Hai người đều xúc động, không biết xử trí ra sao khi vận mệnh đã đến. Nhưng không còn thì giờ để nói gì hơn, nên nàng vùng vẩy đẩy chàng ra, rồi phóng đi như một mũi tên.

Không ai đuổi theo nàng, kể cả Tuấn Khanh.

\*\*\*

Từ đấy, người ta không còn thấy hình bóng Lan Hương nữa. Trên phiến đá nhẵn bóng ấy, vẫn có trẻ con ngồi, nằm và nô đùa cười cợt.

Tuấn Khanh theo đoàn hát đi khắp đó đây. Hy vọng duy nhất của đời chàng là tìm nàng. Nhưng nàng ở đâu, biết tìm đâu?

Thời gian lặng lẽ trôi qua, đã hai mươi năm trôi xa vắng, không một tin tức gì về nàng! Hiện giờ, chàng chỉ còn biết nhờ vào sức ủng hộ của chư vị Bồ tát.

Tuấn Khanh, một chàng nghệ sĩ trẻ tuổi và đẹp trai, là thần tượng của khách mộ điệu và là túi tiền của đoàn hát; song riêng chàng vẫn mang nặng một tâm tư sầu muộn. Trên sân khấu, chàng đã làm cho bao nhiêu người sống những giờ phút say sưa, thích thú và vui tươi.

Người ta không thể quên được giọng hát và điệu cười của chàng. Nhưng khi tan buổi hát, chàng lại vẫn ôm mỗi sâu hoài vạn cổ, cất bước ra đi và đặt chân đến khắp các cảnh chùa, nguyện cầu và khấn đảo.

Song hai mươi năm qua, chàng vẫn sống trong trống lạnh và thương đau.

“Đây cũng thật là sự an bài của các vị Bồ tát! Nhờ sức giúp đỡ của các ngài, cuối cùng mình đã... cuối cùng...”

Tay Tuấn Khanh run run nâng niu lọn tóc dài mềm mại rồi khẽ đặt lên môi. Hai hàng lệ ứa ra và tràn xuống hai gò má xanh xao của chàng. Chàng cố nén tình cảm xúc động, chờ đợi đến ngày mai. Ngày mai, chàng sẽ ai cầu ni cô đi với chàng đến một nơi thâm sơn cùng cốc nào để sống cho qua những ngày còn lại.

Chàng cứ nắm chặt lấy lọn tóc trong suốt đêm. Đợi khi trời vừa hừng hừng sáng, chàng đã vội lên đường. Chàng không thể giữ đúng lời ni cô hẹn là mười giờ sáng. Chàng phải đi sớm, gặp ni cô sớm và đưa ni cô đi ngay.

Chàng theo con đường mòn lên núi hầy còn ngập trong sương đêm. Chàng thấy tim đập nhanh hơn, xúc động, phấn khởi, sung sướng, hồi hộp và bao nhiêu tình cảm lẫn lộn. Bất giác, chàng lại thấy mấy giọt lệ lăn theo sống mũi. Hoài vọng hai mươi năm qua chắc chắn sẽ được thỏa mãn trong buổi sớm mờ sương này. Khi chàng lên tới đỉnh núi, tính ra còn sớm hơn giờ đã định ba tiếng đồng hồ.

Người ra tiếp chàng vẫn lại là vị sư ni già gầy guộc và nghiêm khắc đã chặn ngang đường tiến của chàng hôm qua. Vị sư già lạnh lùng nói với chàng:

“Tối hôm qua, ni cô đã rời khỏi nơi này.”

“Đi đâu? Lan Hương đi đâu?” Chàng quỳ phục xuống bên chân vị sư ni già.

“Ni cô đi vân du.”

“Vân du! Vân du! Lan Hương đi vân du rồi!”

Chàng ngửa mặt lên trời, nước mắt lại trào ra ràn rụa. Từng trận gió thu đưa những áng mây mù buổi sáng đang vèo vèo lướt qua. Giọng chàng yếu ớt:

“Vân du... Vân du... Lan Hương! Lan Hương đi vân du...”

(trích tác phẩm Dưới Mái Chùa Hoang)



## Giữa muôn trùng ngàn đời là không

Đời vui như mây gió thoáng trôi,  
Đời vui vì ta biết yêu người.  
Đời vui khi sông núi với muôn loài là một,  
Giữa muôn trùng phận người nhỏ nhoi.

Đời vui như chút nắng thoáng qua,  
Đời vui như mây nước không nhà.  
Đời vui khi ta biết nỗi đau là phận người,  
Với muôn loài một đời là không.

Không còn ta, không còn ai  
Dẫu muôn loài, là một.  
Không còn có, không còn không,  
Không là một, chẳng là hai.

Không còn ta, không còn ai  
Dẫu muôn ngày: một ngày.  
Không còn đến, không còn đi  
Không còn được, chẳng còn thua.

Đời vui như chiếc lá khô bay  
Đời vui như trăng khuyết lại đầy.  
Đời vui khi sông núi với muôn loài là một,  
Giữa muôn trùng đời là sợi tơ.  
Đời vui như cánh bướm mong manh,  
Đời vui như hoa thắm trên cành.  
Đời vui khi ta biết dẫu muôn người là một,  
Giữa muôn trùng ngàn đời là không.

## Giấc mộng đời

Nào có vui chi giấc mộng đời,  
Sớm, khuya, chiều, tối mãi chơi vơi.  
Phân quang tự kỷ dưng trôi nổi,  
Phật cảnh tại tâm, nhөөn miệng cười.

## Hãy dừng bước chân

Hãy dừng bước chân, dừng bước chân  
Để lòng thanh tịnh hết phân vân  
Để hồn thoi vắn vương sầu khổ  
Nghe tiếng chuông ngân rũ bụi trần.

# NGHIÊM XUÂN CƯỜNG

# MỘT THUỞ GIÀ-LAM

*Toại Khanh*

*Trúc ly mao xá phong quang hảo  
Đạo viện tăng phòng tông bất như.  
(Cổ đức Trung Hoa)*

Vừa qua khỏi cây cầu trên quốc lộ, tôi xuống xe đi và rẽ vào con đường đất đỏ cắt ngang một cánh đồng. Xa xa bên kia là ngôi đình cổ nằm dưới một chòm cây cổ thụ cao vút mà nắng chiều đang nhuộm thắm một phía. Giữa tiếng ếch nhái kêu quanh, tôi bồi hồi nghe được cả mùi khói bếp và phân bò như trộn lẫn vào nhau. Buổi chiều ở miền đông Nam bộ này phải có đủ chừng ấy thứ mới đúng là chiều.

Tôi đi thăm sư Tâm Khánh sau gần một năm trời không gặp. Không tiện tới lui thường xuyên, nhưng những khi có chuyện phải lo nghĩ, tôi vẫn nhớ đến sư. Sư là mẫu người dễ mến, dí dỏm mà sâu sắc; rắc rối nào trong mắt sư cũng có thể là chuyện dễ cười. Ngôi chùa của sư cũng đáng gọi là độc đáo: nằm lọt thõm trong một miếng đất vuông vắn giữa đồng, không rộng lắm mà mùa nào cũng có trái ngon. Từng trái ớt, cọng rau ở đây cũng cứ nung núc như hợp thủy thổ. Sướng nhất là mỗi trưa ra nằm đong đưa trên chiếc võng treo ở bụi tre gần sau chùa nghe gió ruộng thổi lồng lộng.

Thấy bóng tôi ngoài ngõ, sư reo lớn một tiếng như ngạc nhiên mà cũng dễ mừng khách. Tôi chấp tay lễ sư rồi cứ tự nhiên tháo y mặc trên cành cây cạnh cái giếng đá ong. Tôi khoan khoái dội từng gáo nước trong vắt, ngọt lịm và mát lạnh. Trong đó như có cả cái mà người ta vẫn gọi là hương đồng gió nội gì ấy. Đưa tôi cái khăn mới, sư tìm tìm:

“Ai cũng khen nước giếng ở đây ngọt, nhưng tôi ngó hai cái mộ cổ nằm kề bên cũng thấy ớn quá!”

Tôi rùng mình không biết vì lạnh hay vì câu nói đùa ấy của sư, nhưng không thể nhin cười. Nắng đang tắt dần bên kia đồng. Rồi cũng qua một buổi chiều.

Không hề tính toán trước, tôi tình cờ ra đây đúng ngày mười sáu âm lịch. Đêm đó trăng sáng đến trắng cả đất, ngấm mà nao lòng. Thấy tôi còn thơ thẩn trên sân, sư Tâm Khánh bày một mâm trà dưới giàn mướp. Vừa

hợp một ngụm trà, tôi nghe tiếng học bài của chú giới tử nào đó. Rõ ràng một đoạn Quy Sơn Cảnh Sách. Tôi hỏi với chút ngạc nhiên:

“Chỗ Nam Truyền sao lại có món Bắc Phái vậy sư?”

“Người thì có Nam Bắc, nhưng chữ Hán thì không”  
Sư Tâm Khánh nheo mắt tinh nghịch.

Thấy tôi vẫn chưa thông, sư rót thêm trà vào chén cho tôi rồi thông thả đẩy nhẹ chiếc khăn cũ trên mặt bàn để lau khô chỗ nước vừa đổ xuống:

“Tôi có thỉnh một thầy ở gần đây mỗi tuần đến dạy mấy chú hai buổi chữ Hán. Giáo trình là Cảnh Sách. Vừa học chữ, vừa học nghĩa trong đó dĩ nhiên tốt hơn mấy bài Từ, Phú. Để đào tạo mấy chú ở đây, tôi chủ trương Phạn-Hán đề huề. Tội mình hỏi đó làm ngọc chữ Hán nên bây giờ cũng có tí thiệt thòi. Phải thương đám nhỏ.”

Nhìn quanh đất chùa, tôi hỏi sư một câu bất chợt:

“Hai dây tăng phòng cũng năm sáu năm rồi phải không sư? Tre lá mau hư, sư có tính sửa lại?”

Sư Tâm Khánh gật đầu, mắt nhìn ra khoảng ruộng sáng trắng:

“Hư thì phải sửa chứ sao sư, nhưng tôi không có ý xây dựng cái gì kiên cố. Còn nhiều việc quan trọng khác cần làm hơn. Tôi có nhiều suy nghĩ kỳ cục lắm. Vì cứ nghĩ Phật giáo được khai sinh từ rừng và chỉ có thể được bảo trì trong rừng nên tôi chỉ thích chùa là rừng cây hơn là một dinh thự. Chúng ta dĩ nhiên phải về phố để hoàng pháp nhưng lòng chúng ta phải là trên rừng sư ạ. Phật giáo có xuống đời cũng không thể xa rừng. Những cơ sở nguy nga thật ra chỉ là những gì rất xa lạ với Phật giáo. Cái ảo diệu của Phật giáo phải là những gương sống và những thâm thía minh triết. Còn vì sao tôi không mượn chuyện xây cất ư? Khôn cất trại, đại cất nhà. Câu nói đó có chỗ quá đáng nhưng không phải vô lý. Đời này xây, đời sau chán mắt cũng phá bỏ để làm lại cái khác. Tôi nghĩ nhà tranh vách đất tuy đơn sơ nhưng có nhiều

cái hay: Thanh nhã nhưng dễ làm, mất không tiếc và có cơ hội xài cái mới hoài. Nói một cách thơ mộng thì chính vì quá phù du nên hầu như mọi duyên dáng trên đời chỉ tồn tại ở cái gì tạm bợ mong manh. Đời chỉ thật sự đẹp trong mắt những tình nhân một tối. Một chút gắn bó bên vững sẽ làm hỏng đi nhiều thứ. Mọi quan hệ chỉ nên dừng lại ở mức lửng lơ không tên. Đi xa thêm một tí coi chừng mất hay. Có phải vậy không sư? Tôi học được cách nghĩ đó trong kiến trúc Nhật Bản. Nhà cửa Nhật Bản thâm đắm triết lý.”

Với tay lấy chiếc bình thủy nước sôi, sư nhẹ giọng:

“Tôi thích trồng cây hơn cất chùa nên cũng thích việc đào dưỡng mấy chú nhỏ hơn những việc âm ỹ. Có thể nhiều người không đồng ý, nhưng tôi cứ cho là Người quan trọng hơn Cửa. Tăng tài có thể dựng chùa lớn, nhưng chùa lớn không thể tạo ra tăng tài. Di tích của Phật Giáo ở Ấn Độ ngày xưa giờ chỉ còn lại trong các công trình Phật học của các bậc cổ đức, chứ không phải mấy cơ sở xây cất. Đến như Nalanda kia còn tan nát nữa là. Tội mình hôm nay có được chút gì đều là ở tâm hồn của thầy tổ chứ đâu phải do chùa tháp đồ sộ nào đâu. Phật giáo Trung Hoa được thế giới ngưỡng phục không phải vì có nhiều cổ tự danh thắng, mà là vì có bộ Hán Tạng và mấy cuốn Ngũ Lục. Phật giáo sẽ rắc rối khi chỉ có di sản là chùa to tượng lớn vốn dễ khiến thiên hạ giành giật, đấu đá. Nhưng nếu gia tài của Phật giáo là các vị chơn tăng tài đức thì mọi sự khác hẳn.”

Chúng tôi lại lan man trò chuyện đến lúc bình thủy hết nước sôi. Thấy ngôi cũng đã lâu, chúng tôi đứng dậy



thả bộ thông thả theo mấy cọc thanh long dọc bờ rào. Gió đêm từ ruộng thổi vào với mùi hương ẩm ướt của lúa non pha lẫn mùi hoa bưởi trên sân chùa, ma mị huyền ảo.

Đi ngang khoảng sân rộng, sư Tâm Khánh chỉ tay:

“Nếu sân chùa có thêm đất, tôi sẽ không trồng xi măng, chỉ thích trồng cỏ Nhật và lối đi sẽ là mấy phiến đá nhỏ xếp quanh co. Hôm trước tôi tình cờ xem được ảnh chụp mây ngôi chùa Nhật thấy thích quá. Và đặc biệt một liên tường ngẫu nhiên cứ làm tôi thấy thú vị. Ở ngõ vào một ngôi chùa, người ta làm một chiếc cổng tre có ngạch cửa bằng gỗ bên dưới, với lời nhắc nhở khách viếng là CÂN THẬN BƯỚC CHÂN. Qua hai lần rào gỗ chỉ cao ngang thân người, lại có một cánh cổng khác thấp hơn cổng ngoài với lời nhắc nhở COI CHỪNG ĐỤNG ĐẦU. Tôi ngắm nghĩ thấy cũng ngộ sư à.”

“Cái gì mà ly kỳ vậy sư?”

Sư Tâm Khánh ung dung:

“Tôi muốn nói hai câu lưu ý khách viếng cẩn thận. Người đi chùa chịu để ý đúng mức hai câu này thì coi như đi tu được, đó là phải biết lúc nào nhìn xuống và lúc nào nhìn lên. Sư cũng biết hồi đó tôi mê nhân vật Hoàng Dược Sư của Kim Dung mà. Ông ta có nhiều tài lạ: Ngoài võ công, còn là nhiều kiến thức khác như đàn sáo, y dược và phong thủy. Ngày trước tôi từng mơ tưởng một miếng đất có hoa kiểng được bày bố như trận đồ của Hoàng Dược Sư ở Đào Hoa Đảo. Không giỏi giáo lý Duyên Sinh, Duyên Hệ sẽ không thể tìm thấy lối vào. Không nắm vững ba mươi bảy Bồ Đề Phần sẽ không thấy lối ra. Khách vào chùa lúc đó phải biết chỗ cúi mặt và ngược nhìn để tìm chỗ bước. Đó là một kiểu ý tứ của người tu và như vậy đôi khi chữ Ý Tứ cũng có thể hiểu là Chánh Niệm Tinh Giác, là Thiên Quán, là không Để Duôi. Bây giờ khi nhớ lại thấy cũng buồn cười cho một thời tuổi trẻ mộng mị.”

“Thình thoảng sư có đi đâu xa, như về Trung hay ra Bắc?”

“Sau tết vừa rồi thấy quần chân quá, cũng làm một chuyến giang hồ vật. Xài hết tiền túi, đọc xong mấy cuốn sách mang theo, bèn hồi cố quận rồi tự dung thấy mình ra chàng cao sĩ, chán hết mọi thứ. Sư thấy có khùng khùng không? Cách đây không lâu, đôi lúc tôi cũng còn chút hứng thú để viết lách cái gì đó rồi giấu biệt ở một nơi khó nhớ để hôm nào tình cờ tìm thấy cũng háo hức như đọc của ai chẳng phải của mình. Đến bữa nay thì cũng chán viết rồi.”

“Sư có muốn đem in thử một hai cuốn làm kỷ niệm?”

“Tôi chỉ viết mà chưa bao giờ có ý đem in. Với tôi, viết chỉ là một cách hoá thân vào nhân vật nào đó cho vui, để rong chơi tại chỗ, để bày tỏ, bộc phát, bùng nổ

một cách nhẹ nhàng dễ thương. Nếu khéo, thì trong mỗi hoá thân như vậy mình lại có dịp tu tâm, tu đức và nếm được những niềm vui độc đáo khác nhau. Chỉ cần có ý tưởng là có nhân vật. Nhưng viết xong thì nhân vật cũng chết đi. Tâm sự con người đúng là *hằng chuyển như bèo lưu* sự ả, như một dòng nước tuôn chảy không ngừng. Mới hôm trước, ý tưởng đó có thể là độc đáo, ngày hôm sau nó chẳng đáng một xu. Chính mình còn thấy chán ghét thì làm sao thiên hạ có thể yêu được nó chứ. Đôi khi việc in sách nếu không là ‘khắc chu cầu kiếm,’ thì cũng là cố tình giữ lại một xác ướp không còn sức sống nữa. Mình hôm qua với mình hôm nay nhiều khi là mấy con người, thậm chí còn mâu thuẫn và kinh chống nhau...”

“Nghe sư nói chuyện này giờ, tôi thấy tội mình rõ ràng không còn trẻ nữa. Sư nghĩ gì về vài mươi năm nữa, trong một bối cảnh có sư và tôi?”

Sư Tâm Khánh bật cười:

“Tôi nghĩ nếu lý tưởng sống vẫn được giữ nguyên, thì đại khái mọi thứ sẽ giống hệt hôm nay với những thay đổi cần thiết, theo tỷ lệ thuận. Dĩ nhiên trong đó gồm đủ buồn vui tốt xấu, nhưng trên toàn cảnh thì hi vọng sẽ rất đẹp. Chẳng hạn mấy chú nhỏ bây giờ lúc ấy sẽ sống lại tuổi trẻ của tội mình hôm nay với những hành trang ngon lành hơn nhiều. Khi được vậy thì coi như chúng ta đã khai sinh một truyền thống đẹp. Tôi đọc sách thấy các xứ Tây Phương khi muốn xây dựng một cây cầu hay một khu phố, người ta thường trừ liệu cả những dự án có thể có trong nhiều năm sau đó. Họ cẩn thận như thế để không gây khó xử cho người sau. Thậm chí có thể chuyện hôm nay còn là một cách chuẩn bị cho chuyện mai hậu. Tiền nhân và hậu bối luôn gắn bó nhau mật thiết bằng một tinh thần trách nhiệm. Người trước thương tưởng kẻ sau, người sau kế thừa và tri ân người trước. Đẹp quá. Và đó cũng là những gì mà tôi mong là sẽ xảy ra đó sư.”

“Sư không có gì phàn nàn về mọi thứ trong hiện tại?”

“Tôi không dám đâu sư. Mọi chuyện hiện giờ được vậy là mừng rồi. Dù thỉnh thoảng ngồi một mình suy nghĩ lung tung cũng có chút ngậm ngùi với một vài nhận xét riêng tư, nhưng rồi lại hi vọng là mình lắm. Thế là đêm đó không uống trà để đi ngủ sớm. Sáng hôm sau thức dậy vượn vai quên hết. Chỉ tiếc mấy lúc đó không gặp được người giống sư...”

“Sư có thể cho nghe mấy nhận xét riêng tư gì ấy?”

Lúc này chúng tôi đang đứng dưới giàn mướp khi này. Mấy chiếc ghé đã bắt đầu ướt sương. Sư Tâm Khánh dốc cạn bình thủy để pha bình trà cuối cùng. Chẳng biết sư sơ ý hay sao đó mà bình trà này đắng không chịu nổi. Tôi nhăn mặt, nhưng sư vẫn uống bình thần và không quên câu hỏi của tôi:

“Sư còn nhớ cái chết của Hàn Tín và Dương Tu không? Nói theo thể gian, họ bị giết là phải, vì nói như mình bây giờ thì họ giỏi kỹ thuật mà dốt chính trị. Nhưng trong lịch sử không hiếm những kẻ bị xem là tội đồ chỉ vì họ bị đánh giá là con cọp lưu lạc trong một khu rừng hẹp vốn đã có chúa sơn lâm. Những kẻ đó có thể không một chiều như Hàn Tín, Dương Tu nhưng họ chết chỉ vì không đọc hoặc không nhớ tới Nam Hoa Kinh để sống ở đời. Nói như ai đó thì đúng là họ đã sống hồn nhiên để rồi chết thơ ngây. Lần đó Huệ Tử nghe tin Trang Tử sắp từ nước Sở sang nước Lương để giành chức tể tướng của mình bèn cho người tìm cách ngăn chặn. Trong một dịp gặp gỡ sau đó, Trang Tử bóng gió trấn an Huệ Tử bằng câu chuyện một con chim cú cứ sợ chim phụng tranh giành cái xác chuột chết mà mình đang rúc rĩa. Nó đâu biết rằng chim phụng kia đến chỗ đậu còn phải chọn đúng cây ngô đồng thì màng gì đến cái xác chuột chết ọ. Biền khổ mênh mông, nhưng phạm tâm hẹp lắm. Chính vì chỉ nhìn về tha nhân từ góc độ quyền lợi bản thân hay sự ghét thương mang tính riêng tư nên chúng ta e ngại phải bận lòng đến đại cuộc. Thay vì phải trân trọng những bàn tay tài hoa có thể cùng mình vun xén cuộc đời, chúng ta lại đổ ky, nghi ngờ và đốt nóng nó để từ chối. Không thể đại lượng bằng động lực đạo đức, chúng ta cũng thường từ chối luôn cả cái động lực kỹ thuật. Chúng ta phung phí điều kiện và cơ hội làm việc chính vì nhu cầu của chúng ta chỉ là hào quang bản thân. Chẳng hạn vấn đề nhân sự trong cách nghĩ của chúng ta thường có nghĩa là vây cánh hơn năng lực. Lắm lúc chúng ta sẵn sàng bắt Lý Bạch tháo giày, mài mực cho Cao Lự Sĩ để thỏa cơn ghen tức rất đỗi đàn bà của mình. Tôi nhớ đã đọc ở đâu đó rằng hơn một nửa nhân lực và tài lực trên thế giới mỗi ngày là tiêu tốn cho những chuyện không thật sự cần thiết. Lúc đầu tôi không tin, nhưng ngắm lại thấy hình như đúng vậy sư ả. Phần lớn lý do của sự hoang phí này là lòng ích kỷ của con người. Bi kịch này có thể nhìn thấy ở bất cứ nơi đâu, đáng buồn là nội bộ tôn giáo hình như cũng không là ngoại lệ và chính niềm nổi đó đã khiến tất cả chúng ta mất thêm nhiều thời gian một cách không cần thiết.”

Sau hai ngày ở chơi, tôi từ biệt sư Tâm Khánh để trở về Sài Gòn bằng một chuyến xe sớm. Ba năm sau tôi xa quê và lưu lạc xứ người với những phút hoài niệm về sư như một trang sách cổ, cũ mà cứ mới, đọc hoài không chán. Giữa cõi nhân tâm hôm nay, đáng người cô đơn của sư vẫn như song hành bên tôi suốt những dặm đời hui hắt mù sương.

Bên đó giờ này mưa nắng ra sao hờ sư? Mấy chú nhỏ bên sư bây giờ hẳn đã lớn bổng, và mỗi chiều nắng trên đồng, sư có nhớ một người bạn xa với chén trà đắng ngắt trong một đêm trăng ở quê nghèo năm cũ...?





## Viễn hành

*Thật chậm, thật chậm  
Con ốc bò ngang sân ga  
Nghe được vẻ nhộn nhịp của người khác  
Cảm cái buồn của sự biệt ly  
Đôi khi quên mất thân mình yếu đuối có thể bị nghiền nát bất cứ lúc nào  
Dưới những bàn chân vô tình hoặc cố ý*

*Nơi sân ga này phải biết khôn ngoan  
Lách vào những nơi không có chân người bước đến  
Đi ở giữa hai đường sắt song song  
Không ai phiền đến mình  
Hoặc trong hốc kẹt, hang nhỏ, có thể thu mình để có được giấc bình yên...*

*Nhưng tiếng còi tàu mỗi khuya  
Vẫn mơ hồ thúc giục một cuộc viễn hành  
Đi về đâu, con đường thăm thẳm  
Một thân hữu hạn trườn đến vô chung?*

*Đi qua sân ga này  
Có khi tưởng chừng không chi dính dáng đến mình  
Mà kỳ thực thì mọi thứ đều bắt đầu từ đây  
Lên đường hay nằm im  
Cũng đều là sự khởi hành  
Để dấn bước trên con đường vô hạn xa xăm  
Hoặc lui vào chỗ tận cùng của niềm cô liêu hiu quạnh...  
Chẳng con đường nào, chẳng nơi chốn nào có tiêu đích thật sự  
Chỉ có sự vô hạn mênh mông  
Chỉ có cuộc viễn hành*

*Và có con ốc, nơi sân ga này  
Lẳng nghe tiếng còi tàu mỗi khuya  
Giục giã khát vọng lên đường.*

VĨNH HẢO

# DANDELION

*Hàn Tâm*



Nhìn thấy hần, ai cũng liên tưởng đến người nghệ sĩ. Tóc dài biêng chải, quần áo luộm thuộm, lời thôi ra vẻ bất cần đời. (Không hiểu hần bất cần đời hay đời chẳng cần đếm xỉa đến hần!?). Đó là nói cho vắn vè! Chứ gặp các cụ già nho nhã, thì họ chẳng ngần ngại, phang thẳng một câu: “thằng bã gà”! Nếu ai đã từng nhìn thấy tên trộm gà nhà quê, lén lút bò vào chuồng gia cầm lúc nửa đêm, hay khi trời chạng vạng, lăm lăm đôi tay sặc sụa mùi hành và nhìn thấy lũ gà nín bật, rúc vào xó vì ngỡ con rắn hổ hành đang chực chờ, sẽ hiểu tại sao có thứ ví von lạ lùng đến thế! Lúc nào hần cũng trầm ngâm, đắm chiêu, tư lự. Chẳng hiểu hần suy nghĩ gì, mà dáng chừng mông lung đến độ râu tóc phờ phạc. Ban đầu nghe hần lý luận, ít nhiều, người ta cũng dành cho hần chút thương cảm. Nhưng ngày này qua tháng nọ, không còn mấy ai đủ kiên nhẫn, để ngồi nghe anh chàng “bất tài vô tướng lại lắm tật”, lăm bằm những chuyện viễn tưởng trên cung trăng!

Hơn nửa đời người, mà hần vẫn lang bang như thuở mới bước vào đời. Chưa đến độ “cơm đường cháo chợ, vợ nhà thổ”. Nhưng cũng chẳng khác dân vô gia cư là mấy. Tam thập nhi lập, làm đàn ông đến lứa tuổi xuống dốc tuột đồi mà trong tay vẫn chỉ vòn vẹn dăm đường chỉ ngang dọc; thì dù đó là những đường chỉ hoạn lộ, công hầu khanh tướng, cũng khó tránh được sự dè bủ của thiên hạ:

“Cái thằng ‘ăn như rồng cuộn, nói như rồng leo, làm như mèo mửa’.”

Những câu nói bóng gió, xách mé lọt vào tai hần như “gió thổi nhà trống”, hay “nước đổ lá khoai”, trôi đi tuồn tuột không hề gợn chút bận lòng trong hần! Đúng là dân nghệ sĩ... gàn!!! Hần không có thứ tình cảm mà người ta gọi là tự ái nam nhi. Với loại người như vậy, dĩ nhiên hần bị tách dần ra khỏi đám đông bình thường, lúc nào cũng bon chen với hi nộ ái ố của cuộc đời.

Chàng nghệ sĩ là hần vắng bóng dần nơi trà đình tửu lâu, một phần, vì không ai còn cảm hứng nhìn cái xác không hồn, chỉ biết uống xuống và cười trừ. Phần nữa, là vì hần đã tìm được một thế giới khác, thế giới ảo của

những người muôn mặt.

Thế giới ảo đương nhiên không thật, nhưng hần say mê nó lắm. Vì ở đây, đây những “Nam hải dị nhân liệt truyện” như hần. Đực, Cái lẫn lộn, với những câu chuyện chẳng ra đầu ra đuôi, những bài thơ “xuất hồn” bay ngược thời gian trở về tận thuở Adam mê bà Eva. Hay những đoạn văn, viết cho đầy nổi ao ước không thành. Và hần say mê thế giới ảo phần chính là vì, ở đây, hần có một người bạn. Dĩ nhiên là bạn gái với đủ thứ công dung ngôn hạnh! Mà hần chưa một lần tự hỏi: người đàn bà ấy vào net để làm gì? Qua những lần đối thoại ngắn gọn, hần mơ hồ người đàn bà ấy hiểu hần hay giả vờ hiểu hần, mà cũng có thể là chẳng hiểu gì hần hết. Từ độ hoài nghi, đến lúc hần tin như đinh đóng cột chẳng bao lâu, trong cái mớ hạnh phúc trừu tượng hần gói gém, nàng là mẫu người hần tìm kiếm. Tấm thân còm cõi vồn dĩ bạc nhược nay cộng thêm nhiều đêm thức trắng chong mắt nhìn vào màn hình mờ mịt. Chàng nghệ sĩ biến dần thành một thứ nhân dạng “nửa người nửa ngợm nửa đười ươi”. Trương Chi gặp My Nương hay Hồ xuân Hương thương chàng thơ thần thật khó mà biết. Kẻ khách quan mà được nhìn thấy hần, thù thì, thù thì, với cô “người yêu” sẽ phải lộn tiết buột miệng chửi thề!

“Bố ơi là bố! Bỏ để thời giờ mà kiếm miếng cơm, manh áo tươm tất một chút, may ra còn ngáp được con vợ già. Chứ kiêu tình yêu lá cải bắp này, thì chỉ còn nước húp cháo cảm hơi!”

Hần mặc kệ, nếu có ai chửi hần như thế! Nghệ sĩ mà!!! Ừ... nghệ sĩ...

Chàng nghệ sĩ đối thật, đối đến độ chỉ còn mì gói cầm hơi với số tiền part-time “một ngày làm, ba ngày nghỉ”. Nhưng hần cảm thấy... no tâm hồn. Lục lọi trong chiếc gạt tàn đầy ắp, hí hoáy nắn sửa lại mẫu thuốc vụn châm lửa rít, thiếu điều cháy bỏng vành môi, thế mà hần vẫn suýt xoa nghĩ thầm như anh tú thi hồng:

“Người quân tử ăn chẳng cầu no.”

Chẳng hiểu, hần dựa vào đâu, để nhận mình là quân tử hay chỉ là thói quen an ủi của kẻ lạc chợ trôi sông? Dù

sao, cũng không nên dập tắt ngọn lửa hy vọng trong hần! Biết đâu vận số của hần đã đến hồi bay bổng?

Nhờ trời, hần lê lét được đến gần cửa tử. Ánh sáng cuối đường hầm, bao giờ cũng le lói màu hy vọng cho những kẻ một đời mang dòng máu nghệ sĩ. Cái giây phút cuối cùng ấy lại chính là lúc, hần, chợt nhận thức ra sự thừa thãi của hần trên quả địa cầu. Hần bắt đầu viết nghiêm chỉnh về thứ triết lý tình yêu và đàn bà. Hần moi óc lý luận để tìm sự tương cận giữa đàn bà với loài hoa. Trên bàn hần ngồi, ngoài gạt tàn và giấy vụn, chẳng bao giờ có được chiếc lọ cắm hoa, chứ đừng nói chi đến cành hoa! Thế mà hôm nay, hần ngồi nhìn mãi ngọn cỏ dại, chờ đợi thứ hoa vàng choé nở tung dưới cơn nắng hè. Hần bỏ quên cô người yêu trên net, để theo dõi nàng hoa dại. Cô nàng chẳng có chút hương, dù hần dí sát mũi người và cố gắng ràng buộc màu hoa dại với thứ hoa cúc. Nhưng thật khó khăn khi đầu óc của hần đã say nắng. Lúc đóa hoa rơi từng cánh rơi tả trong gió, hần thoáng ngậm ngùi thất thểu bước vào nhà, thừ người suy tư.

Ở một nơi nào đó xa tít mù tắp, cô người yêu của hần, cũng ngồi thõng chân nhìn chăm chăm màn ảnh chờ đợi nhà thơ lớn của nàng xuất hiện. Khung yahoo vẫn làm lý, chẳng vương bận chút xao xuyến với nỗi lòng của lũ người ngu xuẩn. Vài tiếng động, đóng mở bằng thứ âm thanh giả tạo của máy vi tính báo hiệu kẻ đến người đi. Nhưng cô nàng không màng đến họ. Họ không có tâm hồn như chàng nghệ sĩ của nàng!

Ở một nơi nào đó xa tít mù tắp, chàng nghệ sĩ của nàng khoan thai ngắt đóa hoa, bầy giờ tròn xoe màu trắng đục như mớ tóc của hần. Hần thổi mạnh, cho những sợi tơ trắng lay động, rồi bay theo gió vung vãi trên sân cỏ vàng vọt. Những sợi tơ hoa run rẩy bám vào ngọn cỏ bệnh hoạn, thiếu nước. Tạo hoá thật màu nhiệm, thiếu thốn đủ thứ vậy mà cái hạt bé tí ti ấy, lại nhất định không rời bụi cỏ hoang. Ngày mai, ngày kia hay vài ba hôm nữa, cơn mưa sẽ biến hạt mầm thành một cây hoa dại khác, cũng vàng choé như loài hoa cúc. Hần không hiểu tại sao người ta không chưng thứ hoa tự nhiên này! Thậm chí còn tốn tiền mua thuốc tẩy trừ cho sạch khỏi thảm cỏ xanh mướt.

Từ hôm ấy, hần rời chiếc bàn con, xa chiếc máy vi tính để loay hoay làm vườn trên khoảnh sân tí hon. Hàng xóm đi ngang, cũng chẳng bao giờ lưu ý. Còn lạ gì cảnh một người già trông cây cảnh. Không ai nhận thấy một điếm lạ ở chàng nghệ sĩ, là hần đang phun thuốc để giết những cây cỏ dại, rồi cúi người điem tĩnh nhổ gốc đám hoa dandelion vàng, để chừa phần đất cho cảnh hồng hoang...

Cũng lại chỉ là thứ hoa hoang dại vừa mọc trong sân nhà hần...

## NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

### *Trở về*

*Chợt thức giấc giữa trần gian im ngủ  
Thấy yêu thương chim bướm với chuồn chuồn  
Tôi đã lại từ địa cầu rất cũ  
Trả loài người mặc nắng gió mưa tuôn.*

### *Mây*

*Dưới lũng mây hoang vừa rơi xuống  
Trên đôi xõa tóc vẫn liêu trai  
Có ai vừa dậm về rất muộn  
Sầu soi mấy cụm cũng một vài*

*Trở lại đó con đường tình dại  
Giòng khe buồn chảy vẫn lách lau  
Rừng đã vắng tiếng xưa dội mãi  
Lá thay màu điem một niềm đau.  
(Trón Vào Giấc Mơ Em)*





# NIỀM TIN

Vũ Đình Kh.

- Bó. Ra nhìn kia, mau lên.- Diễm thì thào như tiếng muỗi.

“Lại là hấn!” Gã nhìn cái lỗ tò vò thòm thì.

- Hấn khiêng cái quí quái gì vậy bó? Dường như... hai trái bom thì phải.

- Hai bình khí đá của thợ máy, thợ hàn. Làm gì run dữ vậy? - Gã muốn cười trêu Diễm nhưng thấy mặt vợ tái xanh, không đành.

Gã nhường cái lỗ tò vò bé tí cho vợ. Diễm kiễng chân nhìn. Hấn đang mở cánh cửa đối diện, thòm thì cùng một kẻ lạ mặt và giao tiền.

- Lại đồ ăn cấp, chôm chia nữa đây. Có chạy đàng trời.

Cảnh này thường tái diễn hằng đêm, từ khi hấn dọn về đây, hơn ba tháng nay. Gã nhớ, đã quen hấn ngoài bãi đậu khi đang sửa xe. Hấn bỏ đồ nghề lên la trò chuyện làm quen. Vài điều thuốc mời nhau, rồi thân mật hỏi nào không hay.

Gã thuê chung cư mười hai phòng này hơn ba năm. Chân ướt chân ráo, sống ở thành phố nhỏ, gã không mấy biết lối sống khá phức tạp khi dời về thành phố Vancouver miền biển âm áp này. Dọn vào, gã biết đang ở một nơi chốn lộn xộn nhất. Ba-bốn phòng chủ là những cô gái ăn sương; những phòng khác là những chàng da đen nghiện hút, thích nghe nhạc rap kích động ồn ào, ra vào tấp nập.

Một hôm, hấn nhờ gã chuyển vài bộ phận máy xe đã tách rời, qua cánh cửa sổ phòng hấn sát bãi đậu. Gã sững sốt. Phòng khách của hấn cơ man nào là máy móc đủ loại, như một 'ga-ra' bỏ túi. Cái treo chỗ này, cái móc bê bê đầu mỡ đen thui, cái bỏ trong bồn rửa chén nhôm nhớp. Tắm tắm phòng khách trơn trượt đầy dầu nhờn, vung vãi tàn thuốc lá, vỏ chai bia rượu, vỏ bánh trái bừa bãi khắp nơi. Không một cái bàn, ghế. Không một cái chén và ngay cả xoong nồi - một thứ cần thiết tối thiểu cho đời sống con người. Hấn lại xài thứ ánh sáng phát ra từ những bình xe hơi nhật nhạnh từ bãi phế thải.

- Ông sống như thế này à, Ivan? - Gã tò mò hỏi sau điều thuốc mời bạn.

- Cuộc đời đôi lúc thấy sống đó, nhưng chẳng phải gọi là sống! Nó chết từ lúc con người đã hết mang ý nghĩa đúng là một con người nữa. - Hấn trả lời, vụn vụn sống mũi.

- Ảnh ai vậy? Lũ trẻ thật đẹp. - Gã nhìn tấm ảnh, ba đứa con gái đứng sau thằng bé còn cầm bình sữa treo trên vách, hỏi.

Hấn nhìn tấm ảnh trên vách thoáng 'hùm', im lặng không trả lời. Đó là lần đầu gã biết sơ về gia cảnh hấn...

Một bữa nọ, với cái đầu tóc rối bù, đôi bàn tay cẩu ghét đen dầu mỡ, từ trong nhà đi ra, vừa gặp gã, hấn nói ngay:

- Sắp đến ngày tận thế rồi mà mày biết không? Tivi mới vừa loan tin bên Mỹ. Ông thần gió nghịch ngợm tai quái, hết chỗ chơi lại chơi ngang cuốn ngay nhà thờ, chẳng coi Chúa chiếc vào đâu! Con người thích thờ bái những điều tào lao! Thờ bao thế kỷ mà ông vẫn quật mình chết lên, chết xuống.

Hấn cười khề khề, vụn vụn sống mũi liên tục. Gã nhìn hàm răng trên của hấn, bên trái trống hoác trơ lộn, những cái răng còn lại đầy nhựa thuốc bám đen. Hấn tu một hơi, vụn nút chai, bỏ túi.

- Nhưng mà thằng Mỹ giàu bỏ cha! Bao nhiêu đó đâu có thấm thía gì nó. Còn thua xa cái thời nó đánh bom ở đất nước mày mà, phải không bạn? Thằng giàu nào mà chẳng lấu cá, lưu manh! Nó không biết tai hại của chiến tranh, thì nó cũng nên biết thế nào là mất mát, là chết chóc như mọi con người. Mày thấy đó. Bao nhiêu nhà máy, bao nhiêu xe cộ thế này, làm sao tầng ozon không lủng chứ. Ấy chưa nói tới mấy cha lén lút thử nghiệm bom nguyên tử nữa a! Người ta kêu gọi hòa bình và người ta lại lập ra lò nguyên tử. Có chết chưa?

- Chậc! Ông sửa xe để làm gì? Ông cũng là một tội đồ góp phần tiêu hủy trái đất.

- Hay! Vậy mà mày biết? Tao cũng muốn góp cùng ông

trời một tay đẩy chứ! Xã hội này ngày càng ghê tởm quá đáng. - Hấn cười khề khề, vắn vẹo sống mũi, tự thưởng bằng hớp rượu lớn.

- Ông cũng 'chơi' thứ cò này? - Gã hỏi hấn.

Hấn rút điều thuốc liệng tàn, lấy cục 'phó mát' trệu trạo nhai. Hấn tu ngụm rượu đưa cay, nhún vai.

- Ma túy đôi lúc cũng giúp được nhiều điều khi mình thất vọng nhìn hướng đi phía trước.

- Rồi tiền đâu ông hút? - Gã tỏ vẻ thân mật và thấy mình vô duyên. Gã nhổ bãi nước bọt còn vẩy tí máu. Xoa xoa bên má cảm nhận da thịt, sau ba giờ thuốc tê đã tan.

- Cái mặt mày sao sung dữ vậy? - Hấn nhìn má trái gã hỏi.

- Cái răng hư nó hành suốt chiều hôm qua, ông ạ. - Gã lúng túng.

- Hồi hôm tao gặp mày thấy có sung đâu? Coi kìa có vết bầm nữa. Ai đã đánh mày? Nói đi. Tao giúp mày trả cái thù này. - Hấn không cười nhưng vắn vẹo sống mũi mạnh hơn.

- Ông thích đùa nhỉ? Chúng ta... - Gã cảm động ngập ngừng.

- Đùa? Một trăm bạc. Một trăm bạc thôi, mày nghe không? Cái mặt thằng đó sẽ như cái mèn! Thêm tiền, sẽ thêm thẹo trên thân thể nó. Mày nghe chưa? Tiền! Xã hội nào cái gì cũng phải tiền, kể cả bạo lực! Chỉ có Vatican là nơi thích nói điều tốt đẹp nhất trên cõi đời này.

Gã thoáng bàng hoàng.

- Đồng hương à? - Hấn hỏi tới, gã miễn cưỡng gật đầu.

- Mày có đánh trả?

- Không.

- Kể cả đánh người?

- Ông mâu thuẫn rồi đó, Ivan! - Gã bật cười. Hấn cười theo, vắn vẹo sống mũi liên tục, bức rức.

- Mẹ kiếp! Lưu vong như tao với mày cũng đúng và cũng ngược. Đồng hương thì ăn hiếp nhau, ném bùn nhau, hãm hại nhau nếu được dịp. Nhưng gặp thằng Tây nhà giàu thì rõ ra chẳng ai lịch sự, hòa nhã bằng. Cái dân Ba Lan tao cũng vậy! Thằng chạy trước nhìn thằng đi sau bằng cặp mắt qua những chiếc xe mới, những cái nhà to vừa tậu được, những bằng cấp... Đời cũng là một trò đùa lớn đấy chứ? Bởi thế tao nói với mày, thằng nào cả chón là cứ đục bỏ mẹ!

- Chúng tôi là những đồng hương. Vạch lưng cho người bản xứ xem cái xấu xa của mình là điều không nên, không đáng làm. - Gã chống chế yếu ớt.

- Khiì! Đồng hương chó! Sao, có muốn thịt nó không? - Hấn thêm sỗ sàng.

- Tôi nghĩ, gã đồng hương này không đáng để tôi bỏ

ra một trăm. Gã rẻ bằng giá bán một tờ báo mà tôi làm đại diện. Những người thích sử dụng bạo lực hoặc ưa bạo hành lời nói là những người có tri thức kém, mặc cảm lý luận thua kém kẻ đối diện. Hoặc tôi nghĩ, chuyện xảy ra có lẽ do ngộ nhận?

- Ngộ nhận!? Cái mặt mày cũng đẹp đấy chứ. Tao không lý giải tào lao như mày. Thằng nào đánh tao một, tao đập nó lại mười. Có chết cũng phải đập!

- Ông tin điều ấy? Cứ đây đưa thù hận mãi, đến bao giờ mới dứt? Sống phải có niềm tin vào lẽ phải, Ivan ạ. Thời buổi văn minh có đủ pháp luật, cứ dùng sức mạnh tôi e lạc hậu và dã man quá!

- Khiì! Niềm tin?

Hấn đưa chai lên tu một ngụm rượu. Mắt hấn giờ đỏ kè, rơm rớm muốn khóc. Hấn ngập ngừng, tu thêm ngụm nữa cạn đáy, thông thả đóng nút, cẩn thận bỏ cái chai không vào túi. Gã cũng thông thả môi thuốc. Chờ...

- Cũng vì niềm tin tao đến nông nỗi này. Vợ mất, con mất, việc làm mất và cuối cùng căn nhà cũng mất. Đồng hương nó hại tao, mày biết không? Tao tin bạn, tin con vợ khôn nạn và ngu xuẩn. Hức, hức...

Hấn ngừng, cổ nén tiếng nấc.

- Thân tao thì chẳng ngăn gì, chỉ tội cho thằng bé. Thừa lúc tao đi làm thêm giờ, con vợ nó cấm sừng tao. Tao bắt được, đánh nó vài trận. Nó khóc xin chừa. Nhưng chúng nào tật nấy. Ngựa quen đường cũ, chó ngửi cột đèn. Dường như, tao không đánh thì nó sống không ra người vậy! Thằng kia. Phải, cái thằng đồng hương dạy nó thế nào là tự do, thế nào là nhân quyền, bình đẳng. Vì thế, tụi nó càng ngày càng tự do... lén lút thông dâm. Tự do. Cái gì là tự do? Nó có hiểu tự do là gì! Nó kiện tao ra tòa. Tao thua, thua trắng. A ha! Cái gì là xã hội bình đẳng, nhân quyền? Nó có lỗi, tao cũng có lỗi. Tại sao khi hầu tòa tao lại thua và mất tất cả? Quan tòa bảo tao không tội, ngoài tội hành hung vợ. Tao không được nuôi con. Đó, thêm một điều vô lý của luật pháp xứ này. Vợ tao cũng có tội vậy. Tội cấm sừng, phản bội, lừa chồng. Nhưng chưa hết, nó đòi bán nhà chia hai để nuôi thằng đồng hương. Còn tao phải nuôi bốn đứa con, trả tiền hàng tháng để nó tha hồ ong bướm. Mày nghĩ có tức không? Vì thế, tao dại gì đi làm nữa. Tao bỏ việc. Tao phải ăn bám chính phủ suốt cuộc đời, khỏi phải nai lưng đi cày chết xác, đưa tiền cho con vợ nuôi con. Xã hội này bệnh vực con đàn bà thông dâm kia, thì tao cũng phải trả thù cái xã hội này. Xã hội này phải có những thằng như tao, không có không được. Không có tao thì cái xã hội này... hồng. Mày hiểu chưa? Tao phải trả thù! Hức hức...

Hấn vẫn nói lảm nhảm, nhưng gã không nghe hết những lời lẽ của gã da trắng di dân bất hạnh này. Gã chợt rùng mình nghĩ đến sự trả thù của con người khi bị mất

trí, và vô tình gần giống như một bản năng thú vật sinh sản giữa loài người. Một con dao xuyên suốt tim trong những quán rượu có nhạc xập xình điên loạn? Một cây súng ngắn có gắn ống hãm thanh và những khung cửa kính bập bùng giam kín đồng lõa khi có tiếng nổ? Một cái cây mọc dính khệnh vào đầu trên một con đường tăm tối nào đó trong thành phố, ngoài ngoại ô?

- Ông đã trả thù? - Gã hỏi.

Hắn ngừng nói, nhìn gã đàn ông nhỏ thó dăm dăm qua ánh mắt trong suốt màu hạt dẻ với những lần gân máu vằn vện. Cặp mắt ấy thoáng u buồn của kẻ tha hương mất đi đời sống đích thực của con người, chút linh động thoáng nét ác hiểm của kẻ luôn tranh đấu, vật lộn đời sống. Hắn đứng dậy, gỡ cái đầu bồm xồm đầy mỡ trơn bóng. Hắn vắn vẹo sống mũi đến đỏ lừ, nổi hột. Chợt nhiên, gã sợ vu vơ ánh mắt ấy. Gã chào hắn lí nhí trong mồm dất con bước đi nhanh, tai vẫn nghe loáng thoáng hắn lầm bầm:

- Tao chưa trả được thù. Tao phải trả thù. Tao... phải trả thù đời!

- Ông sửa cái ổ khóa này bao nhiêu, Ivan?

Bàn tay sần sùi đầy dầu nhờn cấu bản của hắn, sờ cái lỗ trống hoác sước vài đường sơn, như cái mồm trống hoác của hắn đang há ra cười khề khề, tay vắn vẹo sống mũi, an ủi gã:

- Mày may mắn đấy nhé. Nhờ nóng này, mày đục mạnh tay nên nó vỡ nhanh, không hư hại cái lỗ mấy. Tao đề nghị... cái gì phá phải sửa. Mày đã phá vỡ cái ổ khóa này, thì phải biết sửa và từ từ sửa. Mày chịu khó gõ nó



lại. Mày dùng búa đập nó được, thì mày cũng dùng búa gõ nó lại được, ô-kê? Nếu mày không nhẫn nại lần nữa, nó sẽ toác hoác, tổn thêm tiền. Phải nhẫn nại bạn thân mến của tôi. Sự nhẫn nại nào mà chả làm nên cơm cháo, dù là ít ỏi cháo cơm! Có còn hơn không. Tao sẽ đi ra nghĩa địa xe tìm mua ổ khóa khác về thay. Mày chỉ vắn ba con 'bù lon', tổn ba phút là xong. Dễ ợt! Khề khề...

- Bao nhiêu?

- Hai mươi lăm tỉ, bạn thân mến của tôi. Khề khề, bạn bè tao chỉ lấy chùng ấy...

Gã ngần ngại, thoáng chút cảm động lẫm đặng, nghĩ: Chút nữa bị lỗ. Kêu mày cha thợ làm ổ khóa chuyên nghiệp, nó chặt ít nhứt cũng bốn chục. Nóng này, đôi lúc cũng cứu tí tiền cơm!

- Thằng cha thiệt xạo! Mình lấp cả buổi chưa xong ổ khóa, vậy mà chả đoán chắc mình lấp không quá ba phút! - Gã lầm bầm, gạt mồ hôi trán nhễ nhại.

- Thế nào? Khề khề... mày dờ quá, bạn thân mến. - Hắn xuất hiện như ma, gã thoáng giật mình. Hắn nhìn ổ khóa gã đang lấp, lắc đầu:

- Không phải thế này. Mày lấp chưa chính xác nên khóa chưa ăn khớp. Lấy ổ khóa ra, tao chỉ cách lấp. Cả một nghệ thuật... sửa xe đó, bạn thân mến!

Gã làm theo, méo mặt chịu thua.

- Vậy mà ông nói chỉ cần dăm phút!

- Tại mày chưa từng trải, chưa kinh nghiệm đời nên lơ mơ đây thôi. Đời mà, bạn thân mến! Phải chịu khó học hỏi chứ. Mày chỉ mới lấp có một ổ khóa đã than khó rồi. Từng tuổi này, qua kinh nghiệm tao từng lấp biết bao ổ khóa.

- Ông lại bông lon, lấp giùm tôi nhé.

- Í. Giùm sao được bạn thân mến! Cả một nghệ thuật mà... không tính tiền à? Giỡn chơi bạn... - Hắn cười, thông khoái.

Gã thờ dài, hỏi giá cả. Hắn đòi thêm mười đồng, cam kết lấp ổ khóa không tới ba phút. Hắn lập lại lời nói bằng đôi tay dầu mỡ cấu ghét, thoăn thoắt. Kìa, chưa tới ba phút cái ổ khóa làm việc bình thường. Gã trở mắt nhìn đôi tay phù thủy lệ lằng đầy khâm phục. Hắn cười khề khề, vắn vẹo sống mũi nhận tiền, đút nhanh vào cái bọc to tổ bố thường đeo trước bụng như vật bất ly thân.

- Mày thấy chưa? Cũng bao nhiêu động tác ấy, tao làm được và mày thì không. Tại sao? Bởi mày còn quá non tay, lại nóng tính, tâm chưa yên, không nghe những gì tao nói đã vội muốn làm ngay, không đắn đo suy nghĩ trước khi hành động. Đời mãi mãi là một bài học thích thú chỉ dành cho những kẻ nào muốn học. Tao đi... ăn tiệm đây. Bye!

Gã nhìn theo dáng hắn xiên ngã. Gã tính ra ổ khóa

cũng không rẻ như gã tưởng. Gã lẩm bẩm:

- Mình có đúng là non tay như hần nói? Hừm, con người đôi lúc xuẩn nhưng cứ ngỡ rằng mình thông minh hơn thiên hạ!

Suốt mấy hôm, gã cố tìm hần. Gã hỏi quản lý biết hần đã dọn đi. Hôm lắp ổ khóa, gã chợt nhớ hần chỉ đưa một chìa khóa. Ngày hôm sau chờ Diễm đi làm, lượt về gã thấy cửa sổ nhà hần để hé hé, buông màn. Gã đẩy cửa đun dầu vào. Gã sừng sốt há miệng mắc quai không thốt nên lời. Hần nhìn gã đăm đăm, mặt tái mét hần học đe dọa như kẻ điên sắp giết người.

Phòng khách nhà hần đã dọn dẹp sạch sẽ, tấm thảm được trải phủ lên một lớp giấy báo vuông vức rộng cả cái phòng. Trên những tờ báo, gã thấy cơ man là tiền. Những tờ giấy bạc trắng thớm vẩy chút dầu nhớt đen đúa, được hần cẩn trọng xếp theo thứ tự bằng những con số từ nhỏ tới lớn. Ôi chao, hần đang hong tiền! Hay hần đang đếm, ngửi nhìn những tờ giấy bạc! Gã chợt nhớ, và cứ ngỡ rằng, chỉ trong văn học dân gian Việt Nam mới có cảnh này. Gã từng đọc qua, người ta phơi tiền như hong lúa trước khi bỏ vào bồ! Dân tộc nào càng khổ nghèo, càng thích giữ tiền mặt trong nhà như một ám ảnh nào đó đã từng đi qua trên xứ sở họ. Gã nghĩ thế. Gã đâu biết đã làm điều tội lỗi, đã phá thối cái giây phút thiêng liêng nhất của một người... nghèo là hần! Hần vợ vội những tờ giấy bạc, hấp tấp bỏ vào cái bọc thường đeo trước bụng, hần gằm trong họng:

- Sao không gõ cửa? Mày lịch sự nhí, đồ chó đẻ! - Hần nhìn gã không một chớp mắt đe dọa, đôi môi càng run run lẩm bẩm. Hần kéo 'phọc mơ tuya' cái bọc trước bụng, động tác nhanh như một tay ảo thuật rành nghề.

- Xin lỗi ông, tôi không thấy gì cả! - Mặt gã cũng tái mét như hần, môi run run, cổ khô khát như chưa từng. Gã biết tim mình đang đập nhịp hỗn loạn khi nhìn những tờ giấy xanh đỏ, mà gã biết suốt cuộc đời có cầm cây khô cực cũng không bao giờ có một khoảng góc nhỏ của đồng bạc ấy.

- Mày không thấy! Mày mà không thấy à? F... you! Mày nói láo, Vũ! Tao sẽ bẻ gãy cổ mày, móc mắt mày, cắt lưỡi mày, đục thủng hai lỗ tai mày. Tao... tao sẽ giết mày, nếu mày đi nói tùm lum. - Hần gằm gừ, nhai từng âm thanh trèo trẹo đút vào cục yết hầu lên xuống liên tục, đôi mắt long lên, tay vịn vẹo sống mũi liên tục, bực bội.

- Quả thật, tôi không thấy gì cả. Có phải ông đang... - Gã kéo cửa, đẩy hai tiếng 'F... you' trả về miệng hần.

Tối hôm ấy, hần âm thầm dọn đi nơi khác. Trước khi đi hần ăn cặp bốn cây cần câu, thùng đồ câu cá, hai cái lò nấu bằng dầu hôi ngoài trời cùng bốn đôi ủng đi mưa mà gã thường bỏ trong cốp xe. Gã vừa mừng, vừa xót xa dù

không đáng bao nhiêu để kêu cảnh sát.

Buổi sáng cuối tuần, gã chở vợ đi chợ. Đã lâu lắm gã ít lai vãng khu phố Tàu đông đúc. Người Hoa đi đến đâu mang theo cả những rác rến dơ bẩn từ bên bờ Á châu sang. Gã tránh lai vãng phố Tàu là thế.

- Khúc đường dưới kia người lắm thế, Hùng?

Hùng, chủ tiệm vàng nơi lâu lâu gã ghé thăm, nói:

- Đó là những anh hùng thời đại đã hết thời. Họ đứng xếp hàng chờ ăn 'com tiệm' nhà nước phát chẩn. Cái xứ gì thiết sứng đến kỳ cục. Mẹ cha nó! Đã đi ăn xin, ăn chực mà còn chê lên chê xuống khi đồ ăn không ngon bằng nhà hàng; có hôm còn đòi biểu tình nữa chứ! - Hùng rót cà-phê, tiếp. - Moa lo làm ăn bù đầu với khách. Từ lúc mở tiệm bạn bè ít lui tới, nghĩ mà buồn!

- Có những cái buồn đáng mừng. Đó là niềm hạnh phúc! Toa không làm, cứ đàn đúm lấy đâu ra tiền để trả căn tiệm? Ấy, đó mới chính là chìa khóa của vấn đề...

Nhắc đến 'chìa khóa' tự dung gã linh tính điều gì đó. Gã đứng bật dậy, mở cửa lao nhanh ra ngoài. Hần đứng gần hàng dầu, chăm chăm nhìn khay thức ăn phát chẩn, tay vịn vẹo sống mũi như thói quen.

- Ivan! Ivan...

Gã đưa tay vẫy, chạy sang bên kia đường tiếp tục gọi. Hần nhìn đảo đảo, thấy gã đang chạy tới, hần hoảng hốt rời hàng. Hần chạy. Hần chạy bỏ của lấy người. Hần chạy bắt kể xe cộ ngược xuôi trên đường.

Ivan! Ivaaan...

Hần lui nhanh như sóc, luồn lách trơn trượt như trạch, mất dạng tăm hơi giữa phố Tàu nườm nượp đầu người.

Trên đường về, lần đầu tiên gã nghĩ ngợi về những điều "thằng" Ba Lan đã nói, đã làm, và điều chính mắt gã vừa thấy. Gã nghĩ ngợi về niềm tin. Có thật rằng: khi mất niềm tin con người mất tất cả?



## Thơ

# VÕ QUỲNH UYÊN



### Còn nguyên

1.  
Còn nguyên một đóa tình chân  
Lời thơ năm cũ vẫn tân ngàn bay  
Sách xưa chung ghé vai gầy  
Tay đan năm ngón, nắng ngày mộng mơ.  
Còn nguyên trèo hái ngây thơ  
Đôi chân không dép đơn sơ giẫm ngày  
Ngày lên con nước vui đầy  
Trần lưng một mảnh vui vầy bến sông.  
Còn nguyên cau trắng đâm bông  
Tóc dài ngưng dưới chạu mòng tơ xanh  
Chiều đi bỏ nắng mong manh  
Đêm về vớt lại chút tròn thành trưa.  
Dòng sông đi đếm sao thưa  
Cỏ cây đứng lại đong đưa phận mình  
Gởi sông chút sóng vô hình  
Mai về cửa biển thoát tình trong nhau.

2.  
Còn nguyên một đóa tình chân  
Lời thơ năm cũ còn tân ngàn bay  
Sáu năm trắng mọc sông đầy  
Lá hoa bờ ngõ rớt dày mưa ngâu  
Hoa hồng đã, một con tàu  
Một trang lưu bút, một bầu rượu cam  
Ngày về mưa hẹn lâm râm  
Chung dù, tay cũng cầm nhảm ngón tay  
Hân hoan tia bụi lay bay  
Mắt trong hứng nước mưa cay giữa trời  
Tàu xưa xoay ngược con đời  
Giang tay nú lại nụ cười cố nhân.

Còn nguyên một đóa tình chân.

### Nắng

1.  
Chiều nay gió đi đâu?  
Có về qua hiên nhỏ  
Hay đã về sông rộng  
Để mắt hút con tàu?  
Chiều nay có trôi mau  
Để ai đi tìm nắng  
Ngẩn ngơ giữa câm lặng  
Trong âm ỉ kiếm tìm

2.  
Tâm trong như đôi mắt  
Ngày kia lệ chực trào  
Biển khơi thành muối mặn  
Vàng trán rộng có đau?  
Ta áp mặt ôm đất  
Xin một chút lời cam  
Đất vô tình rạn nứt  
Lộ những vết đau thắm.

3.  
Chiều nhẩn lên những vết  
Đâu chân chim cuối mành  
Ngày kia thành áo rộng  
Không gió vẫn còn bay  
Áo choàng dẫm màu nắng  
Bước chân có quay về  
Nụ cười có lung linh  
Giữa muôn ngàn hạt bụi?

4.  
Núi suốt đời cứ cao  
Biển suốt đời cứ mặn  
Nợ nắng bao mùa nắng  
Mỗi mùa một tiếng trao.



# THÀ NHƯ LÀ MÂY

## Diệu Nga

Đàng gái tổ chức đám hỏi thật linh đình. Họ mượn tầng nhất của nhà hàng Royal, có sẵn sân khấu với hệ thống Karaoke tối tân. Cổ bàn chọn toàn món đắt tiền, 30 cỗ tính sơ cũng mấy ngàn bạc. Bà con, bạn bè ở xa đã tụ về từ hai hôm trước, phải chia ra ngủ đêm tại khách sạn. Căn nhà bốn phòng của ông bà Khải trở nên quá chật vì số khách đông vậy.

Mặt mày ai cũng hớn hờ. Các bà lăng xăng vào bếp, mấy cậu thanh niên hăm hờ trang hoàng công vào và phòng khách. Ông Khải cùng người bạn lối xóm bận bịu với cái bàn thờ cả tuần nay vì muốn trang trí theo lối xưa, lại chung hai đĩa quả tử xếp thành hình con loan con phượng. Ông muốn biểu lộ nề nếp gia phong để ngầm nói lên giá trị của con gái mình: một thiếu nữ hoàn toàn Á Đông, chưa nhiễm văn minh Mỹ.

Bảng chữ "Lễ Đính Hôn" kết bằng hoa vạn thọ đã dựng ngay công vào từ hôm qua. Bà Khải phải chạy tới chạy lui hối thúc tiệm may lo ba bộ áo của cô dâu cho sớm để còn có thì giờ may thêm cho bà cái áo dài nhung màu xanh dương sậm mặc đi nhà hàng. Nhìn vẻ rộn ràng và trang trọng của đàng gái, ai cũng tưởng đây là một đám cưới.

Bà Khải phân trần với Hoa, người em bạn dì:

— Đàng trai tuy không giàu có gì nhưng thằng rể tôi là tiến sĩ, làm việc cho chính phủ, địa vị cao. Mình phải tổ chức cho ra vẻ kẻo bà con họ hàng đôi bên chê bai.

Hoa cũng phụ họa theo:

— Cháu Xinh nhà mình có phước. Mới qua Mỹ ba năm nay mà gặp duyên nợ tốt đẹp như vậy. Nó cũng hai mươi mấy tuổi rồi, lập gia đình là vừa.

Hoa lấy làm lạ, chẳng hiểu sao chàng tiến sĩ này lại chọn Xinh. Cô bé không có gì đặc biệt: sắc vóc trung bình, chẳng giàu có lắm, chữ nghĩa không bao nhiêu.

Bà Khải tự động khai ra điều mà bà muốn giấu:

— Chồng con Xinh lớn hơn nó một con giáp! Lấy chồng lớn tuổi được cung, phải không đi?

Hoa tính nhẩm:

— Vậy chú rể cũng gần 40 rồi! Chị đã điều tra kỹ coi cậu ấy có vợ con gì chưa?

Vô tình, Hoa nói trúng nỗi hoài nghi của người chị họ. Bà Khải đưa tay vuốt mái tóc muối tiêu của mình, bà im lặng hồi lâu mới trả lời:

— Thì ông Tú làm mai, biết rõ gia đình đàng trai hỏi còn ở Việt Nam, nói chỗ này đàng hoàng, cam đoan thằng Tường chưa có vợ con gì cả.

— Cậu ấy qua Mỹ lâu rồi. Trong thời gian 20 năm dài đằng đẵng, làm sao ông Tú biết được mọi sự? Ba má cậu ấy cũng mới sang, nào rõ mô tê gì! Chị phải điều tra lại chắc chắn, đừng cho cưới vội.

Bà Khải gật đầu:

— Để tôi bàn lại với ông. Họ đòi 6 tháng sau cưới, như vậy gấp rút quá, phải không?

\*

Đám hỏi tiến hành thật tốt đẹp. Bạn bè khen cỗ bàn linh đình. Hai ông sui tâm đắc ở chỗ nề nếp phong tục của người Việt họ đều đủ lễ. Hai bà sui vui vẻ chỉ nhau cách tằm trâu cánh phượng, cách bồ cau cho vừa miếng trâu cay...

Xinh thẹn thùng trong chiếc áo xường sấm màu đỏ thắm khi chú rể nắm tay dẫn nàng đi ra mắt bạn bè. Mỗi người đưa một câu làm cô nóng bừng đôi má. Họ khen cô dâu chú rể đẹp đôi làm Xinh hài lòng. Thỉnh thoảng nàng kín đáo nhìn người chồng tương lai của mình. Bữa nay chú rể trông sang trọng và trẻ trung trong bộ côm-lê màu xám nhạt với chiếc cà-vạt gấm đỏ mà Xinh đã cố công tìm cho hợp với màu áo của nàng.

Bạn của chàng toàn dân trí thức. Trông họ thanh lịch, tuy nói đùa vui vẻ mà không chút gì cợt nhả, lố lăng. Trước họ, Xinh cảm thấy tự ti vì vốn liếng học thức của mình quá thấp thỏi so với Tường.

Ở Việt Nam, Xinh xong Trung học thì nghỉ ở nhà lo việc buôn bán phụ mẹ. Hơn nữa, cái gốc sĩ quan cũ của

ba nàng sẽ không cho phép nàng trúng tuyển vào Đại học; mà dù có tốt nghiệp Đại học đi chăng nữa, đồng lương nhà nước cũng chẳng thấm vào đâu.

Năm năm ngồi ngoài chợ đông gạo, bán thóc, Xinh quen dần chữ nghĩa, văn thơ. Đầu óc nàng đặc sệt những con số, những con nợ và chỉ biết lo tính lỗ tính lời. Khi sang Mỹ, cái vốn Anh văn chỉ có thể giúp nàng đọc đúng các mẫu tự ABC. Rồi một năm trời học ESL và 6 tháng học nghề làm móng tay. Cũng may, có cái nghề trong tay, Xinh kiếm ra tiền khá dễ dàng. Nàng mượn vốn người bà con, mở tiệm làm móng tay ở khu thương mại của vùng New Orleans, cách nhà không xa mấy. Tiệm mới mở đã đông khách nên mẹ và em gái nàng cũng vào nghề này. Gia đình càng ngày càng khá. Sau một năm cần cù làm việc, họ mua căn nhà bốn phòng rất khang trang. Cậu em út vào Đại học được tặng chiếc xe hơi. Ba nàng có thừa thì giờ để chăm sóc vườn rau, cây kiểng của ông. Kể ra gia đình nàng gặp nhiều may mắn, thuận lợi nên thành công nhanh chóng hơn bao nhiêu gia đình khác. Bởi vậy, đám hỏi này, ba mẹ nàng quyết định là lớn như vậy cho xứng với tầm vóc của chàng trai: Tường là tiến sĩ, cậu em kế là kỹ sư và cô em út là nha sĩ. Bố mẹ chồng của nàng cũng thuộc vào hàng trí thức ở Việt Nam.

Gia đình Xinh vốn trọng nề nếp xưa nên vấn đề giao thiệp với bạn trai rất nghiêm; mà thật ra từ ngày sang Mỹ đến nay, nàng cũng không có người bạn trai nào. Trước đám hỏi, Xinh không được phép đi chơi riêng với Tường. Hai người chỉ gặp gỡ, chuyện trò tại nhà. Đôi khi, họ cũng có những đêm cùng ngắm trăng ở sân sau và Tường đã nắm lấy tay nàng, rất âu yếm. Tình cảm trong lòng Xinh ngày càng nẩy nở. Xinh vừa yêu tính điềm đạm và cách cư xử tế nhị của chàng lại vừa phục sự hiểu biết rộng rãi mà không hề khoe khoang.

Sau đám hỏi, Tường thường xin phép chở Xinh đi chơi vào ngày chủ nhật. Họ có dịp cùng nhau đi dạo trên bờ sông Mississippi, đi bộ trên vỉa hè của khu French Quarter mà kiến trúc và sự cổ kính của nó gợi lên hình ảnh của Saigon năm xưa và họ có chung hứng thú để nói về những kỷ niệm ấu thời của họ trên quê hương giờ đã cách xa vời vợi...

Một buổi chiều, sau khi ra khỏi tiệm ăn nổi tiếng ở khu Harvey, Tường lái xe đưa Xinh đến "cái nhà xoay". Đây là một quán rượu giải khát loại sang. Tầng trên của ngôi nhà vuông vức, nằm trên một cái trục to, xoay chậm theo chiều kim đồng hồ. Bốn bề đều là kiếng. Từ bên trong, du khách nhìn ra ngoài có thể thấy cả cảnh trí to rộng chung quanh: cảnh rục rờ về đêm với đèn muôn màu và trăng sao lấp lánh.

Lần đầu tiên Xinh đến đây. Nàng ngạc nhiên quá đỗi khi thấy cảnh bên ngoài, mỗi lần nhìn ra thấy mỗi khác.

Mới là nhà cửa đường phố đó mà giờ đây, cũng tại chỗ này, nhìn ra, lại là dòng sông lấp lánh ánh đèn...

Xinh ngây thơ hỏi:

— Anh à, em mới nhấp một chút rượu ngọt mà chẳng lẽ em say? Hồi mới vào, em đâu thấy con sông, sao bây giờ cảnh đổi khác vậy?

Tường cười:

— Em nhắm mắt lại đi, chút nữa sẽ thấy con sông biến mất.

Xinh ngạc nhiên:

— Thật vậy sao? Để em thử xem!

Và khi nàng nhắm mắt lại, Tường vội vàng đặt lên môi nàng một nụ hôn. Xinh run rẩy trong cảm xúc, say ngộp với men tình. Nàng thầm nghĩ: "thật hạnh phúc thay khi người mình yêu cũng là người chồng tương lai của mình!"

Hai người về đến nhà quá nửa đêm. Xinh ngại ngùng mở cửa thật êm và bước nhẹ vào phòng riêng, cố không cho ai hay. Nhưng khi nàng vừa bật đèn lên, đã thấy mẹ nàng ngồi ở đầu giường tự bao giờ. Xinh chưa nói gì thì mẹ nàng mở đầu ngay:

— Xinh, mẹ có chuyện quan trọng cần nói với con!

Xinh biết bà nóng lòng muốn nói, nàng lặng lẽ ngồi xuống cạnh bà.

— Mẹ nói trước là mẹ không rầy trách con điều gì. Con vốn là người nét na. Nhưng...

Bà ngáp ngừng, Xinh lặng im, kiên nhẫn chờ, lòng hồi hộp lo âu.

Lúc sau, bà tiếp:

— Nhưng mẹ nhắc con nên khéo giữ gìn. Chưa đám cưới, cuộc hôn nhân chưa bảo đảm. Có rất nhiều trường hợp hôn nhân đã xảy ra sau đám hỏi. Dù lỗi về ai đi nữa, đàng gái cũng thiệt thòi.

Xinh e dè hỏi:

— Sao mẹ nói vậy? Cuộc hôn nhân này, con thấy có gì trở ngại đâu? Đôi bên cha mẹ đều đẹp lòng và chúng con, qua sự tìm hiểu, ngày càng mến nhau hơn.

— Con biết không, từ sau ngày đám hỏi tới nay mẹ nghe nhiều dư luận không tốt, nhiều điều đáng lưu tâm.

Xinh có cảm tưởng trái tim mình thót lại, se thắt:

— Mẹ nghe gì, ai nói?

Bà Khải hơi bối rối:

— Thì bà con cô bác gần xa. Họ thắc mắc sao thằng Tường gần 40 tuổi mới cưới vợ. Nó đâu phải xấu xí, ngu dốt gì mà bị ế! Chắc ít nhất nó cũng qua một đời vợ hoặc là có cặp xách với ai rồi. Coi chừng nó có con rơi! Mẹ không muốn con gái của mẹ làm kẻ đến sau, rồi lại phải nuôi con chồng, mang tiếng mẹ ghẻ, rắc rối lắm!

Xinh nghe mẹ nói, máu ghen nổi dậy bùng bùng: "Nếu mà ảnh có ai trước, chắc mình khổ lắm! Ở xứ này vẫn minh, trai gái giao thiệp tự do, sao tránh khỏi mấy

vụ đó!"

— Bây giờ con phải làm gì?

Bà Khải đã nghĩ trước "kế hoạch điều tra", bà trả lời ngay:

— Bình tĩnh! Phải bình tĩnh mới có thể để ý quan sát. Trong hai tháng nay, con với nó đi chơi, có khi nào nó dẫn con đến nhà bạn bè không?

— Dạ không! Con nghĩ cần có những ngày đi chơi riêng rẽ mới có dịp hiểu nhau hơn.

— Con phải đòi nó dẫn đến nhà bạn bè thường xuyên. Đó là nơi để mình nghe ngóng, dò hỏi. Có khi vui miệng, không hỏi họ cũng khai. Rồi con phải về nhà nó chơi, tìm cách xem các thư từ, hình ảnh cũ. Nếu có gì chắc cũng lưu lại dấu tích...

Xinh "dạ" rồi uể oải đứng lên. Bà Khải thấy nói bấy nhiêu cũng đủ, bà trở về phòng.

Đêm ấy, Xinh trần trọc mãi không ngủ được. Nàng ngẫm nghĩ: "Anh Tường có đủ điều kiện để các cô chạy theo. Anh ấy không nhất gái, bè bạn đông thì sao tránh khỏi những tình cảm vương vít?" Xinh quyết định phải tìm hiểu cho ra lẽ.

\*

Bạn bè đã cho Tường một ngày đầy thú vị. Tuần lễ trước, vợ chồng Lâm điện thoại mời Tường và Xinh cùng đến dự buổi họp mặt trên biển. Họ có chiếc thuyền câu, tuy cũ nhưng đầy đủ tiện nghi. Sống ven bờ biển vùng Gulfport, cạnh những ngư dân, vợ chồng Lâm cũng thích lái tàu ra biển vào ngày cuối tuần, vui hưởng cảnh trời nước bao la, tạm quên công việc ở sở làm. Vợ chồng con cái cùng thả lưới, buông câu để có tôm tươi, cá biển ăn trọn tuần và Lâm rất thích trở tài làm món nhậu khi có bạn bè tham gia.

Tường khó khăn lắm mới được phép ông bà Khải cho chở Xinh đi chơi trọn ngày trên biển. Tường đón Xinh từ sáng sớm. Phải mất gần hai giờ lái xe mới đến nơi hẹn, tại cầu tàu. Bạn bè đông vậy: gia đình Minh, Vĩnh lại thêm mấy người bạn trẻ độc thân vui tính: Liễu, Hòa, Tân.

Cuối hạ, cái nóng đã dịu bớt. Trời xanh trong vắt, biển êm. Cả nhóm được một ngày vui khó quên. Họ đùa giỡn thoải mái trong cảnh trời nước mênh mông. Bữa đó, không ai nhớ đến tuổi tác, địa vị, hoàn cảnh của mình. Tất cả đều là trẻ con, bình đẳng, vui vẻ, hồn nhiên.

Không ai nói lên một câu triết lý cao siêu nào nhưng họ đều cảm nhận được rằng những tháng ngày qua, tâm hồn họ đã chất chứa quá nhiều nên nó trở nên già nua, mệt mỏi. Bữa nay quên được mọi điều, cái tâm ấy nhẹ nhàng, thơ thới làm sao!

Ngày vui chẳng mấy chốc cũng tàn theo những tia

nắng yếu ớt của hoàng hôn. Họ quay tàu về đến bến cũng đã hơn 8 giờ tối. Trước khi chia tay, vợ Lâm còn chu đáo chia cho mỗi người một phần hải sản.

Tường vừa đi ra bãi đậu xe vừa sẫm soi "chiến lợi phẩm" của mình, chàng vui vẻ nói với Xinh:

— Em à, tối nay em về nhà anh, chúng mình nấu cháo sò cho ba má ăn. Ông bà thích món này lắm!

Tự nhiên Xinh thấy bức. Nàng nghĩ: "Cả ngày nay coi như mình chịu đựng chứ có vui vẻ gì! Tường và các bạn cười nói bông đùa, hầu như không ai để ý tới Xinh. Chắc họ chê mình dốt nát, quê mùa nên chẳng đùa với mình một câu ngoài những lời xã giao thông thường. Cô Liễu sao mà tự nhiên như Mỹ, cười nói bô bô; vậy mà Tường cũng vỗ vai, thân mật ra phết! Còn mấy đứa con gái chủ tàu, cô nào cũng mười mấy rồi, lớn xộn, vậy mà cứ bá cổ, ôm vai Tường, coi phát ghét!"

Xinh quan niệm người chồng là một sở hữu riêng tư, nay thấy Tường bung ra khỏi tháp ngà của hai người, Xinh chịu không nổi. Rồi bây giờ Tường còn bắt nàng về nhà phục vụ buổi cháo khuya cho gia đình chồng! Sao không về nấu ở nhà nàng mà lại về bên ấy? So sánh, nàng cảm thấy thiệt thòi.

Tường cho xe chạy từ từ. Thấy Xinh lặng thinh, chàng liếc nhìn nàng, ân cần hỏi:

— Em sao vậy?

— Em mệt.

Tường cảm thấy áy náy, tự trách mình vô tâm, không chú ý đến sức khỏe của Xinh, dù sao nàng cũng mới đi tàu lần đầu tiên.

Tường nắm tay Xinh bóp nhẹ:

— Vậy thôi, để anh chở em về. Đường xa, em rán ngủ cho khỏe, em nhé!

Xinh rút tay ra, không nói gì cả. Tánh Tường vốn không gút mắc, nghe Xinh than mệt thì đơn giản nghĩ rằng nàng mệt nên giữ im lặng cho Xinh nghỉ ngơi.

Xe chạy một quãng đường khá xa, không ai nói với ai lời nào. Sự lặng thinh của Tường làm Xinh giận sôi gan. Xinh chẳng hiểu tại sao Tường lại chọn mình làm vợ. Tường có bạn bè đông, sao không chọn trong đám bạn mà lại cưới mình, cô gái dốt nát, quê hèn! Rồi nhớ lời mẹ nàng nói đêm nào, sự nghi ngờ càng tăng dữ dội... "Có lẽ bạn bè ai cũng biết dĩ vãng của anh nên không ai thèm ung, chỉ có mình chẳng biết gì mới chịu ảnh thôi!"

Sự tức giận và nghi ngờ càng lúc càng làm Xinh thêm khổ sở. Nàng không thể tiếp tục im lặng:

— Anh à!

Tường âu yếm:

— Gì đó em? Em thấy khỏe chưa?

— Cũng đỡ! Em muốn hỏi anh cái này!

— Em cứ nói đi!

Xinh hỏi ngập ngừng:

— Trước em, anh đã yêu ai chưa?  
Tường bật cười khanh khách, tiếng cười làm Xinh khó chịu.

— Nếu anh nói "đã" thì sao? Còn như nói "chưa", em có tin anh không?

Xinh bối rối nhưng không chịu bỏ qua:

— Em chỉ tò mò muốn biết em là người thứ mấy của anh!

Bây giờ Tường mới lơ mơ nhận ra có cái gì bất ổn qua thái độ, lời nói của Xinh. Tường cất giọng hòa dịu:

— Em à, quá khứ là cái gì đã qua, mình không nên bận tâm. Còn trong hiện tại, anh đang yêu em và sắp cưới em làm vợ, đó mới là việc quan trọng.

— Sao anh lại chọn em?

Tường cười:

— Em có nhớ em hỏi câu ấy lần thứ mấy rồi không?

Xinh lặng thinh. Nàng vốn có mặc cảm thua sút nên lúc nào nàng cũng muốn Tường lặp lại câu trả lời: "Anh thấy ở em là người con gái hiền thực, dịu dàng, nét na, là hình ảnh của người phụ nữ Việt Nam, của người vợ hiền."

Xe chạy qua khúc đường xấu. Tường giảm tốc độ. Chàng liếc nhìn Xinh, thấy nàng có vẻ đăm chiêu. Tường hỏi dò:

— Bữa nay em đi chơi vui không?

— Cũng được!

Tường biết, khi nàng đáp "cũng được" là nàng không hài lòng mấy. Tường ngạc nhiên, chẳng hiểu tại sao Xinh không vui vì đối với Tường, hôm nay ai cũng có một ngày tuyệt vời.

Xinh tiếp:

— Em thích đi chơi riêng với mình anh thôi!

— À ra thế! Nhưng theo anh, cuộc sống chẳng phải chỉ gò bó trong một phạm vi nhỏ hẹp nào. Chúng ta cần có bạn bè, cần phải hòa mình với mọi người thì hạnh phúc mới đầy đủ hơn. Anh không quan niệm chúng ta tự thu mình trong tháp ngà, trong lồng son; lâu ngày sẽ sinh ra nhàm chán.

Xinh vốn không phải là người từng trải, cũng không có đời sống nội tâm sâu sắc nên hiểu sai lời nói của Tường, lại cho Tường là người ham vui chơi, bè bạn. Nàng về nhà kể lại cho mẹ nghe, bà còn nói chầm vào:

— Như vậy chưa chắc nó là người chồng tốt! Nó sẽ bắt con hầu gia đình nó và hầu luôn bè bạn mỗi khi cần nhậu nhẹt, chén chú chén anh. Con cần phải tìm hiểu thêm. Họ định ăn hỏi xong, sáu tháng sau thì cưới, mẹ thấy phải hoãn lại. Chúng ta cần tìm hiểu thêm về đời tư của nó!

Xinh đồng ý. Chẳng phải nàng không yêu Tường nhưng nàng vốn giàu tự ái. Nếu Tường khẳng khái giữ quan niệm rộng rãi của chàng thì nàng không vội kết

hôn. Nàng còn trẻ, không sợ gì. Nếu Tường chịu thay đổi, nàng sẽ thẳng thắn.

\*

Đàng trai ngạc nhiên lắm khi đàng gái yêu cầu hoãn ngày cưới, mà không nói rõ sẽ hoãn trong bao lâu.

Bà Lạc—má Tường—cần nhắc:

— Con trai mình lớn tuổi, cần có vợ sớm, vậy mà họ đình hoãn ngày cưới là sao? Có gì trục trặc không?

Ông Lạc bình tĩnh hơn:

— Để tôi liên lạc với ông mai xem sao! Có gì bất bình không tiện nói với mình, họ sẽ nói với ông mai.

Tường thần nhiên. Chàng trấn an ba mẹ:

— Con thấy như vậy cũng tốt! Con cần thời gian để...

Biết mình lỡ lời, Tường làm thinh.

Bà Lạc sốt ruột, hỏi dò:

— Sao? Con nói sao?

Tường nói trớ:

— Con cũng cần thời gian lo tiền bạc cho đầy đủ.

Bà mẹ cảm thấy bức bối:

— Vấn đề đó, ba má đã nói với con rồi. Sang đây, ba má không có tiền nhưng Minh, em gái con khá giả, vợ chồng nó sẵn sàng ứng trước cho con mượn, bao nhiêu cũng có mà!

Rồi bà nhỏ giọng:

— Ba má già rồi, chỉ mong con yên bề gia thất thì ba má được an tâm không còn gì phải lo nữa.

Tường im lặng. Chàng không muốn cãi lại sợ mẹ buồn. Ở nhà, ai cũng phản đối quan niệm sống độc thân của chàng, cứ đốc thúc, mai mối rồi dùng tình cảm làm áp lực, đẩy chàng vào cái thế "chẳng đặng đừng". Cái khuôn mẫu xã hội đã định sẵn thế nào, cha mẹ chàng cũng y theo đó mà ép nài con. Họ cho rằng trai không vợ thì lông bông, gái không chồng là gái ế cho nên tìm cách gán ghép, cặp đôi... Cái lưới đó không chừa bỏ một ai, muốn thoát ra không phải dễ.

Nhiều khi suy nghĩ, Tường thấy chuyện đời mâu thuẫn làm sao! Ở trong vòng ràng buộc của vợ con, người ta than khổ, than đủ chuyện lo; vậy mà người đi trước cứ níu kéo kẻ đi sau chịu chung số phận của mình! Bởi vậy, Tường phục mấy ông thầy tu, những người ấy phải có ý chí mạnh mới thoát khỏi phạm tình, để sống với chí nguyện cao cả của mình.

Tường cũng có lý tưởng của anh. Anh say mê ngành Thiên văn học. Cái bằng tiến sĩ chỉ mới là bước đầu. Kiến thức của anh không đủ làm anh thỏa mãn. Anh muốn khám phá sự huyền nhiệm của vũ trụ, khám phá những hành tinh mới hoặc thái dương hệ nào khác ngoài không gian anh sống mà theo đức Phật nói, có vô số thế

giới ở chung quanh ta. Tường tin tưởng điều ấy và muốn dùng khoa học làm sáng tỏ lời đức Phật để mọi người có cơ hội tìm đến với đạo Phật, một tôn giáo không chủ trương thần bí mà trái lại, chủ trương thực nghiệm chân lý.

Ba anh em Tường sang Mỹ đã lâu. Cả ba đều học hành đến nơi đến chốn. Hai em chàng đã lập gia đình; em trai chàng, Nhã, có bốn đứa con trai.

Tường hay đùa với Nhã:

— Cám ơn chú đã cho ba má những đứa cháu nội. Như vậy ba má sẽ không bắt tôi lập gia đình. Tôi muốn được rảnh rang dành hết thì giờ cho việc nghiên cứu và sau đó, tôi sẽ vào chùa sống cuộc đời thanh tịnh.

Nhã lắc đầu:

— Em hiểu anh nhưng em không chắc ba má sẽ đồng ý. Thư nào gửi cho em, hoặc ba, hoặc má đều nhắc đến chuyện của anh, bảo em tìm người làm mai cho anh hoài.

Rồi Nhã tiếp:

— Trước đây, mình đòi bảo lãnh ba má qua, ông bà không chịu. Bây giờ đòi đi gấp. Em nghi quá!

Tường công nhận Nhã có lý. Quả thật, khi ông bà sang đây, ông liên lạc ngay với những người bạn cũ và nhờ họ tìm cho ông một con dâu.

Tường gặp Xinh trong áp lực của gia đình. Thấy Xinh cũng thùy mị đoan trang, Tường nghĩ: "Thời thì gặp duyên, cứ tùy thuận cho vui lòng cha mẹ. Người con gái hiền lành, nét na này sẽ là vợ hiền, sẽ giúp mình thực hiện hoài bão của một nhà Khoa học. Xưa nay, sau lưng một người đàn ông thành công đều có bóng dáng của một phụ nữ..." Thấy Tường ngời thừ ra đó, bà Lạc bắt sang chuyện khác:

— Trưa nay má nấu canh chua cá kho tộ, con điện thoại kêu vợ chồng con cái thằng Nhã sang ăn cho vui.

Rồi bà chép miệng:

— Tội nghiệp con Minh, nó ở xa quá!

Bà nói lửng lơ như vậy nhưng Tường hiểu mẹ đang nhớ cô con gái út đang ở tận Cali. Cô ta có đầy đủ cả mà lúc nào bà cũng tội nghiệp cho cô vì cô không được ăn những bữa cơm do chính tay bà nấu nướng.

Vợ chồng Nhã kéo một bày tang tình con nít đến làm không khí trong nhà bỗng nhộn nhịp hẳn lên. Tuổi già vui nhờ cháu, ông bà Lạc tạm quên chuyện của Tường, lảng xãng với đám cháu nội toàn là trai, đang tuổi phá phách.

Cơm nước xong, hai anh em thả bộ một vòng. Trưa chủ nhật, đường vắng hoe. Họ đi dọc theo bờ biển.

Nắng trưa phản chiếu bờ cát trắng tinh làm chói cả mắt. Hai người, không ai bảo ai, cùng ngời xuống gốc cây đại thụ. Gió thổi hiu hiu. Miền Nam có những ngày thật ấm trong mùa đông, nhiệt độ cao đến 80 độ F.

Người Mỹ gọi đó là "Indian Summer" mà kinh nghiệm cho biết, sau đây, là những ngày lạnh cóng.

Nhã mời anh một điếu thuốc. Chàng biết anh muốn tâm sự. Sáng nay ba chàng đã điện thoại báo tin không vui.

Tường im lặng rít mấy hơi thuốc liên tiếp. Nhìn làn khói mỏng, chàng bỗng nhận ra sự trùng hợp giữa tâm trạng con người với làn khói êo lả kia. Không có gì chắc chắn cả! Mới ngày nào, chàng có cảm tưởng như đã yêu Xinh mà hôm nay nghe tin đàng gái đình hoãn cuộc hôn nhân, Tường lại thấy nhẹ người, không chút gì buồn bã.

— Chú ngạc nhiên lắm phải không?

Tường hay có lối vào chuyện trực tiếp như vậy.

Nhã "dạ" nho nhỏ, chờ anh tiếp.

— Đối với chuyện này, ba má có vẻ khổ sở lắm, riêng tôi, thú thật với chú, tôi...

Tường lựa lời cho chính xác:

— Tôi lại thấy hay!

Nhã thừa thông minh để hiểu rằng có điều gì không ổn giữa hai nhân vật chánh. Chàng im lặng chờ Tường bày tỏ.

Tường rít thêm một hơi thuốc dài, chăm rãi tiếp:

— Thời gian hay lắm, nó giúp mình hiểu rõ sự thật. Tôi tưởng mình gặp được người bạn trăm năm ý hợp tâm đồng nhưng dần dần tôi thấy mình lầm, chú à!

Nhã vốn có kinh nghiệm, tưởng anh chị mới giận hờn cãi vã nhau nên anh mình nói vậy. Chàng dò dẫm để bắc nhịp cầu hòa giải:

— Em thấy chị ấy cũng hiền!

— Trước kia, anh cũng tưởng vậy nhưng giao thiệp lâu ngày anh thấy rõ, phía sau cái hiền thực dụ dàng ấy là một con người vừa hẹp hòi, vừa ngoan cố. Cô ta muốn biến anh thành một vật sở hữu, nói rõ hơn là một con người thứ hai của cô: mọi ý kiến, tâm tình của cô, anh phải rập khuôn như cô thì cô ta mới vui, anh nói khác đi, cô ta giận.

Ở bên cạnh cô ấy, anh cảm thấy mất tự do, mất luôn bè bạn. Anh như một người tù trong vòng phong tỏa của cô. Anh không muốn sống như vậy suốt đời. Em cũng biết, anh có những cái riêng tư của anh, những hoài bão, ước vọng của anh.

Nhã tỉnh tét và nhạy bén. Chàng hiểu vấn đề giữa hai người là không tìm thấy sự hòa hợp. Những cặp vợ chồng mới cưới—như kinh nghiệm bản thân của Nhã và vợ chàng chẳng hạn—thương hay lục đục, cãi vã nhau cũng vì không ai chịu nhường ai. Họ nghĩ rằng nếu người bạn trăm năm thương mình thì phải chịu mình, còn ngược lại là không thương. Thật ra, hòa hợp không có nghĩa là đồng hóa, không thể bắt người kia phải tòng phục mình tới đa để hai trở thành một, để không có mâu thuẫn, không có vấn đề.

Nhã và vợ chàng đã ngồi lại với nhau sau những bất hòa. Họ bình tĩnh, họ cố gắng khách quan tìm ra lẽ phải và khi thấy mình sai, một người dẹp tự ái để sửa đổi, còn người kia sẵn sàng tha thứ, bao dung. Đó là chìa khóa hạnh phúc của gia đình chàng. Liệu chàng có thể giúp gì cho người anh khả kính chăng?

Nhã dò hỏi:

— Giữa anh và chị Xinh có sự bất đồng ý kiến nào quan trọng không?

Tường chép miệng, thở dài:

— Không phải ý kiến mà là điều kiện, em biết không? Cô ta nói gia đình yêu cầu anh hai điều: một, không ở chung với bố mẹ chồng; hai, phải giảm bớt chuyện bè bạn tụ họp vui chơi. Anh không thể quan niệm hôn nhân là một sự thương lượng!

— Rồi anh trả lời ra sao?

— Anh chỉ làm thinh. Sự im lặng nhiều khi cũng là một cách trả lời.

— Đó là lý do khiến nhà gái đình hôn?

Tường nhẹ gật đầu. Chàng dụi tắt tàn thuốc lá rồi uể oải đứng lên. Nhã cũng đứng lên theo. Chàng theo anh trở vào nhà, tâm tư nặng nề khiến bước chân như đeo đá. Nhã thương anh quá!

Năm ấy, cái Tết đầu tiên trên đất người là cái Tết vô vị nhất trong đời ông bà Lạc. Tưởng đầu ngày này nhà cửa ẩm cúng thêm với con dâu cả, với hạnh phúc của con trai nhưng sự việc đã xảy ra ngoài ý muốn.

Minh từ Cali gửi về đủ cả: nào bánh chưng, bánh tét, chả lụa, nem bì, nem chua, mứt sen, mứt gừng, mứt măng cầu, là những món ông bà vẫn thích xưa nay và không thể không có trong ngày Tết. Nhưng hai ông bà đều hờ hững, thần thờ. Minh biết cha mẹ đang buồn nên cô còn gửi thêm chục tờ báo Xuân của các nhóm văn bút chuyên nghiệp, của các hội đoàn, của Phật giáo.

Ông Lạc không biết làm gì, cứ nằm dài đọc báo giết thì giờ. Mông một Tết rơi nhằm ngày thứ ba nên bọn trẻ phải đi làm, đi học như mọi bữa. Trong các bài viết của những người sống tha hương, ông tìm thấy tâm sự của ông: sự trống rỗng, sự cô đơn của tuổi già và lòng thương nhớ quê hương.

Ông nhớ mỗi ngày đầu năm vợ chồng ông đều đi chùa lễ Phật và chúc Tết bổn sư trong không khí thiêng liêng truyền thống, trong khói hương thơm ngát mùi trầm và vui vẻ nhìn ngắm nét tươi cười rạng rỡ của các em bé thơ ngây, tung tăng trong những bộ đồ mới còn đong đưa những sợi chỉ may chưa kịp cắt.

Ông Lạc cầm lấy một tạp chí Phật giáo. Hình bìa là cảnh chùa đầu năm. Họa sĩ diễn tả được sắc thái đặc biệt của sân chùa trong ngày Tết. Thấy hay hay, ông lật vào trang trong. Ông chú ý "Lá thư đầu năm" của một vị Thượng Tọa. Lá thư nói về ý nghĩa mùa Xuân: Xuân của

đất trời và Xuân trong tâm hồn. Xuân của đất trời vận chuyển theo tháng ngày, theo sự xoay vần của trái đất, theo luật "thành, trụ, hoại, không", còn Xuân trong tâm hồn vốn không có hình tướng nên không bao giờ tàn phai. Tuy nhiên, vườn Xuân bất tận ấy chỉ mở cửa cho những người biết thương yêu. Nhưng trong chúng ta, ai là người đã biết yêu thương?

Rồi Thượng Tọa kể một câu chuyện thương tâm, có thật ở Việt Nam thời trước 1975. "Có người cha rất thương con, muốn nó trở thành bác sĩ Y khoa vì theo ông, đó là nghề mà mọi người đều trọng vọng, địa vị cao lại kiếm được nhiều tiền. Từ lúc con còn nhỏ, ông đã chuẩn bị cho đứa trẻ ham thích ngành Y khoa nhưng nó không thiết tha lắm. Khi con học xong Trung học, ông chạy chọt thế nào mà nó được trúng tuyển vào lớp Dự bị Y khoa.

Cậu thanh niên, bấy giờ, trước mắt, chỉ có một con đường duy nhất để bước tới. Cậu ta không phải là người có cá tánh mạnh mẽ có thể trình bày, tranh luận cùng cha về khả năng và sở thích của mình đối với việc học hành, nghề nghiệp tương lai.

Cậu im lặng đi theo sự sắp đặt của cha. Nhưng trí nhớ cậu không đủ tốt để chứa những cuốn sách vi sinh đầy cộm, những danh từ thuốc gốc La Tinh, những tên bệnh và vi trùng... nên cậu học kém. Ba cậu thất vọng. Ông phản ứng rất mạnh: la rầy, mắng nhiếc cậu như một đứa trẻ con lêu lổng, trốn học đi chơi hoang. Lên năm thứ nhất, cậu cố gắng gấp đôi, cố gắng trong sự chán chường và sợ hãi. Cậu học không nghỉ ngơi. Những tên khó nhớ, những bài khó thuộc, cậu viết, dán đầy phòng, đầy nhà rồi cậu đọc đi đọc lại, làm nhảm không thôi. Cậu làm nhảm mãi cho đến một ngày kia, người cha khám phá rằng con mình điên chữ! Bấy giờ ông mới ân hận vì đã hại cuộc đời của đứa con trai duy nhất!"

Thượng Tọa viết tiếp: "Cha mẹ nào cũng thương con nhưng lắm khi mình không biết cách thương, cứ bắt buộc nó phải suy nghĩ, phải sống theo quan niệm của mình. Cưỡng ép như vậy, mình khổ mà nó cũng khổ: chẳng những mình khóa cửa vườn Xuân trong tâm mình mà còn khóa luôn cái vườn hạnh phúc của con mình nữa..."

Bài viết không dài lắm, ông Lạc đọc đi đọc lại mấy lần. Càng đọc, suy nghĩ, ông càng thấm thía. Ông có cảm tưởng mình cũng giống như người cha trong câu chuyện trên, cứ ép unction Tường mãi về việc lập gia đình. Quan niệm của ông về hạnh phúc đời người là hạnh phúc của một tiểu gia đình trong đó vợ chồng con cái đê huê, còn Tường có lối suy nghĩ khác, quan niệm khác. Sống theo lý tưởng của mình là một hạnh phúc, đó là điều mà ông không nghĩ ra.

Buông bỏ được định kiến của mình, tự nhiên ông

thấy nhẹ nhàng, thư thả. Từ bấy lâu nay, có ai làm khổ ông đâu, chỉ vì cố chấp vào tư tưởng, quan niệm hẹp hòi mà ông tự cảm thấy buồn bã, tự thấy bất an và làm khổ lây cho Tường, người con chí hiếu. Bây giờ, ông trở nên rảnh rang, nhẹ nhõm vì không có việc chi phải lo nữa.

Ông đặt tờ tạp chí xuống, đi đi lại lại trong phòng, suy nghĩ thật kỹ càng trước khi nói chuyện với vợ.

Chiều hôm đó, cơm nước xong, vợ chồng ông nói chuyện với Tường. Ông Lạc thành thật kể lại câu chuyện trong báo và lời khuyên của Thượng Tọa. Ông nắm lấy tay đứa con đầu lòng, run giọng:

— Ba xin lỗi con! Ba đã sai lầm khi bắt con phải sống theo quan niệm của riêng ba. Từ nay, con được tự do. Con đã lớn rồi mà ba cứ xem con còn nhỏ lắm, cứ phải hướng dẫn, cứ phải dắt dìu như xưa.

Tường xúc động, ngồi im. Hồi sau, chàng cất lời:

— Con cảm ơn ba đã hiểu con!

Mẹ chàng bước tới, vịn vai đứa con yêu:

— Ba má cũng báo cho con hay ba má muốn trở về Việt Nam. Già rồi, sống xa xứ buồn quá!

Tường đáp:

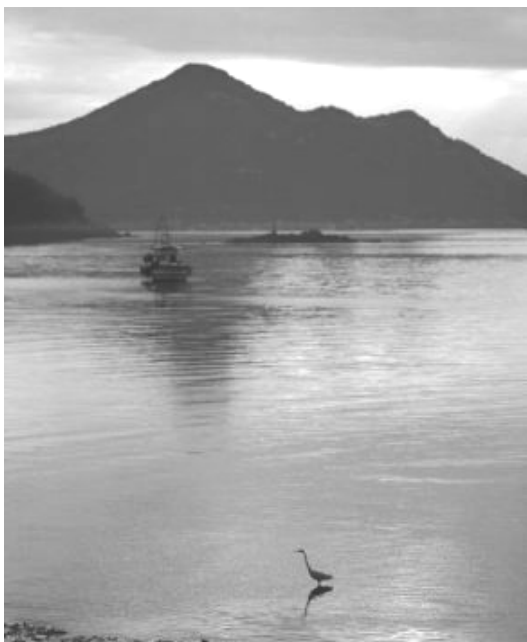
— Ba má sống ở đâu thấy vui thì cứ chọn, con không dám cản ngăn hay có ý kiến chi.

Ông Lạc bật cười ha hả:

— Kinh nghiệm nóng hổi của ba mới truyền cho con đó, phải không?

Tường vui vẻ đáp: "Dạ phải!"

Trong đầu óc chàng bỗng hiện ra bầu trời xanh trong ngần, trên đó có mấy cụm mây trắng, xốp và nhẹ, đang thong thả ngao du...



*thơ*

## LÊ-ĐÌNH-CÁT

### *Từ trong!*

*Từ trong nghiệp dĩ đam mê*

*Luân hồi kiếp kiếp hiện về nơi đâu?*

*Từ trong khổ ải muôn bề.*

*Trần ai, tục lụy chốn mê mãi lần.*

*Từ trong hiện hữu ê chề*

*Con đường Ngủ-uẩn lại về với ta*

*Từ trong thực tế bấp bênh?*

*Nguồn vui vô tận trở về giấc chiêm...*

*Từ trong tâm thức hiện về,*

*Niềm vui Vô-ngã trở về tâm linh.*

*Từ trong Đạo-Pháp bốn bề.*

*Lòng con xin nguyện đi vào cõi Tu.*



# ĐÊM SÂU TUỆ SỸ

*Hoàng Quốc Bảo*

## Tứ tuyệt

*Thâm dạ phong phiêu nghiệp ảnh tùy  
Hiện tiền vi liễu lạc hoa phi  
Tang bồng tâm sự tân toan lệ  
Trí Hải đa tâm trúc loạn ly  
(Tuệ Sỹ - Bùi Giáng)*

Đêm thăm gió đùa trên bóng nghiệp  
Nương về làm liễu lạc hoa bay  
Chí lớn trạnh lòng đau đau lệ  
Trúc loạn chưa lìa biển giác ai.  
(Hoàng Quốc Bảo dịch)

Tuệ Sỹ ngồi đó, chiếc bóng sậy gầy. Sững như một ngọn gió. Đôi mắt tròn to, long lanh. Mãi long lanh với miệng cười. Như Niêm Hoa Vi Tiểu. Bỗng ông bật dậy đi rót cốc nước lọc cho tôi, cho ông. Tôi im lặng dõi theo dáng người nhỏ bé di động, lắng nghe tiếng vạt áo lam phất phất trong căn phòng nhỏ một buổi chiều. Rồi chấp tay cung kính, *thưa Thầy khỏe không?*

Miệng cười nở rộng hơn, ánh mắt tinh nghịch hơn, Tuệ Sỹ đáp như reo, *anh thấy tôi khỏe không hè?* Tôi cười nheo mắt, *Thầy khỏe con mừng.*

Trông ông khỏe hơn mấy năm trước thật, lúc mới ra tù được đúng một tháng. Ngày ấy đầu ông như đóng trống, da bọc sắt sọ, mừng rỡ như Thế Thân Thiền sư Vũ Khắc Minh, không ngồi kiết già nhập đại định ở chùa Đậu nữa, mà đi lại, mà nói cười, nhập vào cơn huyền mộng.

Nay da đầu đã nhuận thắm, những vết chốc ghẻ biến mất, nhưng cái ót sọ ông vẫn nhô ra quá khổ với thân mình. Quá khổ đối với thể tục. Chắc nó phải cứng, khiến bạo quyền lui lại.

Tuệ Sỹ luôn cười, bằng "đôi mắt ướt tuổi vàng cung trời hội cũ". Con mắt to tròn rực sáng. Cái miệng rộng

và hàm răng trắng đều, thẳng tắp. Như gửi gắm cả chân tình vào đó. Ngay đến lúc ông chuyện vãn, nhẹ nghiêng đầu, ngón tay trở gậy guộc đưa lên, điểm xuyết cho từng nhận định, ôn tồn, nhu hậu.

Được ngồi mãi với Thầy cho đến tối. Khoảng 9 giờ, khi hồi chuông thông thả báo hiệu buổi công phu, cũng là giờ chùa Già Lam đóng cửa chúng tôi mới cáo biệt. Thầy lại hẹn hò. Nụ cười lại Niêm Hoa. Tiếng chuông lênh đênh giữa bóng cây sẫm màu trong vườn. Mấy vần thơ cũ lại hiện ra, như gió thoảng chậm rãi đi ngang qua sân chùa Già lam.

*Thâm dạ phong phiêu nghiệp ảnh tùy  
Hiện tiền vi liễu lạc hoa phi...*

Nghiệp lực của Bồ Tát, nhòa lẫn vào cộng nghiệp của chúng sanh. Như gió thoảng như mây trôi. Như nghiêm mật như cột đũa. Giữa đêm sâu và sự tùy thuận. Đêm càng sâu lòng càng lắng. Gió càng thoảng bóng hình càng phiêu diêu. Trật tự thiên nhiên lên tiếng, trùng trùng duyên khởi gọi mời.

Sự hiện hữu trong *giây phút này*, trước mặt cuộc đời, là hiện lộ, là mẫu nhiệm nhất, nằm trong đường rơi của lá, nét bay của hoa. Không trước cũng chẳng sau. Cái hiện tiền ấy gói trọn cả tam thiên đại thiên thế giới, cả đêm cả ngày, cả hàng sa nghiệp dĩ. Cái tức thời ấy, có khác chi "*đình tiền tạc dạ nhất chi mai*" của Mãn Giác hôm nào. Vượt ra ngoài thời gian, vượt ra ngoài không gian, mà tóm gọn cả bốn chiều ấy vào làm một. Bất sinh bất diệt. Ấy luôn là lúc:

*Đêm thăm gió đùa trên bóng nghiệp  
Nên...  
Nương về làm liễu lạc hoa bay...*

Không trước cũng không sau, lại chẳng không trước cũng chẳng không sau. Nghe ra như hình bóng phất phới của một tiết điệu Bát Nhã. Sắc bắt đi Không, Không bắt



dị Sắc, Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Thọ, Tướng, Hành, Thức, diệp phục như thị. Sắc chẳng khác gì Không, Không chẳng khác gì Sắc, Sắc chính thực là Không, Không chính thực là Sắc, bốn uẩn còn lại kia, Cảm thọ, Tư duy, Tâm hành, nhận Thức ấy cũng đều như vậy cả. Cho nên Nghiệp lực kia, trong sát na nhận thức trong suốt của tánh Không, đã dứt lia mắt xích. Không còn chỗ bám víu, trâm mịch. Không còn chỗ đắc. Trí Huệ đã biến thành Từ Bi, Nghiệp Lực đã hóa ra Hạnh Nguyên của Bồ tát.

Bồ tát không mong dứt nghiệp mình, mà còn muốn đưa vai gánh vác lấy công nghiệp của chúng sinh. Cho nên Bùi Giáng làm Bồ Tát đọa, chịu đày xuống trần gian, lấy vui buồn, tinh mê của chốn gió bụi mà thị hiện:

*Tang bồng tâm sự tân toan lệ,  
Trí Hải đa tầm trúc loạn ly*

Bùi Giáng đã thế, mà Tuệ Sỹ cũng vậy. Xin nghiêm nghị đứng nép vào chỗ của Tuệ Sỹ mà tạm dịch:

*Chí lớn tránh lòng đau đau lệ  
Trúc loạn chưa lia biển Giác ai*

Lấy đau khổ của chúng sinh làm của mình.

Chí lớn trong thiên hạ ấy, sao người được, lúc bao sinh linh còn chìm đắm trong tang tóc, đọa đày? Sao người được mà chĩa đầu đau lệ, chạy ngược vào hồn u uẩn của quê hương?

Nhưng đằng sau đầu trúc khô héo, nghiêng ngã loạn ly kia, vẫn mang mang một biển Giác. Tướng trạng có oan khiên nhưng Tánh Giác vẫn lâu sáng, vẫn thanh tịnh. Một người đã bảo một người, cứ phiêu hốt đi qua cuộc đời, lúc nào cũng mỉm cười tựa Niêm Hoa Vi Tiểu, cho dù có lúc là đăm đăm ngang qua một đám tang, giữa những kêu gào thảm thiết của nhân thế; có lúc là im lìm lạnh lẽo, giữa bốn bức tường vôi ủ rũ ngục tù. Mà thế nhân có thấy như vậy được đâu.

Có kẻ nói với tôi rằng, không thích cái cung cách bốn cột thiếu tôn kính của Thi sĩ họ Bùi nọ đối với một danh Tăng. Quả đây là cố tật mê thích thần thánh hóa của một số tín đồ muốn đóng khung niềm tin bao trùm lên trên bốn giác. Sự say mê tin tưởng ấy không ít ở một số người, chia bè kết phái, như hai ông Tăng nọ mãi mê cãi nhau về cái động. Ông cho rằng phương động, ông cho rằng giới động. Lục Tổ tạng ngang cười bảo tâm hai ngài động đây thôi.

Cho nên Thi sĩ họ Bùi có ngạo nghễ bốn cột, thì cái bốn cột ấy không phải tầm thường, không phải chỗ để cho người trần mắt thịt chúng ta chen chân tìm miếng thị phi. Kẻ nhân nghĩa thấy nơi đâu cũng đây nhân nghĩa, ngay giữa grom giáo loạn cung, và ngược lại. Nhất là làm Thi nhân, với đôi mắt ở đây mà thấy những đầu đầu,

như Bùi Giáng đã hồn nhiên thơ dại, như đại sư Tuệ Sỹ vẫn thơ dại hồn nhiên, vượt ra ngoài cái cảm thọ ngắn ngủi, vô thường:

*Khổ thọ và lạc thọ  
Như mây trời theo gió  
Hơi thở là giây leo  
Thuyền về nơi bến cũ...*

(Nhất Hạnh)

Ta hãy đọc lại bài thơ Tứ tuyệt nọ, hai câu đầu của Tuệ Sỹ, hai câu sau của Bùi Giáng, để thành độc nhất vô nhị một bài thơ, một bài Tứ tuyệt:

*Thâm dạ phong phiêu nghiệp ảnh tùy  
Hiện tiền vi liễu lạc hoa phi  
Tang bồng tâm sự tân toan lệ  
Trí Hải đa tầm trúc loạn ly*

Có hỏi Tuệ Sỹ thì vẫn nụ cười cố hữu, vẫn là câu trả lời rất mực thành thật, hồn nhiên: *Hỏi đó chỉ làm chơi chơi vậy mà...*

Thì cả cuộc tồn sinh này có lấy gì làm thật? Chẳng là giả tưởng cả đấy sao? Lọ là phải vấn đáp. Hóa ra chỉ là cái có, cho những Thi sĩ làm xiếc, đu bay.

Cái có để đề, cái có để thuyết.

Cái có để du, cái có để dịch:

*Đêm thăm gió đưa trên bóng nghiệp  
Nương về làm liễu lạc hoa bay  
Chí lớn tránh lòng đau đau lệ  
Trúc loạn chưa lia biển Giác ai.*

Hóa cho nên cái Bi của bậc đại Từ rộng lớn trùm khắp thiên hạ, tùy thuận vào cái đau chung của thiên hạ, vẫn đau đau, mà vẫn vô chấp, vô trước. Trí huệ sâu rộng như biển, nên dưới lớp sóng gió loạn cuồng kia, nước vẫn thanh tịnh thể tính. Vẫn vô quái ngại, viễn ly điên đảo mộng tưởng. Thật như thế nên nhiều học Tăng để sống còn, tránh né được sự dân sàng của chế độ, đã chẳng thốt nên thành lời ví cái ông thầy tu gầy ốm yếu nọ không biết sợ quỷ thần, là Kim cang bất hoại rồi... đấy sao.

Một bài tứ tuyệt thì có bốn câu. Có bốn câu nhưng Tứ không tuyệt. Như Bùi Giáng mượn làm "tiền đề" cho câu chuyện Tuệ Sỹ qua mắt Bùi Giáng trong *Đi Vào Cõi Thơ*. Cõi thơ ấy, hôm nay chúng ta nghe bằng chính Tuệ Sỹ, cái giọng Nha Trang êm ả, ngọt ngào. Bài thơ đã làm Bùi Giáng phải khiếp vía, hốt hoảng đến quên ăn, mất ngủ, đến tê công cả cõi dạ.

Đó là một buổi chiều khác, vẫn đôi mắt tròn to lấp lánh từ cõi mộng vào cuộc đời thực, đen lầy ướt mượt như nhung, cái nụ cười hiền hiền cố hữu trên chiếc cổ cò chênh nghiêng, mảnh dẻ như nụ hoa trắng muốt điểm trên cành mai khảnh khiu, tỏa lan cái ấm áp vào hơi lạnh

của cuộc đời tuyệt giá, Tuệ Sỹ đọc:

*Đôi mắt ướt tuổi vàng khung trời hội cũ  
Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang  
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ  
Thấp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn  
Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở  
Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan  
Cười với nắng một ngày sao chóng thế  
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chẳng?  
Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ  
Bụi đường dài gót mỗi đi quanh  
Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ  
Suối rừng xa ngược nước xuôi ngàn*

### Trăng

Nay chúng ta cũng thêm chút tương chao, làm bữa cỗ "tiếp đề" cho cuộc du phương, vào cõi nhạc. Nhạc mà thơ, Chắt chứa trong nhau cái tình tự lai láng.

Thêm một buổi chiều khác, trong quán ăn nhỏ mang tên gọi, khiến nhớ về cố quận. Nữ chủ nhân cũng có chỗ quen biết, trọng vọng danh tăng, thừa khéo léo, kín đáo tiếp chúng tôi cùng tăng nhân trên một căn gác riêng tây, để mọi người được phước báu ngồi quây lấy Thầy, được rung rung trong im lặng, được sáng khoái nói, được hồn nhiên cười.

Cái hứng đến bất chợt, khiến thôi nhớ bài thơ "Trăng" mới phổ nhạc gần đây, liền hát cho Tuệ Sỹ nghe, nhờ Thầy nhắc lời chỗ tôi không nhớ:

*Nhà Đạo nguyên không khách  
Quanh năm bạn ánh đèn  
Thẹn tình trăng liếc trộm  
Bên lên nắp sau rèm.  
Yêu nhau từ vạn kiếp  
Nhìn nhau một thoáng qua  
Nhà Đạo nguyên không nói  
Trăng buồn trăng đi xa...  
(Tuệ Sỹ)*

Tuệ Sỹ lại cười, ông không nói và chớp mắt. Vẫn "đôi mắt ướt tuổi vàng khung trời hội cũ," thoáng qua trong bài thơ ngũ ngôn, bất cứ. Chỉ thế thôi, ngán ngủi mà lai láng. Thoáng nhìn... lai láng. Tình thơ... lai láng.

Ai bảo Thiên sư là tuyệt tình?

Nhưng cái Tình quả có khác.

Bài thơ quần quanh giữa hai người, mỗi tình quần quít lấy hai người, hai nhân cách, một thực một mộng:

Thiên chủ và Nguyệt nương.

Ta thử ngắm nhìn thật sâu sắc từng nhân vật này xem sao.

Nheo mắt lại, mừng tượng ra Đạo gia, đọc lấy câu đầu:

*Nhà Đạo nguyên không khách.*

Một cự tuyệt đầy chẳng?

Hay chỉ là một khẳng định, Khách thì có mà lòng đã Không rồi? Khách cứ đến, đi, cứ ra, vào. Thiên chủ vẫn sống, vẫn ăn, vẫn thờ, vẫn vào, ra.

"Không khách" nghe ra chẳng cự tuyệt chút nào, mà chỉ là mở nhẹ cánh cửa vào ý thức giải thoát, không còn vướng bận chủ khách nữa, đã ung dung sống trong cảnh giới vô phân biệt, thoát khỏi đối đãi và chấp trước rồi. Dù trăng soi long lanh, hay Nguyệt dải mơ màng, huyền ảo cuộc đời đã không còn sôi nổi được nhau thêm nữa.

Cho nên Trăng Nguyệt ơi, đọc thêm câu sau:

*Quanh năm bạn ánh đèn*

thì xin cũng hiểu cho.

An bản lạc đạo đã thành nếp, vậy đừng khuấy động cảnh sống giản đơn, thanh bạch này mà chi. Tại sao vậy? Ấy bởi ngọn đèn kia đã thấp, đã lan tỏa ấm áp suốt cuộc đời, đã nguyện làm bó đuốc soi tỏ u minh, chuyển hóa thành Tâm đăng rực rỡ. Ngọn đèn ấy không tắt. Phật tánh trong mỗi chúng ta cũng vàng vạc đến nghìn thu.

*Nhìn nhau một thoáng qua, như giấc mộng giữa cuộc đời. Nhưng vẫn bằng đôi mắt ướt tuổi vàng khung trời hội cũ..."* Nếu quả như thế thì chẳng "thoáng qua" một chút nào, mà dường như đã trông nhau tự vạn kiếp: *Yêu nhau từ vạn kiếp...*

Cái vạn kiếp ấy là gì? mà chẳng rời, mà chẳng lưu luyến đến thế? Con chim kia vụt ngang trời không, trường giang có lưu ảnh? Mà sao in sũng trong đôi mắt buồn đến thế?

Ta đi hỏi vàng trăng vậy.

Bấy nhiêu đã đủ, mỗi tình xin được ngọt ngào vào nhiên lặng. Nhà đạo nguyên... không nói, vì... hôm nay bạo đạn nói ra mất nửa rồi.

Mà quả có nói thêm nữa cũng không cùng. Vậy bật ngôn ngữ, một nửa kia học thoát Hồ Tăng, bất khả thuyết.

Ta đi hỏi vàng Trăng, là từng Tượng. Về cái chỗ không nói của nhà Đạo nguyên, là nhập Tánh vậy.

*Thẹn tình trăng liếc trộm*

*Bên lên nắp sau rèm*

Từ khi trăng là nguyệt, từ khi em là Tượng sở tri bên ngoài, nên em không thật, nên em bên lên, nên em thẹn thuồng. Em nắp sau rèm mà liếc trộm bóng anh. Nên bóng anh mờ mờ nhân ảnh, nên Tình ấy nhòa nhạt giữa vô minh.

*Yêu nhau từ vạn kiếp...*

Vạn kiếp thì đằng đằng, quần quanh trong vô minh kia. Ngay cả lúc tưởng tìm thấy nhau, em vẫn còn bên lên xa lạ, núp sau rèm, sau một màn vô minh ngăn cách

nữa, nên chỉ nhìn được nhau thoáng qua, có thấy, như một lần chớp lóe.

Yêu nhau, ta yêu nhau từ vạn kiếp. Theo nhau, ta theo nhau từ vạn kiếp. Lầm lũi trong vô minh. Anh có lần nhắc với em về Nghiệp dĩ, lấy sanh tử làm chôn đi về. Cái mắt xích khít khao từ Vô minh đến Nghiệp. Nhưng có bao giờ em dám cắt lia, đối diện với thực tướng ấy. Làm Trăng để em chịu đây vui. Làm Nguyệt để em vẫn đi về vạn kiếp.

*Yêu nhau từ vạn kiếp*

*Nhìn nhau một thoáng qua*

*Nhà Đạo nguyên không nói*

*Trăng buồn trăng đi xa*

Đến đi, đây vui ấy, trong im lặng một lúc nào, em nghe ra tiết điệu vô thường...

Áng trăng thu trong e rục rờ rồi tàn tạ, duy có đóm lửa trong tim anh là thiết tha, còn sáng mãi.

Tuệ Sỹ im lặng. Tuệ Sỹ cười bằng mắt. Xuyên xao cả cung trời hội cũ, từ đôi mắt chú điệu mờ to đen nhánh quanh đuôi tóc xanh muốt vắt bên vành tai khi nghe bản *Piano Sonata 14* giữa mùa trăng ấy, đến nay...

*Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ*

*Bụi đường dài gót mỗi đi quanh*

*Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ*

*Suối rừng xa ngược nước xuôi ngàn*

Từ lúc hồi vừng trăng lạnh, vân du đến mây phương trời viễn mộng rồi, cũng theo Tướng mà đi. Khi trở về, yên lặng làm bạn với ánh đèn, vô phân biệt chủ khách, nhập cùng thể Tánh. Ta nên tôn trọng cái giây phút tĩnh mặc ấy, mà thôi khuấy động.

Mà Tướng với Tánh nào phải là hai

Mà trăng với đèn nào khác.

Giữa hồi chuông thu không diu dặt, giữa nhịp Bát Nhã nhật khoan lúc đêm về trong sân chùa Già Lam, hãy để cho Tuệ Sỹ nằm im trên võng ngắm vừng Nguyệt bạch.

*... Sắc tức thị Không*

*Không tức thị Sắc...*

Vào cho đến khi Trăng xa làm một với ánh Đèn gần thì...

Trăng ơi, hãy cứ hát ca...(\*\*)

Tháng 5, 2002

Ghi chú:

(\*\*) Trăng, thơ Tuệ Sỹ, nhạc Hoàng Quốc Bảo.

thơ

## MẠC PHƯƠNG ĐÌNH

### HY VỌNG

*ta như cây kiểng trồng trong chậu  
màu đất mười năm đã nhạt rồi  
chút rễ khô cần không thấm thấu  
vấy vũng như đứa trẻ trong nôi*

*mười năm cặm cụi vì cơm áo  
tâm sự còn đâu gửi thế nhân  
bè bạn xa rồi như mộng ảo  
quê hương niềm nhớ mãi như gần  
loay hoay mơ tưởng vun chồi mới  
gắng bón thêm đời một chút phân!  
gượng giữ niềm tin còn đất nước  
sâu trong màu lá vẫn còn xanh  
vẫn nuôi hy vọng mùa hoa nở  
khi gốc vùi chôn giữa đất lạnh  
đủ nước cho cây bưng trở lộc  
đất trời rạn vỡ tắm hương xuân*

*ta như cây kiểng trồng trong chậu  
xin giữ dùm nhau nắm rễ già  
rôi sẽ có ngày trên đất mới  
ngàn cây cần cỗi sẽ đơm hoa.*





# TRỞ LẠI BẾN THÙY DƯƠNG

truyện dài nhiều chương của HỒ TRƯỜNG AN

(tiếp theo)

## Chương Bảy

Sau khi đem các loại cá trắng đến xưởng Long Phụng xong, Tường Phụng kiêu bạn ra về. Long ân cần:

- Thì bỏ cũng nên ở lại đây dùng cơm tối xong rồi hẵng về. Đêm nay có trăng tròn, dù là mới 13 âm lịch đi nữa.

Ngọc Thanh, vợ của Long, một thiếu phụ đoan trang thùy mị, mời mọc:

- Anh Phụng ơi, hôm nay em có mua cá khoai và cá bông lau. Anh hãy ở lại đây dùng món cá khoai chưng tương, cá bông lau nấu canh chua để biết rõ tài làm bếp của em. Hay là anh có hẹn ăn cơm với chị Thiệu Hoa?

Tường Phụng cười âu yếm qua một thoáng liên tưởng:

- Không chị Long ạ, tôi chẳng có hẹn ăn cơm với ai cả. Nhưng tôi phải về nhà gấp vì hôm nay có ông cậu bà mợ ở Tam Bình lên chơi, để bàn việc hôn nhân cho tôi và cho con cháu Tố Hiền của tôi.

Ngọc Thanh trao cho chàng cái rọng có đựng hai cân

tôm càng. Nàng cười thật tươi:

- Thì ra là vậy. Em quên cháu Tố Hiền đã trưởng đại rồi, đã ra về cô nương rồi. Như mà đám nào định đi coi mắt cháu, hả anh?

- Khải Thụy, em út của Thiệu Hoa chứ ai.

Long bật cười:

- Thì ra, bà chị lấy ông cậu, người em trai lấy cô cháu.

Ngọc Thanh trầm trồ:

- Khải Thụy và Tố Hiền đẹp đôi đấy chứ.

Nhà của Long cách xa xưởng làm nước mắm một cái hàng rào bằng cây dâm bụt xen lẫn cây lồng đèn, Nhà chỉ có một căn hai chái, nhưng căn chái đều rộng, có thêm nhà dưới cách nhà trên một vuông sân tráng xi-măng thông nhau bằng hai dãy xuyên đường song song. Thềm nhà cần đá da qui cao tới ngực, vách bỏ kho, mái lợp ngói vảy cá, sân trước lát gạch tàu bày hòn giả sơn và các chậu sứ Giang Tây trồng cây cảnh. Đó là ngôi nhà thừa tự do ông nội của Long để lại. Trong nhà bày biện bàn ghế xưa bằng gỗ trắc, gỗ cẩm lai, gỗ nu, phân nhiều

khảm xa cừ. Ngoài ra, Long còn giữ những cặp liễn ngói với chữ sơn son thếp vàng và liễn ngói sơn đen với chữ thếp vàng, liễn bằng càn xa-cừ, những tủ kính đựng đầy đồ cổ ngoạn quý giá.

Ông nội của Long là ông Hội Đồng Phạm Hữu Giàu, một điền chủ có 200 mẫu đất ở các vùng An Hương, Hòa Mỹ, Mỹ An. Trong thời chiến tranh, ruộng đất ông bị lọt vào vùng Việt Minh chiếm đóng, kể như ông không thể thu góp lúa được. May mà cha của Long là thầy Hương Hào Phạm Hữu Sang còn giữ lại được một mẫu vườn trồng cây ăn trái xung quanh nhà nên cả gia đình sống nhờ đôi chút hoa lợi. Cách đây hai năm, Long đi Xuân Lộc thăm Tường Phụng. Nhân dịp bàn về cách làm nước mắm bằng các loại cá trắng trong lúc trà dư tửu hậu, Tường Phụng ngỏ ý hùn hạp với Long một số vốn để lập ra xưởng nước mắm do Long trông nom, chàng chỉ lấy một phần tư tiền lời lãi. Do đó, Long tìm được cách sinh nhai mới.

Long bỏ nhà đi kháng chiến từ năm 1948, sau cái chết của anh học sinh Trần Văn Ôn. Tới năm 1951, vì thấy bọn Việt Minh chiếm đa số trong phe Kháng Chiến để giờ trò húng hiếp, cướp giết và hãm hại các địa chủ nên Long trở về thành đầu thú với Tây. Ông Hội Đồng Giàu đã chết từ cuối năm 1947. Còn vợ chồng thầy Hương Hào Sang cũng lần lượt qua đời. Gia sản của chàng chẳng còn gì ngoài ngôi nhà và một mẫu đất. Ngọc Thanh phải sống bằng nghề y tá lậu và tiêm thuốc Tây theo toa bác sĩ.

Xưởng làm nước mắm khá phát đạt nên Long tri ân Tường Phụng lắm. Ngọc Thanh hiền lành và đôn hậu. Trước khi Tường Phụng trở về đây, đôi khi nàng bơi xuống qua thăm bà Tám Giỏi, tình cờ gặp Thiệu Hoa vài lần. Cả hai cảm mến nhau. Và mỗi khi qua bên Cái Sơn Bé để mua bún và bánh hời, Thiệu Hoa có ghé thăm Ngọc Thanh.

Ba cô ái nữ của Long vừa tắm gội xong, bước ra phòng khách. Cô lớn khoảng 14 tuổi, cô nhỏ khoảng 12 tuổi; cô nào cũng học trường Nguyễn Thông. Kiều Loan, cô lớn đã học xong lớp đệ ngũ. Tường Loan, cô giữa và Thụy Loan, cô út mới học năm đệ lục. Tường Phụng đặt ba cái gói bọc giấy dầu lên chiếc bàn dài giữa cặp trường kỷ, bảo:

- Ba cô cháu gái của bác xinh đẹp không kém Tố Hiền. Đây là quà mọn mà bác mua ở đất Tân Châu.

Cả ba cô gái hớn hờ bóc lớp giấy dầu ra. Thì ra là ba xấp cẩm châu trắng, dùng để may áo dài đồng phục. Ba cô cảm ơn Tường Phụng rồi rút, rồi xoa vuốt vóc lụa trơn mịn và thỉnh thoảng vạch lụa ra ánh đèn để ngắm đường chỉ dệt.

Tường Phụng cười cầu tài với ba cô Loan:

- Bác không biết các cháu thích màu gì nên mua màu

trắng... cho tiện hơn.

Cháu nào muốn áo thêu thì cho bác biết.

Thụy Loan Loan bảo:

- Cháu chỉ thích màu trắng. Cháu còn nhỏ, nên mặc áo dài đồng phục trắng theo các nữ sinh của trường là phải hơn.

Tường Loan ngẫm nghĩ:

- Trước hết cháu mặc áo trắng, sau đó nếu màu trắng ngả màu cháo lòng, cháu sẽ cho nhuộm màu tím tươi hoặc tím than.

Kiều Loan tin tưởng:

- Cháu sẽ thêu lên áo những chấm hoa hồng tím. Chưa bao giờ cháu mặc áo thêu cả.

Ngọc Thanh khuyên các con:

- Phải đợi gần Tết, các con mới may áo dài.

Tường Phụng bước xuống ghe lườn. Một chiếc ghe khác chờ đây các tín dùng đựng nước mắm cũng vừa cặp bên xưởng làm nước mắm của Long. Không khí ở đây nồng nặc mùi nước mắm, dù có cơn gió ngược chiều. Trong xóm, khói lam từng cuộn ảo ảo bốc lên từ các mái lá, mái ngói. Mặt sông nổi sóng rập rờn. Chiếc ghe lườn cuời sóng vượt qua sông, men theo đám bần tràm thủy mộc dọc theo bãi cồn, chèo lán tới khúc rạch con chảy vào bên bà Tám Giỏi. Ngày chưa tắt mà vàng trắng mỏng đã lộ dạng ở phương Đông.

Khi Tường Phụng về tới nhà thì trời đã chạng vạng. Mâm cơm sắp bày ra. Tố Hiền đi thấp đèn và nhang khắp các bàn thờ. Còn Tố Thuận sắp rau sống, khế, chuối chát và dưa leo trên chiếc mâm thau. Hôm nay, ngoài cậu mợ chàng còn có bà vú, Thiệu Hoa và Khải Thụy tới dùng cơm chiều. Ông Sáu Mạnh, anh của bà Tám Giỏi gầy gò, mặt xương xẩu với đôi lông mày nhô cao. Còn vợ ông hơi mập mạp, khuôn mặt tròn trịa, miệng hay cười tít toát.

Hôm nay, bà Tám Giỏi đãi hai món bún: món bún tôm càng nướng ăn kèm với thịt phai và món bún nem cá cơm cũng ăn cặp với thịt phay. Bà Sáu Mạnh bảo cô em chồng:

- Cô Tám sắp có dâu xinh đẹp và cháu ngoại rể bảnh trai, cả hai lại theo cách sống tân thời. Nhưng ông giáo bà giáo xưa kia vốn là chỗ quen biết với gia đình mình, vậy cũng tiện.

Ông Sáu Mạnh ngẫm nghĩ:

- Thăng Phụng không có vóc dáng nho phong như cháu Thụy nên không xứng với cháu Hai đây, nhưng nó giỏi bươn chải, lại chân chất. Vậy thì bù qua sót lại cũng vừa.

Khải Thụy cười:

- Thừa ông Sáu bà Sáu, đối với ai không biết, chứ đối với chị cháu thì anh Phụng đây là tướng bạch giáp bạch bào, uy phong lẫm liệt như La Thông, như Địch

Thanh vậy.

Mọi người cười ồn lên. Bà vú bảo anh và chị dâu của mình:

- Tôi nuôi cậu Khải Thụy từ nhỏ tới khi cậu ra đời lập nghiệp. Cậu hay cười, hay khóc, tánh hiền, lòng thiện. Cho nên khi cô Hai Thuần Hoa nhờ tôi ghép đôi cho cậu và con Tố Hiền thì tôi mừng lắm, muốn biến từ con lý ngư thành con rồng bay lên trời.

Ông Sáu Mạnh quét cái nhìn qua Khải Thụy rồi qua cô cháu gái kêu mình bằng ông, tấm tắc:

- Xứng đôi thật! Như đôi dưa sơn sơn được bít vàng ở đầu vậy.

Bà Sáu Mạnh bắt bẻ:

- Ông nói chỉ trúng có phân nửa thôi. Ông nên nói rằng cả hai đẹp đôi mới phải cho.

Tố Thuận không sao giấu nổi vẻ ủ dột, nhưng nàng vẫn phải góp chuyện với mọi người:

- Tố Hiền là bạn thơ ấu chí thân chí thiết của Khải Thụy. Cả hai yêu nhau từ thuở nhỏ kia mà.

Tường Phụng nhìn qua Thiều Hoa. Cả hai cùng cười, ánh mắt âu yếm sáng ngời ngời. Riêng Khải Thụy thì nghĩ rằng Tố Hiền mới thật sự khơi dậy ở chàng một ngọn lửa say đắm nhất, nhiệm màu nhất. Say đắm ra sao? Nhiệm màu thế nào? Chàng không làm sao rõ được, nhưng qua một trực giác thâm thúy, chàng biết rằng từ đây, chàng không thể ngoái lại nhìn dĩ vãng độc thân được nữa.

Bà vú ái ngại hỏi Tố Thuận:

- Còn cô Thuận thì sao đây? Cậu Tường muốn cưới cô đó. Cô đã suy nghĩ xong chưa?

Tố Thuận rầu rĩ:

- Cháu phải hỏi ý kiến ba má cháu đã.

Bà Sáu Mạnh khen nức nở:

- Nếu cháu Thuận đây mà gá duyên với cậu Ba Tường thì đúng là đôi dưa ngọc, hơn hẳn đôi dưa sơn sơn với mỗi đầu dưa bít vàng.

Tố Thuận không nói gì. Bà vú đưa mắt ra hiệu chị dâu nên thông qua câu chuyện. Bà Tám Giỏi bảo con trai:

- Má đã nhờ cậu Sáu con xem ngày cưới rồi. Hăm mươi bảy tháng chạp thì tốt lắm.

Thiều Hoa bảo các bậc trưởng thượng:

- Thừa cậu mợ, thừa má và dì út, con muốn tổ chức lễ cưới đơn giản, chỉ mời trong vòng thân tộc và chòm xóm gần gũi thôi.

Bà Tám Giỏi có vẻ không bằng lòng:

- Thôi, để má liệu cho. Con chớ bận tâm.

Thiều Hoa ngượng ngùng:

- Thân phận con lỡ làng, nếu má bày đám cưới rườm rà với yến tiệc linh đình thì thiên hạ mĩa mai tụi con, tội nghiệp cho anh Phụng của con lắm!

Bà vú phạt ý:

- Cô khéo sợ hãi huyền miệng lẫn lưỡi môi. Cô lỡ làng chớ đâu phải hư thân mất nết gì đâu. Rồi đây, thiên hạ sẽ mừng cho cô và sẽ khen thẳng cháu tôi biết ngọc đá hay vàng thau.

Tố Thuận thuật lại câu chuyện than vãn của người chồng cũ của Thiều Hoa trong bữa tiệc rượu. Bà Tám Giỏi hần học:

- Cho đáng kiếp quân bội bạc! Cho đáng đời phường tham dâm hiếu sắc!

Đàn ông mà đẹp mã như con phụng, nhưng có bụng trơn trơn như da con lươn thì rốt cuộc có ra cái gì đâu?

Bà Sáu Mạnh hần học liếc qua chồng:

- Cô nó nói phải lắm. Ba sắp nhỏ có cho lời phân bày của em gái ông lọt vào hai lỗ tai của ông chưa?

Ông Sáu Mạnh hừ hừ nho nhỏ rồi trợn mắt với vợ. Tường Phụng cười ngất rồi bảo mợ dâu:

- Cậu Sáu tụi con thường bảo với họ hàng thân tộc rằng cậu có phước lắm mới có một người vợ nhậm lệ và giỏi bươn chải như mợ. Cho nên, mấy anh chị tụi con người nào cũng ăn nên làm ra cả.

Bà vú bảo thằng cháu trai của mình:

- Bối vậy má của cháu mới nhờ cậu Sáu mợ Sáu của cháu đứng ra làm mai cho hai cái đám cưới.

\*  
\* \*

Ông bà Sáu Mạnh ở An Thành chơi hai hôm rồi về Tam Bình. Tố Thuận và Tố Hiền phụ giúp bà Tám Giỏi gói nem cá cơm. Những con cá cơm lớn cỡ ngón tay áp út được ướp bằng muối diêm nên xương mềm và thịt đỏ đồng đều. Bà Tám Giỏi còn thêm gia vị như tiêu, tỏi, riềng, thén nên thịt của thơm tho và thấm thắp mặn mà. Họ chỉ cần quăn ba hoặc bốn con cá cơm thành một viên tròn như viên thuốc tể, đem thêm nữa muối tỏi và hai khoanh ớt chỉ thiên thái mỏng. Xong, họ gói viên nem trong lớp lá vông non hoặc lá chùm ruột non, bên ngoài còn bọc thêm một lớp lá chuối và buộc lại bằng dây lạt.

Sở rẫy đã dọn luống, khai mương xong. Tường Phụng bắt đầu trồng cải tùa xại, cải xà-lách, cải xà-lách-xoong, rau thơm, các giống ớt, hành, hẹ, gừng, riềng, nghệ... Phải đợi tới tháng mười, chàng mới trồng các hoa Tết như vạn thọ, mồng gà, ớt kiếng, các giống cúc trong những chiếc bội đan bằng tre.

Mỗi khi rỗi rảnh, Tường Phụng phác cỏ trong vườn, móc bùn dưới đáy mương bồi lên lớp dừa, lớp cau cho lòng mương thêm sâu và cho lớp thêm cao. Chàng khai thác ba công đất bỏ hoang mọc đầy cây ké, cây ôi tàu, đám tre gai và chằng chịt dây bìm bìm, dây choại, dây mây, dây phân qua... Khi đất đã dọn sạch lùm bụi hoang

và các loài man thảo xong, chàng trồng thêm ôi xá lý, mạn da người, mạn hồng đào, cam hồng mật, quít đường, chanh giấy, bưởi trắng, bưởi đào. Trước đó, bà Tám Giỏi đã có trồng chuối cau, chuối lá ta, chuối sứ, xoài voi, xoài cát, xoài ang-ca... cho nên hoa lợi cũng đã đủ cho cả nhà sống thành thoi rồi. Giờ đây chàng khai rẫy, mở rộng thêm khu vườn, trồng thêm vài thứ cây ăn quả là cốt gây dựng cơ sở sung túc dài lâu cho thế hệ con cái của chàng.

Bà Tám Giỏi ngừng gói nem, lau lá vông, bảo hai cô Tô:

- Hai con gói nem xong nhớ ướp mớ cá cơm khác cho ngoại. Nhớ ướp cá theo kiểu làm mắm, chớ không phải ướp để làm nem. Ăn cơm trưa xong, ngoại sẽ quét cá thác lác để làm bánh phồng cá. Bọm nhậu thích bánh phồng cá hơn bánh phồng tôm.

Bánh phồng tôm Sa Đéc ngon nhất ở Nam Kỳ Lục Tỉnh. Cho nên bánh phồng tôm của dân Vĩnh Long làm sao so sánh kịp. Gì chớ bánh phồng cá thu hay bánh phồng cá thác lác của bà Tám Giỏi có cái hương vị đặc biệt, chỉ tanh tanh một chút để kích thích vị giác thôi. Ngoài ra nó còn có mùi tiêu trộn, mùi tỏi thơm hăng hắc. Bọm nhậu khắp ba tỉnh Vĩnh Long, Sa Đéc, Trà Vinh rất thích loại bánh phồng này. Mùi tanh tanh của cá, mùi cay của tiêu, mùi hăng của tỏi, khi gặp mùi rượu rề tiền như rượu đế, rượu nếp than hoặc rượu bào chế ở Bình Tây lại hòa hợp kinh khủng.

Bà Tám Giỏi khéo cắt những phiến bánh phồng cá. Bà không chỉ cắt bánh theo hình tròn như những đồng xu lá bài đâu. Khi bánh phơi nắng hơi cứng mình và ráo mặt, nghĩa là không mềm nhão mà cũng không khô cứng, bà cắt thành hình chiếc nơ bướm, khi chiên lên rất đẹp mắt.

Chợt thấy vẻ mặt đăm chiêu của Tô Thuận, bà Tám Giỏi ngập ngừng:

- Sao cháu có vẻ lo ra vậy Thuận? Từ mấy hôm nay, ngoại thấy cháu không được vui.

Tô Thuận chưa chi đã khóc sụi sùi. Nàng kể lại cuộc đi khám dạ con và chuyện không thể thai nghén và sinh nở của mình. Sau cùng, nàng bảo:

- Cũng tại hai cô em chồng cũ của cháu dèm siểm với người chồng cũ của cháu sao đó; anh ta bênh em, đánh cháu một trận sẩy cái thai 4 tháng. Cho nên giờ đây cháu mới biết mình là thứ cây độc không trái, gái độc không con. Cháu không ưng anh Khải Tường vì cháu không nỡ làm hại cuộc đời một kẻ mà cháu yêu quý nhất, yêu trên cả mọi điều trong cõi đời này. Phải chi anh ấy có sẵn con rơi với người đàn bà nào mà anh ấy đã tặng tị trước khi gặp cháu thì cháu sẽ dễ dàng thu xếp việc chung thân của hai đứa, sẽ tổ chức một gia đình bình thường và được êm ấm thuận hòa. Đàng này...

Người dù có hảo tâm thiện chí mà Trời vẫn ngoảnh mặt làm ngơ...

Tự nãy giờ bà Tám Giỏi ngồi nghe Tô Thuận nỉ non khóc lóc kể lể, sắc mặt bà vẫn điềm nhiên, trên môi bà thỉnh thoảng phảng phất một nụ cười dí dỏm, ánh mắt thoáng lóe ánh tinh quái. Nhưng khi nghe tới đây, bà hoảng hốt kêu lên:

- Chết chữa! Sao cháu dám bỏ báng Ông Trời? Ngài công bình lắm, có cung ai, có ghét ai, có nâng ai lên cao, có đạp ai xuống thấp đâu? Tại mình làm mình chịu, làm thiện hưởng thiện, làm ác lãnh ác. Như cháu đây bị thằng chồng trước ngược đãi thì thằng chồng sau phải cung yêu cháu để bù lại cái thiệt thòi của cháu chớ. Mà sao cháu lại thói chí hoài vậy? Cháu cứ nhận lời cầu hôn của cậu Ba Tường đi, ngoại sẽ hiệp cùng hai cô Thuần Hoa và Thiều Hoa giúp cháu hưởng cảnh giai ngẫu lứa đôi.

Tô Thuận nín khóc, hỏi gặng:

- Nhưng bằng cách nào, thưa ngoại?

Bà Tám Giỏi bí mật:

- Thằng thẳng rồi cháu sẽ biết. Mà nè, hình như cô Thuần Hoa có mời cháu qua nhà cô ta chơi, rồi tới tới cả hai sẽ đưa nhau đi xem tuồng Sở Ván Cứu Chúa do gánh Tinh Tú diễn, phải không?

Tô Thuận gật đầu:

- Dạ, đúng vậy. Cháu có hứa xé này cháu sẽ đến viếng nhà chị Thuần Hoa cho biết, rồi cùng dùng cơm tối và đi xem hát với chị ấy...



Tổ Hiền bảo:

- Để em ướp cá cơm cho. Chị hãy tắm rửa, trang điểm đi. Trời đã xế bóng rồi đó. Để chừng đã 3 giờ chiều chứ không chơi.

Bà Tám Giỏi nói bóng gió xa xôi:

- Cháu nên đến cô Thuần Hoa, kể tâm sự cho cô ta nghe. Chỉ có cô ta có tài gỡ rối cho cháu trong vụ này mà thôi.

Tổ Thuận lật đật đứng dậy. Bà Tám Giỏi vào nhà dưới tìm cái giỏ tre, sắp vào đó một chục quít đường, một gói chuối ép phơi khô, một gói bánh phồng cá để Tổ Thuận biếu Thuần Hoa.

Tổ Thuận tắm bằng xà-bông Cadum, trang điểm thật tươi thật đậm với phấn hồng đào, son môi hồng quế, lớp sơn móng tay màu hồng hạnh (giống như màu hoa phượng hay màu hoa gạo). Nàng cuốn tóc tay rế, giắt lược đôi môi, mặc áo mousseline màu cam in bông linh lan (muguet) trắng, quần sa-teng tuyệt nhưng đen, đi giày nhung đen thêu cườm ngũ sắc, ay xách ví đầm da láng gồm hai màu gạch cua và đen huyền.

Khi Tổ Thuận đi ra bến đò, Tổ Hiền bắt đầu ướp cá với muối hột, chứ không bằng muối diêm. Nàng chao những hũ mắm cá cơm đã dậy men chín tới với đường thốt nốt cho thịt con mắm đỏ đồng đóc. Kế đó, nàng gia thêm thính và với riêng giã nhỏ. Khách hàng mua về sẽ thêm chanh, tỏi, ớt và đường cát để làm nước chấm cho các món thịt phay, cá nướng, tôm nướng.

Xong việc, Tổ Hiền đi tắm và gội đầu bằng nước lá thơm gồm lá sả, lá bưởi, lá é tía, lá ngũ trảo, lá khuynh diệp. Nước ấm thoảng mùi hương ngan ngát trôi tới đâu làm nàng rung mình sáng khoái tới đó. Nàng tẩy chất nhờn trên da thịt bằng xà bông nhãn hiệu Cô Ba thoảng mùi thơm hoa ngọc lan và mùi hoa lài. Nàng xối nước lá thơm thêm một lượt nữa. Eo ơi, mỗi khi tôi tắm gội xong, Khải Thụy của tôi thường úp mặt vào ngực tôi để thưởng thức mùi con gái nguyên sơ ở thân xác của tôi. Chàng khen đây là mùi khỏe mạnh và lành mạnh vô cùng quyền rũ. Sau những giây phút ấy, tôi cũng úp mặt vào ngực của chàng, tìm tôi trong cơ thể cường tráng của chàng một mùi lạ lắm, đặc biệt, khó diễn tả đã từng làm tôi chất ngất say sưa. Nhưng chúng tôi không dám đi xa hơn nữa. Tuy nhiên, cả hai vẫn cảm thấy chủ thể và đối tượng là sở hữu của nhau, ràng buộc vào nhau, cùng hiện hữu qua một liên đới mẫu nhiệm: có người này thì mới có người kia.

Tắm gội xong, Tổ Hiền mặc bộ quần áo bằng sa-teng tuyệt nhưng trắng, tóc còn ướt nước xõa dài để hong khí trời cho mau khô. Vừa lúc ấy, Khải Thụy tới thăm. Bà Tám Giỏi làm hai ly cà phê sữa đá cho đôi tình nhân trẻ tuổi. Sau chầu cà-phê, Khải Thụy rủ Tổ Hiền ra chơi dọc

theo mé sông. Khi tới sân gạch, chàng thấy có bày thêm mấy chậu trang trắng, trang hường, trang vàng nhạt, trắng màu đỏ ửng vàng và trang tím. Trang trắng, trang hường và trang tím mới hiếm quý, dù là hoa không hương, nhưng dùng để cúng Phật. Kia, sát lằn ranh giữa sân gạch và bãi cỏ trở ra hàng rào, hai cây điệp ta đang mùa thịnh phóng, hoa yên chi viền vàng xôn xao tung bùng trong gió nắng xế trưa.

Khải Thụy hỏi người yêu:

- Sao lần trước, anh đến đây chơi mà không thấy những chậu hoa này?

Tổ Hiền bảo:

- Chậu của em mới mua đây. Muốn có hoa trang trắng, người thập thúy tầm phuong phải lên núi Bồng Lai ngoài Long Hải búng đem về.

- Nhà ngoại em càng ngày càng đẹp thêm ra.

- Ba em và kế mẫu em có hứa với em khi em đổ bằng Thành Chung xong, họ cho phép em về đây săn sóc ngoại em. Nhưng thư thả đã. Em còn phải về Mỹ Tho thu xếp vài việc lật vạt rồi mới về đây ở luôn.

Khi cả hai tới mé sông thì nước đã dâng cao mấp máy mé bờ. Ngoài sông, ghe thương hồ dựng buồm chạy phẳng phẳng theo nước xuôi gió thuận. Đó là ghe chở đồ gốm, ghe chở lúa, ghe chở dừa khô... Sau đoàn, ghe lũ cá nược (cá thuộc loài có vú) đua nhau lội theo. Bác đờ công thỉnh thoảng hét to:

- Bớ ông nược bà nược! Ghe thương hồ đây! Có giỏi thì vượt qua đoàn ghe tụi này.

Lũ cá nược vừa bơi vừa trôi lên hụp xuống. Nhưng ghe buồm thì lướt nhanh hơn. Các chú trạo phu reo hò tung bùng tờ bờ. Gió càng mạnh. Bầu trời xanh thẫm và cao vợi vợi. Loài điều hâu bay lượn theo cột buồm của ghe chở cá trắng làm chủ ghe phải dùng chiếc sào tre xua đuổi chúng, kéo chúng sà xuống đớp cá.

Tổ Hiền say sưa ngắm cảnh, bảo:

- Cảnh tràng giang thường buồn man mác. Nhưng hôm nay, cảnh lại vui vẻ sinh động.

Khải Thụy choàng tay qua eo nàng, siết mạnh:

- Tại vì chúng ta được bên nhau chứ không phải vì có cảnh cá nược đua ghe đâu, em ạ.

Tổ Hiền bật cười:

- Em cũng nghĩ như anh, nhưng không dám nói ra vì sợ anh cho rằng em xảo, em đĩa.

Khải Thụy cười ngất:

- Thôi, bao nhiêu xảo đĩa để anh lãnh hết cho. Được gần em, dù gặp yêu tinh anh cũng chẳng sợ, huống hồ là mang tiếng xảo đĩa.

- Đây, anh lại càng xảo đĩa thêm nữa, anh có biết không?

Sau đó cả hai thơ thần men theo lối mòn dọc theo sông, nhắc nhở những người bạn chung, những kẻ quen



biết chung. Tổ Hiền bảo người yêu:

- Mười lăm năm thoáng qua giấc mộng mùa hè. Vào mùa hè thì ngày dài đêm ngắn, cơn mộng đêm hè cũng ngắn theo. Cuộc đời là cơn đại mộng. Kinh Phật đã nói nhiều rồi. Chúng ta chiêm bao khi chúng ta ngủ. Nhưng giữa ban ngày, lắm lúc ta ước mơ thứ này thứ nọ. Chúng ta mộng giữa ngày có phải?

Khải Thụy bảo:

- Đạo gần đây, anh mộng giữa ngày nhiều lắm, em biết tại sao không?

Tổ Hiền cười:

- Vì anh hay làm thơ. Theo em nghĩ, sáng tác văn chương là tạo một cuộc sống thứ hai. Cuộc sống này hoàn toàn trong cõi mộng.

- Không phải chỉ vì thơ thần thoại đâu. Cũng bởi vì anh nghĩ tới tình yêu, tới em nhiều quá. Tư tưởng, nhớ nhung tức là kéo theo dòng liên tưởng vào trong hồi ức lẫn trong dự phóng về tương lai. Như thế chúng ta chẳng sống trong cõi mộng là gì?

- Xạo quá! Hề anh càng mộng thì càng xạo đĩa.

Và nàng tinh nghịch:

- Anh cứ tha hồ mà mộng mà mơ, mặc sức mà xạo mà đĩa. Có vậy em mới cảm thấy mình được vinh danh trong ánh sáng tình yêu của anh.

- Em ăn nói hoa mỹ, chả xạo đĩa là gì?

Cả hai cùng hôn nhau đắm đuối say sưa hơn. Mãi tới khi trời tắt nắng, cả hai mới chịu chia tay. Tổ Hiền về nhà thì mâm cơm đã dọn sẵn. Món canh chua cá lóc nấu với khóm, giá sống và cọng bông súng. Một đĩa cá chim tươi chiên vàng được dầm trong nước mắm ớt điểm lát phất những phiến củ cải bào mỏng và ngâm dấm sẵn. Một tô cá bống cát kho tiêu, chan mỡ xắt hạt lựu. Một đĩa khổ qua xào với tôm khô và trứng vịt. Một đĩa sườn heo ướp củ hành và được nướng chín trên than đỏ. Một rổ rau luộc gồm đọt khoai mì, đọt khoai lang, rau sam, rau má, cải trời, bông bí, đọt bí... Một chén mắm nêm pha tỏi, ớt, chanh, đường và đem dưa kiệu xé sợi.

Tường Phụng trước khi ngồi vào mâm cơm cũng đã tắm rửa và mặc áo quần thơm sạch. Chàng vẫn giữ vẻ lầm lũi lì. Giữa bữa ăn thì có bà vú tới chơi, đem theo mấy con cà cuống và mấy trái xoài sống và một cân dầu mù u. Bà bảo chị:

- Sáng mai chị nướng cà cuống rồi dầm nước mắm dấm ớt. Còn xoài thì chị xắt sợi hay băm nhuyễn đem vào nước cá kho.

Bà Tám Giỏi bảo con Nhãn:

- Cơm nước xong, mày nhờ rửa tay cho thật sạch để rót dầu mù u vào thếp đèn chong trên bà Phật.

Bà vú nhìn hũ dầu đặc sền sệt như mật ong, được lọc kỹ nên không còn lợn cợn những mảy cơm mù u nào. Bà tán thành:

- Dù mù u đốt lên có mùi thơm, còn ánh lửa sáng trắng. Đây cũng là loại hương du như dầu dừa. Chị dùng dầu này thắp đèn trên bàn Phật thì đúng điệu quá rồi.

Tường Phụng chợt hỏi:

- Di tìm đâu được thứ hương du này? Má cháu bấy lâu nay dùng dầu dừa để thắp đèn ở những nơi tôn nghiêm.

Bà vú cười:

- Má cháu xài sang. Dầu dừa là thứ dầu ăn như dầu phộng, dầu mè. Di dùng dầu dừa để chiên món chuối chiên, chiên bánh cam, bánh công, bánh tay yến thôi chớ không dùng thắp đèn chong. Ngoài bãi tha ma sau đình làng, có đám mù u mọc rậm rạp, chỉ có cơn gió mạnh thổi qua là trái rụng như mưa. Tụi nhỏ lượm trái mù u đem về bán cho cô Hai Thiều Hoa. Con Lưu, con Lài lột vỏ, nạo cơm của hột mù u rồi tán nhuyễn và phơi mấy cữ nắng trước khi lọc sạch để lấy chất tinh dầu. Đàng nhà cô Hai cũng thắp đèn dầu mù u trên bàn Phật, trên trang thờ hai bà Mẹ Sanh Mẹ Độ.

Bà Tám Giỏi khuyên em:

- Di út gặp bữa, hãy ăn cơm luôn tại đây cho vui.

- Tôi vừa ăn cơm chiều ở đàng nhà rồi. Tôi lại đây coi thằng Phụng làm gì mà không đến thăm đàng nhà cô Hai trọn mấy hôm rồi. Vợ chồng cô Tư nghĩ rằng họ có lỗi thất thố điều chi khiến nó buồn.

Tường Phụng ngó sững bà vú:

- Hòa Phong đối với cháu rất tử tế. Nhưng cô Tư thì bảo rằng cháu có kiến thức nên viết một cuốn biên khảo Việt văn để xin đi dạy môn Việt văn ở các trường tư thục, đừng làm nghề vườn ruộng, rầy bái mà nhẹ thể đi. Cháu chối tai quá. Nhưng không vì lẽ đó mà cháu giận cô ta đến nỗi không lui tới bên nhà vợ hay sao? Tại mấy hôm nay, cháu bận việc không hớ tay nên không đến nhà bên vợ đó chứ.

Bà vú trầm ngâm:

- Tao có nghe đượng Tư cầu nài và khuyên bảo vợ đừng quá chuộng cái chuyện hảo huyền rỗng tuếch. Có lẽ cô Tư biết lỗi nên chẳng nói gì. Xế nay, cô ta nhờ tao mời cả nhà này sáng mai đến ăn cơm tấm sườn bì chả.

Tường Phụng cười lạt:

- Thì cháu có để bụng lâu đâu. Cháu yêu nghề nông và nghề thương mại.

Bỏ hai nghề này cháu như chim bị cắt cánh ấy thôi.

Tổ Hiền bảo:

- Biết đâu chị Thúy Hoa tốt bụng, dù quan niệm của chị ấy ấu trĩ đi nữa.

Bà Tám Giỏi cười:

- Con không để bụng giận hờn cô Tư là má mừng. Đàn ông rộng lượng mới là phải cho chớ.

Tường Phụng chỉ cười, cầm cúi đèn cho xong bữa.

Cơm nước xong, Tô Hiền bung chén đĩa dơ ra sàn nước để rửa sạch trước khi xếp vào trạn. Bà Tám Giỏi thu dọn thức ăn còn thừa cất vào tủ lưới. Tường Phụng trở về buồng riêng xem sách.

Xong xả, bà Tám Giỏi mời bà vú ở lại ngủ cho vui. Bà vú hỏi:

- Chị có món gì để đãi tôi không mà rủ tôi ở lại?

Bà Tám Giỏi tươi cười:

- Tôi sẽ bảo con Hiền nấu chè đậu xanh với khô tai, bột lọc. Chị em mình lâu lâu cũng phải tìm dịp hàn huyên chớ.



\*  
\* \*

Thuần Hoa đưa Vincent ra ngoài cổng, dặn dò:

- Một đây, Vincent nhớ nhắc bác gái cùng qua An Thành chơi cho biết bà con bên em. Còn đám hỏi thì ông Sáu Mạnh bảo nên cử hành vào tháng tới.

Vincent cao lớn như người Âu Châu, màu da hơi sậm, mặt mũi khôi ngô và thanh tú từng nét một. Lạ một điều là môi nướu răng và lòng bàn tay chàng đỏ hồng. Da chàng tuy sậm, nhưng hồng hào chói lọi như màu da trái lựu rậm nắng. Chàng vừa đi đánh quần vợt về nên mặc áo thun cụt tay với cổ bẻ cùng chiếc quần short bằng vải xi-mi-li; tất cả đều có màu trắng mới. Chàng hôn phớt nhẹ lên môi Thuần Hoa, bảo:

- Thôi, anh về nhé. Xế mai anh sẽ đến thăm em...

- Và ở lại dùng cơm luôn với em.

- Đúng vậy. Rồi thì anh sẽ ngủ luôn ở đây và... sẽ có dịp cung em thêm. Tối hôm qua, anh cung em chưa phải lòng toại ý.

Thuần Hoa phì cười:

- Thằng cha Chà-và này dầy dầy tà tâm. Thôi, hạ hồi sẽ phân giải.

Vincent nở nụ cười thật lảng, thật tếu:

- Đã phân giải hồi tối hôm qua rồi. Em giả vờ quên sao?

- Đồ quý! Việc gì cũng tại anh cả. Coi chừng em đó. Vincent lại hôn nàng:

- Thật tình, anh không ngờ anh gặp được một ý trung nhân như em. Thật không uống công anh theo đuổi bấy lâu.

Chàng chợt nghĩ ra:

- Em nuôi con của Khải Tường đã bao lâu rồi?

- Năm năm rồi đấy!

- Đã nuôi thì nuôi luôn. Thằng bé dễ thương quá! Nó phải là con chúng ta. Anh không cho em em trả nó về cha nó đâu.

Thuần Hoa bĩu môi:

- Anh đừng có bướng. Cướp giựt của cải của thiên hạ, tội ấy chỉ nặng có một. Còn cướp giựt máu thịt ruột rà của tha nhân, tội nọ nặng gấp mười.

Vincent nói ngang ngược:

- Tội thì mắc tội. Anh quyết giữ nó lại.

- Anh không tinh tế chút nào. Chúng ta nếu không được làm cha sanh mẹ đẻ của nó thì làm chúng ta làm cha mẹ đỡ đầu của nó cũng được mà.

Vincent cười xòa:

- Em thông minh ơn anh nhiều. Như vậy em mới biết vì sao anh đeo đuổi em từ hai năm nay.

- Tại từ kiếp trước, anh mắc nợ em chứ tại sao.

Vincent không ngờ từ trước mình chỉ yêu Thuần Hoa ở cái thông minh ranh mãnh và ở nét mặt trong sáng của nàng; vậy mà tối hôm qua, chàng khám phá ở nàng một tâm thân Vệ Nữ đẹp ngoài sức tưởng tượng của chàng. Về thông minh làm cho cái sắc diện nàng mất đi vẻ gọi cảm, nhưng cách ăn nói trào lộng và duyên dáng của nàng thu hút chàng ngay từ đầu. Giờ đây, biết thêm cái vóc mình đẹp của nàng thì niềm say mê của chàng nồng đậm thêm, tình yêu của chàng đối với nàng dãn rộng mệnh mông hơn.

Tối hôm qua, cả hai giao hoan bốn hiệp. Vincent khi tiến sâu vào nàng, cảm thấy mình tan thành sáp lỏng, trước khi biến thành hương hơi. Thuần Hoa lão luyện trong việc gối chăn vì người chồng đầu tiên của nàng là Khách Trú. Anh ta đã truyền dạy cho nàng nhiều bí thuật gối chăn. Nàng chủ động nhiều hơn chàng. Nàng khơi giông bão bùng bùng khắp thân xác chàng. Rồi khi tan cuộc, chàng say thiếp trên người nàng một lúc khá lâu và khi tỉnh lại chàng cảm thấy sáng khoái để nhóm lại ngọn lửa nhục cảm trên thân xác mình. Chàng nghĩ thầm rồi đây suốt khoảng đời còn lại, chàng sẽ dâng hiến tất cả cho nàng, chứ không phải chỉ có tình yêu và cái khoái lạc của nhục cảm đâu.

Đợi người yêu khuất bóng, Thuần Hoa vào nhà, bật đèn cho sáng hơn. Tô Thuận đang nằm trên ghế xích đu, vợ vẫn nhìn Khải Vinh đang chơi đùa với con chó caniche ngoài sân. Thuần Hoa bảo:

- Trong nhà tối quá, sao em không bật đèn?

Tổ Thuận không trả lời, lại hỏi Thuận Hoa:

- Bé Vinh kháu khỉnh quá, chị xin cháu ở đâu?

- Nó là con rơi của một cô thiên kim tiểu thư vốn là bạn của chị. Cái tấm ảnh phóng đại cỡ 18 x 24 treo bên vách phải của phòng khách này là ảnh của má nó đấy.

- Chị ấy tuy đẹp vừa phải, nhưng lộ lộ vẻ cao sang quý phái.

- Cô ta tên Trịnh Ngọc Yến có tên chồng không ra gì nên dan díu với một anh công chức. Câu chuyện dài lắm. Bên nhà bà Tám Giỏi đều biết. Chị vừa lúc góa chồng, nuôi nó dùm anh công chức kia, chứ không làm khai sinh nhận nó làm con đâu.

Biết Thuận Hoa trả lời lấy có, Tổ Thuận không hỏi gì thêm. Thuận Hoa giục nàng trang điểm lại để đi xem hát. Tổ Thuận bảo:

- Phải chi em nuôi được một đứa con như cháu Khải Vinh này. Mà sao cháu lại giống anh Khải Tường, cái tên kép cũng khởi đầu chữ bằng chữ Khải. Hay là...

Thuận Hoa nhìn đăm đăm Tổ Thuận:

- Là sao? Em đang nghi ngờ chuyện gì đây?

Tổ Thuận chối bay chối biến:

- Không, em có nghĩ gì đâu.

- Em đừng chối. Chị biết em đang nghĩ gì?

Thuận Hoa nhấn mạnh:

- Tổ Thuận này, em thấy Khải Vinh giống Khải Tường lắm sao?

- Như khuôn đúc vậy.

- Ai cũng nói thế. Mà chị cũng nghĩ như thế.

Tổ Thuận đáp ứng:

- Thì ra Khải Vinh là con anh Khải Tường đấy à?

Thuận Hoa âu yếm nhìn ra sân:

- Đúng vậy đó, em ạ. Nhưng bây giờ nó là con của chị, Khải Tường trở thành cậu của nó. Từ đây về sau, chị cấm nó kêu Khải Tường bằng papa.

Tổ Thuận như mê man bởi một cảm giác lạ lắm. Nàng e dè:

- Nhưng trong khai sinh, cha nó là ai?

- Thì cha nó là Trần Văn Khải Tường, mẹ là Trịnh Ngọc Yến.

Thuận Hoa mở ngăn tủ kệ, lấy giấy khai sinh của Khải Vinh cho Tổ Thuận xem. Nàng thuật câu chuyện Phạm Thanh Chánh từ hôn Thiệu Hoa để cưới Trịnh Ngọc Yến. Rồi Ngọc Yến ly dị chồng để dan díu với Khải Tường, sinh ra Khải Vinh và chết bởi chứng hậu sản. Vừa thuật chuyện, Thuận Hoa dò xét nét mặt của Tổ Thuận. Tổ Thuận cứ cười nụ luôn. Lúc ấy, Khải Vinh đã được chị ở tắm rửa, mặc quần áo mới từ nhà trong bước ra. Tổ Thuận ngoắc bé lại đặt bé ngồi trên đùi của mình, hôn mớ tóc mặt của bé. Thuận Hoa không hiểu cô thợ may đất Định Tường kia nghĩ gì?

Bên ngoài tối đen. Hương nguyệt quý bắt đầu lan trong sương ẩm và bóng tối.

Thuận Hoa vào trong trang điểm và mặc chiếc áo dài màu thụy lam rập rờn ánh bạc, đeo sưu bộ kim cương chiếu lập lòe. Nàng giục Tổ Thuận đến Miếu Quốc Công, nơi ấy gánh hát trình diễn tuồng nơi võ ca, tức là một cái hí viện khá lớn giáp với bàn thờ thần miếu và nằm trong khuôn viên của miếu. Trước khi đi, Tổ Thuận hôn lấy hôn để đưa bé, rồi bảo:

- Thằng bé dễ thương quá. Nhưng chị ạ, lá rụng về cội. Mà cái cội của nó có một phần của đời em dính vào đó, chị hiểu chứ? Rồi đây anh Vincent sẽ tặng cho chị vài đứa con khác.

Thuận Hoa cười:

- Em nói có lý. Để rồi chị sẽ liệu. Ở đời, chuyện châu hoàn Hiệp Phố đâu phải hiếm hoi. Mà này, đứa con trai của anh ấy lai Pháp, đẹp trai hơn cha. Mỗi kỳ bãi trường, nó về Pháp nghỉ hè bên quê ngoại. Năm nay, nó được 15 tuổi, học trường Chasseloup Laubat và ở nội trú. Chị chưa thương yêu nó vì chưa gặp nó nhiều.

Tổ Thuận thở dài nhẹ nhõm. Đúng như bà Tám Giỏi bảo: chỉ có Thuận Hoa mới gỡ rối cho nàng. Nghĩ tới Khải Vinh, bản năng làm mẹ của nàng nở hoa một cách kỳ diệu. Mà thằng bé cũng tỏ vẻ quậy luyên nàng. Mỗi khi nàng hôn nó, nó vít cổ nàng xuống để hôn lên má nàng, ánh mắt âu yếm của nó trông sao mà dễ thương quá đi thôi!

(còn tiếp)



# TIN TỨC PHẬT GIÁO KHẮP NƠI

(trích từ [phapluan.net](http://phapluan.net), [phapvan.ca](http://phapvan.ca), [phatviet.net](http://phatviet.net))

## **Dự kiến của Tổng Thống Ấn Độ về dự án Nalanda** (Minh Châu dịch)

"Sứ mạng" có tính cách toàn cầu của trường đại học Nalanda trong đề án sẽ là một cơ sở học tập để "đào tạo những nhà lãnh đạo cho nền hoà bình của thế giới," đây là lời của Tổng Thống Ấn Độ A.P.J. Abdul Kalam.

Trong một buổi truyền hình trực tiếp từ New Delhi, TT Kalam đã nói với những thành viên trong hội nghị quốc tế tại đây rằng một "sứ mạng" khác là xây dựng một xã hội toàn diện trong một thế giới không có bạo lực, khủng bố, chiến tranh, và sợ hãi. Khi vạch ra cho thế giới cái nhìn về đề án với một "cơ sở học tập hoàn toàn tự trị" sẽ được xây dựng ngay trên mảnh đất của trường đại học Nalanda của thời xa xưa, TT nói rằng những thành phần chủ yếu về chức năng của trường sẽ được quyết định sau cuộc thảo luận giữa hàng trăm học giả khắp nơi trên thế giới.

Hội nghị này được tổ chức bởi 3 viện nghiên cứu trong vùng và ban giáo sư trường Đại học Quốc gia Singapore. Chương trình với chủ đề "Gạch nối văn hoá Phật giáo giữa Đông và Nam Á Châu", được sự trợ giúp của Bộ Ngoại Giao và Liên Đoàn Phật giáo Singapore. Những thành viên tham dự gồm có Bộ trưởng Bộ Ngoại Giao Singapore George Yeo và Phó Chủ Tịch Ủy Ban Qui Hoạch của tỉnh bang Bihar N.K.Singh. Những đề tài thảo luận gồm có: "Sự gặp gỡ lịch sử của Trung Hoa với đạo Phật", "Ký ức cận đại của mối quan hệ cổ xưa giữa Ấn Độ và Đông Á", "Đạo Phật trong bối cảnh thực tiễn", và "Liên hệ của trường Nalanda trước kia đối với thời đại mới của chúng ta".

TT Kalam đã giải thích sự hình dung của ông về khái niệm của "một viện nghiên cứu duy nhất tại Nalanda trong bối cảnh môi trường hiện nay trên thế giới". Đề án này được thiết lập cho "sự đồng nhất về tinh thần" trong thế kỷ 21, có thể đem đến sự thu hút bởi những truyền thống lịch sử phong phú của Nalanda, Bodhgaya, là nơi Đức Phật thành đạo, và những trung tâm tôn giáo khác tại Bihar. Trường sẽ được thành lập với nhiều môn học, sẽ chú trọng bao quát từ khoa học kỹ

thuật cho đến mặt tâm linh. Đây sẽ là sự phục hồi những đặc điểm của trường Nalanda ngày xưa.

## **Phái Đoàn Nhật Bản viếng thăm Viện Bảo tàng Phật Giáo Amaravathi trong dự án phát triển mạng mạch Phật Giáo**

(Hạt Cát dịch)

Thursday, Nov 09, 2006

**ẤN ĐỘ - AMARAVATHI (GUNTUR DT.):**-Một phái đoàn 2 thành viên của Tổ Chức Ngân Hàng Quốc Tế Nhật Bản (Japan Bank of International Cooperation viết tắt JBIC) đã ghé viếng thăm Nagarjunakondava và Amaravathi hôm thứ Ba và thứ Tư ở Guntur để nghiên cứu và tiến hành những thủ tục cần thiết trong việc phát triển những khu vực này như là một phần của dự án "Du Lịch Mạng Mạch Phật Giáo Quốc Tế"

Bộ Du Lịch và Văn Hóa Liên Bang đã nhận lãnh một công trình ở Orissa và Andhara để phát triển một vài khu vực đầu tiên quan trọng nhất của Phật Giáo trong những tiểu bang này để thu hút con số du khách quốc nội cũng như quốc ngoại. Tổ chức Phát Triển Hải Ngoại sẽ tài trợ cho dự án này.

Thành viên của phái đoàn Nhật Bản, Phó Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Phát triển Nhật Bản, Te Tsukazu Murakami, và Cố Vấn Điều Hành Kế Hoạch Phát Triển Quốc Tế Thái Bình Dương Yoshiki Hirabayashi đã đi một vòng hai địa điểm trên cùng với một thông dịch viên. Thành viên thứ hai, Mr. Murakami cũng là thành viên của Cơ Quan Liên hợp Vận Chuyển Nhật Bản.

Họ sẽ đệ trình một bản báo cáo tình trạng hạ tầng cơ sở và những địa điểm di tích nguyên thủy phù hợp với đề nghị của Bộ Khảo Cổ địa phương và viên chức bộ Du Lịch cũng sẽ tham gia vào dự án với một bản kiến nghị cho phái đoàn Nhật Bản trong việc đề xuất kế hoạch cuối cùng.

Tổ Chức Phát Triển Hải Ngoại ODA sẽ là cơ quan cuối cùng cứu xét dự án với sự tham khảo cùng Bộ Du lịch Liên Bang.

Trong lúc hướng dẫn phái đoàn Nhật Bản tham quan, Giám Đốc Khảo Cổ Ấn Độ, D. Jithender Das mong muốn rằng chuyến viếng thăm viện bảo tàng đại tháp Amaravathi sẽ khiến cho du khách sẽ hài lòng hơn

Ông Bayashi, phái Nhật Bản nói viện bảo tàng Amaravathi quả là một công trình nghệ thuật tuyệt vời của văn hóa Phật Giáo trên thế giới. Ông tán thán Bộ Khảo Cổ Ấn Độ đã bảo tồn những tác phẩm nghệ thuật này thật hoàn hảo " Tất cả những tác phẩm điêu khắc này trong chiến tranh đã bị Anh Quốc mang đi trong giai đoạn Công Ty East India phải được trở lại và chúng bày ở Amaravathi"

Giám đốc hành chánh bộ Du Lịch Ramana Reddy và giám đốc điều hành phân ngành nói ông mong muốn tất cả hệ thống đường xá, khách sạn, nhà hàng v.v, nói chung là mọi tiện nghi sinh hoạt ở những địa điểm mạng mạch Phật Giáo sẽ được cải thiện tại Amaravathi. Phó giám đốc khảo cổ D. Kanna Babu cũng có mặt trong phái đoàn tiếp đón Nhật Bản.

### **Ngọc Xá Lợi thiêng liêng được tiếp tục triển lãm tại Penang, Kuala Lumpur**

(tinh thần dịch - Được viết bởi Anthony Chew)

Kuala Lumpur- Cư dân Mã lai sẽ có cơ hội chiêm bái một sưu tập quý báu vĩ đại của Ngọc Xá lợi thiêng liêng của Đức Phật Thích Ca và các bậc Thánh Tăng.

Cuộc Triển lãm lưu động Ngọc Tâm Phật Bảo Điện Xá Lợi Di Lạc tại Kuala Lumpur từ ngày 25 đến ngày 29 tháng Mười Một và tại Penang từ ngày 2 đến ngày 3 tháng 12 sẽ triển lãm Ngọc Xá Lợi, bao gồm vài di tích của Ngài Dalai Lama thứ 14.

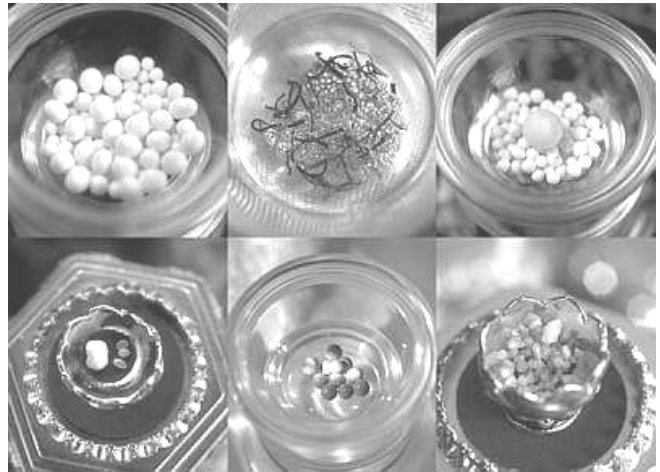
Sưu tập Ngọc Xá Lợi trong Dự Án Di Lạc là công việc của Ngài Lama Zopa Rinpoche, người sáng lập và là giám đốc tinh thần của Cơ sở thiết lập cho sự Bảo tồn truyền thống Bắc truyền.

Nhiều bậc Trưởng Lão Phật Giáo đương thời từ một số truyền thống và quốc gia, gồm có Miến Điện, Nam Dương, Thái Lan, Tây Tạng và Đài Loan, đã cung hiến các xá lợi để đặt vào Dự Án Di Lạc Ngọc Tâm Kim Thân Phật.

Trong số các Xá Lợi thiêng liêng là xá lợi của Đức Phật Thích Ca lịch sử, hai vị Thanh Văn Đại Đệ Tử Ngài Ananda và Ngài Sariputta. Ngoài ra còn có di vật của Ngài Bodhisattva Chophak, một vị Thầy lãnh đạo lỗi lạc với đức tin kiên cố; Lama Thubten Ye-she, người sáng lập Dự Án Di Lạc, Lama Tsongkhapa, người sáng lập truyền thống Gelug của Bắc truyền Tây Tạng và Thầy Gwang-Chin sinh tại Huang Wen Lai vào năm 1892.

Ngọc Xá Lợi là sự kết tụ lạ thường giống như ngọc trai được giữ lại từ tro hỏa táng các vị Thánh Tăng sau khi trà tỳ. Phật tử tin rằng Ngọc xá lợi được hình thành

như một kết quả của sự viên mãn tâm linh của lòng từ bi và trí tuệ. Cũng có các di vật như vài xương răng và xá lợi xương trong bộ sưu tập.



Phật tử tin tưởng rằng chiêm ngưỡng xá lợi thiêng liêng sẽ khơi gợi cảm xúc đến người để phát triển phẩm chất của lòng từ bi trong tâm thức, như thế sẽ đóng góp vào hòa bình thế giới.

Xá lợi Phật thiêng liêng sẽ được lưu diễn khắp thế giới cho đến khi xá lợi được tôn trí trong Bảo Điện Kim thân Phật Di Lạc mà hiện nay đang được xây dựng tại Kushinaga, Uttar Pradesh ở miền Bắc Ấn Độ.

Dự Án Di Lạc này là niềm mong ước của ngài Lama Zopa Rinpoche mà nhiều người sẽ có cơ hội chiêm bái xá lợi. Ngài bắt đầu cuộc triển lãm khắp thế giới vào tháng Ba năm 2001. Từ lúc đó, Ngọc Xá lợi thiêng liêng này được trưng bày tại các chùa, các trung tâm thiền, và các địa điểm cộng đồng khác nhau trên toàn thế giới.

Cuộc lưu diễn tại Kuala Lumpur (từ 10 giờ sáng đến 10 giờ tối hằng ngày) được tổ chức bởi Hội Phật giáo Losang Dragpa tại số 1 Jalan SS 17/21F Petaling Jaya trong khi cuộc triển lãm Penang (từ 10 giờ sáng đến 7 giờ tối hằng ngày) được tổ chức bởi Trung Tâm Chokyi Gyalsen (CGC) tọa lạc tại số 157 đường Kelawai. Cả hai cùng là chi nhánh của tổ chức.

Tiến sĩ Daniel Yeoh, vị đồng sự của Hội CGC đã trình bày với mọi người, đặc biệt Hội sinh viên Phật giáo không nên bỏ lỡ cơ hội chiêm ngưỡng Ngọc Xá Lợi.

Tiến Sĩ Yeoh nói: "Đây là đặc ân cho chúng tôi rằng Ngọc Xá Lợi được mang đến Malaysia. Ngọc Xá Lợi thiêng liêng và quý báu."

### **Chùa Thiếu Lâm phát hành sách võ học**

(Hạt Cát dịch)

Lý thuyết căn bản tiêu chuẩn trong võ nghệ Thiếu Lâm đã được biên soạn với đầu đề mới toanh " Sách Võ

Học Thiếu Lâm" vừa được tung ra trên thị trường.

Ngôi chùa 1,500 năm tuổi Thiếu Lâm Tự ở thị trấn Đãng Phong, trung bộ tỉnh Hà Nam, Trung Quốc, là trung tâm Thiền và Võ học nổi tiếng nhất.

Tuy nhiên, rất ít trong con số 50,000 võ sinh từ quốc nội cũng như quốc ngoại tìm đến Đãng Phong được may mắn theo học võ thuật tại ngôi chùa. Đa số những học viên này ghi danh vào một trong số 80 cơ sở chuyên môn trong thành phố.

Quyển sách minh họa được biên soạn bởi Văn Phòng Điều Hành Thể Thao thành phố Đãng Phong gồm có các bài luyện tập thể lý căn bản, các bài luyện tập 24 đường quyền và luyện tập côn khúc.

Khoảng hơn 500 quyển sách đã được gửi tặng cho 126 cơ sở chính quyền cũng như các tổ chức tư nhân tại thành phố Đãng Phong hôm thứ tư. Văn phòng thể thao cho biết tất cả các cơ sở dạy võ thuật trong thành phố sẽ được khuyến cáo nên áp dụng quyển sách trong chương trình giảng dạy năm tới.

### **Phật tử Nam Bắc Hàn tổ chức chung buổi lễ khánh thành ngôi chùa vừa được phục hồi tại Bắc Hàn** (Hạt Cát dịch)

Kim Cuong Son - (MOUNT GEUMGANG), North Korea, Nov. 19 (Yonhap) Khoảng 700 viên chức và Phật tử từ Nam và Bắc Hàn đã tham gia một buổi lễ hội hôm Chủ Nhật để đón mừng sự phục hoạt của một phần của một ngôi chùa danh thắng ở trên núi Geumgang miền Bắc vốn bị thiêu hủy hồi chiến tranh 1950-53 Korean War.

Cuộc tân trang 10 tòa nhà đã được hoàn tất sau khi đã tái thiết chính điện chùa Shingye hai năm trước.

Hồi tháng Giêng 2003, giáo phái Jogye, Tào Khê, tông phái Phật Giáo lớn nhất Nam Hàn, đồng ý với liên hiệp Phật Giáo Bắc Hàn về việc trùng tu ngôi chùa trên núi thuộc miền duyên hải phía Đông Bắc Hàn. Khoảng 80% diện mạo ngôi chùa đã được phục hồi.

"Chúng ta có thể cùng nhau tổ chức buổi lễ cảm tạ vào ngày Tuyên Cáo 15 tháng Sáu."

Chung So-jung, trưởng đoàn liên hiệp Phật Giáo Bắc Hàn trong một diễn văn nói rằng "Hy vọng của chúng tôi về việc thống nhất hai Đại hàn sẽ được ủng hộ với lời cầu nguyện của Phật tử của cả hai phía Nam Bắc hàn.

"Tuyên cáo 15 tháng Sáu" ý nói đến một hiệp ước được ban hành sau lần hội nghị thượng đỉnh chưa bao giờ xảy ra trước đó giữa hai nhà lãnh đạo Nam Hàn Kim Đại Trọng và Bắc Hàn Kim Chính Nhật hồi năm 2000 ở Bình Nhưỡng.

Dự án tái thiết ngôi chùa là dự án giao lưu đầu tiên nhằm phục hồi một di sản văn hóa chung kể từ khi xảy ra sự phân chia bán đảo triều tiên hồi năm 1948. Ngôi chùa

đã trở thành một địa điểm nóng hổi cho nhiều sự kiện giao lưu văn hóa Hàn quốc sau đó.

Được thành lập năm 519 sau Tây Lịch dưới triều đại Silla, chùa Singye là một trong bốn ngôi chùa Phật giáo nổi tiếng trên núi Geumgang. Toàn bộ ngôi chùa, ngoại trừ một ngôi tháp bằng đá ba tầng, đã bị tàn phá bởi bom đạn của Hoa Kỳ năm 1951.

### **Úc Châu: Trung tâm Atisha và Ngôi tháp vĩ đại** (Minh Châu dịch)

Bendigo, Australia - Hơn 1000 người đã đến viếng Trung tâm Atisha ngày hôm qua và tìm hiểu thêm về cách sống của những người tu Phật.

Theo chương trình của ngày mở cửa hàng năm của trung tâm, quan khách được tham quan khu đất nơi sẽ xây Ngôi tháp vĩ đại, Trung tâm trung bày các xá lợi, và Tu viện Thubten Shedrup Ling.

Hàng trăm người đã vân tập tại Atisha Gompa để tham dự những chương trình sinh hoạt tâm linh gồm có những buổi hướng dẫn tu tập thiền theo Phật giáo và một buổi thuyết giảng với chủ đề "Thực chất của con đường tu Phật."

Các trẻ em đã thích thú với những mẫu chuyện Phật giáo và các nghệ phẩm, trong lúc các vị khách lướt qua những quyển sách, các món đồ trang sức và các gian hàng thủ công nghệ.

Giám đốc trung tâm Atisha, ông Ian Green ước lượng có khoảng 1500 người đã đến tham dự trong ngày mở cửa này. Ông nói "Có rất nhiều người thực sự lưu tâm về những gì xảy ra tại đây. Họ có nghe nói về ngôi tháp v.v... Thường thì họ chỉ quan tâm đến những gì xảy ra tại Bendigo."

Ông Green nói thêm rằng dư luận quần chúng hiện rất tốt đẹp, nhiều người đang mong muốn trông thấy công trình xây dựng Ngôi tháp vĩ đại được tiến hành. Công trình này dự trù sẽ được hoàn thành vào năm 2010.

Vào tháng 6, 2007, đức Đạt Lai Lạt Ma sẽ đến viếng thăm và chúc phúc cho khu đất nơi sẽ xây Ngôi tháp này, đồng thời sẽ chú nguyện cho pho tượng của ngài Guru Renpoche được tôn trí bên ngoài Trung tâm trung bày.

### **Viện nghiên cứu khảo cổ Ấn Độ tiếp nhận khu di tích Phật giáo tại Orissa** (Minh Châu dịch)

Ngày 17 tháng, 2006

Bhubaneswar, india - Một viên chức cho biết tỉnh bang Orissa đã giao một khu đất có di tích Phật giáo cổ cho Viện nghiên cứu khảo cổ Ấn Độ (ASI). Các viên chức cao cấp của hai cơ quan văn hoá và khảo cổ của tỉnh bang đã giao lại ngọn đồi Languli rộng 143 mẫu và những vùng phụ cận cho viện ASI, là một khu di tích

quan trọng của quốc gia đòi hỏi sự bảo toàn tốt hơn. Đây là một khu di tích Phật giáo nổi tiếng nằm trên vùng ven biển của Jaipur, cách Bhubaneswar khoảng 90 cây số.

9 năm về trước khu đất này đã là những tiêu đề lớn khi có nhiều sử gia và khảo cổ gia nhận ra dấu vết của tu viện Puspagiri Mahavihar, một trong những tu viện Phật giáo lâu đời nhất được Ngài Huyền Trang nói đến. Ngài Huyền Trang, một du hành gia người Hoa đã đến thăm Odra (Orissa) vào năm 639 trước Công Nguyên.

Viện Nghiên cứu Hàng hải và Đông Nam Á tỉnh bang Orissa (OIMSEAS) trước đó đã khai quật vùng đất này và đã đào được một số đá thuộc những ngôi tháp và các đền đài Phật giáo vào đầu thời Trung cổ.

Tỉnh bang Orissa có một số lớn những khu di tích Phật giáo, gồm có Ratnagiri, Udaygiri, Lalitgiri, Kuruma, Brahmavana, Langudi và Ganiapali.

Các nhân viên khai quật đã tìm ra những vòm lớn, những tu viện, những pho tượng và những đồ vật khác quan trọng về khảo cổ trong vùng đất này.



### **Tu viện dành cho sadi cô nhi ở Myanmar**

By DAVID LONGSTREATH, Wells Fargo Pioneer, (Hạt Cát dịch)

*Đối với các bé trai này, tu viện đã trở thành một gia đình.*

Yangon, Myanmar -Miệng nhai hạt beetle,Vị Sur thông thả đưa từng nhát dao cạo lên đầu một bé trai đang ngồi dưới chân. Một hàng 10 em bé khác, tuổi từ 5 đến 10, kiên nhẫn ngồi đợi đến phiên được cạo tóc chỉ còn chừa lại một vớ tóc trước trán, dấu hiệu của một cô nhi.

Tòa nhà đơn sơ, cũ kỹ, nơi gọi là Tu Viện Mhan Kinn ở khu ngoại vi thành phố Yangon sẽ là một ngôi nhà duy nhất mà nhiều em cô nhi chỉ biết được có thể, một nếp sống tu sĩ, một gia đình duy nhất mà các em có được.

Trung bình, mỗi năm tu viện nhận vào khoảng 15 cô nhi trẻ. Năm nay có 50 em. Ít nhất là cho tới tuổi 15, hiện nay thì các em đều mặc y sadi màu cam sậm hoặc đỏ tươi.

Sở hữu thế gian giới hạn của các em gồm có một chiếc cốc uống nước, một cây dù, một bàn chải răng và một bình bát. Là một Phật tử truyền thống Theravada, tất cả nhu cầu, từ chiếc y các em mặc, thực phẩm của các em thọ dụng đều đến từ cộng đồng.

Có khoảng 50,000 tu viện trên đất nước Myanmar.



### **Vai trò của Phật giáo trong lãnh vực giáo dục và xã hội Thái**

(Minh Châu dịch)

Ngày 1 tháng 12, 2006

Bangkok, Thái Lan - Đại biểu Bộ Nội Vụ Banvat Chansena ngày hôm qua đã đưa ra đề nghị rằng trẻ em các gia đình Phật giáo phải đọc lời nguyện từ lúc lên tám. Đây là một truyền thống được áp dụng trong triều đại vua Rama VI.

Ông Banvat nói rằng ý kiến này nằm trong một kế hoạch lâu dài của chính phủ nhằm làm tăng trưởng giá trị đạo đức nơi giới trẻ. Thực hành điều này sẽ khuyến khích người Thái chú tâm vào giáo lý đạo Phật và biết tri ân Phật pháp sớm hơn. Ông nói thêm rằng một số đồng người Thái chỉ đến chùa một lần duy nhất trong đời-cho tang lễ của chính họ.

Kế hoạch này cũng đề ra một dự án "Những ngôi chùa tiêu chuẩn" nhằm khuyến khích các vị sư trụ trì và chư tăng giữ vai trò then chốt và cải tiến các dịch vụ về tâm linh trong các cộng đồng. Đề án 3 năm sẽ bắt đầu vào tháng Giêng với sự tham gia của 5,500 ngôi chùa và 550,000 tăng ni Phật tử.

Một học giả Phật giáo, ông Sathienphong Wannapok tán dương đề án này, cho rằng nó sẽ hỗ trợ vào việc hướng dẫn đạo đức trong các trường học trên toàn quốc.

Ông cũng đề nghị việc cho chư ni đầu phiếu để góp phần vào sự phát triển của quốc gia. Và việc giảng dạy về đạo đức nên tiếp tục trong các lớp trung và đại học.

Sư Phra Thamra Kosajarn, viện trưởng trường đại học Mahachulalongkornrajavidyalaya, kêu gọi tăng ni tham gia vào đề án "Những ngôi chùa tiêu chuẩn", mà Sư cho rằng nên tiếp tục duy trì sau thời gian 3 năm của đề án.

### **Người Nhật Xây Cát Trường Học Cho Cư Dân Nghèo Tại Bodh Gaya**

(Minh Châu dịch)

Ngày 24 tháng 11, 2006

**Patna, India - Một trường học sẽ được** thành lập cho các trẻ em Dalit trong một ngôi làng gần Bodh Gaya của tỉnh bang Bihar, là nơi xuất phát ra đạo Phật.

Trường học này sẽ được xây cất tại ngôi làng Nama trong địa hạt Bodh Gaya, là nơi Đức Phật đã thành đạo cách đây 2,550 năm, cảm ơn Hội Neem của Nhật bản.

Trường học này sẽ được xây cất tại ngôi làng Nama trong địa hạt Bodh Gaya, là nơi Đức Phật đã thành đạo cách đây 2,550 năm, cảm ơn Hội Neem của Nhật bản.

Ông Sane Sumi Inaba, chủ tịch hội, nói: "Chúng tôi đã bắt đầu công trình xây cất một trường học cho trẻ em các gia đình rất nghèo, để giáo dục các em đồng thời tạo cho các em sự nhận thức về xã hội.

Nền móng bằng đá đã làm xong vào ngày thứ Năm. Một số người Nhật với tư cách thiện nguyện đã đến giúp không gạch, cát và xi măng".

Ông Inaba nói rằng trường sẽ được mang tên "Trường thân hữu Nhật-Ấn". Dự án này không chỉ nhằm giáo dục các trẻ em nghèo Dalit, mà còn làm gia tăng tình thân hữu giữa hai quốc gia.

Hàng ngàn cư dân nghèo, hầu hết thuộc đẳng cấp Musahar Dalit, đã định cư tại các ngôi làng quanh vùng Bodh Gaya. Họ không có điều kiện để chăm lo sức khỏe và giáo dục con em. Một số tu sĩ từ Nhật, Tích Lan và Thái.

### **Chùa Nguyên Thủy Santacittarama ở Ý Đại Lợi**

(Hạt Cát dịch)

Santacittarama, dịch Anh "The Garden of the Serene Heart", dịch Việt "Thanh Tâm Viên" là một tu viện nhỏ theo truyền thống cổ truyền Theravada. Tu viện được thành lập năm 1990 để đáp ứng nhu cầu khao khát tâm linh của Phật tử Ý Đại Lợi cũng như cộng đồng Phật tử di dân từ Thái, Tích Lan và Miến Điện. Hiệp Hội Santacittarama Association- giáo hội hợp pháp chính thức đại diện tu viện, là một thành phần của Liên Đoàn Phật Giáo Ý Đại Lợi và đã chính thức được chính phủ công nhận là một tổ chức tôn giáo năm 1995. Tu viện tọa lạc tại vùng đồi Sabina, cách Rome, thủ đô Ý Đại Lợi

khoảng 50 km, trong quận hạt Poggio Nativo, tỉnh Rieti.

Số chư tăng thường trú hiện nay gồm có các vị như sau:

Sư Ajahn Chandapalo, người Anh, đi vào đời sống tu viện năm 1980 và hai năm sau đó thọ giới xuất gia với Ngài Sumedho tại tu viện Chithurst, United Kingdom. Su Chandapalo đã trải qua thời gian phục vụ một vài tu viện ở Anh Quốc và Thụy Sĩ cũng như đã tu học tại Thái Lan một năm. Năm 1993 Sư được thỉnh về tu viện Thanh Tâm Viên và trở thành sư cả của tu viện kể từ năm 1996.

Sư Ajahn Jutindharo, là một đồ đệ người Thái của Ngài Ajahn Chah, xuất gia sadi năm 13 tuổi, thọ đại giới năm 20. Khi còn là một sadi, Sư có trải qua một thời gian học Anh Văn ở Wat Pah Nanachat ở vùng đông bắc Thái Lan. Năm 1993, Sư được thỉnh sang phục vụ tại Santacittarama.

Sư Uttamo, người Đài Loan, sau 18 năm tu học trong tu viện của ngài Ajahn Chah ở Thái Lan, Sư được thỉnh sang phục vụ tại Santacittarama hồi tháng 6, 2006.

Ven Suvaco, người Thái, xuất gia được 9 năm, Sư đến Santacittarama hồi tháng 7 năm 2005, và dự trù sẽ ở lại khoảng một năm.

Ven Mahapanyo, tu sĩ người Ý từ Arezzo. Sư trước kia được biết đến với thế danh Anarika Luca cho đến khi thọ giới sadi với Ngài Sumedho năm 2001 và trở thành tỳ kheo trong tăng đoàn năm 2004.

Sadi Brahmano đến từ La Spezia kể từ năm 2004, và thọ giới sa di hồi tháng 6, 2006.

Ngoài chư tăng, còn có thêm 2 chúng sanh cộng trú, đó là:

Dorje, một chú mèo Ý, được sanh ra trên nóc nhà của ngôi tu viện cũ ở Sezze Romano khoảng năm 1990.

Dicky, một chú chó bị bỏ rơi tìm được đường đến đây hồi tháng 6, 2001.





Ngày 23 tháng 10, 2006

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

## THƯ NGỎ

### V/v: Tài Chánh Ấn Tổng Tam Tạng Song Ngữ Pāli - Việt

Ngưỡng bạch chư Tôn Đức,  
Kính thông báo cùng quý Phật Tử gần xa,

Chúng tôi kính gửi biểu đến quý vị tập Kinh Song Ngữ Pāli - Việt tựa đề Buddhavaṃsa - Phật Sử & Cariyāpiṭaka - Hạnh Tạng là tập Kinh được ấn tổng đầu tiên thuộc Công Trình Ấn Tổng Tam Tạng Song Ngữ Pāli - Việt.

Công Trình Ấn Tổng Tam Tạng Song Ngữ Pāli - Việt có mục tiêu hoàn tất việc ấn tổng toàn bộ Tam Tạng 58 tập (xin xem Lược Đồ Tam Tạng ở trang XVIII - XIX) theo dạng song ngữ gồm có phần Pāli văn ở trang số chẵn bên trái và lời dịch tiếng Việt đối xứng ở trang số lẻ kế liền ở bên phải. Phần Pāli văn được phiên âm từ Tam Tạng Pāli dưới dạng mẫu tự Sinhala thuộc ấn bản Buddha Jayanti Series của xứ quốc giáo Sri Lanka (Tích Lan).

#### CÁC CÔNG VIỆC CẦN ĐƯỢC TIẾN HÀNH:

1. Phiên âm Tam Tạng Pāli Sinhala của nước Sri Lanka sang mẫu tự La Tinh (abc) để tiện cho việc đọc, nghiên cứu, và học Phật của người Việt Nam.
2. Phiên dịch các tập Kinh Tiểu Bộ còn lại chưa được dịch sang tiếng Việt (gồm 10 tập): Mahānidāna (1 tập), Cullavāṇī (1 tập), Paṭisambhidāmagga (2 tập), Apadāna (3 tập), Buddhavaṃsa & Cariyāpiṭaka (1 tập), Nettipakaraṇa (1 tập) và Peṭakopadesaparaṇa (1 tập).
3. Trích lục phần Chánh Tạng ở bản dịch của các tập Kinh Trường Lão Tăng Kệ, Trường Lão Ni Kệ, Chuyện Thiên Cung, Chuyện Ngạ Quỷ, Chuyện Tiền Thân. Vì các tài liệu đang được lưu hành không phải là Chánh Kinh do đã được phiên dịch từ Aṭṭhakathā là các Chú Giải đã được thực hiện sau Chánh Tạng đến 1000 năm (cuối thế kỷ thứ 5 theo Tây lịch).
4. Ấn tổng Tạng Luật (9 tập), Tạng Vi Diệu Pháp (14 tập), và các tập còn lại của Tạng Kinh gồm có Trường Bộ Kinh (3 tập), Trung Bộ Kinh (3 tập), Tương Ưng Bộ Kinh (6 tập), Tăng Chi Bộ Kinh (6 tập), và 2 tập 28, 29 của Tiểu Bộ với những hiệu đính cần thiết để phù hợp với văn bản Pāli.

#### CÁC PHẦN VIỆC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN TẠI:

1. Đã phiên âm, phiên dịch, soạn thảo, và hoàn tất việc ấn tổng tập Kinh số 42: Buddhavaṃsa - Phật Sử & Cariyāpiṭaka - Hạnh Tạng.
2. Chuẩn bị để in bộ Kinh Paṭisambhidāmagga (2 tập) với tựa đề là Phân Tích Đạo.
3. Hiệu đính lại bản dịch tiếng Việt Tạng Luật (9 tập) và hoàn tất phần Pāli văn.
4. Bản dịch Apadāna (3 tập) đang được Đại Đức Brahmāpālita (Thạch Long Thịnh) tiến hành phiên dịch sơ khởi.

## CÁC KHÓ KHĂN ĐANG PHẢI ĐƯƠNG ĐẦU:

1. Về tài chánh: Chúng tôi không có đủ điều kiện về tài chánh luôn cả phương tiện để vận động cho công trình này. Vì thế, đành phải mạo muội thỉnh cầu chư Tôn Đức và các Phật Tử hữu tâm hoan hỷ hỗ trợ bằng cách phổ biến, vận động cho Công Trình Ấn Tổng Tam Tạng Song Ngữ Pāli - Việt tùy theo khả năng của quý vị, có tính cách dài hạn hoặc ngắn hạn, thường xuyên hoặc định kỳ, cúng dường hoặc thỉnh Kinh tạm ứng trước, v.v...

Trước mắt, bộ Kinh Patisambhidāmaggapakaraṇa (2 tập) với tựa đề là Phân Tích Đạo đã được hoàn tất bản thảo, (tập I là 500 trang và tập II là 300 trang khổ A 4). Chi phí in ấn dự kiến cần phải có là 5000 USD.

2. Về nhân sự: Việc phiên âm Tam Tạng từ mẫu tự Sinhala sang mẫu tự Latin thật ra không khó khăn lắm, tuy nhiên cần có sự kiên trì và chú tâm cao. Hiện nay, chúng tôi chỉ có một mình vị sư Candrabangsha người Bangladesh phụ trách phần việc này. Công việc tiến hành rất chậm vì vị sư này còn phải theo đuổi chương trình BA Phật Học. Nếu quý vị nào có thể học việc nhận dạng mẫu tự (xin xem Mẫu tự Pāli Sinhala ở trang XXIX) và phát tâm tham gia công việc phiên âm này, chúng tôi sẽ gửi những tài liệu cần thiết để quý vị tham khảo và tiến hành tại trú xứ của quý vị.

\*\*\*

Tóm lại, tập Kinh Buddhavaṃsa - Phật Sử & Cariyāpiṭaka - Hạnh Tạng này được thành tựu việc ấn tống và gửi biếu đến quý vị do công sức đóng góp tài chánh một số thí chủ hữu ân (Phương danh được ghi lại ở trang 369). Về dự án trong tương lai, chúng tôi chỉ xin đề nghị chư Tôn Đức và quý Phật Tử dành chút thời giờ suy nghĩ đến việc thiết yếu của TAM TẶNG SONG NGỮ PĀLI VIỆT trong sự nghiệp tu Phật của người Việt và xin hãy ra sức hỗ trợ cho CÔNG TRÌNH ẤN TỔNG này được tiến hành tốt đẹp. Quý vị có thể tham khảo thêm ở website: [www.metta.lk/tamtangpaliviet](http://www.metta.lk/tamtangpaliviet).

Mọi ý kiến phê bình và đóng góp về tài chánh xin liên hệ địa chỉ email sau:

[tamtangpaliviet@gmail.com](mailto:tamtangpaliviet@gmail.com) hoặc [tamtangpaliviet@yahoo.com](mailto:tamtangpaliviet@yahoo.com)

Thay lời kết, ngưỡng mong sự quan tâm và hỗ trợ về tâm linh cũng như về vật chất của chư Tôn Đức và quý Phật Tử ngõ hầu CÔNG TRÌNH ẤN TỔNG TAM TẶNG SONG NGỮ PĀLI - VIỆT sớm được thành tựu viên mãn.

Kính thư,

TM. Nhóm Ấn Tổng.

Inda canda.

Tỳ Khuru Indacanda. (Trương Đình Dũng)

Sri Jayawardhanaramaya.

291 Cotta Road, Borella,

Colombo 08, SRI LANKA

# THÔNG BÁO

## việc thực hiện Bộ Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại – Suu khảo

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng, Ni,

Kính thưa quý vị thức giả, quý văn thi sĩ,

Lên đên theo vận nước nổi trôi của dòng sử Việt cận đại, người Việt tỵ nạn chúng ta dù thiết tha yêu quê hương đất nước, nhưng cũng đành gạt lẹ ra đi vì không có đất sống ngay chính nơi quê Cha đất Tổ, do sự cai trị khắc nghiệt của chế độ độc tài cộng sản. Thế nhưng, cuộc hành trình lưu vong ở khắp nơi trên thế giới suốt ba thập niên qua, người Việt tỵ nạn, trong đó có chư Tăng, Ni và Phật tử, đã không quên nguồn cội và truyền thống văn hóa cao đẹp của mình, nên, đã không ngừng nỗ lực bảo lưu và phát triển di sản văn hóa của giống nòi trong mọi điều kiện của cuộc sống tha hương.

Những nỗ lực, thành quả quý giá ấy được trân quý và giữ gìn không những cho hiện tại mà còn ở mãi mai sau. Chính trong tâm niệm và nguyện vọng gìn giữ di sản quý báu đó, mà chúng tôi đã khởi sự thực hiện bộ *Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại - Suu Khảo*.

Bộ sách bao gồm ba phần chính:

- **Tổng Luận:** Một quan kiến bao quát đối với nền Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại suốt ba thập niên qua, từ bối cảnh lịch sử định hình đến giai đoạn phát triển đa dạng và phong phú như hiện nay.

- **Tác giả, dịch giả, văn thi sĩ và tác phẩm:** Sơ lược vài nét chính cuộc đời của tác giả, dịch giả, văn thi sĩ; liệt kê toàn bộ danh mục các tác phẩm, dịch phẩm bao gồm Kinh, Luật, Luận, khảo cứu, trước tác, biên soạn, dịch thuật, thơ, văn truyện ngắn và dài; trích đăng một vài sáng tác tiêu biểu do chính các tác giả, dịch giả, văn thi sĩ chọn lựa.

- Sinh hoạt báo chí và các trang web tại hải ngoại từ trước tới nay.

Với địa dư bao la rộng lớn của khắp mặt địa cầu, dù đã có sự tiếp trợ phương tiện kỹ thuật tin học qua các trang web, chúng tôi vẫn không thể vượt qua những khó khăn trong công tác thu thập đầy đủ các tài liệu cần thiết và liên lạc trực tiếp với các tác giả, dịch giả, văn thi sĩ v.v...

Để tránh những thiếu sót đáng tiếc có thể xảy ra và được vinh hạnh đón nhận sự có mặt của tất cả các bậc thức giả đã có công góp phần bảo vệ và phát huy văn học Phật Giáo Việt Nam hải ngoại trong bộ sách này, chúng tôi thành tâm kính mời sự góp mặt của chư liệt vị bằng cách xin gửi cho chúng tôi:

1. *Bản sơ lược tiểu sử,*
2. *Một tấm hình khổ 4 x 6 của tác giả, dịch giả và văn thi sĩ,*
3. *Bản liệt kê toàn bộ danh mục các tác phẩm, dịch phẩm, thi phẩm, tập truyện, xin ghi rõ nguyên tác nếu là dịch phẩm và năm xuất bản.*
4. *Bản liệt kê toàn bộ danh mục các bài viết, bài thơ, truyện chưa được in thành sách,*
5. *Trích gửi cho chúng tôi một vài bài tiêu biểu mà quý vị ưng ý nhất.*

Thời gian cuối cùng để chúng tôi thu nhận tài liệu là cuối năm dương lịch 2006.

Xin quý vị liên lạc và gửi tài liệu cho chúng tôi về địa chỉ sau:

Văn Học Phật Giáo Việt Nam Hải Ngoại - Suu khảo

4333 30th Street, San Diego, CA 92104 - USA

Điện thoại: (619) 283-7655

Email: chuaphatdasd@yahoo.com (Thích Nguyên Siêu)

Hoặc: quangkimhuynh@juno.com (Huỳnh Kim Quang)

Hoặc: vinhhao@vinhhao.net (Vĩnh Hào)

Chân thành kính tri ân sự đóng góp của quý liệt vị cho nền văn hóa dân tộc nói chung và nền văn học Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại nói riêng.

*California, ngày 22 tháng 8 năm 2006*

Thay mặt Ban Biên Tập

Chủ Biên

**Thích Nguyên Siêu**

# PHIẾU BẢO TRỢ VÀ ỦNG HỘ DÀI HẠN TẠP CHÍ PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG

## 1) BẢO TRỢ:

*Xin chọn một trong những ô trống sau đây:*

- Mỗi tháng: \_\_\_\_ (\_\_\_), \$25 (\_\_\_), \$50 (\_\_\_), \$100 (\_\_\_), \$200 (\_\_\_).

*Và chọn thời gian bảo trợ:*

Ba tháng (\_\_\_), Nửa năm (\_\_\_), Một năm (\_\_\_), Hai năm (\_\_\_), Ba năm (\_\_\_)

## 2) ỦNG HỘ DÀI HẠN:

*(Bảo trợ ấn phí, cước phí, không phải mua báo, vì báo không để giá bán)*

\* *Tại Hoa Kỳ:* Một năm: \$75 (\_\_\_) | Hai năm: \$120 (\_\_\_).

\* *Tại Canada:* Một năm: \$90 (\_\_\_) | Hai năm: \$160 (\_\_\_). *(first class)*

\* *Âu, Úc, Á:* Một năm: \$140 (\_\_\_) | Hai năm: \$270 (\_\_\_). *(first class)*

**Đính kèm ngân/chi phiếu số: \_\_\_\_\_ với số tiền bảo trợ/ủng hộ: \$ \_\_\_\_\_**

**Địa chỉ người bảo trợ / ủng hộ (để liên lạc, gửi báo):**

Họ và tên \_\_\_\_\_ Pháp danh: \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_ Thành phố: \_\_\_\_\_

\_\_\_\_\_ Telephone (không bắt buộc): \_\_\_\_\_

**Bài vở, ý kiến đóng góp, chi phiếu ủng hộ xin gửi về:**

HAO VINH

P.O. Box 374

Midway City, CA 92655 – USA

Email: [vinhhao@vinhhao.net](mailto:vinhhao@vinhhao.net) hoặc [phuongtroicaorong@vinhhao.net](mailto:phuongtroicaorong@vinhhao.net)

**Ủng hộ tài chánh cũng có thể chuyển (deposit) thẳng vào trương mục:**

HAO VINH

Account # : 09325-47111

Bank of America, CA7-147-01-01

13952 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92683 – USA

(Wire): Routing # 121 000 358